CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở:

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY"

Địa điểm: Xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Hà Nội, tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

----♦--------📖--------♦----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của Cơ sở:
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY"

Địa điểm: Xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Hồng Thái

Hà Nội, tháng năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU v
DANH MỤC HÌNH ẢNH vii
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1
1.1. Thông tin về chủ cơ sở 1
1.2. Thông tin về cơ sở 1
1.2.1. Tên Cơ sở 1
1.2.2. Địa điểm hoạt động của cơ sở 1
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án 3
1.2.4. Quy mô của cơ sở 3
1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường 3
1.2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ 3
1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư 3
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 4
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 4
1.3.2.1. Quy trình công nghệ sản xuất xi măng 5
1.3.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất gạch không nung 8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 10
1.4. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 10
1.4.1. Máy móc thiết bị của cơ sở 10
1.4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất của cơ sở 15
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở trong quá trình hoạt động 16
1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện trong quá trình hoạt động của cơ sở 16
1.4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước trong quá trình hoạt động của cơ sở 16
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 20
1.5.1. Các công trình hạng mục của cơ sở 20
1.5.2. Lịch sử hoạt động của cơ sở 22
1.5.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường 23
1.5.4. Các hồ sơ pháp lý liên quan đến báo cáo mà chủ cơ sở đã thực hiện 24
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 26
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 26
2.1.1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia 26
2.1.2. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội 26

2.1.3. Đánh giá sự phù hợp với phân vùng môi trường 26
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....27
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 28
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 28
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 28
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 30
3.1.3. Xử lý nước thải.....33
3.1.3.1. Bể tự hoại 33
3.1.3.2. Bể tách mỡ: 34
3.1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải 35
3.1.3.4. Hệ thống xử lý và tuần hoàn nước làm mát.....43
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 45
3.2.1. Công trình thu gom bụi, khí thải trước khi xử lý 45
3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 47
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....52
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....52
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....53
3.3.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....53
3.3.2.2. Chất thải rắn khác 54
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 57
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....60
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:.....62
3.6.1. Rủi ro, sự cố cháy nổ, PCCC 62
3.6.2. Biện pháp ứng phó rủi ro, sự cố tai nạn giao thông 65
3.6.3. Biện pháp đề phòng sự cố về điện 65
3.6.4. Rủi ro, sự cố sấm sét 66
3.6.5. Biện pháp ứng phó sự cố hỏng, vỡ các công trình xử lý nước thải, hệ thống XLNT 66
3.6.6. Biện pháp ứng phó đối với sự cố của hệ thống xử lý khí thải 68
3.6.7. Ứng phó sự cố liên quan đến hóa chất 70
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 71
3.7.1. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực 71
3.7.2. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội 71
3.7.3. Giảm thiểu tác động của vi khí hậu trong môi trường lao động 72
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được cấp của nhà máy 73
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.74
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 74

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải 74
4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải 74
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 75
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải 75
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải 75
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 76
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải 78
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 79
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 79
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 80
5.2.1. Tổng hợp thông tin về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt 80
5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở 80
5.2.3. Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải 82
5.2.4. Thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải 82
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải 82
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải 84
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở: 84
CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 85
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 85
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 85
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 86
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 87
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 87
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 88
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm. 88
CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 89
PHỤ LỤC BÁO CÁO 90

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCT	Bộ Công thương
BGTVT	Bộ Giao thông Vận tải
BOD	Nhu cầu oxi sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ xây dựng
CCNB	Loại giấy tấm bìa tráng phủ đất sét
CĐT	Chủ đầu tư
CO	Cacbon monoxit
COD	Nhu cầu oxi hóa học
CP	Cổ phần
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCN	Chất thải rắn công nghiệp
CTNH	Chất thải nguy hại
XLNT	Xử lý nước thải tập trung
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
ND - CP	Nghị định - Chính phủ
NO_X	Oxit Nito
NQ	Nghị quyết
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXD	Quy chuẩn xây dựng
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
QL	Đường quốc lộ
SO_2	Lưu huỳnh đioxit
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TSP	Tổng hàm lượng bụi lơ lửng trong không khí
VBHN	Văn bản hợp nhất
VBQH	Văn bản Quốc hội
VSMT	Vệ sinh môi trường
WHO	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của cơ sở....4
Bảng 1.2. Máy móc thiết bị sử dụng trong quy trình sản xuất....10
Bảng 1.3. Nguyên vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất....15
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng điện thực tế trong quá trình hoạt động của cơ sở....16
Bảng 1.5. Các công trình hạng mục hiện trạng của cơ sở....20
Bảng 1.6. Các hồ sơ pháp lý liên quan đến báo cáo mà chủ cơ sở đã thực hiện....24
Bảng 3.1. Quy mô khối lượng hệ thống thoát nước mưa của cơ sở....28
Bảng 3.2. Điểm xả nước mưa của cơ sở....29
Bảng 3.3. Khối lượng hạng mục hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở....31
Bảng 3.4. Tọa độ điểm đấu nối thoát nước thải....33
Bảng 3.5. Số lượng, kích thước thông số kỹ thuật của các bể tự hoại....34
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật xây dựng bể tách mỡ....35
Bảng 3.7. Kích thước của hệ thống xử lý nước thải....39
Bảng 3.8. Một số thông tin thiết kế, kỹ thuật và máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải....40
Bảng 3.9. Hạng mục và thông số kỹ thuật của hệ thống làm mát....45
Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom bụi, khí thải của cơ sở....46
Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật của các thiết bị lọc bụi túi vải....48
Bảng 3.12. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải....50
Bảng 3.13. Thành phần khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh....53
Bảng 3.14. Lượng bùn phát sinh từ các bể tự hoại....55
Bảng 3.15. Khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải....56
Bảng 3.16. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở....58
Bảng 3.17. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tại các thiết bị lọc bụi túi vải....69
Bảng 3.18. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được cấp của nhà máy....73
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải 74
Bảng 4.2. Dòng khí thải và vị trí xả thải....76
Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của khí thải....76
Bảng 4.4. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn độ rung....77
Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh....77
Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung phát sinh....77
Bảng 4.7. Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh....78
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt của cơ sở hoạt trong năm 2023 và năm 2024....80
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất của cơ sở hoạt trong năm 2023 và năm 2024....81

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh của năm 2023 và năm 2024 của cơ sở 83
Bảng 5.4. Tổng hợp tình hình phát sinh các loại chất thải tại cơ sở trong năm 2023 và 2024 84
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.....85
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải của dự án.....86
Bảng 6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường.....88

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí hoạt động của Cơ sở....2
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xi măng....5
Hình 1.3. Một số hình ảnh khu vực sản xuất xi măng....7
Hình 1.4. Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch không nung....8
Hình 1.5. Khu vực xưởng sản xuất gạch không nung....9
Hình 1.6. Minh họa các loại sản phẩm sản xuất của cơ sở....10
Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng lượng nước sử dụng tối đa trong quá trình hoạt động của cơ sở....19
Hình 1.8. Khuân viên của nhà máy....22
Hình 1.9. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự của dự án trong giai đoạn hoạt động....24
Hình 3.1. Hệ thống thu gom thoát nước mưa....28
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở....30
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại....33
Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại....33
Hình 3.5. Cấu tạo bể tách mỡ tại nhà bếp của cơ sở....34
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở....36
Hình 3.7. Cấu tạo hệ thống xử lý nước thải....39
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn nước làm mát....44
Hình 3.9. Bể chứa nước làm mát của Cơ sở....44
Hình 3.10. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi của cơ sở....47
Hình 3.11. Cấu tạo của thiết bị lọc bụi túi vải....47
Hình 3.12. Hình ảnh một số hệ thống lọc bụi tại cơ sở....51
Hình 3.13. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt....53
Hình 3.14. Xe gom rác thải sinh hoạt của nhà máy....53
Hình 3.15. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường....54
Hình 3.16. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở....60
Hình 3.17. Sơ đồ khối phương án thu gom CTNH....60
Hình 3.18. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ của nhà máy....64

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Thông tin về chủ cơ sở

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh:

TIÊN SƠN CEMEN JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

- Điện thoại: 0913 357 357;

- Người đại diện theo pháp luật của công ty:

+ Họ và tên: NGUYỄN HỒNG THÁI Giới tính: Nam

+ Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

+ Sinh ngày: 28/08/1968 Quốc tịch: Việt Nam

+ Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Thẻ căn cước công dân

+ Số giấy tờ pháp lý cá nhân: 001068014825

+ Địa chỉ thường trú: Phố Quang Trung, Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500237920 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 1 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp (Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đính kèm phụ lục số I của báo cáo).

1.2. Thông tin về cơ sở

1.2.1. Tên Cơ sở

- Tên cơ sở: **"NHÀ MÁY SẢN XUẤT - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY"** *(sau đây gọi tắt là Cơ sở/Nhà máy)*.

1.2.2. Địa điểm hoạt động của cơ sở

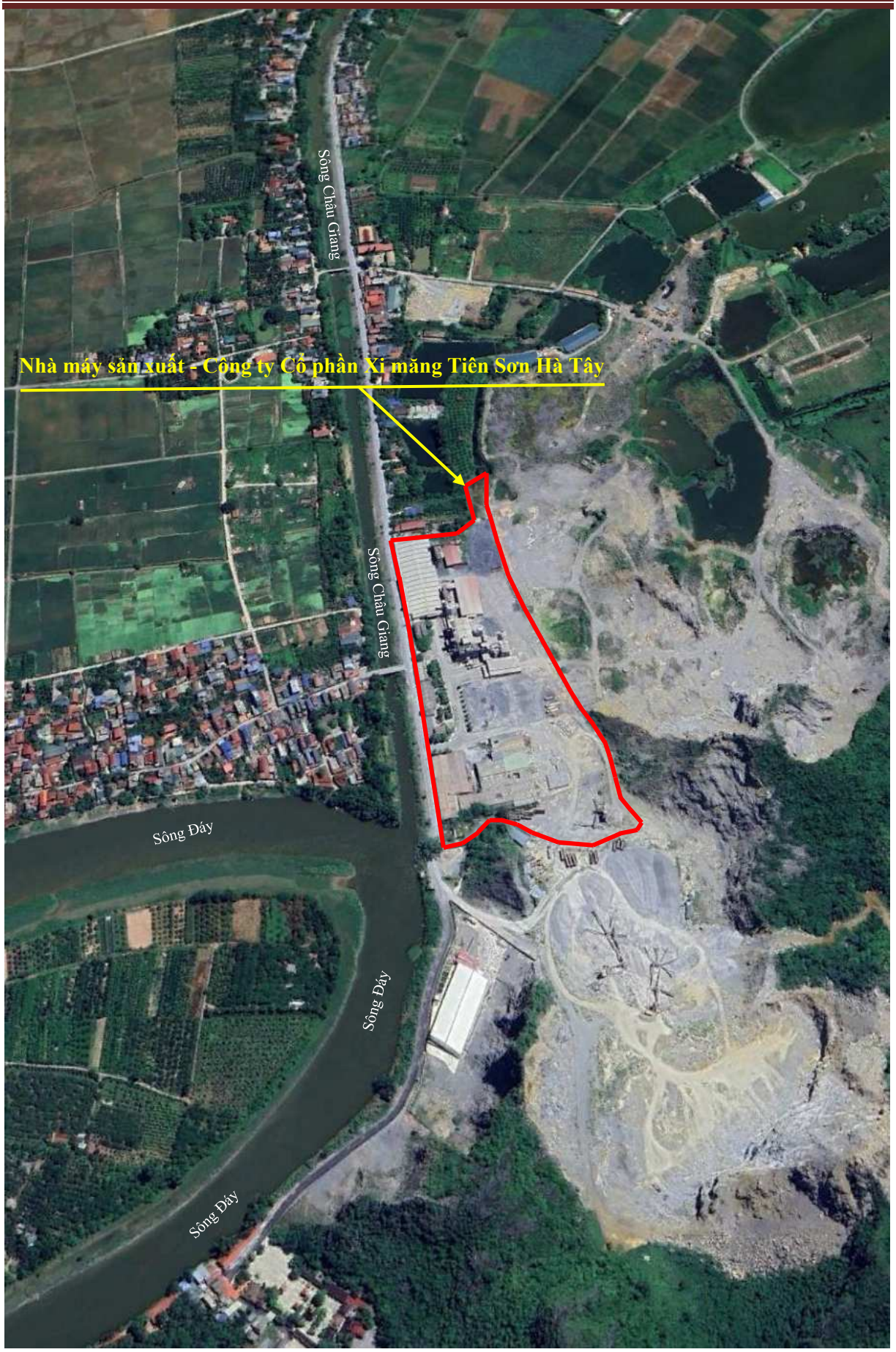
- Địa điểm hoạt động của cơ sở: Xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Khu đất có tổng diện tích là 47.609,31 m^2. Vị trí tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp với tỉnh Hà Nam;

+ Phía Tây giáp với đường xã Bình Lưu Quang;

+ Phía Nam Giáp với khu đất trống;

+ Phía Bắc giáp với Khu dân cư xã Bình Lưu Quang.



Hình 1.1. Vị trí hoạt động của Cơ sở

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Văn bản số 2027/BXD-VLXD ngày 28/04/2020 của Bộ xây dựng về việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn;

- Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/02/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây".

1.2.4. Quy mô của cơ sở

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc Nhóm C (dự án sản xuất vật liệu) có tổng mức đầu tư dưới 160 tỷ đồng quy định tại khoản 2 điều 11 của luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

- Quy mô diện tích sử dụng đất của dự án/cơ sở: Tổng diện tích sử dụng đất của Cơ sở là 47.609,31 m^2 (≈ 4,76 ha) => Cơ sở có quy mô diện tích sử dụng đất nhỏ.

1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ khoản 6, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi bổ sung khoản 4 điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) Cơ sở không thuộc nhóm dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

1.2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" hoạt động sản xuất xi măng (không có công đoạn sản xuất Clinker) và sản xuất gạch không nung - không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư

- Cơ sở thuộc Dự án đầu tư Nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại cột (2) số thứ tự 2, Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

=> Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở được viết theo mẫu quy định tại Phụ lục X "Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động" theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" đã được đầu tư đồng bộ từ công đoạn nhập clinker, thạch cao, cát, phụ gia đến các công đoạn nghiền, trộn, đóng bao và xuất bán sản phẩm với quy mô được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Loại hình sản xuất	Đơn vị	Công suất sản xuất		Phần trăm công suất đã đạt được
			Theo thiết kế (lớn nhất)	Thực tế sản xuất năm 2024	
1	Sản xuất xi măng	Tấn/năm	120.000	108.000	90%
2	Sản xuất Gạch không nung	Viên/năm	10.000.000	7.800.000	78%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây)

Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy:

- Số lượng tối đa: 200 người;

- Số lượng hiện tại (thống kê thực tế tại cơ sở): 70 người.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

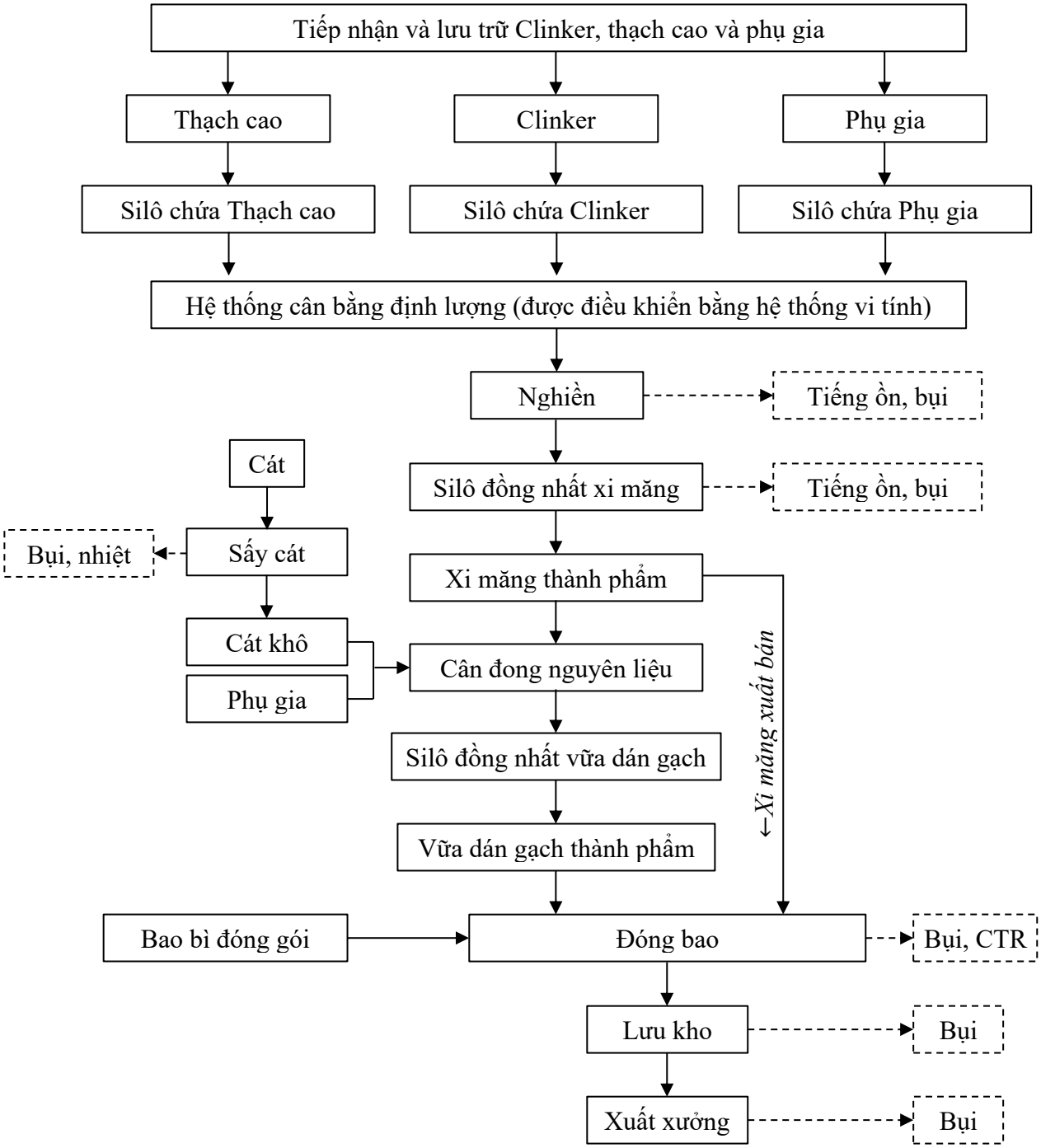
- Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/2/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở, Chủ cơ sở đăng ký hoạt động sản xuất với 04 (bốn) loại hình sản xuất chính bao gồm: ① - Quy trình sản xuất xi măng; ② - Quy trình sản xuất gạch không nung; ③ - Quy trình tái chế sắt, phế liệu và ④ - Chế biến đá.

- Căn cứ Nghị quyết số 112/2022/NQ-HĐQT ngày 01/12/2022 của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định ngừng hoạt động kinh doanh các lĩnh vực: Sản xuất, chế biến đá và tái chế sắt phế liệu tương ứng với lược bỏ hai quy trình sản xuất bao gồm ③ - Quy trình tái chế sắt, phế liệu và ④ - Chế biến đá.

=> Hiện tại cơ sở chỉ thực hiện hoạt động với 02 (hai) quy trình sản xuất bao gồm: ① - Quy trình sản xuất xi măng (không có công đoạn sản xuất clinker) và ② - Quy trình sản xuất gạch không nung, cụ thể quy trình công nghệ sản xuất như sau:

1.3.2.1. Quy trình công nghệ sản xuất xi măng

Quy trình sản xuất xi măng của cơ sở được trình bày theo sơ đồ sau:



Chú thích:

⟶: Dòng sản phẩm; - - - -▸: Dòng thải.

Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất xi măng

➢ Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất xi măng:

- Tiếp nhận và lưu trữ các nguyên vật liệu sản xuất: Các loại nguyên liệu đầu vào bao gồm: Clinker (được mua từ nhà máy sản xuất clinker), Thạch cao (để điều chỉnh thời gian đông kết của xi măng), và Phụ gia khoáng như đá vôi, puzzolan,… được mua

và vận chuyển về nhà máy bằng xe bồn, tàu, băng tải. Sau đó được đổ vào phễu tiếp nhận rồi chuyển vào silô chứa đối với từng loại.

- Cân định lượng và phối trộn nguyên liệu: Hệ thống cân bằng định lượng (được điều khiển bằng vi tính) sẽ cân clinker, thạch cao và các phụ gia theo tỷ lệ thiết kế. Sau đó, các nguyên liệu này được phối trộn sơ bộ để chuẩn bị đưa vào nghiền.

- Nghiền: Hỗn hợp clinker, thạch cao và phụ gia được đưa vào máy nghiền để tạo ra bột min xi măng đạt yêu cầu về độ mịn và tính chất cơ lý.

- Đồng nhất xi măng: Xi măng sau khi nghiền được chuyển đến silo đồng nhất để lưu trữ tạm thời và ổn định thành phần. Silô này giúp xi măng đạt được chất lượng đồng đều trước khi đóng bao.

- Xi măng thành phẩm sẽ được đóng gói 1 phần, 1 phần được đưa đến công đoạn sản xuất vữa dán gạch, tại đây cùng với xi măng, các nguyên liệu bao gồm cát khô (đã sấy) và một số phụ gia được cân theo định lượng, hỗn hợp nguyên liệu được phối trộn tạo hỗn hợp đồng nhất là vữa dán gạch thành phẩm.

- Đóng bao: Xi măng và vữa dán gạch thành phẩm được rút từ silô đồng nhất qua hệ thống đóng bao tự động (trung bình 1 bao khoảng 50kg).

- Xuất xưởng: Các sản phẩm được xuất theo đơn hàng bằng xe tải, xe bồn hoặc container, đại lý phân phối sẽ trực tiếp đến nhà máy để lấy hoặc vận chuyển trực tiếp đến các công trường đang thi công xây dựng.

➢ Tác động môi trường phát sinh:

- Bụi: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn nghiền nguyên liệu, silô đồng nhất xi măng, sấy cát, đóng bao và một số hoạt động vận chuyển xuất nhập nguyên liệu và sản phẩm.

- Tiếng ồn: Phát sinh chủ yếu tại công đoạn nghiền, đồng nhất xi măng và hoạt động vận chuyển xuất nhập xi măng ra vào khu vực nhà máy.

- Nhiệt lượng: Chủ yếu phát sinh từ máy sấy và máy nghiền.

- Chất thải rắn thông thường: Thành phần chủ yếu là một số vụn bao bì, dây buộc phát sinh tại công đoạn đóng bao. Tuy nhiên bao gói được nhập sẵn và được đóng gói theo dây chuyền nên khối lượng phát sinh không lớn.

- Chất thải nguy hại (CTNH): Phát sinh dầu thải và giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình làm mát máy móc thiết bị, lượng nước này không thải trực tiếp ra ngoài môi trường mà được tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ.

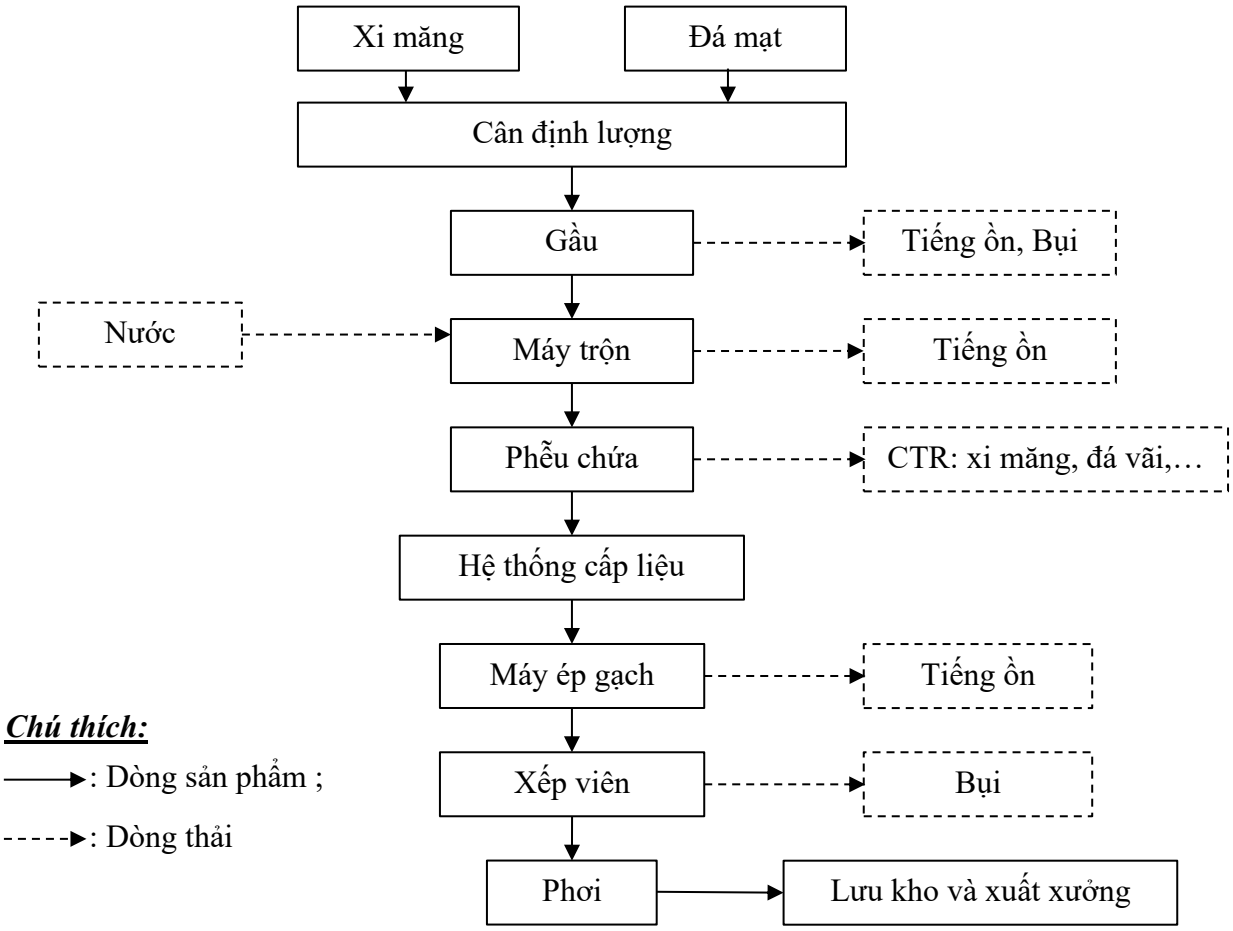
➢ Một số hình ảnh tại quy trình sản xuất xi măng:



Hình 1.3. Một số hình ảnh khu vực sản xuất xi măng

1.3.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất gạch không nung

Quy trình sản xuất gạch không nung của cơ sở được trình theo sơ đồ sau:



Hình 1.4. Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch không nung

➢ Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất gạch không nung:

Quy trình sản xuất là quy trình khép kín tự động hóa. Nguyên liệu sản xuất gạch không nung là đá mạt (chiếm 88%), xi măng (chiếm 2%) và nước trộn đều trong máy trộn liệu.

- Xi măng được đựa đến cân bằng vít tải để xác định khối lượng đầu vào phù hợp.

- Đá mặt được đưa qua phễu mạt để lọc kích thước đá thích hợp để làm gạch, sau khi qua phếu mạt, băng tải mạt và băng ke đua lượng đá này đến cân để đong đo khối lượng phù hợp với tỷ lệ đã định.

- Đá mạt và xi măng được đựa tới gầu chung để đưa vào máy trộn.

- Máy trộn thực hiện đảo trôn với xi măng. Trong quá trình đảo trộn nước được đưa vào làm ướt nguyên liệu.

- Sau khi qua máy trộn, hỗn hợp xi măng, đá và nước được chuyển xuống phễu chứa và đưa đến hệ thống cấp liệu để phối trộn thêm các phụ gia cần thiết.

- Hỗn cuối được đưa đến máy ép. Tại đây hỗn hợp được ép thành khối theo kích thước đã thiết kế tạo thành gạch ướt.

- Gạch ướt được xếp trên các giá và phơi tại sân phơi của nhà máy để làm khô tự nhiên.

➢ Tác động môi trường phát sinh:

- Bụi: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn đảo trộn, vận chuyển nguyên liệu và một số hoạt động xuất nhập ra vào khu vực khác.

- Tiếng ồn: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc và hoạt động vận chuyển xuất nhập xi măng ra vào khu vực nhà máy.

- Chất thải rắn thông thường: Thành phần chủ yếu là xi măng và đá mặt rơi vãi, tuy nhiên sau mỗi ca làm việc các loại chất thải này sẽ được thu gom tận dụng luôn để làm nguyên liệu trong quá trình sản xuất này.

- Chất thải nguy hại (CTNH): Phát sinh dầu thải và giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình làm mát máy móc thiết bị, lượng nước này không thải trực tiếp ra ngoài môi trường mà được tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ.

➢ Một số hình ảnh khu vực sản xuất gạch không nung:



Hình 1.5. Khu vực xưởng sản xuất gạch không nung

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" bao gồm: Xi măng xây trát, xi măng PCB 30, xi măng PCB 40 và Gạch không nung.

- Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở:



Hình 1.6. Minh họa các loại sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.4. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Máy móc thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1.2. Máy móc thiết bị sử dụng trong quy trình sản xuất

STT	Tên máy móc thiết bị	Hãng sản xuất	Ký, mã hiệu	Số lượng	Tình trạng
I	**Máy móc thiết bị sử dụng cho quy trình sản xuất xi măng**				
I.1	**Cụm nạp liệu**				
1	Gầu tải nạp số 1	Trung Quốc	NL.NE1	1	HĐBT

2	Gầu tải nạp số 2	Trung Quốc	NL.NE2	1	HĐBT
3	Gầu tải nạp số 3	Trung Quốc	NL.NE3	1	HĐBT
4	Gầu tải nạp số 4	Trung Quốc	NL.TH350	1	HĐBT
5	Băng tải nạp số 1	Trung Quốc	NL.BC1	1	HĐBT
6	Băng tải nạp số 2	Trung Quốc	NL.BC2	1	HĐBT
7	Băng tải nạp số 3	Việt Nam	NL.BC3	1	HĐBT
8	Hút bụi nóc silô số 1	Trung Quốc	NL.BF1.LCB	1	HĐBT
9	Hút bụi nóc silô số 2	Trung Quốc	NL.BF2.LCB	1	HĐBT
10	Hút bụi phuễ nạp clinker	Trung Quốc	NL.BF3.LCB	1	HĐBT
I.2	**Máy nghiền số 1**				
1	Cân thạch cao	Trung Quốc	MN1.WF1	1	HĐBT
2	Cân đá mạt	Trung Quốc	MN1.WF2	1	HĐBT
3	Cân xỉ	Trung Quốc	MN1.WF3	1	HĐBT
4	Cân đá bazan	Trung Quốc	MN1.WF4	1	HĐBT
5	Cân clinker	Trung Quốc	MN1.WF5	1	HĐBT
6	Băng tải cấp liệu	Trung Quốc	MN1.BC	1	HĐBT
7	Máy nghiền bi	Trung Quốc	MN1.BM	1	HĐBT
8	Gầu tải số 1	Trung Quốc	MN1.TH1	1	HĐBT
9	Gầu tải số 2	Việt Nam	MN1.TH2	1	HĐBT
10	Máy phân ly	Trung Quốc	MN1.VS	1	HĐBT
11	Lọc bụi	Trung Quốc	MN1.BLF.LCB	1	HĐBT
12	Máng hồi	Trung Quốc	MN1.AS1	1	HĐBT
13	Máng cấp vào gầu tải 2	Trung Quốc	MN1.AS2	1	HĐBT
14	Máng cấp vào silô	Trung Quốc	MN1.AS3	1	HĐBT
15	Tủ điều khiển cân băng	Trung Quốc	MN1.TĐ.CB	1	HĐBT
16	Tủ điều khiển hạ thế	Trung Quốc	MN1.TĐ.HT	1	HĐBT
17	Tủ khởi động máy nghiền	Trung Quốc	MN1.TĐ.CT	1	HĐBT
I.3	**Máy nghiền số 2**				
1	Cân thạch cao	Trung Quốc	MN2.WF1	1	HĐBT
2	Cân đá mạt	Trung Quốc	MN2.WF2	1	HĐBT
3	Cân xỉ	Trung Quốc	MN2.WF3	1	HĐBT
4	Cân đá bazan	Trung Quốc	MN2.WF4	1	HĐBT
5	Cân clanhke số 1	Trung Quốc	MN2.WF5	1	HĐBT
6	Cân clanhke số 2	Trung Quốc	MN2.WF6	1	HĐBT
7	Băng tải cấp liệu số 1	Trung Quốc	MN2.BC4	1	HĐBT
8	Băng tải cấp liệu số 2	Trung Quốc	MN2.BC5	1	HĐBT
9	Băng tải trung giam thạch cao	Trung Quốc	MN2.BC6	1	HĐBT
10	Máy nghiền bi	Trung Quốc	MN2.BM1	1	HĐBT
11	Gầu tại số 1	Trung Quốc	MN2.BE2	1	HĐBT
12	Trạm tưới dầu bạc đầu vào	Trung Quốc	MN2. TDB1	1	HĐBT

13	Trạm tưới dầu bạc đầu ra	Trung Quốc	MN2.TDB2	1	HĐBT
14	Trạm dầu động cơ	Trung Quốc	MN2.TDĐC	1	HĐBT
15	Trạm dầu hộp số	Trung Quốc	MN2.TDHS	1	HĐBT
16	Máy phân ly	Trung Quốc	MN2.SP1	1	HĐBT
17	Lọc bụi túi	Trung Quốc	MN2.BF1.LCB	1	HĐBT
18	Gầu tải số 2	Trung Quốc	MN2.BE2	1	HĐBT
19	Gầu tải số 3	Trung Quốc	MN2.BE3	1	HĐBT
20	Máng khí hồi	Trung Quốc	MN2.AS1	1	HĐBT
21	Máy khí đáy hút bụi	Trung Quốc	MN2.AS2	1	HĐBT
22	Máng khí cấp gầu tải số 2	Trung Quốc	MN2.AS3	1	HĐBT
23	Máng khí cấp gầu tải số 3	Trung Quốc	MN2.AS4	1	HĐBT
24	Tủ điều khiển động cơ nghiền	Trung Quốc	MN2.TĐ ĐC	1	HĐBT
25	Tủ điều khiển động cơ quạt	Trung Quốc	MN2.TĐ Q	1	HĐBT
26	Tủ phân phối điện hạ thế	Trung Quốc	MN2.TĐ HT	1	HĐBT
27	Hệ thống bơm nước	Trung Quốc	MN2. BN	1	HĐBT
I.4	**Cụm đóng bao**				
I.4.1	**Máy đóng bao số 1 (4 vòi)**				
1	Máng cấp liệu số 1(silô 15,16)	Trung Quốc	ĐB4.AS1	1	HĐBT
2	Máng cấp liệu số 2 (silô 17,18,19)	Trung Quốc	ĐB4.AS2	1	HĐBT
3	Gầu tải	Trung Quốc	ĐB4.TH 315	1	HĐBT
4	Máng cấp liệu số 3 (gầu tải đến sáng rung)	Trung Quốc	ĐB4.AS3	1	HĐBT
5	Sàng rung	Trung Quốc	ĐB4. VS	1	HĐBT
6	Van cấp liệu	Trung Quốc	ĐB4. RF	1	HĐBT
7	Máy đóng bao	Trung Quốc	ĐB4. BM1	1	HĐBT
8	Băng tải ra bao	Trung Quốc	ĐB4.BC1	1	HĐBT
9	Hệ thống làm sạch	Trung Quốc	ĐB4.CL	1	HĐBT
10	Băng tải ngang	Trung Quốc	ĐB4. BC2	1	HĐBT
11	Băng tải xuất bao	Trung Quốc	ĐB4.BC3	1	HĐBT
12	Tủ phân phối điện	Trung Quốc	ĐB4.TĐ	1	HĐBT
13	Hệ thống hút bụi	Trung Quốc	ĐB4.BF.LCB	1	HĐBT
I.4.2	**Máy đóng bao số 2 (8 vòi)**				
1	Máng cấp liệu (silô 20)	Trung Quốc	ĐB8.AS1	1	HĐBT
2	Máng cấp liệu (silô 17,18,19)	Trung Quốc	ĐB8.AS2	1	HĐBT
3	Gầu tải	Trung Quốc	ĐB8.TH 400	1	HĐBT
4	Máng cấp liệu (gầu tải đến sàng rung)	Trung Quốc	ĐB8.AS3	1	HĐBT
5	Sàng rung	Trung Quốc	ĐB8.VS	1	HĐBT
6	Van cấp liệu	Trung Quốc	ĐB8.RF	1	HĐBT
7	Máy đóng bao	Trung Quốc	ĐB8.BM2	1	HĐBT

8	Băng tải ra bao	Trung Quốc	ĐB8.BC1	1	HĐBT
9	Hệ thống làm sạch	Trung Quốc	ĐB8.CL	1	HĐBT
10	Băng tải ngang	Trung Quốc	ĐB8.BC3	1	HĐBT
11	Băng tải xuất bao	Trung Quốc	ĐB8.BC3	1	HĐBT
12	Hệ thống hút bụi	Trung Quốc	ĐB8.BF.LCB	1	HĐBT
I.5	**Cụm máy trộn**				
1	Vít cấp liệu số 1	Trung Quốc	MTR. VS 1	1	HĐBT
2	Vít cấp liệu số 2	Trung Quốc	MTR. VS 2	1	HĐBT
3	Vít cấp liệu số 3	Trung Quốc	MTR. VS 3	1	HĐBT
4	Vít cấp liệu số 4	Trung Quốc	MTR. VS 4	1	HĐBT
5	Vít cấp liệu số 5	Trung Quốc	MTR. VS 5	1	HĐBT
6	Hệ thống cân số 1	Trung Quốc	MTR.WF1	1	HĐBT
7	Hệ thống cấn số 2	Trung Quốc	MTR.WF2	1	HĐBT
8	Máy trộn	Trung Quốc	MTR. MT	1	HĐBT
9	Tủ phân phối điện	Trung Quốc	MTR .TĐ	1	HĐBT
10	Máy nén khí	Trung Quốc	MTR. NK	1	HĐBT
11	Gầu tải	Trung Quốc	MTR.TH 400	1	HĐBT
I.6	**Cụm máy đá**				
1	Kẹp hàm	Trung Quốc	MĐ.KH	1	HĐBT
2	Băng tải bây	Trung Quốc	MĐ. BC1	1	HĐBT
3	Băng tải cấp lên máy búa	Trung Quốc	MĐ. BC2	1	HĐBT
4	Máy búa	Trung Quốc	MĐ. BU	1	HĐBT
5	Băng tải đá hỗn hợp	Trung Quốc	MĐ. BC3	1	HĐBT
6	Sàng cấp liệu đầu vào	Trung Quốc	MĐ.SCL	1	HĐBT
I.7	**Cụm máy sấy** (sử dụng dầu DO)				
1	Phuễ liệu ướt	Trung Quốc	SA.01	1	HĐBT
2	Sàng lồng lọc rác đầu vào	Trung Quốc	SA.02	1	HĐBT
3	Băng cấp liệu 1	Trung Quốc	SA.03	1	HĐBT
4	Phuễ chứa liệu	Trung Quốc	SA.04	1	HĐBT
5	Băng cấp liệu 2	Trung Quốc	SA.05	1	HĐBT
6	Gầu tải	Trung Quốc	SA.06	1	HĐBT
7	Lò đốt	Trung Quốc	SA.07	1	HĐBT
8	Tang sấy	Trung Quốc	SA.08	1	HĐBT
9	Gầu tải	Trung Quốc	SA.09	1	HĐBT
10	Sàng rung	Trung Quốc	SA.10	1	HĐBT
11	Sàng xác xuất độ chính xác cao	Trung Quốc	SA.11	1	HĐBT
12	Bộ thu bụi dạng xung	Trung Quốc	SA.12	1	HĐBT
13	Vít tải đáy lọc bụi	Trung Quốc	SA.13	1	HĐBT
14	Tủ phân phối điện	Trung Quốc	SA.14	1	HĐBT
I.8	**Cụm trộn**				

1	Xilo chứa nguyên liệu	Trung Quốc	TR.01	9	HĐBT
2	Phuễ chứa cát dầu vào	Trung Quốc	TR.02	1	HĐBT
3	Băng tải gầu : NE50-28m	Trung Quốc	TR.03	1	HĐBT
4	Băng tải gầu 1	Trung Quốc	TR.04	1	HĐBT
5	Vít tải dẫn liệu vào xilo	Trung Quốc	TR.05	4	HĐBT
6	Vít tải đáy xilo vào cân	Trung Quốc	TR.06	4	HĐBT
7	Vít tải đáy xilo vào cân	Trung Quốc	TR.07	8	HĐBT
8	Cân định lượng	Trung Quốc	TR.08	4	HĐBT
9	Hệ thống khử bụi máy chính	Trung Quốc	TR.09	2	HĐBT
10	Phuễ nạp thủ công	Trung Quốc	TR.10	2	HĐBT
11	Máy trộn 2 trục	Trung Quốc	TR.11	2	HĐBT
12	Khoang chứa liệu thành phẩm	Trung Quốc	TR.12	2	HĐBT
13	Vít cấp liệu đóng bao Jumbo	Trung Quốc	TR.13	2	HĐBT
14	Vít tải khoảng thành phẩm	Trung Quốc	TR.14	2	HĐBT
15	Máy đóng bao	Trung Quốc	TR.15	4	HĐBT
16	Băng tải nhận bao	Trung Quốc	TR.16	1	HĐBT
17	Băng tải góc	Trung Quốc	TR.17	1	HĐBT
18	Băng tải neo	Trung Quốc	TR.18	1	HĐBT
19	Băng tải làm sạch bao	Trung Quốc	TR.19	1	HĐBT
20	Băng tải ép bao	Trung Quốc	TR.20	1	HĐBT
21	Băng tải chờ gắp bao	Trung Quốc	TR.21	1	HĐBT
22	Máy xếp bao robot	Trung Quốc	TR.22	1	HĐBT
23	Hút bụi máy máy đóng bao	Trung Quốc	TR.23	1	HĐBT
24	Cân phụ gia	Trung Quốc	TR.24	1	HĐBT
II	**Máy móc thiết bị sử dụng cho quy trình sản xuất gạch không nung**				
II.1	**Dây truyền số 1**				
1	Băng tải cấp liệu số 1	Việt Nam	B500x14m	1	HĐBT
2	Phuễ chứa nguyên liệu	Việt Nam		1	HĐBT
3	Băng trải số 1	Trung Quốc	B500 x2.5m	2	HĐBT
4	Băng tải số 2	Trung Quốc	B500 x6m	1	HĐBT
5	Băng tải cân cấp liệu đầu vào	Trung Quốc	B500x1.4m	1	HĐBT
6	Silô chứa xi măng	Việt Nam	Silô 50 tấn	1	HĐBT
7	Vít tải cấp xi măng	Trung Quốc	VT Ø 250	1	HĐBT
8	Máy trộn	Trung Quốc	JS750	1	HĐBT
9	Băn gtải cấp liệu số 2	Trung Quốc	B500x7.5m	1	HĐBT
10	Băng tải cấp liệu số 3	Trung Quốc	B500x2.5m	1	HĐBT
11	Máy ép gạch	Trung Quốc	QT8-15	1	HĐBT
12	Tủ điều khiển máy trộn	Trung Quốc	ĐK1	1	HĐBT
13	Tủ điều khiển máy chính	Trung Quốc	ĐK2	1	HĐBT
II.2	**Dây truyền số 2**				

1	Silô nguyên liệu	Việt Nam	-	1	HĐBT
2	Băng tải số 1	Việt Nam	-	1	HĐBT
3	Băng tải số 2	Việt Nam	-	1	HĐBT
4	Băng tải cấp liệu đầu vào	Việt Nam	-	1	HĐBT
5	Silô chứa xi măng	Việt Nam	Silô 50 tấn	1	HĐBT
6	Vít tải cấp xi măng	Trung Quốc	-	1	HĐBT
7	Máy trộn	Trung Quốc	-	1	HĐBT
8	Băng tải cấp liệu số 3	Việt Nam	-	1	HĐBT
9	Máy ép gạch	Trung Quốc	-	1	HĐBT
10	Máy xếp panet	Trung Quốc	-	1	HĐBT
11	Máy tách gạch	Trung Quốc	-	1	HĐBT
12	Tủ phân phối điện	Trung Quốc	-	1	HĐBT
13	Tủ điều khiển máy trộn	Việt Nam	-	1	HĐBT
14	Tủ điều khiển máy ép gạch	Trung Quốc	-	1	HĐBT
15	Tủ điều khiển máy xếp panet	Trung Quốc	-	1	HĐBT
16	Tủ điều khiển máy tách gạch	Trung Quốc	-	1	HĐBT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây)
Chú thích: "-" không có thông tin, số liệu, thống kê chính xác;
HĐBT - hoạt động bình thường

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất của cơ sở

Các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu chính được sử dụng trong quá trình sản xuất của cơ sở bao gồm Clinker, thạch cao, phụ gia (Tro bay, xỉ lò cao hạt hóa, Pozzolan, Đá vôi nghiền mịn,…) và đá mạt; ngoài ra cơ sở còn sử dụng thêm một số bao bì trong khâu đóng gói và nhiên liệu để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc trong quá trình hoạt động. Các nguyên nhiên liệu được lấy chủ yếu từ nguồn trong nước. Cụ thể các loại và khối lượng của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nguyên vật liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng *(Nhu cầu sử dụng)*		Ghi chú
			Lớn nhất	Năm 2024	
I	**Nguyên liệu sử dụng trong quy trình sản xuất xi măng**				
1	Clinker	Tấn/năm	90.000	81.000	
2	Thạch cao	Tấn/năm	6.000	5.400	
3	Phụ gia (các loại)	Tấn/năm	24.000	21.600	
4	Bao bì đóng gói	Tấn/năm	432	388,8	
II	**Nguyên liệu sử dụng trong quy trình sản xuất gạch không nung**				
1	Đá mạt	Tấn/năm	88.000	68.640	

2	Xi măng	Tấn/năm	12.000	9.360	Xi măng sản xuất tại nhà máy
3	Nước	m^3/ngày	35	27,3	
III	**Nhiên liệu**				
1	Dầu nhờn	Lít/quý	7.800	3.276	
2	Dầu DO	Lít/tháng	3.000	-	
3	Mỡ bôi trơn công nghiệp	Kg/năm	1.100	461	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở trong quá trình hoạt động

1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện trong quá trình hoạt động của cơ sở

- Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện lực Ứng Hòa

- Trong quá trình hoạt động của cơ sở lượng điện sử dụng ước tính tiêu thụ lớn nhất khoảng 2.000.000 kWh/tháng.

- Lượng điện sử dụng thực tế của cơ sở của các tháng gần nhất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng điện thực tế trong quá trình hoạt động của cơ sở

STT	Thời gian	Lượng điện tiêu thụ (kWh)			
		Kỳ 1	**Kỳ 2**	**Kỳ 3**	**Tổng**
1	Tháng 11/2024	338.500	607.400	438.440	1.384.340
2	Tháng 12/2024	328.400	466.100	452.500	1.247.000
3	Tháng 1/2025	472.200	347.600	290.300	1.110.100
4	Tháng 2/2025	157.700	231.200	290.300	679.200
5	Tháng 3/2025	223.300	314.100	530.200	1.067.600
6	Tháng 4/2025	251.100	328.900	443.500	1.023.500
=> Lượng điện tiêu thụ trung bình tháng là 1.085.290 kWh					

(Nguồn: Hóa đơn tiền điện – đính kèm phụ lục III của báo cáo)

Từ bảng thống kê ở trên cho thấy:

- Lưu lượng điện tiêu thụ trung bình tháng từ tháng 11/2024 - 4/2025 là 1.085.290 kWh/tháng;

- Lưu lượng điện tiêu thụ nước lớn nhất từ tháng 11/2024 - 4/2025 là 1.384.340 kWh/tháng;

- Lưu lượng điện tiêu thụ thấp nhất là từ tháng 11/2024 - 4/2025 là 679.200 kWh/tháng.

1.4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước trong quá trình hoạt động của cơ sở

a) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên

Nước cấp cho quá trình sinh hoạt được sử dụng chủ yếu tại các nhà vệ sinh và nhà bếp để phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

➢ Nguồn cung cấp nước:

- Nguồn nước cấp sinh hoạt tại cơ sở sử dụng từ năm 2004 đến tháng 5/2025 là: Nguồn nước mưa thu gom từ mái các công trình trong khu vực của nhà máy. Dựa trên nhu cầu sử dụng nước và để đảm bảo chất lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy, đến tháng 5/2025 chủ cơ sở đã thực hiện ký hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch tại địa phương để sử dụng, do đó không sử dụng nguồn nước mưa nữa.

- Nguồn nước cấp sinh hoạt hiện tại của Cơ sở là: Nguồn nước sạch do Công ty Cổ phần nước sạch Hà Nam cung cấp *(Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty Cổ phần nước sạch Hà Nam và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây đính kèm tại phụ lục của báo cáo)*.

➢ Nhu cầu sử dụng nước:

- Nước dùng cho hoạt động sinh hoạt của CBCNV:

+ Cơ sở hoạt động sản xuất khoảng 12 tiếng/ngày (3 ca) với cán bộ công nhân viên làm việc tối đa là 200 người. Dựa vào các hệ số tính toán, nước dùng cho vệ sinh công nhân, Tiêu chuẩn sử dụng nước cho sinh hoạt của công nhân làm việc trong cơ sở sản xuất công nghiệp theo *TCVN 13606:2023 Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế* của Bộ Xây dựng là 60 lít/người/ngày (trong đó khoảng 40 lít sử dụng tại các nhà vệ sinh và 20 lít sử dụng tại nhà bếp). Như vậy, tổng lượng nước sinh hoạt của 200 cán bộ công nhân làm việc là:

$$Q_{SH} = 200 \text{ người x } 60 \text{ lít/người/ngày} = 12 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

+ Thực tế cơ sở chỉ đang hoạt động với 70 cán bộ công nhân viên do đó lượng nước sử dụng thực tế khoảng: 4,2 m^3/ngày.

b) Nhu cầu sử dụng nước trong quá trình sản xuất và một số hoạt động phụ trợ khác của nhà máy

Nước cấp cho hoạt động sản xuất được sử dụng chủ yếu trong các công đoạn sản xuất gạch không nung, làm mát máy móc thiết bị, tưới cây, rửa đường,…

➢ Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước mặt khai thác tại Sông Châu Giang khu vực phía Tây của nhà máy, thuộc thôn Hữu Vĩnh, xã Bình Lưu Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

➢ Công suất khai thác/sử dụng nước tối đa: 45,35 m^3/ngày.

➢ Phương án cấp nước: Nguồn nước mặt được bơm lên theo 1 đường ống về bể lọc nước của cơ sở, nước sau lọc được chứa tại bể bê tông cốt thép thể tích 71 m^3 (kích thước 9500x5000x1500mm); Sau đó lượng nước tiếp tục được bơm theo 02 đường ống kẽm có đường kính 50mm đến 02 khu vực sản xuất xi măng để làm mát và khu vực sản xuất gạch không nung để phối trộn nguyên liệu. Đường ống ngoài nhà thì đi vào hộp kỹ thuật để sử dụng cho hoạt động phun rửa sân đường nội bộ. Vận tốc được giới hạn để không gây ồn: V_{max} = 1,5m/s. Trên đường ống cấp nước vào mỗi khu vực đều lắp van khóa nước để cách ly khỏi hệ thống khi cần thiết.

➢ Nhu cầu sử dụng nước:

- Lượng nước sử dụng trong quá trình sản xuất gạch không nung:

Căn cứ nhu cầu sử dụng nước trong quá trình sản xuất gạch không nung thực tế tại cơ sở, để sản xuất 1000 viên gạch không nung tương đương sử dụng khoảng 300 lít nước. Vậy với tổng công suất sản xuất là 10 000 000 viên gạch không nung/năm (khoảng 30 000 viên/ngày - 340 ngày làm việc) thì lượng nước hiện tại sử dụng tương ứng trong 1 ngày là:

$$300 \text{ x } 30000/1000 = 9 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Lượng nước sử dụng trong quá trình làm mát máy móc, thiết bị:

Nước sử dụng trong quá trình làm mát máy móc và thiết bị, dựa trên quy mô hệ thống sản xuất của cơ sở ước tính nhà máy sử dụng khoảng 0,5 m³ nước làm mát/tấn xi măng. Vậy với công suất 120.000 tấn/năm thì lượng nước sử dụng khoảng 176,5 m^3/ngày (340 ngày làm việc). Lượng nước làm mát này được tuần hoàn lại để sử dụng, tối đa lượng nước thất thoát từ quá trình bay hơi bằng 20% lượng nước sử dụng. Vậy lượng nước hàng ngày phải cấp thêm là 35,5 m^3/ngày.

- Lượng nước sử dụng để phun, rửa sân, đường nội bộ:

Theo TCXDVN 33:2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình -Tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu nước trung bình cho 1 lần rửa mặt đường là 0,5 lít/m^2, tương đương 0,0005 m^3/m^2. Diện tích sân, đường nội bộ là 3.373,8 m^2. Trung bình khoảng 2 ngày phun rửa đường 1 lần. Lượng nước rửa đường 1 ngày: 0,0005 x 3.373,8/2 ≈ 0,85 (m^3/ngày).

- Lượng nước sử dụng trong phòng cháy chữa cháy (PCCC):

Nước dự phòng cấp cho PCCC được tính toán theo công thức sau:

$$Q_{cc} = q_{cc} \text{ x h x n}$$

Trong đó:

+ Q_{cc}: Lưu lượng nước dự phòng cho PCCC.

+ q_{cc}: Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy. Theo tiêu chuẩn TCVN 2622- 1995 - Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế, lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà có bậc chịu lửa IV, V là: qcc (ngoài nhà) = 10 (l/s) = 36 (m^3/h).

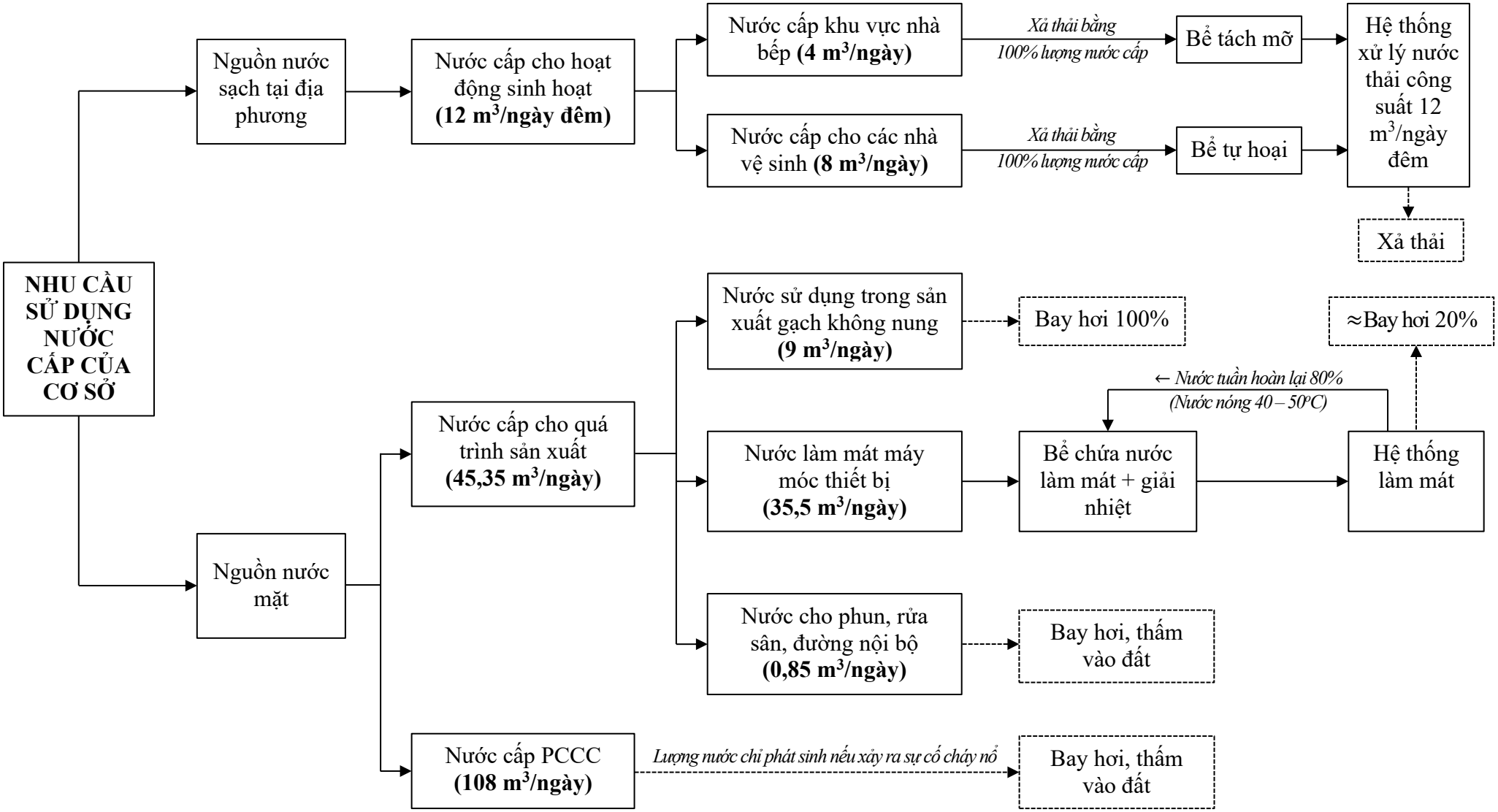
+ h: Số giờ chữa cháy - Dự đoán tối đa là: 3 giờ;

+ n: Số đám cháy hoạt động đồng thời: n = 1 (Với diện tích của cơ sở là 9,3 ha < 150 ha thì tính n=1).

=> Vậy lượng nước cần thiết để dự trữ cấp nước cứu hỏa:

$$Qcc = 36 \text{ m}^3/\text{h x } 3\text{h x } 1 = 108 \text{ (m}^3\text{)}$$

Nguồn nước dự phòng cho PCCC được lấy từ hố chứa nước mưa (nước dự trữ).



Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng lượng nước sử dụng tối đa trong quá trình hoạt động của cơ sở

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các công trình hạng mục của cơ sở

Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" có tổng diện tích khoảng 47.609,31 m^2. Cụ thể các công trình hiện trạng của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Các công trình hạng mục hiện trạng của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m^2)	Số lượng	Số tầng	Kết cấu	Năm thi công	Ghi chú
I	**Hạng mục công trình chính**						
1	Nhà văn phòng làm việc	1.500	03	02	BTCT, tường xây gạch đặc	2004	
2	Khu sản xuất						
2.1	Xưởng sản xuất xi măng	3.000	02	1	BTCT, tường xây gạch đặc	2019	
2.2	Xưởng sản xuất gạch không nung	1.700	01	1	Kết cấu thép, tường xây gạch đặc	2020	
2.3	Sân phơi gạch	2.500	01		Sân bê tông	2016	
3	Nhà kho						
3.1	Kho Clinker	5.000	02	1	Kết cấu thép, tường xây gạch đặc	2020	
3.2	Kho thạch cao	600	01	1		2021	
3.3	Kho xi măng thành phẩm	600	01	1		2019	
3.4	Kho tổng hợp	800	01	1	BTCT, tường xây gạch đặc	2020	
II	**Hạng mục công trình phụ**						
1	Khu phụ trợ sản xuất	1.300	01	01	BTCT, tường xây gạch đặc	2020	
2	Khu nhà để xe	300	01	01	Khung thép lợp mái tôn	2020	
3	Nhà bếp + nhà ăn	300	01		BTCT, tường xây gạch đặc	2024	
4	Nhà bảo vệ	50	01	01	BTCT, tường xây gạch đặc	2020	

5	Trạm bơm (cấp nước)	15	01	01	BTCT, tường xây gạch đặc	2004	Cải tạo năm 2020
6	Trạm điện (cấp điện)	150	01	01	BTCT, tường xây gạch đặc	2004	Cải tạo năm 2020
7	Khu vực xuất, nhập hàng	7000	01	01	Sân bê tông	2004	Cải tạo năm 2013
8	Khu vực kỹ thuật khác	500	01	01	-	2004	
9	Khu vực sản xuất khác *(Khu quy hoạch mở, chưa xác định chức năng mục đích)*	16.590,01	-	-	-	2004	
10	Khu vực cây xanh	2.310,5	01	01	-	2004	
11	Sân, đường nội bộ	3.373,8			Sân, đường bê tông	2020	
III	**Hạng mục công trình bảo vệ môi trường**						
1	Kho tập kết thải rắn sinh hoạt	12	01	01	Khung thép mái tôn tường lửng bao quanh	2006	Cải tạo năm 2024
2	Kho chứa chất thải nguy hại	8	01	01		2006	Cải tạo năm 2024
3	Bể tự hoại	-	07	-	BTCT	2006	
4	Bể tách mỡ	-	01	-	BTCT	2019	Đặt tại nhà bếp
5	Hệ thống xử lý nước thải	-	01		Composite	2025	
6	Hệ thống thu gom thoát nước mưa	-	01	-	-	2006	Cải tạo năm 2020
7	Hệ thống thu gom thoát nước thải	-	01	-	-	2006	Cải tạo năm 2025
	Tổng	**47.609,31**	**-**	-	-	-	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây)
Chú thích: "-" không có thống kê chính xác;

Một số hình ảnh khuân viên tại cơ sở:



Hình 1.8. Khuân viên của nhà máy

1.5.2. Lịch sử hoạt động của cơ sở

- Năm 1966, Nhà máy sản xuất - Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây tiền thân là xí nghiệp vôi đá Tiên Sơn được sáp nhập từ công trường khai thác đá Vĩnh Sơn và Xí Nghiệp vôi đá Tiên Mai ngày 10/3/1996.

- Năm 1978, Xí nghiệp đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng thủ công có công suất 10.000 tấn xi măng/năm và sản phẩm xi măng được mang tên là xi măng Tiên Sơn.

- Năm 1993, Xí nghiệp đầu tư 1 dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ tiên tiến của Trung Quốc có công suất 60.000 tấn xi măng/năm.

- Năm 1995, do quy mô sản xuất xi măng phát triển, xí nghiệp đổi tên thành công ty xi măng Tiên Sơn và có phiếu thẩm định Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) số 24 CN/TCMT ngày 08/11/1995 do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hà Tây cũ cấp.

- Năm 2004, Công ty dự kiến đầu tư mở rộng nâng tổng công suất nhà máy xi măng Tiên Sơn lên 120.000 tấn xi măng/năm, nội dung này đã được phê chuẩn tại Quyết định phê chuẩn báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường số 66-QĐ/TN&MT-MT ngày 23/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Năm 2013, Công ty thực hiện mở rộng thêm 01 dây chuyền sản xuất xi măng công nghệ lò đứng của Trung Quốc, có công suất 60.000 tấn xi măng/năm, nâng tổng công suất của hai dây chuyền lên 120.000 tấn xi măng/năm theo Quyết định phê chuẩn báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường số 66-QĐ/TN&MT-MT ngày 23/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây (cũ).

- **Năm 2016,** Công ty giảm năng suất sản xuất xi măng xuống 40.000 tấn/năm và đầu tư thêm sản xuất chế biến đá công suất 130 tấn/giờ, sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên/năm và tái chế sắt phế liệu công suất 10 tấn/ngày, nội dung này đã được phê duyệt tại Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/2/2016 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây".

- Năm 2020, Công ty đã thực hiện cải tạo dây chuyền nghiền xi măng lên tổng công suất thiết kế là 120.000 tấn/năm theo văn bản số 2027/BXD-VLXD ngày 28/04/2020 của Bộ xây dựng về việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn; cùng với đó vẫn kết hợp việc sản xuất chế biến đá công suất 130 tấn/giờ, sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên/năm và tái chế sắt phế liệu công suất 10 tấn/ngày.

- **Năm 2022,** dựa trên tình hình hoạt động thực tế của cơ sở, Công ty quyết định ngừng hoạt động kinh doanh các lĩnh vực bao gồm: sản xuất, chế biến đá công suất 130 tấn/giờ và tái chế sắt phế liệu công suất 10 tấn/ngày, theo Nghị quyết số 112/2022/NQ-HĐQT ngày 01/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

- Đến nay (năm 2025), Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" đang hoạt động với 02 (hai) loại hình chính bao gồm: sản xuất xi măng công suất 120.000 tấn/năm và sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên/năm.

1.5.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Công tác bảo vệ môi trường đảm bảo thực hiện:

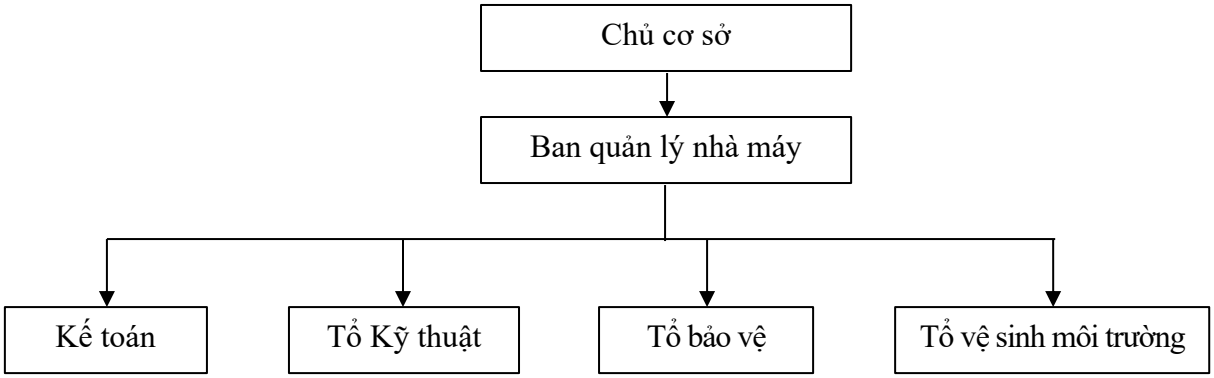
+ Vận hành hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải và khí thải;

+ Giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải;

+ Giám sát công tác thu gom rác thải;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhân sự của cơ sở như sau:



Hình 1.9. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự của dự án trong giai đoạn hoạt động

1.5.4. Các hồ sơ pháp lý liên quan đến báo cáo mà chủ cơ sở đã thực hiện

Các hồ sơ pháp lý liên quan đến báo cáo mà chủ cơ sở đã thực hiện được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.6. Các hồ sơ pháp lý liên quan đến báo cáo mà chủ cơ sở đã thực hiện

STT	Loại giấy tờ	Nội dung
1	Giấy tờ đất	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395888 do UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp; (Diện tích đất 14.996,66 m^2) - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395889 do UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp; (Diện tích đất 32.612,65 m^2) - Quyết định số 1539 QĐ/UBND ngày 23/08/2007 về việc chuyển hình thức giao đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31 m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp. - Hợp đồng thuê đất số 130 HĐ/TĐ ngày 24/08/2007 giữa UBND tỉnh Hà Tây (cũ) và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây.
2	Pháp lý về xây dựng/cải tạo	- Văn bản số 2027/BXD-VLXD ngày 28/04/2020 về việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn của Bộ Xây dựng.
3	Pháp lý về môi trường đã được cấp	- Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/02/2016 về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây". - Quyết định số 66-QĐ/TN&MT-MT ngày 23/07/2004 "về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy xi măng Tiên Sơn lên 120.000 tấn/năm tại xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây" do Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) cấp. - Phiếu thẩm định ĐTM số 24 CN/TCMT ngày 08/11/1995 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) cấp.
4	Sổ chủ nguồn thải	- Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số 01.000207.T-ĐC1 ngày 08/07/2010 do Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội cấp.

5	Biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước	
6	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTR Sinh hoạt	- Hợp đồng vệ sinh môi trường số /2025-HĐVSMT/SH-UH ngày 03/01/2025 giữa 02 bên: chủ cơ sở, Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây và Công ty Cổ phần đầu tư môi trường đô thị Sông Hồng.
7	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH	- Hợp đồng vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại số 000330/2024/HĐCNK ngày 16/05/2024 giữa 02 bên: chủ cơ sở, Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây và Công ty CP Môi trường đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn.

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Cơ sở hoạt động phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện mục tiêu tổng quát là: "Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cac-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước" và nhiệm vụ của chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia có nêu: "Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thuỷ sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt".

2.1.2. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội

- Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây hoạt động hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tạo "động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, là cực tăng trưởng có vai trò dẫn dắt kinh tế của cả nước, có tầm ảnh hưởng trong khu vực; là trung tâm kinh tế tài chính lớn,…".

- Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa với tổng diện tích sử dụng đất là 47.609,31 m^2; Địa điểm của cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5182/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021.

2.1.3. Đánh giá sự phù hợp với phân vùng môi trường

Địa điểm hoạt động của cơ sở Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Cơ sở Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây hoạt động phù hợp với Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050". Cụ thể:

- Nhà máy đáp ứng tỷ lệ sử dụng clinker trong sản xuất xi măng đáp ứng trung bình toàn ngành tối đa ở mức 65%; phụ gia cho xi măng sử dụng tối thiểu 35%;

- Công suất sản xuất hiện tại của nhà máy đáp ứng tổng công suất thiết kế không vượt quá 125 triệu tấn/năm; Nhà máy đảm bảo duy trì công suất đến năm 2030 không vượt quá 150 triệu tấn/năm;

- Mức tiêu hao điện năng trong sản xuất xi măng của nhà máy đảm bảo ≤ 90 kWh/tấn xi măng;

- Đối với phát thải về môi trường Cơ sở không sản xuất Clinker (Clinker là nguyên liệu được nhập vào nhà máy để sử dụng) do đó thành phần ô nhiễm phát sinh tại Nhà máy là bụi, Cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý đảm bảo nồng độ bụi Bụi ≤ 60 mg/Nm^3 đạt quy chuẩn QCVN 23:2009/BTNMT.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Đối với bụi, khí thải:

Tại cơ sở chủ yếu phát sinh bụi tại nhiều công đoạn sản xuất, chủ cơ sở tiến hành thu gom triệt để tại từng công đoạn và xử lý bằng hệ thống đạt chuẩn đảm bảo chất lượng các dòng khí xả thải ra ngoài môi trường đạt QCVN 23:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng, cột B2 có K_p =1,2 và K_v = 1,4 trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sản xuất (là nước phát sinh từ quá trình làm mát máy móc thiết bị) của cơ sở chủ yếu được tuần hoàn tái sử dụng lại và không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

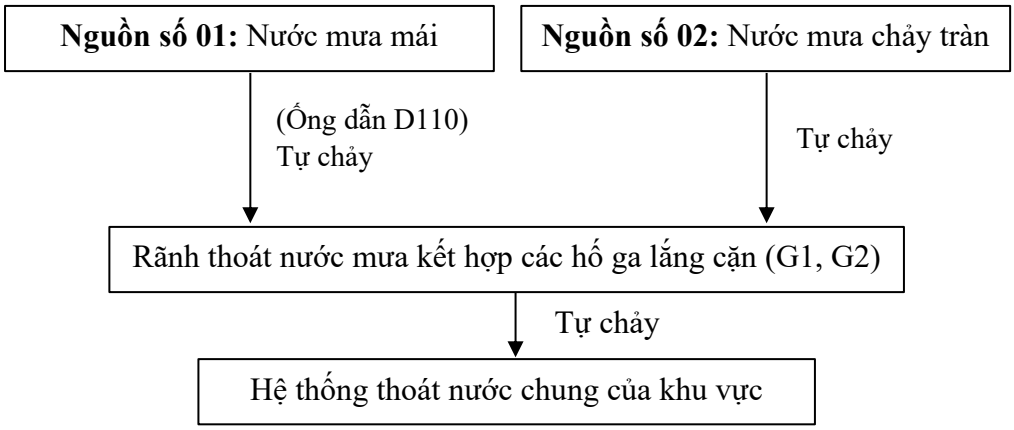
+ Nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom, xử lý tại Trạm XLNT công suất 12 m^3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra hệ thống cống thoát nước chung của khu vực phía Tây ngoài nhà máy do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý *(01 vị trí thoát nước thải theo biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước thải và nước mưa chảy tràn số 68/TTUB ngày 10/05/2025 - Biên bản Đính kèm phụ lục của báo cáo).*

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Thoát nước mưa của cơ sở bao gồm thoát nước mưa tầng mái và nước mưa chảy tràn. Toàn bộ nước mưa phát sinh tại khu vực của nhà máy được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ trong nhà máy sau đó thoát ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống công trình thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được mô tả theo sơ đồ sau:



Hình 3.1. Hệ thống thu gom thoát nước mưa

Nước mưa mái và nước mưa chảy tràn tại nhà máy được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước mưa được bố trí dọc các khối nhà và công trình trên toàn bộ mặt bằng của nhà máy để thu gom triệt để lượng nước mưa đảm bảo không gây gập úng. Cụ thể:

- Nguồn số 01: Nước mưa từ mái của các công trình hạng mục bao gồm khối nhà văn phòng, nhà sản xuất, nhà kho,… được thu gom bằng hệ thống máng xối, sau đó nhờ phễu thu lượng nước mưa được thu gom vào đường ống đứng uPVC (D110) và dẫn nước chảy trực tiếp xuống rãnh thoát nước của cơ sở rồi chảy thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực cùng với lượng nước mưa chảy tràn.

- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn từ hạng mục sân đường trong khu vực của nhà máy được thu trực tiếp xuống hố ga (G1, G2) nhờ độ dốc theo thiết kế, sau đó chảy theo các rãnh thoát nước BTCT có kích thước khác nhau đảm bảo thu được toàn bộ lượng nước mưa phát sinh và thoát nước hiệu quả, cuối cùng toàn bộ lượng nước mưa sẽ chảy thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 3 điểm đấu nối.

(Bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm phụ lục IV của báo cáo)

Cụ thể theo hồ sơ thiết kế của cơ sở, quy mô khối lượng hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Quy mô khối lượng hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Kích thước chiều dài (m)	Số lượng

I	**Hệ thống thu gom thoát nước mưa mái**			
1	Máng xối	- Vật liệu: Tôn kẽm - Kích thước khổ rộng U200-U800 mm	780	-
2	Phễu thu	- Kết cấu Inox - Kích thước nối ống D110	-	58
3	Ống đứng	- Kết cấu uPVC - Kích thước: D110	-	58
II	**Hệ thống thu gom thoát nước mưa chảy tràn**			
1	Đường rãnh thoát nước	- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 1,5×1,0 (m)	237	-
		- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 0,6×1,5 (m)	100	-
		- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 0,35×1,0 (m)	85	-
		- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 0,5×0,5 (m)	153	-
		- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 0,3×0,5 (m)	956	-
		- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: R×H= 1,0×0,6 (m)	39	-
2	Hố ga thu nước (G1)	- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: D×R×H=1,0×1,0×1,0(m)	-	24
3	Hố ga thăm thu kết hợp (G2)	- Kết cấu: Bê tông cốt thép - Kích thước: D×R×H=1,5×1,5×1,5(m)	-	11

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
(Ghi chú: Chi tiết hệ thống các hạng mục đường cống, hố ga thu gom thoát nước mưa xem tại bản vẽ đính kèm phụ lục số IV của báo cáo)
D-chiều dài, R-Chiều rộng, H-chiều cao

- *Vị trí thoát nước mưa của cơ sở:* Nước mưa của cơ sở sau khi được thu gom sẽ thoát ra ngoài hệ thống thoát nước chung của khu vực do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý tại 03 điểm xả theo Biên bản đấu nối thoát nước số 68/TTUB ngày 10/5/2025 *(Biên bản thỏa thuận đấu nối và bản vẽ mặt bằng thể hiện vị trí đấu nối đính kèm phụ lục của báo cáo)*. Cụ thể tọa độ vị trí các điểm đấu nối thoát nước mưa hạ tầng của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.2. Điểm xả nước mưa của cơ sở

STT	Điểm xả	Tọa độ vị trí xả nước mưa *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)*	
		X	Y
1	Vị trí thoát nước mưa số 01	2281268	584503
2	Vị trí thoát nước mưa số 02	2281067	584550
3	Vị trí thoát nước mưa số 03	2280977	584571

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Trong quá trình hoạt động của cơ sở phát sinh 02 loại nước thải bao gồm:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt: Lưu lượng lớn nhất 12 m^3/ngày đêm

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, thoát sàn;

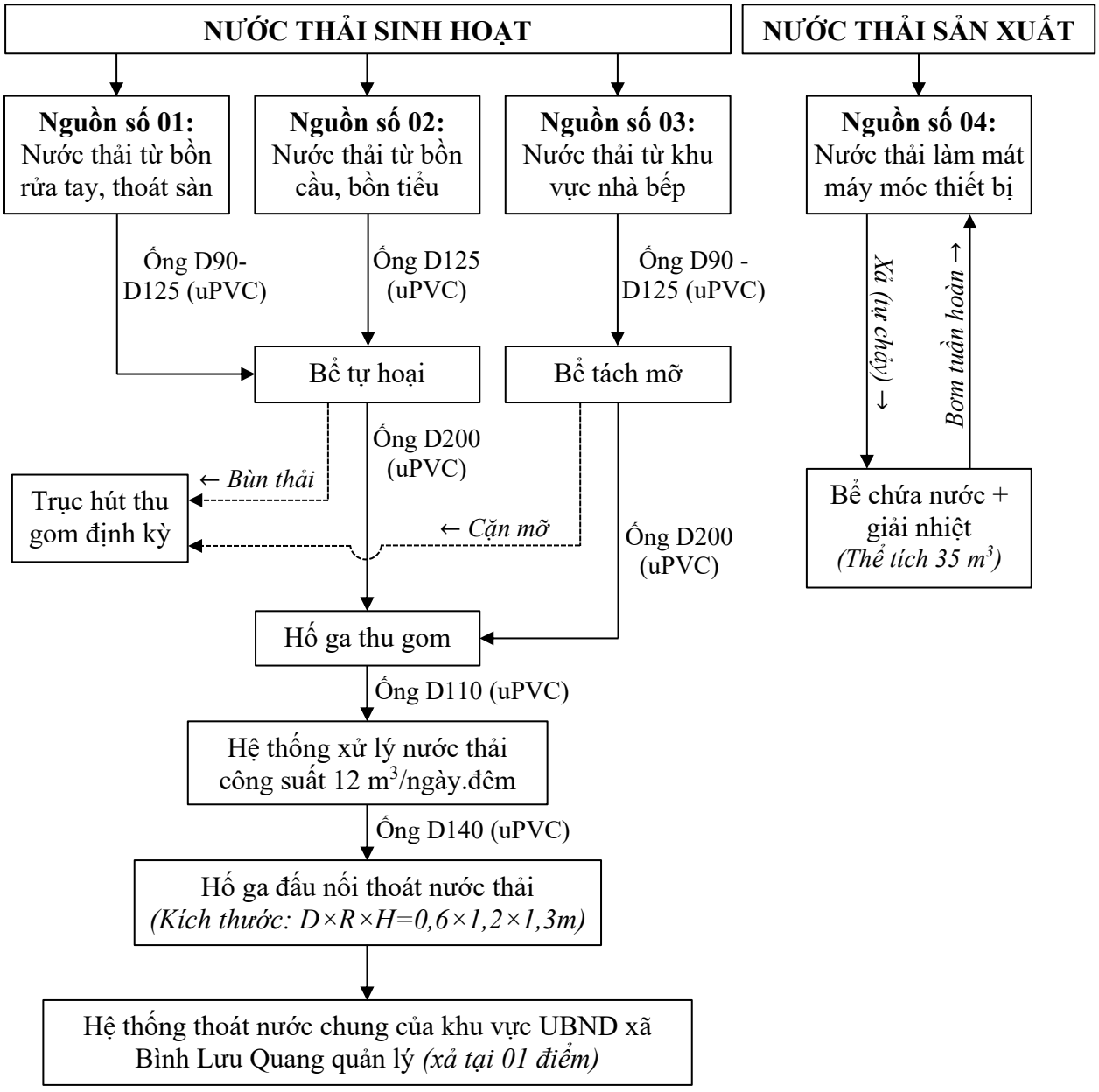
+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu;

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp.

- Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất:

+ Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình làm mát máy móc thiết bị.

Hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" trong quá trình hoạt động được trình bày trong sơ đồ sau:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom thoát nước thải của cơ sở

➢ **Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt tại nhà máy phát sinh từ 3 nguồn thải chính nước thải từ bồn rửa tay, nước vệ sinh thoát sàn; nước thải bồn cầu, bồn tiểu trong nhà vệ sinh và nước thải từ khu vực nhà bếp.

- Nguồn số 1 và 2: Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn và nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu được thu gom được thu gom theo đường ống PVC D90-D125, độ dốc ống thoát nước ngang i=0,5% về các bể tự hoại của cơ sở để xử lý sơ bộ;

- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực nhà bếp phát sinh từ hoạt động nấu ăn để phục vụ cán bộ công nhân viên của nhà máy, cụ thể lượng nước thải phát sinh từ quá trình sơ chế nguyên vật liệu nấu ăn như rau củ, thịt cá; từ quá trình vệ sinh dụng cụ nấu ăn, dọn rửa bát đĩa,… Toàn bộ nước thải từ khu vực này sẽ được thu vào hệ thống đường ống D90-D125(uPVC) với độ dốc ống thoát nước ngang i=0,5% về bể tách mỡ (01 bể tách mỡ 2,4m^3) để xử lý sơ bộ;

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nguồn số 1, 2, 3 sau khi xử lý sơ bộ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt *(công suất 12 m^3/ngày đêm)* để xử lý đạt quy chuẩn *(QCVN 14:2008/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B quy định giá trị C áp dụng đối với nước thải xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)*, lượng nước thải sau xử lý sẽ chảy thoát theo đường ống có đường kính D200 (uPVC) với độ dốc ống thoát nước ngang i=0,5% về hố ga thu gom nước thải dẫn ra hố ga đấu nối nước thải *(Kích thước: D×R×H=0,6×1,2×1,3m)* của hệ thống thoát nước chung thuộc khu vực UBND xã Bình Lưu Quang quản lý *(Có biên bản thỏa thuận đấu nối)*.

➢ **Hệ thống thu gom, thoát nước thải sản xuất:**

Nước thải sản xuất là lượng nước thải phát sinh từ quá trình làm mát máy móc thiết bị, làm nguội thân, các trục máy nghiền,… căn cứ kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở *(Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ tại Chương 5 của báo cáo)*, lượng nước thải sản xuất hầu như không có các thành phần ô nhiễm nghiêm trọng vượt quy chuẩn cho phép, trong quá trình làm mát lượng nước thải này có thể cuốn theo một lượng cát bụi nhất định có thể làm tăng nồng độ TSS trong nước thải tuy nhiên khối lượng không lớn và có thể giảm thiểu được được bằng phương pháp lắng cơ học.

- Nguồn số 4: Lượng nước phát sinh sau hệ thống làm mát được thu gom tuần hoàn toàn bộ về bể chứa nước làm mát kết hợp giải nhiệt (thể tích 35 m^3) để tiếp tục phục vụ quá trình làm mát thiết bị, động cơ, của máy nghiền, máy sấy; không xả thải ra ngoài môi trường.

Khối lượng hạng mục thu gom, thoát nước thải của cơ sở như sau:

Bảng 3.3. Khối lượng hạng mục hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng
I	**Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt**			

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống thu gom nước thải về bể tự hoại	D90-D125(uPVC)	m	67
-	Đường ống thu nước từ bồn cầu, bồn tiểu	D125(uPVC)	Hệ thống	22
-	Đường ống thu nước từ bồn, rửa tay	D90(uPVC)	Hệ thống	11
-	Đường ống thu nước thoát sàn	D125(uPVC)	Hệ thống	4
4	Đường ống thu nước thải khu vực bếp ăn	D90-D125 (uPVC)	m	6
5	Đường ống sau bể tách mỡ	D200 (uPVC)	m	8
6	Đường ống thu gom nước thải về bể tự hoại	D200(uPVC)	m	40,1
7	Đường ống sau bể tự hoại	D110(uPVC)	m	280
8	Đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý nước thải	D140(uPVC)	m	15
9	Bể tự hoại (khu vực văn phòng)	- Thể tích: 4 m^3 (1×2×2m) - Vật liệu: BTCT - Kết cấu: 3 ngăn	Bể	5
10	Bể tự hoại (khu vực sản xuất)	- Thể tích: 28,4 m^3 (2×2×7,1m) - Vật liệu: BTCT - Kết cấu: 3 ngăn	Bể	2
11	Bể tách mỡ	- Thể tích: 2,4 m^3) - Vật liệu: BTCT - Kết cấu: 2 ngăn	Bể	1
II	**Hệ thống thu gom nước thải sản xuất**			
1	Bể chứa nước làm mát + giải nhiệt	- Thể tích 35m^3 - Vật liệu BTCT	m	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

- Khối lượng xả nước thải trung bình:

+ Nước thải sinh hoạt: 12 m^3/ngày.

+ Nước thải sản xuất: Không xả thải.

- *Dòng nước thải*: 01 dòng nước thải thải ra sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở (tương ứng với nguồn số 1, 2, 3).

- *Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*: Các thông số được quy định dựa theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- *Vị trí đấu nối*: 01 điểm vào hệ thống công thoát nước chung của khu vực phía Tây ngoài nhà máy *(Căn cứ theo Biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước số 68/TTUB ngày 10/05/2025 đính kèm tai phụ lục của báo cáo)*.

Bảng 3.4. Tọa độ điểm đấu nối thoát nước thải

STT	Điểm đấu nối thoát nước thải	Tọa độ vị trí hố ga đấu nối vào hệ thống thoát nước do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)*	
		X	Y
1	Khu vực phía tây ngoài nhà máy thuộc Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang (nay là xã Bình Lưu Quang), huyện Ứng Hòa	2281162	584528

- *Chế độ xả nước thải*: Liên tục.

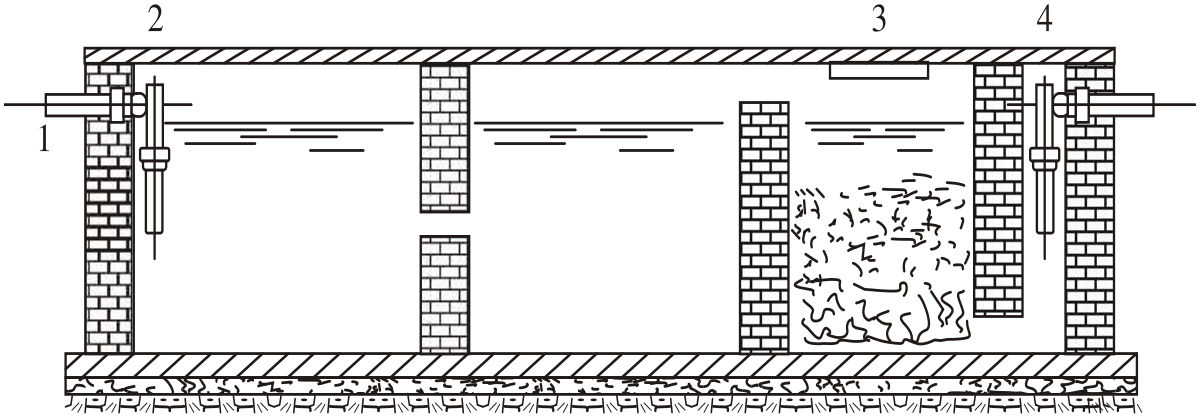
- *Phương thức xả nước thải*: Tự chảy.

- *Nguồn tiếp nhận nước thải*: Hệ thống thoát nước chung của khu vực do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý.

3.1.3. Xử lý nước thải

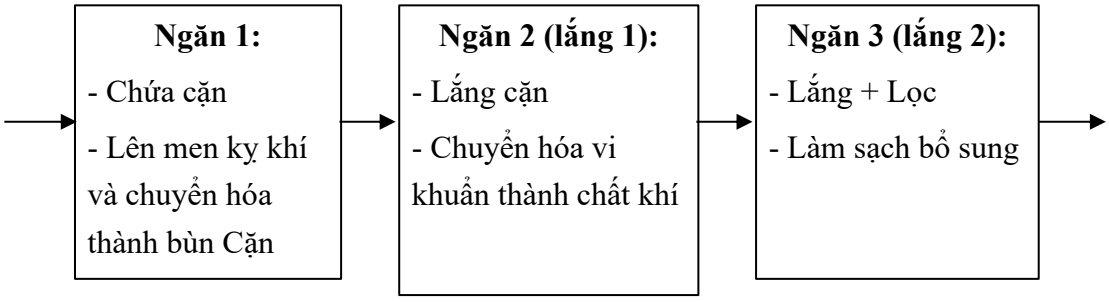
3.1.3.1. Bể tự hoại

Lượng nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại của cơ sở. Cơ sở đã xây dựng 07 bể tự hoại ba ngăn để xử lý sơ bộ lượng nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của nhà máy. Cấu tạo chung của các bể tự hoại được mô tả như hình dưới.



Chú thích: *1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi;*
3 - Lắp thăm (để hút cặn); 4 - Ống dẫn nước ra.

Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại



Hình 3.4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại

- Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

Nước thải sinh hoạt được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng.

Cũng nhờ các ngăn này, công trình trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng hai pha (lên men axít và lên men kiềm). Thông qua chuỗi phản ứng này, bể sẽ được xử lý triệt để các chất cặn bã hữu cơ, bùn góp phần tăng thời gian lưu bùn. Ở ngăn lọc cuối của hệ thống bể tự hoại 3 ngăn, sinh vật kỵ khí sẽ sống bám vào bề mặt hạt vật liệu, từ đó làm sạch nguồn nước thải, ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo...

- Hóa chất, vật liệu sử dụng hỗ trợ quá trình xử lý: chế phẩm vi sinh 25 kg/năm.

Số lượng, kích thước thông số kỹ thuật của các bể tự hoại được trình bày trong bảng sau:

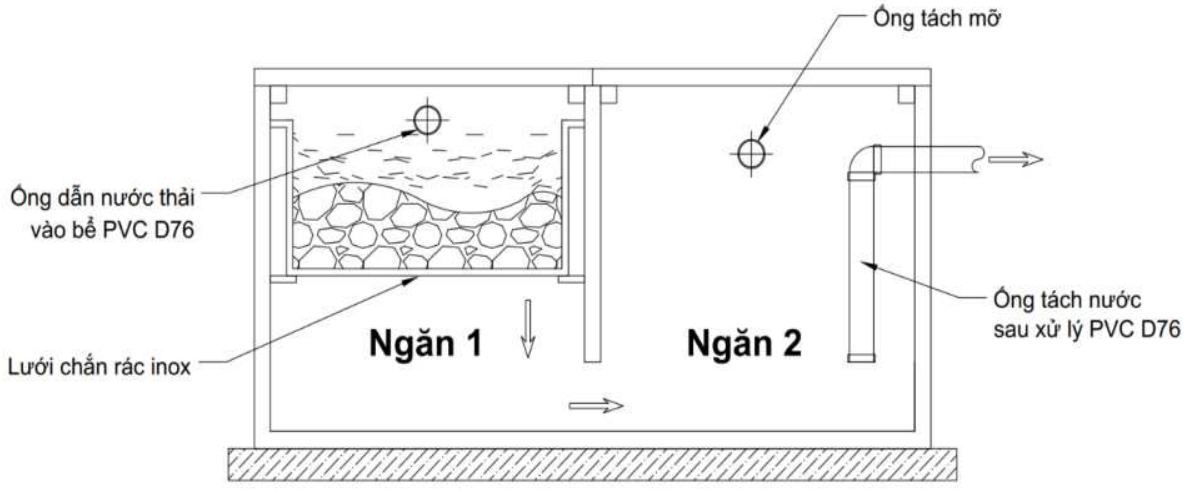
Bảng 3.5. Số lượng, kích thước thông số kỹ thuật của các bể tự hoại

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước (m)			Thể tích (m^3)	Vật liệu
			Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao		
1	Bể tự hoại khu vực văn phòng	5	2	1	2	4	Bê tông cốt thép
2	Bể tự hoại khu vực sản xuất	2	7,1	2	2	28,4	
-	**Tổng**	**7**	-	-	-	-	

Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

3.1.3.2. Bể tách mỡ:

Nước thải từ khu nấu ăn sẽ được thu gom riêng về bể tách mỡ 2 ngăn 2,4 m^3. Cấu tạo bể tách mỡ được mô tả trong hình sau:



Hình 3.5. Cấu tạo bể tách mỡ tại nhà bếp của cơ sở

➢ **Nguyên lý hoạt động:**

- Ngăn 1: Nước thải được thu chảy vào bể, tại đây có bố trí giỏ lọc để giữ lại các chất rắn dư thừa chảy theo dòng nước thải, dòng nước thải tiếp tục chảy xuống dưới và chảy sang ngăn thứ 2.

- Ngăn 2: Ngăn này được thiết kế để hạn chế sự xáo trộn của dòng nước, qua đó phần mỡ sẽ được nổi lên mặt nước và được thu chảy ra ngoài bằng ống tách mỡ được thiết kế thu nước ngang bề mặt mực nước ở trong bể. Lượng nước thải ở dưới bể sẽ được thu tự chảy thoát ra ngoài bằng đường ống tách nước.

Thông số kỹ thuật của bể tách mỡ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật xây dựng bể tách mỡ

STT	Hạng mục	Kích thước (m)			Thể tích (m^3)	Vật liệu
		Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao		
1	Ngăn 1	1,2	1	1	1,2	BTCT
2	Ngăn 2	1,2	1	1	1,2	

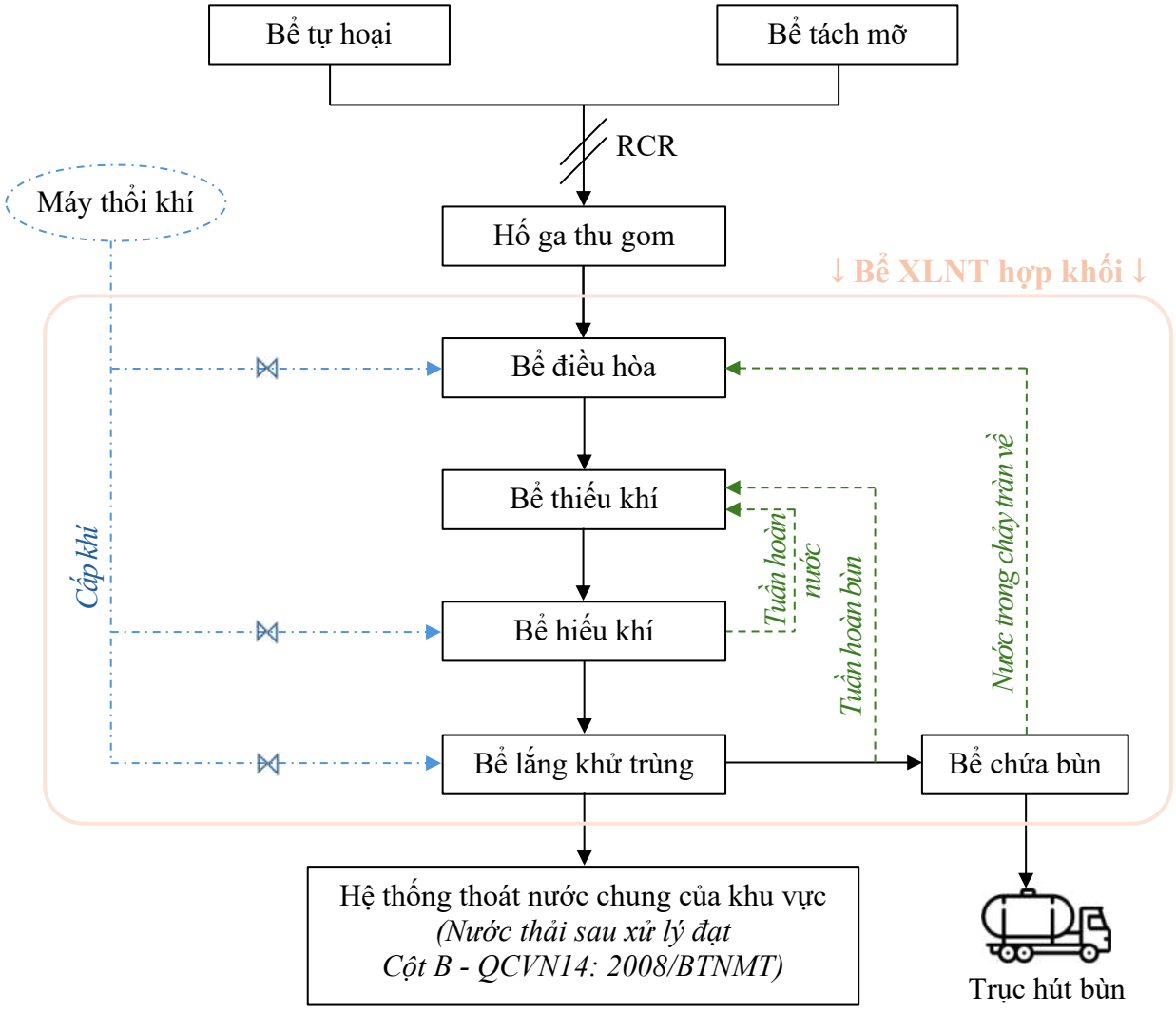
Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

3.1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải

Lượng nước thải của cơ sở phát sinh trong quá trình hoạt động là nước thải sinh hoạt có chứa nồng độ các chất ô nhiễm cao do chứa nhiều các chất độc hại; Với mục tiêu đề ra là chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Cột B, K = 1,2 (Áp dụng đối với Cơ sở sản xuất dưới 500 người). Chủ cơ sở đã phối hợp với nhà thầu thiết kế đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý nước thải đưa ra công nghệ xử lý phù hợp nhất để xử lý lượng nước thải phát sinh. Nhằm tối ưu về chi phí, diện tích, thời gian xây dựng và quy trình vận hành hệ thống,… Chủ cơ sở đã lựa chọn giải pháp cho vấn đề này bằng "module" xử lý nước thải sinh hoạt với công nghệ chủ chốt là xử lý bằng phương pháp xử lý sinh học.

Đối với nước thải ô nhiễm có chứa nhiều các hợp chất hữu cơ như nước thải sinh hoạt thì công nghệ xử lý tối ưu nhất và được áp dụng phổ biến nhất là xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học (vi sinh). Quá trình xử lý sinh học có sự cộng hưởng rất lớn với nồng độ chất hữu cơ gồm các hợp chất như protein, hydro carbon, hàm lượng các tạp chất và lượng lớn chất khó bị phân hủy khác có trong nước thải sinh hoạt vì đây là thức ăn tạo môi trường sống cho các vi sinh vật phân hủy sinh học. Bên cạnh đó để xử lý được hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt thì cũng cần phải cân nhắc tới các yếu tố như điều kiện xử lý, tốc độ phản ứng sinh hoá, hàm lượng oxy trong nước thải, nhiệt độ, pH, dinh dưỡng và nguyên tố vi lượng; tuy nhiên các yếu tố này dễ tác động và thay đổi phù hợp được bằng các thiết bị máy móc không quá phức tạp và dễ vận hành. Vì thế đối với công nghệ xử lý nước thải bằng vi sinh hoàn toàn có thể xử lý được các thành phần ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của cơ sở xuống dưới quy chuẩn cho phép.

Với tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 12 m^3/ngày.đêm chủ cơ sở lựa chọn hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý tương ứng để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đạt quy chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:



Chú thích:

→: Dòng nước thải ; - - - ▸: Dòng tuần hoàn; -·-·▸: Dòng khí

Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở

a) Thuyết minh quy trình công nghệ:

❖ *Hố ga thu gom*

Tại hố ga thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý, nước thải sẽ chảy qua rọ chắn rác (RCR) nhằm loại bỏ rác thải có kích thước lớn ra khỏi nước. Rác sẽ được thu gom vào thùng chứa rác và được đem đi xử lý hợp vệ sinh.

Nước thải sau khi được thu gom sẽ chảy vào bể điều hòa để tiến hành xử lý.

❖ *Bể điều hòa*

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu đủ lớn để cân bằng về lưu lượng và

nồng độ các thành phần ô nhiễm có trong nước thải. Một số ưu điểm của việc thiết kế bể điều hòa cụ thể như sau:

Lưu trữ nước thải phát sinh vào những giờ cao điểm và phân phối đều cho các bể xử lý phía sau.

Kiểm soát các dòng nước thải có nồng độ ô nhiễm cao.

Tránh gây quá tải cho các quá trình xử lý phía sau. Có vai trò là bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hay bảo trì.

Máy thổi khí và hệ thống phân phối khí thô được lắp đặt trong bể giúp khuấy trộn đều nước thải, tránh tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học kị khí do đó không phát sinh mùi hôi.

❖ *Bể thiếu khí*

Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể thiếu khí, tại bể thiếu khí, quá trình khử nitơ được diễn ra, nitrat NO_3^- được chuyển hóa thành N_2 khi không có mặt oxy, một phần bùn hoạt tính từ bể sinh học hiếu khí và bể lắng sinh học sẽ được tuần hoàn về ngăn thiếu khí giúp thực hiện quá trình khử nitơ.

Dinh dưỡng hoặc cơ chất được bổ sung vào bể thiếu khí nhằm đảm bảo dinh dưỡng cho quá trình xử lý sinh học và đảm bảo hiệu quả xử lý của bể thiếu khí.

Phương trình khử nitrat từ COD (biodegradable soluble Chemical Oxygen Demand):

$$C_{10}H_{19}O_3N + 10NO_3 \rightarrow 5N_2 + 10CO_2 + 3H_2O + NH_3 + 10OH$$

❖ *Bể hiếu khí*

Tại bể hiếu khí không khí được cấp vào trong bể tạo điều kiện xáo trộn bùn hoạt tính và nước thải. Vi sinh vật sử dụng oxy được cấp vào để tiêu thụ các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Tại bể hiếu khí được cung cấp thêm hóa chất điều chỉnh pH, dinh dưỡng gồm N và P nhằm đảm bảo điều kiện pH thích hợp và dinh dưỡng cho quá trình xử lý sinh học. Các quá trình diễn ra trong bể hiếu khí bao gồm:

- Quá trình xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ: BOD, COD

- Quá trình oxi hóa (hay dị hóa)

(COHNS) + O_2 + VK hiếu khí CO_2 + NH_4^+ + sản phẩm khác + năng lượng + chất hữu cơ

- Quá trình tổng hợp (hay đồng hóa)

(COHNS) + O_2 + vi khuẩn hiếu khí $C_5H_7O_2N$ + năng lượng

Khi hàm lượng chất hữu cơ thấp hơn nhu cầu của vi khuẩn, vi khuẩn sẽ trải qua quá trình hô hấp nội bào hay là tự oxi hóa để sử dụng nguyên sinh chất của bản thân chúng làm cơ chất.

Để thực hiện được quá trình chuyển hóa này, một lượng vi sinh vật ban đầu - bùn

hoạt tính - sẽ được cấy vào trong bể để tạo một nồng độ vi sinh tương ứng với lượng cơ chất đầu vào. Sự phù hợp giữa hai yếu tố này được đánh giá qua hai chỉ tiêu MLSS (hàm lượng sinh khối lở lửng – mg/L) và tỉ lệ F/M (lượng cơ chất/lượng vi sinh vật).

Quá trình chuyển hóa nitrat (nitrification process)

Quá trình nitrat hóa: diễn ra trong bể với sự góp mặt của 2 chủng loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter theo cơ chế sau:

Bước 1: Ammonia được chuyển thành nitrit bởi loài Nitrosomonas (diễn ra tại lớp hiếu khí của lớp màng vi sinh vật)

$$NH_4^+ + 1{,}5\ O_2 \rightarrow NO_2^- + 2H^+ + H_2O$$

Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrat bởi loài Nitrobacter

$$NO_2^- + 0{,}5\ O_2 \rightarrow NO_3^-$$

Tổng hợp 2 phản ứng trên được viết lại như sau

$$NH_4^+ + 2\ O_2 \rightarrow NO_3^- + 2H^+ + H_2O$$

Quá trình hấp thu các chất dinh dưỡng dạng N, P vào trong bùn

Một phần Nitơ, Photpho sẽ được giảm thiểu nhờ việc hấp thu vào bùn thải trong quá trình xử lý sinh học.

Tỉ lệ Nitơ trong bùn thải: 5.6%.

Tỉ lệ Photpho trong bùn thải: 1.5%.

Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải được loại bỏ. Nước thải sau khi qua quá trình xử lý sinh học tiếp tục chảy vàobể lắng sinh học.

❖ *Bể lắng sinh học, khử trùng*

Hỗn hợp bùn/nước trong bể hiếu khí sẽ được dẫn sang bể lắng. Tại bể lắng này bùn nước được tách ra, bùn (tế bào vi sinh vật) được lắng xuống đáy bể. Bùn lắng được bơm hồi lưu trở lại bể thiếu khí giúp ổn định nồng độ bùn hoạt tính. Một phần bùn dư được bơm sang bể chứa bùn.

Nước thải từ bể lắng sinh học sẽ được chảy qua bể trung gian. Kết hợp với quá trình lắng tại đây được cấp hoá chất khử trùng để loại bỏ hoàn toàn những tác nhân gây bệnh hay các vi sinh vật trong nước thải trước khi được tự chảy hố ga thoát nước thải.

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K=1,2 (Áp dụng đối với Cơ sở sản xuất dưới 500 người).

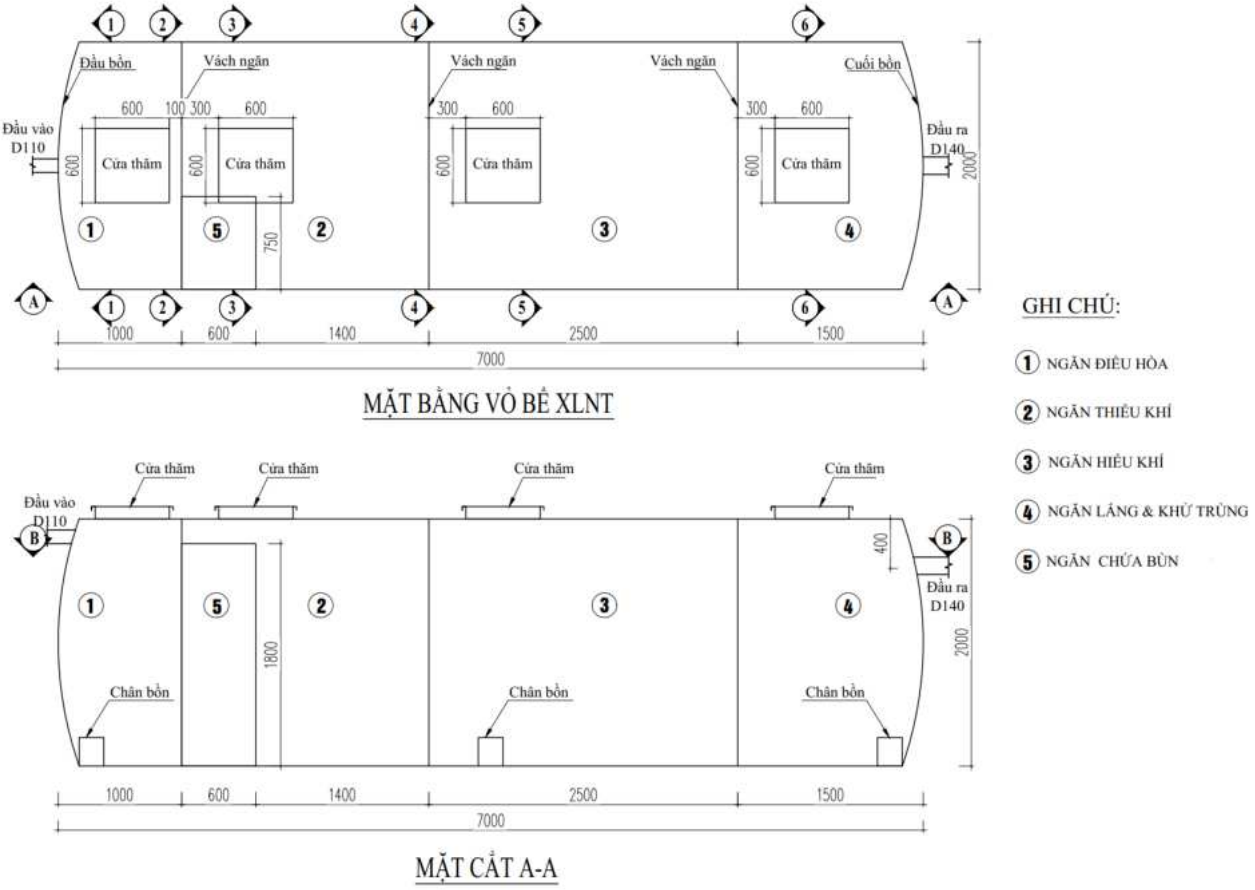
❖ *Bể chứa bùn*

Bùn dư từ quá trình sinh học sẽ được đưa về bể chứa bùn. Nước dư từ bể chứa bùn sẽ được đưa về bể điều hòa để xử lý. Bùn dư sẽ được hút bỏ định kỳ xử lý bởi đơn vị có

chức năng.

b) Thông tin các hạng mục và thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở là một thiết bị hợp khối được thiết kế dạng bồn bể với các ngăn/bể xử lý nối tiếp nhau. Cấu tạo của bể được trình bày như hình dưới:



Hình 3.7. Cấu tạo hệ thống xử lý nước thải

(Chi tiết bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải đính kèm phụ lục IV của báo cáo)

Thông số kích thước của hệ thống xử lý nước thải được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.7. Kích thước của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Đường kính D (m)	Chiều dài L (m)	Thể tích (m^3)	Số lượng	Khu vực	Vật liệu xây dựng
①	Ngăn/bể điều hòa	2	1	3,14	1	Khu vực phía Tây của nhà máy	Composite
②	Ngăn/bể thiếu khí	2	1,4	4,4	1		
③	Ngăn/bể hiếu khí	2	2,5	7,85	1		
④	Ngăn/bể lắng và khử trùng	2	1,5	4,71	1		
⑤	Ngăn/bể chứa bùn	2	0,6	1,88	1		

Một số thông tin thiết kế và kỹ thuật tổng thể của hệ thống xử lý nước thải công suất 12 m^3/ngày đêm của Cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.8. Một số thông tin thiết kế, kỹ thuật và máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Chủng loại thiết bị và thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	**Vỏ bể xử lý nước thải**	Kích thước: Đường kính 2m, dài 7m Kết cấu: Hình trụ, đúc sẵn liền chân đế và nắp cổ bể	Composite	Việt Nam	Cái	1
2	**Ngăn điều hòa** (Ngăn 1)	Thời gian lưu: h = 4÷8 (giờ)	-	-	-	-
		Hộp hướng dòng	Composite	Việt Nam	Cái	1
		Hệ thống ống phân phối khí	PPR	Việt Nam	HT	1
		Thời gian lưu: h = 6÷10 (giờ)	-	-	-	-
3	**Ngăn thiếu khí** (Ngăn 2)	Giá thể vi sinh cố định. (Kích thước: LxWxH (mm) = 325×325×50 (mm))	Nhựa PE, PP	Việt Nam	HT	1
		Hộp hướng dòng	Composite	Việt Nam	Cái	1
		Hệ thống ống phân phối khí	PPR	Việt Nam	HT	1
		Sàn đỡ giá thể	Inox 304	Việt Nam	HT	1
		Air Lift Pump *(bơm bằng khí nén)*	u.PVC, PPR	Việt Nam	Cái	2
		Thời gian lưu: h = 8÷14 (giờ)	-	-	-	-
		Giá thể vi sinh di động MBBR	Nhựa HDPE	Việt Nam	HT	1
4	**Ngăn hiếu khí** (Ngăn 3)	Sàn đỡ phên khí	Inox 304	Việt Nam	HT	1
		Hệ thống ống dẫn nước	u.PVC	Việt Nam	HT	1
		Hệ thống ống phân phối khí	PPR	Việt Nam	HT	1
		Rọ chắn giá thể vật mang	Inox 304	Việt Nam	Cái	1
		Thời gian lưu: h = 4÷8 (giờ)	-	-	-	-
		Hộp hướng dòng	Composite	Việt Nam	Cái	1
5	**Ngăn lắng và khử trùng** (Ngăn 4)	Thời gian lưu: h = 4÷6 (giờ)	-	-	-	-
		Ống lắng trung tâm	u.PVC	Việt Nam	Cái	1
		Hệ thống ống dẫn nước	u.PVC	Việt Nam	HT	1
		Hệ thống ống phân phối khí	PPR	Việt Nam	HT	1
		Air Lift Pump *(bơm bằng khí nén)*	u.PVC, PPR	Việt Nam	Cái	1
		Máng thu nước răng cưa	Composite	Việt Nam	Máng	1
		Máng thu váng nổi	Composite	Việt Nam	Máng	1
6	**Ngăn chứa bùn** (Ngăn 5)	Thời gian lưu: h = 0,5÷1 (giờ)	-	-	-	-
		Hộp hướng dòng	Composite	Việt Nam	Cái	1
7		Máy thổi khí	-	Nhật Bản	Cái	1

TT	Hạng mục	Chủng loại thiết bị và thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
	Hạng mục phụ trợ	Tủ điện điều khiển hệ thống	-	Việt Nam	Cái	1
		Đồng hồ đo lưu lượng	-	Malaysia	Cái	1

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải các loại và khối lượng hóa chất dự kiến sử dụng được trình bày tại bảng sau:

Bảng 4.34. Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Khối lượng dự kiến	Công dụng	Ghi chú
1	Dinh dưỡng (Rỉ mật)/cơ chất)	2,4 kg/ngày	Cung cấp dinh dưỡng cho vi sinh	*Có thể thay thế sử dụng bằng các hóa chất tương tự*
2	Hóa chất khử trùng (Clo viên nén	0,03 kg/ngày	Khử vi khuẩn có trong nước thải	

c) Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

➢ *Hệ điều khiển*

- Các thiết bị ngoài hiện trường

+ Các thiết bị ngoài hiện trường như là: bơm, motor, máy thổi khí, Có 2 chế độ vận hành cho thiết bị ngoài hiện trường: Auto/Off/Man.

+ Ở chế độ Auto: dưới hệ điều khiển thời gian, bơm, motor, máy khuấy trộn sẽ vận hành theo chương trình đã được cài đặt sẵn.

+ Ở chế độ Manual: Các thiết bị sẽ được điều khiển bởi người vận hành tại bàn điều khiển.

+ Ở chế độ Off: Các thiết bị sẽ không hoạt động ở cả chế độ Auto hay Manual.

+ Mạch điều khiển: Là cầu nối giữa tủ điện và các thiết bị ngoài hiện trường. Nhân viên vận hành sẽ điều khiển thiết bị hoạt động ở chế độ Manual bởi mạch điều khiển.

➢ *Chế độ hoạt động của các máy móc, thiết bị*

- Quy trình vận hành hệ thống

Đóng MCCB tổng trong tủ phân phối chính của Hệ thống:

+ Kiểm tra đèn báo pha, có đủ số pha (3 pha) không.

+ Kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị.

+ Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện.

Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB trong tù cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.

➢ *Trình tự và quy trình vận hành các thiết bị*

- Nguyên tắc vận hành

Có 2 chế độ: Auto - Chạy tự động Manual - Thao tác bằng tay.

+ Bằng tay: Gạt công tắt chuyển sang Man (máy chạy), gạt công tắt chuyển sang Off (tắt máy).

+ Tự động: tất cả các thiết bị đều được điều khiển tự động bằng role thời gian đã cài đặt sẵn bằng cách gạt công tắt chuyển của các thiết bị sang chế độ Auto.

+ Đèn FAULT trên bàn vận hành đỏ

Nguyên nhân: Có một hoặc nhiều động cơ trong hệ thống bị dừng do lỗi quá tải đồng thời MCCB chính đã bị "OFF".

Khắc phục:

+ Quan sát trên tủ điều khiển hoặc xem có một động cơ nào đó đã bị dừng.

+ Kiểm tra và tìm nguyên nhân động cơ quá tải và khắc phục.

+ Khởi động động cơ trở lại bằng tay hoặc tự động.

Đề phòng:

+ Chuyển hướng vận hành nếu có vấn đề xảy ra.

+ Trước khi khởi động bất kỳ moto nào, phải chắc chắn rằng MCCB mở.

+ Trong trường hợp khẩn cấp, ấn nút "E-STOP", tất cả các thiết bị sẽ ngừng hoạt động.

- Quy trình vận hành:

①. Khởi động hệ thống:

+ Kiểm tra nguồn điện, tủ điều khiển.

+ Bật máy thổi khí, đảm bảo các bể có sụi khí tại các ngăn/bể điều hòa, hiếu khí, ngăn lắng và khử trùng.

②. Vận hành Air Lift Pump:

+ Bật van khí nén cấp vào Air Lift Pump:

+ 2 cái tại bể thiếu khí *(1 cái hút bùn về bể chứa bùn, 1 cái khuấy trộn tại bể thiếu khí)*

+ 2 cái tại bể lắng *(1 cái hút bùn về bể chứa bùn, 1 cái thu vàng về ngăn thiếu khí)*

+ Thao tác vận hành: Khởi động (Mở van cấp khí từ máy thổi khí, theo dõi dòng bùn/nước tại đầu ra, dòng chảy sẽ không đều như bơm cơ khí, nhưng dao động nhịp nhàng); Điều chỉnh (Điều chỉnh lưu lượng khí để thay đổi lượng bùn hút, nếu khí quá mạnh → nước bắn tung tóe mà không hút được nhiều, nếu khí quá yếu → không đẩy được bùn); Trong quá trình vận hành quan sát dòng bùn ra có đều không, kiểm tra xem có sủi khí đúng vị trí, có thể cần xả khí hoặc xả cặn định kỳ nếu có lắng cặn ở đầu ống.

+ Khuyến nghị: Chiều cao nâng tối ưu 0,5-3 m (quá cao sẽ kém hiệu quả); Tỷ lệ chiều sâu khí/nâng: Nên ≥ 2:1 để tạo lực đẩy mạnh; Vị trí cấp khí: Càng gần đáy ống nâng càng tốt.

③. Theo dõi thông số vận hành:

+ Quan sát sụi khí ở các bể, điều chỉnh van khí nếu cần

④. Bổ sung dinh dưỡng (Rỉ mật/cơ chất):

+ Bổ sung dinh dưỡng cần phải thực hiện định kỳ theo đúng định lượng khoảng 2,4 kg/ngày (theo đúng tỷ lên sinh học C:N:P = 100:5:1), lượng dinh dưỡng phải được điều chỉnh lại cho phù hợp nếu khi hoạt động thực tế lưu lượng nước thải thấp hơn so với công suất thiết kế là 12 m^3/ngày đêm.

+ Thao tác thực hiện: Hòa loãng vào xô nước, rót chậm vào bể hiếu khí

⑤. Khử trùng (Clo viên nén):

+ Vì ngăn lắng và khử trùng kết hợp nên khi thực hiện khử trùng đã kết hợp thêm hệ thống sục khí để hỗ trợ quá trình khử trùng nước thải, do đó cần căn thời gian mở hệ thống sục khí để quá trình khử trùng được diễn ra hiệu quả.

+ Cho hóa chất khử trùng theo đúng định lượng 0,03 kg/ngày; hóa chất khử trùng phải được điều chỉnh lại cho phù hợp nếu khi hoạt động thực tế lưu lượng nước thải thấp hơn so với công suất thiết kế là 12 m^3/ngày đêm.

+ Thao tác thực hiện: Có thể hòa loãng hóa chất và nhỏ giọt vào bể khử trùng hoặc sử dụng thiết bị nhỏ giọt (Chú ý cán bộ vận hành cần phải trang bị bảo hộ như khẩu trang, găng tay,… để thực hiện).

⑥. Xả bùn:

+ Vì ngăn lắng và khử trùng kết hợp nên khi thực hiện khử trùng đã kết hợp thêm hệ thống sục khí để hỗ trợ quá trình khử trùng nước thải, do đó cần căn thời gian tắt hệ hệ thống sục khí để quá trình lắng cặn được diễn ra hiệu quả.

+ Mở Air Lift Pump từ bể lắng đẩy về bể chứa bùn.

+ Gọi xe hút bùn theo định kỳ 1-2 lần/tháng.

Lưu ý:

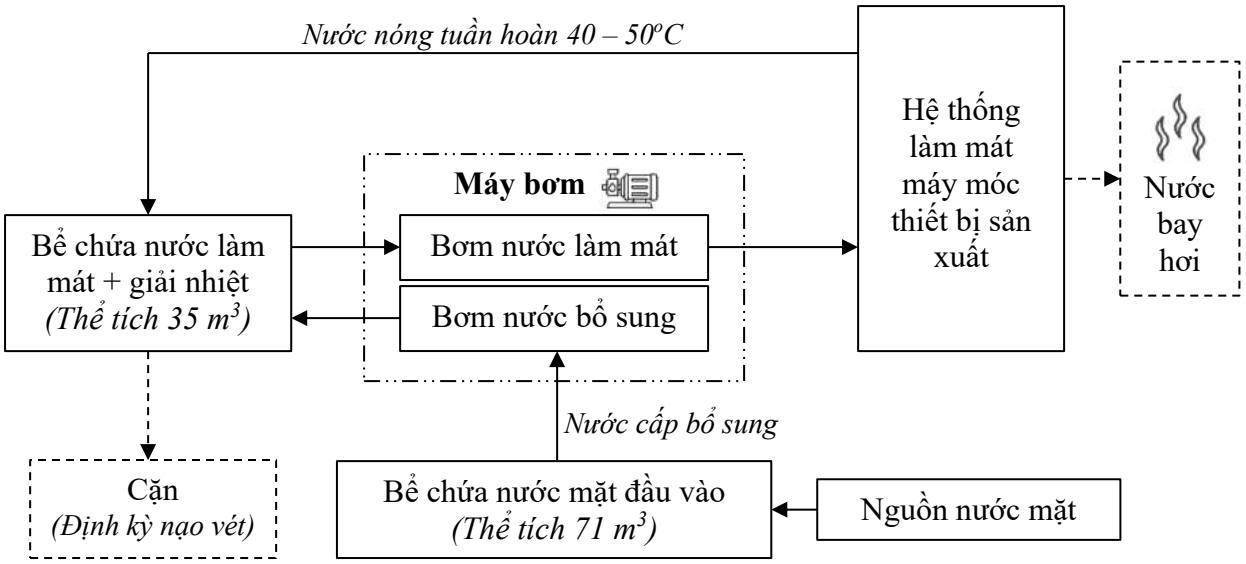
+ Luôn theo dõi mực nước trong các bể để đảm bảo không bị tắc hay tràn

+ Kiểm tra đều đạn thổi khí, van khí, ống khí để kém không bị rò rỉ

+ Định kỳ vệ sinh hộp hướng dòng, ống khí, Air Lift Pump

3.1.3.4. Hệ thống xử lý và tuần hoàn nước làm mát

Nước làm mát được sử dụng để làm mát cho máy móc thiết bị, làm nguội thân, các trục máy nghiền xi măng,… Nước thải ra từ quá trình làm mát được thu gom và xử lý theo sơ đồ quy trình như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn nước làm mát

a) Thuyết minh quy trình công nghệ:

- Lượng nước sử dụng trong quá trình làm mát được tuần hoàn và tái sử dụng lại liên tục theo vòng tròn khép kín, không thải trực tiếp ra ngoài môi trường. Lượng nước chỉ thất thoát bởi quá trình bay hơi tại hệ thống làm mát. Trong quá trình hoạt động của hệ thống, bể chứa nước làm mát đóng vai trò điều tiết lưu lượng, nhiệt độ ổn định và lưu trữ nước làm mát để chuẩn bị cho các chu trình tiếp theo.

- Lượng nước nóng *(nhiệt độ 40 - 50°C)* đi ra từ hệ thống làm mát được bơm tuần hoàn toàn bộ về bể chứa nước và được giải nhiệt bằng 4 ngăn chứa để kéo dài thời gian lưu, tiếp xúc với không khí để tiến hành giảm về nhiệt độ thường *(nhiệt độ 25 - 30°C)*. Lượng nước sau khi được giải nhiệt sẽ được bơm tuần hoàn lên hệ thống làm mát. Lượng nước thất thoát từ quá trình bay hơi sẽ được cấp liên tục vào bể chứa nước tương đương theo lượng nước bay hơi.

- Tại bể chứa nước làm mát trong quá trình sử dụng, lượng nước được bơm tuần hoàn lại liên tục do đó các tạp chất lơ lửng, cặn khoáng,… có thể lắng đọng trong bể chứa, công ty sẽ nạo vét định kỳ để tránh đóng cáu cặn, ảnh hưởng đến hiệu quả làm mát và tuổi thọ của các thiết bị.



Hình 3.9. Bể chứa nước làm mát của Cơ sở

b) Thông tin các hạng mục và thông số kỹ thuật của hệ thống làm mát:

Hệ thống làm mát hầu như có trong tất cả các công đoạn hoạt động sản xuất của nhà máy, các hạng mục thiết bị làm mát cụ thể được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.9. Hạng mục và thông số kỹ thuật của hệ thống làm mát

TT	Hạng mục	Chủng loại thiết bị và thông số kỹ thuật	Vật liệu	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
1	**Bể chứa nước làm mát**	- Cấu tạo: Bể được chia thành 4 ngăn chứa để kéo dài thời gian lưu và tiếp xúc với không khí - Sức chứa đảm bảo cho hệ thống vận hành trong khoảng 30 phút ở điều kiện định mức, tổng thể tích: 35 m^3	Bê tông	Việt Nam	Bể	
2	**Bơm nước làm mát**	- Kiểu: Ly tâm, truyền động bằng điện - Lưu lượng: 1.000 m^3/giờ/1 bm - Công suất: 100 kW - Cột áp đầu đẩy: H = 20 m H_2O - Van đầu đẩy: 1 Van/bơm, kiểu bướm, điện	-	Việt Nam	Cái	4
3	**Hệ thống đường ống**	- Đường ống cấp vào bình ngưng: + Tốc độ: 1,5 m/s + Đường kính ống: Khoảng 50 mm + Kết cấu: Thép các bon, trong phủ poxy	Kẽm	Việt Nam	Hệ thống	1
		- Đường ống thoát từ bình ngưng ra tháp làm mát: + Tốc độ: 1,5 m/s + Lưu lượng: 4800 m^3/h + Đường kính ống: Khoảng 50 mm + Kết cấu: Thép các bon, trong phủ poxy	Kẽm	Việt Nam	Hệ thống	1

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Công trình thu gom bụi, khí thải trước khi xử lý

Trong quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy, khí thải phát sinh từ các nguồn phát sinh sau:

- Khu vực máy nghiền 1:

+ Nguồn số 01: Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 1;

+ Nguồn số 02: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 1 (tại máy nghiền 1);

+ Nguồn số 03: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 2 (tại máy nghiền 1);

+ Nguồn số 04: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 3 (tại máy nghiền 1);

+ Nguồn số 05: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 4 (tại máy nghiền 1);

- Khu vực máy nghiền 2:

+ Nguồn số 06: Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 2;

+ Nguồn số 07: Công đoạn cân bằng định lượng các nguyên liệu và phụ gia;

+ Nguồn số 08: Công đoạn rót xi măng vào Silô đồng nhất (tại máy nghiền 2);

- Khu vực đóng bao xi măng:

+ Nguồn số 09: Công đoạn đóng bao (cụm 4 vòi đóng bao);

+ Nguồn số 10: Công đoạn đóng bao (cụm 8 vòi đóng bao);

- Khu vực trộn vữa:

+ Nguồn số 11: Công đoạn đóng bao (khu vực trộn vữa);

+ Nguồn số 12: Công đoạn rót nguyên liệu vào Silô đồng nhất (tại khu vực trộn vữa);

- Khu vực sấy cát:

+ Nguồn số 13: Hoạt động của máy sấy cát.

Quá trình vận hành các dây chuyền sản xuất phát sinh bụi, khí thải tại một số công đoạn sản xuất. Tại các vị trí này, Nhà máy đã bố trí các đường ống thu gom đồng bộ, gắn trực tiếp vào máy để thu bụi, khí thải từ công đoạn phát sinh về công trình xử lý. Chi tiết được tổng hợp tại bảng sau:

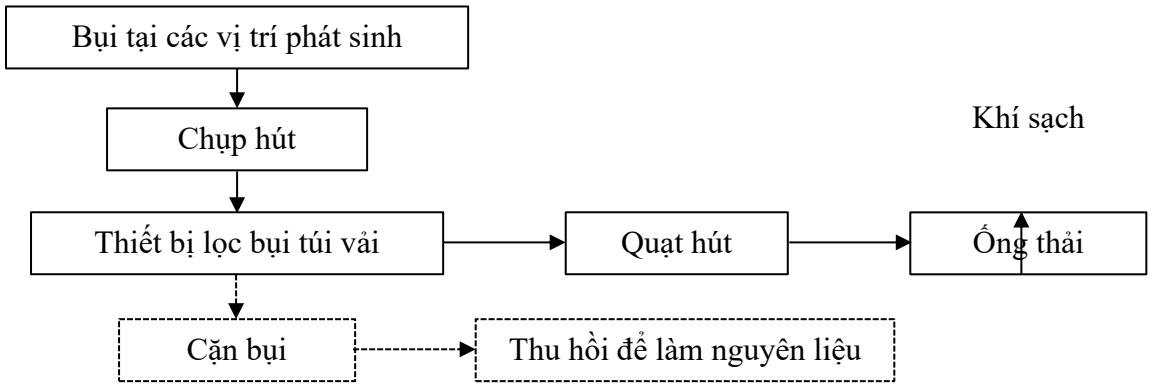
Bảng 3.10. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom bụi, khí thải của cơ sở

STT	Công đoạn	Thông số kỹ thuật đường ống thu gom			
		Đường kính	Kết cấu	Chiều dài	Số lượng
I	**Khu vực máy nghiền 1**				
1	Nguồn số 01	Ø1200	Thép Q235	25m	1 đường ống
2	Nguồn số 02	Ø600	Thép Q235	12m	1 đường ống
3	Nguồn số 03	Ø600	Thép Q235	11m	1 đường ống
4	Nguồn số 04	Ø600	Thép Q235	13m	1 đường ống
5	Nguồn số 05	Ø600	Thép Q235	11m	1 đường ống
II	**Khu vực máy nghiền 2**				
1	Nguồn số 06	Ø2000	Thép Q235	23m	1 đường ống
2	Nguồn số 07	Ø600	Thép Q235	9m	1 đường ống
3	Nguồn số 08	Ø600	Thép Q235	6m	1 đường ống
III	**Khu vực đóng bao xi măng**				
1	Nguồn số 09	Ø600	Thép Q235	15m	1 đường ống
2	Nguồn số 10	Ø600	Thép Q235	25m	1 đường ống
IV	**Khu vực trộn vữa**				
1	Nguồn số 11	Ø600	Thép Q235	12m	1 đường ống
2	Nguồn số 12	Ø600	Thép Q235	10m	1 đường ống
V	**Khu vực sấy cát**				

1	Nguồn số 13	Ø400	Thép Q235	8m	1 đường ống

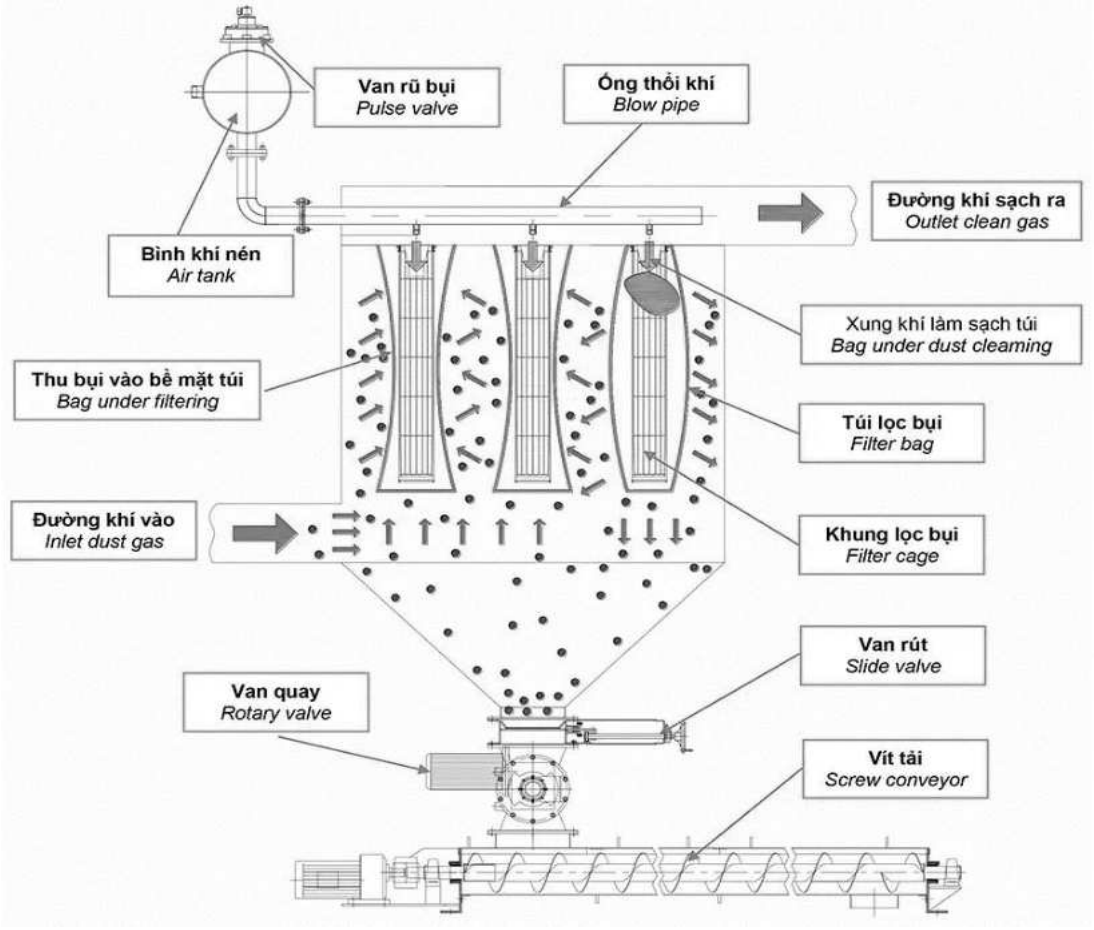
3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Từ các quy trình sản xuất của nhà máy không có công đoạn phát sinh khí thải có thành phần phức tạp khó xử lý, các công đoạn sản xuất chỉ phát sinh bụi do đó các hệ thống xử lý bụi tại nhà máy đều sử dụng chung 1 công nghệ xử lý là thiết bị lọc bụi túi vải. Quy trình công nghệ chung của các hệ thống xử lý bụi của nhà máy như hình sau:



Hình 3.10. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi của cơ sở

- Hệ thống xử lý bụi gồm nhiều tay áo hình trụ được giữ chặt bằng khung thép và thiết bị sung khí nén để giũ bụi bám trên bề mặt túi vải. Cụ thể mô tả cấu tạo của hệ thống lọc bụi túi vải được thể hiện trong hình sau:



Hình 3.11. Cấu tạo của thiết bị lọc bụi túi vải

- Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc túi vải tại các dây chuyền sản xuất:

Bụi được thu gom tại các vị trí phát sinh thông qua các chụp hút được nối với hệ thống ống dẫn vào thiết bị lọc bụi túi vải. Không khí chứa bụi phát sinh tại các công đoạn được thu gom thông qua các chụp hút đấu nối với hệ thống ống dẫn vào thiết bị lọc bụi túi vải. Không khí chứa bụi khi qua màng lọc của túi lọc vải sẽ lăn qua ống theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới, khi gặp phễu dòng không khí bị đẩy ngược lên chuyển động xoáy trong ống. Trong quá trình chuyển động xoáy ốc lên và xuống trong các ống, các hạt bụi dưới tác dụng của lực ly tâm sẽ va vào thành, mất quán tính và rơi xuống phía dưới. Ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe sợi vải sẽ được giữ lại trên bề mặt màng lọc theo nguyên lý rây. Các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt màng lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Khí sau khi qua thiết bị lọc túi vải được dẫn ra ống thải và thoát ra ngoài không khí.

Lượng bụi cặn được thu hồi dưới đáy được tận dụng làm nguyên liệu sản xuất. Bụi dưới đáy buồng qua van xả phía dưới xuống băng tải chuyển về silo chứa bột liệu sống.

Chủ cơ sở thường xuyên, kiểm tra tình trạng sử dụng của túi vải, trong trường hợp rách, hỏng sẽ được thay mới. Tỷ lệ thay túi khoảng 10% túi hỏng/buồng/năm.

- Quy chuẩn khí thải đầu ra sau xử lý: QCVN 23:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng, cột B2 có $K_p = 1,2$ và $K_v = 1,4$ trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông số kỹ thuật và lưu lượng xả khí thải tối đa của các thiết bị lọc bụi túi vải được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.11. Thông số kỹ thuật của các thiết bị lọc bụi túi vải

STT	Công đoạn/vị trí lắp đặt thiết bị lọc bụi		Ký hiệu mã túi lọc	Diện tích lọc	Lưu lượng xả tối đa	Thông số kỹ thuật
I	**Khu vực máy nghiền 1**					
1	Nguồn số 01	Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 1	PPCS32-5	155m^2	11.100 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester. - Ống khói: chiều cao 5m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
2	Nguồn số 02:	Công đoạn rót xi măng vào Silô số 1 (tại máy nghiền 1)	LBF 64-1	64 m^2	4.500 - 7.400 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester. - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
3	Nguồn số 03:	Công đoạn rót xi măng vào Silô số 2 (tại máy nghiền 1)	LBF 64-1	64 m^2	4.500 - 7.400 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật

						liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
4	Nguồn số 04:	Công đoạn rót xi măng vào Silô số 3 (tại máy nghiền 1)	LBF 64-1	64 m^2	4.500 - 7.400 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
5	Nguồn số 05:	Công đoạn rót xi măng vào Silô số 4 (tại máy nghiền 1)	LBF 64-1	64 m^2	4.500 - 7.400 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
II	**Khu vực máy nghiền 2**					
1	Nguồn số 06:	Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 2	PPCS96-2x8	1.260 m^2	107.600 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 10m, đường kính 1,97m, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
2	Nguồn số 07:	Công đoạn cân bằng định lượng các nguyên liệu và phụ gia	PPCS 32-4	128 m^2	10.600 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 5m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
3	Nguồn số 08:	Công đoạn rót xi măng vào Silô đồng nhất (tại máy nghiền 2)	LBF 64-4	256 m^2	19.000 - 36.000 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 3m, đường kính 30cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
III	**Khu vực đóng bao xi măng**					
1	Nguồn số 09:	Công đoạn đóng bao (cụm 4 vòi đóng bao)	PPCS32-5	155 m^2	11.100 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 5m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
2	Nguồn số 10:	Công đoạn đóng bao (cụm 8 vòi đóng bao)	PPCS 96-4	384 m^2	25.000 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
IV	**Khu vực trộn vữa**					
1	Nguồn số 11:	Công đoạn đóng bao (khu vực trộn vữa)	PPCS 30-5	150 m^2	15.000 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester

						- Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
2	Nguồn số 12:	Công đoạn rót nguyên liệu vào Silô đồng nhất (tại khu vực trộn vữa)	LBF 64-1	64 m^2	4.500 - 7.400 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.
V	**Khu vực sấy cát**					
1	Nguồn số 13:	Hoạt động của máy sấy cát	PPCS 96-8	768 m^2	30.000 m^3/h	- Túi lọc: vật liệu Polyester - Ống khói: chiều cao 2m, đường kính 40cm, vật liệu thép không gỉ, số lượng: 01 cái.

- Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

Bảng 3.12. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

STT	Tên dòng thải	Nguồn phát sinh khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)*		Phương thức xả khí thải
			X (m)	Y (m)	
I	**Khu vực máy nghiền 1**				
1	Dòng khí thải số 01	Nguồn số 01	2281185	584575	Xả gián đoạn
2	Dòng khí thải số 02	Nguồn số 02	2281187	584577	Xả gián đoạn
3	Dòng khí thải số 03	Nguồn số 03	2281181	584584	Xả gián đoạn
4	Dòng khí thải số 04	Nguồn số 04	2281178	584579	Xả gián đoạn
5	Dòng khí thải số 05	Nguồn số 05	2281181	584582	Xả gián đoạn
II	**Khu vực máy nghiền 2**				
1	Dòng khí thải số 06	Nguồn số 06	2281196	584601	Xả gián đoạn
2	Dòng khí thải số 07	Nguồn số 07	2281207	584579	Xả gián đoạn
3	Dòng khí thải số 08	Nguồn số 08	2281193	584606	Xả gián đoạn
III	**Khu vực đóng bao xi măng**				
1	Dòng khí thải số 09	Nguồn số 09	2281164	584611	Xả gián đoạn
2	Dòng khí thải số 10	Nguồn số 10	2281167	584622	Xả gián đoạn
IV	**Khu vực trộn vữa**				
1	Dòng khí thải số 11	Nguồn số 11	2281125	584599	Xả gián đoạn
2	Dòng khí thải số 12	Nguồn số 12	2281139	584596	Xả gián đoạn
V	**Khu vực sấy cát**				
1	Dòng khí thải số 13	Nguồn số 13	2281042	584622	Xả gián đoạn

(Ghi chú: Khí thải được xả gián đoạn dựa theo chế độ vận hành của các thiết bị)

- Các loại hóa chất, xúc tác sử dụng: Không sử dụng hóa chất

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

- Một số hình ảnh của thiết bị lọc bụi tại cơ sở:



Hình 3.12. Hình ảnh một số hệ thống lọc bụi tại cơ sở

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở các loại chất thải rắn thông thường phát sinh bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Thành phần và khối lượng:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực hoạt động của cơ sở.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Các loại giấy bao gói, túi nilon đựng đồ ăn và thức ăn thừa của công nhân và các loại chất thải rắn khác không phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy (Phần lớn lượng chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các loại rác thải hữu cơ phát sinh tại khu vực nhà bếp của nhà máy).

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng số lượng 200 người bao gồm người lao động và cán bộ quản lý thường xuyên tại nhà máy với mức thải trung bình 0,5 kg/người/ngày (có bếp ăn cho công nhân và thực hiện nấu ăn bình thường). Tổng khối lượng chất thải phát sinh lớn nhất từ cơ sở là:

$$Q_{CTRSH} = 0,5 \text{ kg/người/ngày x } 200 \text{ người} = 100 \text{ kg/ngày} = 27,6 \text{ tấn/năm.}$$

Thực tế hiện tại cơ sở đang hoạt động sản xuất với 70 cán bộ công nhân viên, phát sinh khoảng 35 kg/ngày.

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý:

Việc lưu trữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong nhà máy được tuân theo nguyên tắc: "phân loại tại nguồn" nhằm hưởng ứng chủ trương bảo vệ môi trường "chất thải rắn là tài nguyên".

- Phương án thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy được cam kết như sau: Các loại rác thải được phân loại và chứa trong các thùng chứa riêng biệt có nắp đậy bố trí tại các điểm sinh hoạt chung của cán bộ công nhân viên, đến cuối ngày được nhân viên phụ trách thu gom về các thùng rác tập trung tại khu vực tập kết rác thải, hàng ngày đơn vị dịch vụ VSMT có đầy đủ năng lực sẽ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Quy định chung: Phân loại và lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt riêng biệt, không để lẫn với các loại chất thải nguy hại và chất thải rắn công nghiệp.

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích khoảng: 12 m^2;

+ Vị trí: Gần cổng chính ra vào của nhà máy.

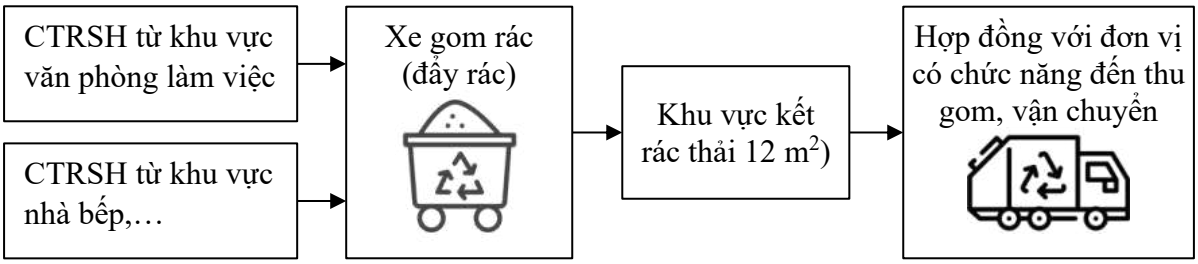
- Các điểm phát sinh CTR sinh hoạt tại cơ sở trong quá trình hoạt động bao gồm khu vực văn phòng làm việc và khu vực nhà bếp. Tại nhà máy bố trí các thùng nhựa có

nắp đậy dung tích từ 20 lít đến 120 lít đặt tại các khu vực văn phòng và nhà bếp để chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; Cụ thể rác thải sinh hoạt sẽ được phân loại bao gồm:

+ Chất thải thực phẩm (Bao gồm mọi loại chất thải rắn có thành phần hữu cơ phát sinh từ nhà bếp);

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác (rác thải sinh hoạt còn lại).

- Quy trình thực hiện thu gom lượng chất thải rắn sinh hoạt được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3.13. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

Hàng ngày lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được công nhân gom lại bằng xe gom rác thải chuyên dụng dung tích 500 lít và tập kết về nhà kho chứa rác thải tập trung của nhà máy.

Định kỳ lượng chất thải rắn sẽ được đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần đầu tư môi trường Đô thị sông Hồng) đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định *(Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt đính kèm phụ lục I của báo cáo).*



Hình 3.14. Xe gom rác thải sinh hoạt của nhà máy

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.3.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thành phần và khối lượng:

Căn cứ quá trình hoạt động thực tế tại Nhà máy, các loại CTRCNTT phát sinh chủ yếu bao gồm bụi từ các thiết bị xử lý bụi, xỉ than, bao bì hỏng, túi lọc bụi hỏng,… Ngoài ra còn có bùn thải từ hệ thống xử lý nước làm mát, bể tự hoại. Dự báo khối lượng CTRCNTT phát sinh khi Nhà máy đi vào hoạt động:

Bảng 3.13. Thành phần khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bao bì đóng gói hỏng	18 01 05	0,1
2	Túi lọc bụi hỏng		0,15

3	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải, bột liệu và xi măng kết tảng	06 03 07	82
-	**Tổng**	-	82,25

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý:

- Đối với bao bì đóng gói hỏng và túi lọc bụi hỏng (có khả năng tái chế):

+ Phương án để xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở được cam kết như sau: Cơ sở sẽ tiến hành bán cho các đơn vị/doanh nghiệp có nhu cầu thu mua về để tái chế toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh;

+ Tần suất thu gom: Thu gom theo khối lượng thực tế phát sinh;

+ Quy định: Phân loại và lưu giữ các loại chất thải riêng biệt (chất thải giấy bìa, chất thải nhựa,..), không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

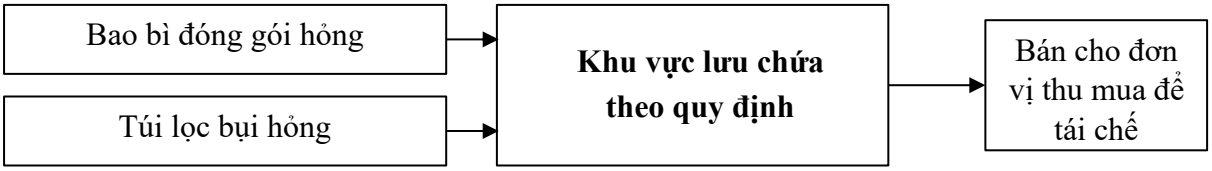
- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích lưu chứa: 10 m^2;

+ Kết cấu: Khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông chống thấm, nền kho có cos nền cao hơn cos nền sân đường xung quanh đảm bảo không bị ngập lụt, kho chứa ngăn cách riêng với kho tập kết CTR sinh hoạt và CTNH;

+ Vị trí: Bố trí tại nhà kho lưu chứa chất thải của nhà máy;

- Quy trình thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường:



Hình 3.15. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với bụi thu gom từ hệ thống xử lý khí thải, bột liệu và xi măng kết tảng thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất.

3.3.2.2. Chất thải rắn khác

Trong quá trình hoạt động của cơ sở ngoài chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp cơ sở còn phát sinh khối lượng bùn cặn từ một số công trình thu gom thoát nước mưa, nước thải, bể tự hoại và bể tách mỡ.

a) Bùn thải từ hệ thống thu gom thoát nước mưa:

Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống thu gom thoát nước mưa của cơ sở phát sinh khi thực hiện nạo vét hệ thống thoát nước định kỳ. Dự tính khối lượng bùn cặn phát sinh được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{max} \times [1 - exp(-k_z \times T)] \times F \text{ (kg)}$$

(Nguồn: Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản, PGS.TS. Trần Đức Hạ, NXB xây dựng, 2009).

Trong đó:

- M_{max}: Lượng chất không tan lớn nhất trong khu vực, 220kg/ha;

- k_z: Hệ số động học tích lũy chất bẩn ở khu vực, k_z = 0,8 (ngày^{-1});

- T: Thời gian tích lũy chất bẩn, 26 ngày (khoảng 1 tháng);

- F: Diện tích sân đường của cơ sở; F = 3.373,8 m^2 = 0,337 ha.

=> Vậy tải lượng bùn cặn phát sinh từ hệ thống thu gom thoát nước mưa là:

M = 74,14 kg/tháng = 0,89 tấn/năm.

Thành phần của lượng chất thải chủ yếu là cát, xà bần,… là các phần tử vô cơ, tỷ trọng lớn, theo nước mưa tích tụ đầu mạng lưới thoát nước.

Biện pháp quản lý: Định kỳ theo quy định nhà máy sẽ thực hiện nạo vét các chất bẩn từ hệ thống thu gom thoát nước, sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Bùn thải từ bể tự hoại:

Trong quá trình xử lý nước thải sinh hoạt của bể tự hoại phát sinh ra một lượng cặn (Lượng cặn này được chứa trong ngăn chứa 1 và 2 của các bể tự hoại *(như đã trình bày tại mục 3.1.3 của báo cáo này)*. Lượng bùn cặn phát sinh mỗi ngày trong bể tự hoại được tính như sau:

$$V_{bùn\ tự\ hoại} = \frac{[a \times (100 - W_1) \times b \times c\ ] \times N}{(100 - W_2) \times 1000}$$

Trong đó:

- a: Lượng cặn tối đa một người thải ra trong một ngày tại nhà máy sản xuất, a=0,2 (l/người/ngày.đêm);

- W_1, W_2: Độ ẩm cặn tươi vào bể và cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%

- b: Hệ số kể đến giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%), b = 0,7;

- c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng (để lại 20%), c = 1,2;

- N: số người sử dụng (áp dụng tối đa khu vực văn phòng là 50 người, khu vực sản xuất là 100 người sử dụng bể tự hoại).

=> Thay số vào công thức trên, tính toán ta được lượng bùn phát sinh từ các bể tự hoại được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3.14. Lượng bùn phát sinh từ các bể tự hoại

STT	Hạng mục	Số lượng *(bể)*	Thể tích *(m^3)*	Tổng lượng bùn phát sinh *(m^3/ngày)*
1	Bể tự hoại khu vực văn phòng	5	4	0,008
2	Bể tự hoại khu vực sản xuất	2	28,4	0,025
-	**Tổng**	**7**	**-**	**0,033**

Theo bài giảng "Kỹ thuật xử lý nước thải - Thạc sĩ Lâm Vĩnh Sơn - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ, năm 2008 " thì khối lượng riêng của bùn d =1.053 kg/m^3. Vậy Khối lượng bùn sinh ra trong một ngày như sau:

$M_{bùn\ tự\ hoại}$ = d × $V_{bùn\ tự\ hoại}$ = 1.053 × 0,033 = 34,75 (kg/ngày)

Vậy tổng lượng bùn cặn phát sinh tại bể tự hoại trong quá trình hoạt động của cơ sở là 34,75 kg/ngày tương đương phát sinh khoảng 11,82 tấn/năm.

Biện pháp quản lý: Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển với tần suất khoảng 01 lần/năm.

c) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Quá trình xử lý nước thải còn phát sinh lượng khối lượng bùn hoạt tính từ Bể

Aerotank, bể lắng hóa lý, các bể sinh học… Lượng bùn phát sinh tính toán như sau:

$$Y_b = \frac{Y}{1 - \theta_c \times K_d}$$

Trong đó:

- Y_b: Hệ số tăng trưởng bùn;
- Y: Hệ số sản lượng bùn, Y = 0,6 gam VS/gam BOD_5;
- θ_c: Tuổi của bùn, t = 30 ngày;
- K_d: Hệ số phân huỷ nội bào, K_d = 0,03 ngày;

Thay số vào công thức trên ta được: Y_b = 0,32

Lượng bùn sinh ra được tính toán theo công thức:

$$P_x = Q \times (S_0 - S) \times Y_b$$

Trong đó:

- P_x: Lượng bùn hoạt tính sinh ra trong các hồ, kg/ngày;
- Q: Lưu lượng nước thải ứng với công suất xử lý nước thải;
- S_0: Nồng độ BOD đầu vào bể điều hòa (sau bể tự hoại);
- S: Nồng độ BOD đầu ra, BOD = 100 mg/l = 0,1 kg/m^3. (giá trị BOD tại QCVN 62-MT:2016, Cột B);

Thay số vào công thức trên tính toán ta được kết quả như sau:

Bảng 3.15. Khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

Hạng mục	**$BOD_{vào}$** *(kg/m^3)*	**BODra** *(kg/m^3)*	**Lưu lượng nước thải** *(m^3/ngày)*	**Bùn thải phát sinh** *(kg/ngày)*
Hệ thống XLNT	1,190	0,1	12	4,19

Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải của Dự án phát sinh bùn thải với tổng khối lượng khoảng 4,19 kg/ngày.đêm (tương đương 1,43 tấn/năm). Thành phần và tính chất của bùn thải được phân định trong thực tế vận hành theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Bùn thải phát sinh từ bể chứa nước làm mát

Lượng bùn phát sinh từ bể chứa nước làm mát hình thành chủ yếu từ nồng độ chất rắn lơ lửng TSS, trong quá trình làm mát vì lượng nước được tuần hoàn về bể chứa này liên tục nên có cuốn theo lượng cát bụi gây cặn lắng tích tụ trong bể. Căn cứ thành phần TSS trong bể, lượng bùn phát sinh được tính toán như sau:

$$V_{bùn} = V \times C_{TSS} \times T$$

Trong đó:

V: là lượng nước sử dụng để làm mát, *V = 35,5 m^3*

C_{TSS}: Nồng độ chất rắn lơ lửng trong nước, *C_{TSS} = 106 (Căn cứ kế quả phân tích mẫu nước thải sản xuất năm 2023 và năm 2024 – Lấy theo nồng độ lớn nhất)*

T: thời gian hoạt động của hệ thống (ngày), *T = 340 ngày/năm*

Thay số vào ta có: $V_{bùn}$ = 1.279,42 kg/năm = 1,28 tấn/năm

e) Chất thải rắn phát sinh từ bể tách mỡ:

Lượng nước cấp sử dụng cho việc nấu ăn, vệ sinh bát đũa tại nhà bếp là 20lít/người/ngày, phục vụ cho khối lượng cán bộ công nhân viên tối đa là 200 người tương đương với đó ta có tổng lượng nước thải vào bể tách mỡ là:

$$Q = 20 \times 200 = 4000 \text{ (lít/ngày)} = 4 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$$

Tại bể tách mỡ phát sinh một lượng chất thải rắn với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ bao gồm phần cặn được giữ lại tại phần giỏ lọc và phần cặn mỡ đã được tách. Theo báo cáo của EPA (Environmental Protection Agency, Hoa Kỳ), nồng độ dầu mỡ trong nước thải nhà bếp nấu ăn công nghiệp là $M_{dầu\ mỡ}$ = 100 - 600 mg/L, và chất rắn lơ lửng (SS) từ M_{SS} = 200 - 1,000 mg/L. Đánh giá theo số lượng lớn nhất ta có tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh sau bể tách mỡ là:

$$M_{bể\ tách\ mỡ} = Q \times (M_{dầu\ mỡ} + M_{SS}) = 4000 \times (600 + 1000) = 6,4 \text{ kg/ngày}$$

Biện pháp quản lý: Khối lượng bùn cặn phát sinh từ bể tách mỡ có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ là các loại thức ăn thừa do đó hàng ngày lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được cán bộ phục vụ tại nhà bếp thu gom và thải bỏ cùng với lượng chất thải rắn sinh hoạt có thành phần hữu cơ khác của nhà máy. Lượng chất thải rắn này sẽ được đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần đầu tư môi trường Đô thị sông Hồng) định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*Như đã nêu tại mục 3.3.1)*.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Thành phần và khối lượng:

Thành phần và nguồn gốc phát sinh các loại CTNH từ hoạt động của nhà máy:

- Hộp chứa mực in thải: Phát sinh từ các thiết bị in ấn của nhà máy (tại khu vực phòng hành chính, phòng kỹ thuật,…);

- Bóng đèn huỳnh quang thải: Phát sinh từ quá trình thay thế bóng đèn huỳnh quang vỡ hỏng tại nhà máy;

- Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải: Phát sinh từ quá trình thay dầu các thiết bị máy móc với tần suất khoảng 6 tháng/lần; Hiện tại chỉ có một số loại máy móc sử dụng dầu nhiên liệu với khối lượng không lớn nên lượng dầu phát sinh sẽ thấp hơn so với khối lượng dự kiến;

- Bao bì mềm thải: Chủ yếu là các túi, bao bì chứa đựng dầu máy để sửa chữa máy móc thiết bị và các loại hóa chất sử dụng cho quá trình xử lý nước thải,…

- Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải: Là các thùng, hộp đựng bằng nhựa phát sinh từ quá trình thực hiện quét sơn bảo dưỡng cho các mối nối bằng kim loại của máy móc thiết bị,… dùng trong quá trình sản xuất và các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa công trình, máy móc thiết bị;

- Giẻ lau dính dầu mỡ: Phát sinh từ quá trình tra dầu/thay dầu cho một số loại máy móc thường xuyên phải được bảo dưỡng như máy bồi, máy gia nhiệt, máy bế tự động, máy ép định hình,…;

Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy nhiều hay ít phụ thuộc vào tình hình hoạt động của nhà máy. Căn cứ theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và chứng từ thu gom chất thải nguy hại của chủ nguồn thải theo thống kê gần nhất chủng loại CTNH phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 3.16. Khối lượng CTNH phát sinh của cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)		
				Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến phát sinh lớn nhất hiện tại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	-	05	70
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	12	03	80
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	20	20	200
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	-	16	120
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	-	-	150
6	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15	18	300
-	**Tổng số**			**47**	**62**	**920**

(Nguồn: Số liệu được tổng kết từ chứng từ chất thải nguy hại và được cân đối lại theo tình hình phát sinh so với số liệu đã đăng ký theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại_Đính kèm phụ lục I báo cáo)
Chú thích: "-" không phát sinh

Theo số liệu khối lượng chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trong sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mà chủ dự án thực hiện đăng ký, định mức khối lượng phát sinh chất thải nguy hại lớn nhất là tương ứng theo công suất hoạt động sản xuất đối với tất cả các ngành sản xuất đã đăng ký theo giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên thực tế hiện tại cơ sở có thay đổi nhiều về quy trình và thiết bị nên thành phần chất thải nguy hại phát sinh có thay đổi một phần; Do đó chủ cơ sở xin cấp phép với việc quản lý lượng chất thải nguy hại phát sinh với số liệu nêu tại bảng trên.

b) Công trình, biện pháp lưu trữ và xử lý:

Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo các quy định tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Hiện tại chủ cơ sở đã bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định, đảm bảo lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở.

Phương án để xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được cam kết như sau: Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị dịch vụ VSMT có đầy đủ năng lực để xử lý toàn bộ rác thải nguy hại.

- Tần suất thu gom chất thải nguy hại: tối thiểu 1 lần/năm.

- Nguyên tắc thực hiện: Phân loại và lưu giữ các loại chất thải nguy hại riêng biệt, không để lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau.

- Khu vực lưu chứa CTNH:

+ Diện tích kho lưu chứa: 8 m^2.

+ Kết cấu: Khung thép, lợp mái tôn, nền bê tông chống thấm, nền kho có cos nền cao hơn cos nền sân đường xung quanh đảm bảo không bị ngập lụt; Kho bố trí cửa thép có khóa, gắn biển tên kho, biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH và đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

+ Vị trí: Nhà kho ở khu vực phía Đông Nam của Nhà máy tiếp giáp với nhà xưởng sản xuất khay nhựa.

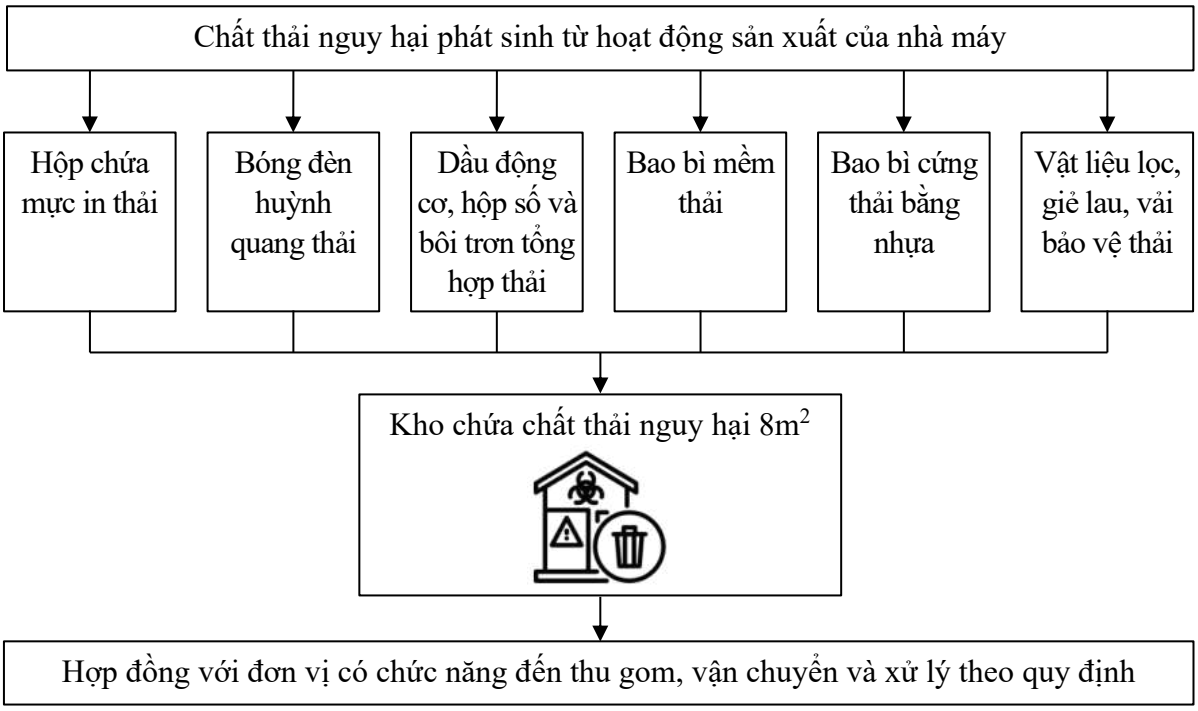
+ Bố trí: Tại cửa kho chứa có dán biển cảnh báo theo đúng quy định, bên trong kho chứa được bố trí 06 thùng phuy dung tích 220 lít chứa từng loại CTNH rắn, mỗi thùng chứa đều có dán biển chỉ dẫn (bao gồm các thông tin tên và mã số của từng loại chất thải nguy hại như đã nêu tại *Bảng 3.16*).

- Quy trình quản lý chất thải nguy hại như sau: Nguồn phát sinh → Danh mục → Khối lượng → Biện pháp quản lý (thu gom, phân loại, lưu giữ, dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại, điều kiện kho lưu giữ, biển cảnh báo) → Đơn vị vận chuyển, xử lý → Báo cáo định kỳ cho các cơ quan chức năng.

- Một số hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại:



Hình 3.16. Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở



Hình 3.17. Sơ đồ khối phương án thu gom CTNH

- Quy trình thực hiện thu gom quản lý chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại sẽ được thu gom trực tiếp ngay tại thời điểm và vị trí phát sinh, sau đó được vận chuyển về kho chứa, phân loại theo chỉ dẫn và để vào trong đúng các thùng chứa đã được quy định. Riêng đối với nước thải chứa thành phần nguy hại sẽ được thu gom về bể chứa riêng của cơ sở. Định kỳ lượng chất thải nguy hại sẽ được Công ty cổ phần môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng *(hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục I của báo cáo)*.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

➢ Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Trong quá trình sản xuất nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các hoạt động bao gồm:

- Hoạt động của máy móc, thiết bị: Các loại máy móc phát sinh tiếng ồn có thể kể đến bao gồm máy nghiền, đóng bao,… các loại máy móc này đều được lắp đặt các khu vực chức năng tương ứng.

- Hoạt động do quá trình bốc, dỡ, phân loại các sản phẩm, nguyên liệu sản xuất: Phát sinh tại khu vực bốc dỡ để đưa vào các khu vực sản xuất.

- Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện vận chuyển ra, vào cơ sở: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa và phương tiện xe máy, xe ô tô đưa đón công nhân; dự tính mức ồn dao động ồn lớn nhất sẽ vào các giờ cao điểm.

Dây chuyền công nghệ sản xuất và các hoạt động sản xuất khác của cơ sở khá đồng bộ, được thiết kế đảm bảo theo các yêu cầu về môi trường, đảm bảo về sức khỏe người lao động nên mức ồn phát sinh không quá lớn.

Theo số liệu thống kê kết quả quan trắc định kỳ môi trường không khí xung quanh (*Kết quả quan trắc môi trường được thống kê tại chương 5 của báo cáo - Phiếu kết quả quan trắc đính kèm phụ lục II của báo cáo*) trong quá trình hoạt động của cơ sở mức ồn dao động trung bình khoảng 56,27 dBA và có thời điểm tiếng ồn đo được dao động cao nhất ở mức 81,2 dBA; so với quy chuẩn cho phép (Giới hạn: ≤70 dBA - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) tiếng ồn có thời điểm vượt quy chuẩn, do đó chủ cơ sở phải áp dụng thêm các biện pháp bảo vệ làm giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung thì mức ồn vẫn có thể vượt ngưỡng cho phép đặc biệt tại các khu vực sản xuất, dễ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

➢ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn độ rung mà chủ cơ sở áp dụng trong quá trình hoạt động:

- Bố trí hợp lý các nguồn gây ồn ra trong các vị trí riêng biệt, trong không gian kín.

- Nhà xưởng được xây tường bao cao, đảm bảo hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Đầu tư máy móc hiện đại, hoàn thiện công nghệ sản xuất. Tại các khu vực máy móc, thiết bị gây ra độ ồn, độ rung lớn được thiết kế thi công bệ máy bê tông chắc chắn, lắp đặt các tấm đệm, lò xo giảm chấn, long đen vênh tại các chân bệ máy.

- Các thiết bị gây rung lớn như sàng rung, nghiền thô… đều được thiết kế tối ưu trong c cấu truyền động cùng với lắp đặt các phụ kiện túi khí, đảm bảo sự lan truyền rung ra môi trường nhỏ nhất.

- Tất cả các cánh quạt và bơm phải được cân bằng động trước khi lắp ráp.

- Định kỳ kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị và bảo dưỡng, tra dầu mỡ nhằm giảm thiểu tiếng ồn cơ khí.

Bố trí thời gian làm việc theo ca 8 giờ/ngày, hạn chế việc người lao động tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian liên tục 8 tiếng, làm việc theo ca, trang bị quần áo bảo hộ

lao động và hệ thống bịt tai cho công nhân, thực hiện đúng các chế độ về an toàn lao động.

- Ban hành nội quy lao động tại từng máy: đối với các máy móc, thiết bị khi tạm dừng chưa hoạt động phải kiểm tra lịch sản xuất tiếp th o và tắt máy trong trường hợp chưa có đn hàng kế tiếp để giảm thiểu các tác động do cộng hưởng tiếng ồn gây ra.

- Đối với các phưng tiện giao thông ra vào lấy hàng, Công ty đã quy định tốc độ chạy xe tối đa là 5 - 10 km/h và phải tắt máy khi dừng, đỗ trong khu vực Công ty.

- Công ty đã trồng 2.310,5 m^2 cây xanh vừa tạo cảnh quan, bóng mát, vừa có tác dụng làm giảm tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung do các phưng tiện giao thông vận tải tạo ra trong khu vực.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Những nơi điều hành sản xuất được cách ly riêng.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: giày, dép, găng tay, kính, khẩu trang, mũ, bịt tai chống tiếng ồn và quần áo bảo hộ lao động;

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thy những chi tiết hư hỏng. Nếu thiết bị hoạt động phát ra nhiều tiếng ồn và gặp sự cố, phải tiến hành báo cáo để Công ty tiến hành sửa chữa kịp thời;

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Rủi ro, sự cố cháy nổ, PCCC

- Công tác PCCC sẽ được thực hiện theo đúng pháp luật PCCC. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ công nhân viên, kết hợp chặt chẽ với cơ quan PCCC của địa phương để hạn chế những tác động xấu do sự cố cháy nổ gây ra.

- Đối với các chất dễ cháy sẽ được lưu trong các kho cách ly riêng, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa tia điện. Khoảng cách an toàn giữa các công trình là 12-20m, ô tô cứu hỏa có thể tiếp cận tới từng vị trí.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thôn tin báo động. Các phương tiện báo cháy phải được kiểm tra thường xuyên. Trang bị các phương tiện, máy móc chữa cháy gồm các bình chữa cháy xách tay như bình bột chữa cháy, bình khí CO_2,… các loại, nội quy tiêu lệnh và một số trang thiết bị khác.

- Phòng chống sự cố cháy nổ: Thực hiện chế độ bảo quản vật tư, thiết bị đúng quy định; xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; tập huấn phòng cháy chữa cháy; tuân thủ QCVN 06:2020/BXD về an toàn phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình.

- Xây dựng phương án phòng chống cháy chữa cháy kết hợp với phòng chống cháy rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thiết kế hệ thống tiêu lệnh chữa cháy và phòng chống cháy nổ dễ thấy và rõ ràng để thực hiện.

- Thiết kế hệ thống điện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, có Aptomat tự ngắt khi quá tải.

- Thường xuyên kiểm tra nguồn điện tại các khu vực kho chứa.

- Các loại nguyên nhiên liệu, dung môi dễ cháy cần được chứa và bảo quản ở nơi thoáng, có tường bao che để ngăn chặn phát cháy.

Để phòng ngừa khả năng cháy nổ chủ yếu xảy ra do sự cố điện trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng tường bao che chắn và có biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực lắp đặt thiết bị điện cao áp; dán hướng dẫn cắt nguồn khẩn cấp và số điện thoại ứng phó khẩn cấp lên các thiết bị điện cao áp.

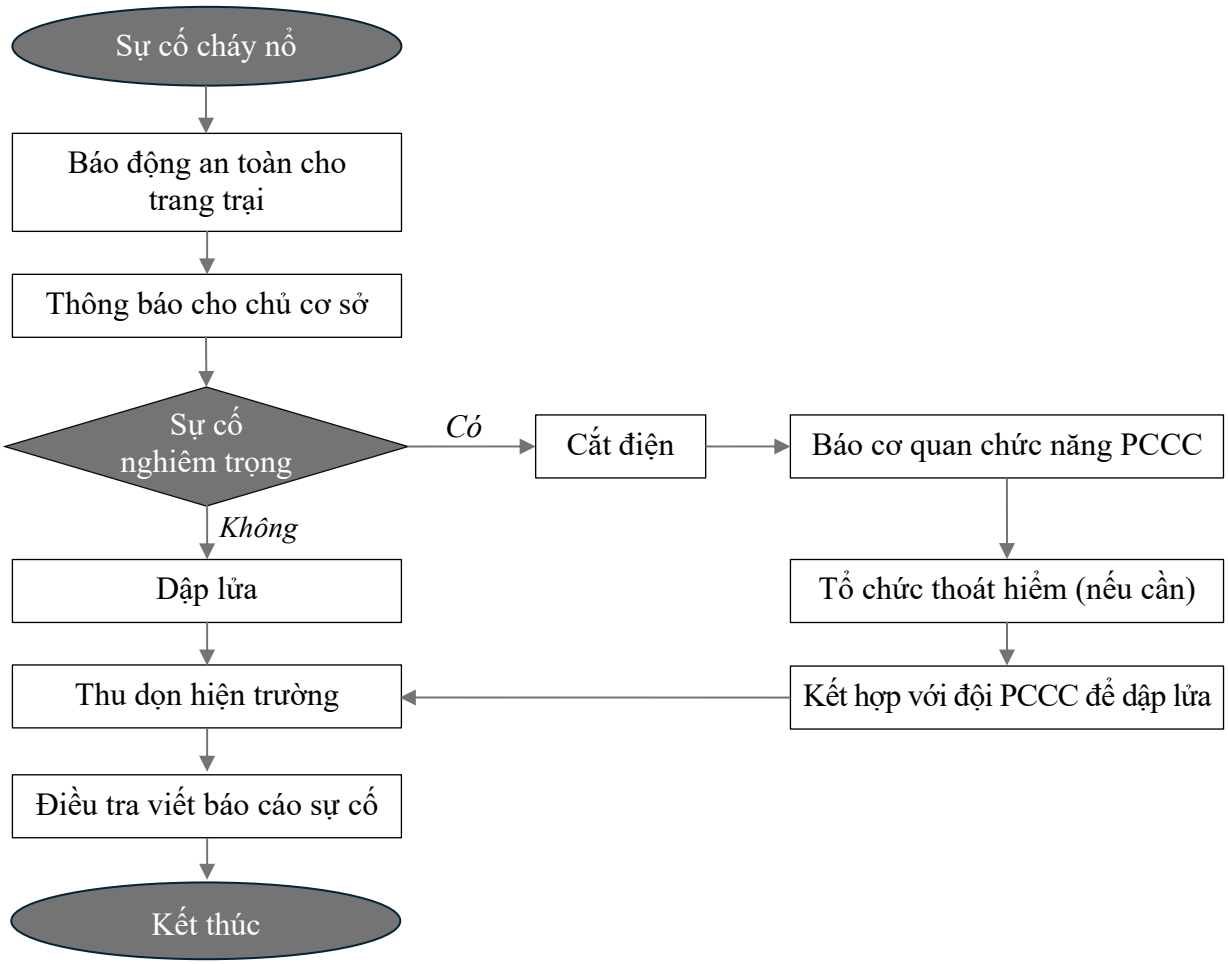
- Thành lập bộ phận chuyên trách có chuyên môn về ngành điện để phụ trách việc vận hành, sửa chữa các thiết bị điện trong dự án.

- Tuyên truyền và hướng dẫn cho các cán bộ công nhân viên trong dự án về công tác phòng cháy chữa cháy.

- Chủ đầu tư sẽ thành lập đội phòng cháy chữa cháy, có chức năng ứng phó các sự cố cháy nổ. Hàng năm, các thành viên trong đội phòng cháy chữa cháy được cử đi tập huấn nghiệp vụ tại Cảnh sát PCCC của cụm công nghiệp và địa phương.

- Bố trí hệ thống báo cháy, báo khói tại sảnh chung và trong các phòng làm việc. Bố trí hệ thống chữa cháy bằng nước và bằng bọt tại các tầng.

Khi xảy ra sự cố về cháy nổ chủ cơ sở tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường theo quy trình được trình bày như hình sau:



Hình 3.18. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ của nhà máy

- Biện pháp khi xảy ra sự cố:

+ Hệ thống điện có cầu giao đóng ngắt an toàn đặt ở ngoài nhà để thuận tiện cho việc xử lý khi xảy ra sự cố chập điện. Hộp cầu giao phải kín và tiếp điện tốt. Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện trong các chuồng trại, kho....

+ Báo động toàn bộ khu vực, cử người gọi điện thoại cơ quan PCCC số 114;

+ Thông tin về tình hình cháy, chữa cháy cho Trưởng ban PCCC, lãnh đạo cơ sở và chỉ huy chữa cháy biết để có hướng chỉ đạo;

+ Tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực cháy, tập trung về khu vực an toàn và tiến hành kiểm tra số lượng cán bộ, công nhân viên;

+ Nếu có người bị nạn phải tổ chức sơ cấp cứu và đưa đi bệnh viện gần nhất;

+ Tổ chức chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh, phối hợp với lực lượng chữa cháy của địa phương khi cần;

+ Di chuyển tài sản trong khu vực cháy và khu vực lân cận có nguy cơ bị cháy lan ra nơi an toàn;

+ Tổ chức khắc phục, xử lý ô nhiễm, vệ sinh môi trường;

+ Chủ dự án sẽ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ, thực hiện các biện pháp chữa cháy tại chỗ và liên hệ với cơ quan có chức năng phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn huyện Ea Kar phối hợp giải quyết sự cố.

Cụ thể Chủ cơ sở đã đề ra chi tiết phương án thực hiện cứu nạn cứu hộ về phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở *(Bản phương án cứu nạn cứu hộ đính kèm phụ luc 1 của báo cáo).*

3.6.2. Biện pháp ứng phó rủi ro, sự cố tai nạn giao thông

- Yêu cầu tắt máy, dong bộ khi đi xe máy qua cổng bảo vệ vào khu nhà để xe;
- Bố trí biển báo tốc độ cho phép khi đi lại trong dự án;
- Trong trường hợp cần thiết sẽ tăng thêm bảo vệ làm công tác điều phối giao thông;
- Yêu ra vào nhà để xe đúng cửa, cấm đi ngược chiều.

Khi xảy ra sự cố, tùy mức độ sẽ tiến hành sơ cứu và đưa đến cơ sở y tế gần nhất.

Nếu trường hợp xảy ra tai nạn nghiêm trọng sẽ phối báo với cơ quan chức năng để tiến hành xử lý, khắc phục hậu quả.

3.6.3. Biện pháp đề phòng sự cố về điện

- Bố trí hệ thống Camera có nhân viên giám sát 24/7, khi xảy ra sự cố mất điện.
- Duy trì Tổ kỹ thuật kiểm tra, bảo dưỡng bảo trì các thiết bị phát điện, hệ thống cấp điện để đảm bảo ứng phó nhanh nhất với sự cố.

+ Tất các các đường dây cấp nguồn và điều khiển phải được cấp nguồn ưu tiên.

+ Tất cả các cáp nguồn cấp điện cho các quạt là cáp chống cháy Cu/XLPE/FR-PVC.

- An toàn nguồn điện: Các phụ tải được cấp điện ưu tiên như máy bơm nước sinh hoạt, máy bơm cứu hỏa, quạt tăng áp, hút khói đảm bảo luôn luôn có điện trong trường hợp sự cố về điện, có cháy. Các phụ tải sinh hoạt các tầng, máy bơm sinh hoạt, bơm nước thải chỉ mất điện khi có cháy.
- Bố trí hệ thống báo cháy, đèn báo cháy, cửa thoát hiểm theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Thông báo phong tỏa khu vực xảy ra sự cố.
- Điều phối bộ phận kỹ thuật để tìm ra nguyên nhân và xử lý.
- Sơ cấp cứu với người bị thương đưa đến cơ sở y tế gần nhất.

3.6.4. Rủi ro, sự cố sấm sét

Các dãy nhà trong toàn khu công trình được nối đất chống sét kiểu kim thu sét và dây thu sét trên mái nhà dẫn xuống hệ thống nối đất gồm thanh và cọc chôn sâu dướiđất 0,8m. Điện trở nối đất $R_{nđ} \leq 10\Omega$

Thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 9385-2012. Dùng kim thu sét mạ kẽm bố trí rải trên mái của công trình. Dùng cáp thoát sét dẫn sét xuống bộ phận tiếp đất, với yêu cầu điện trở tiếp đất $R<10\Omega$ cho bộ phận tiếp đất.

- Đảm bảo hệ thống nối đất an toàn điện

Tại tủ điện chính toàn nhà có thiết lập hệ thống nối đất lặp lại trung tính điện với yêu cầu điện trở tiếp đất $R\leq 4\Omega$.

Từ tủ điện chính lên các tầng, từ tủ điện tầng đến các tủ điện phụ, từ tủ điện phụ ra thiết bị chiếu sáng, động lực, ổ cắm ...theo hệ thống 5 dây (3P + N + E) hoặc 3 dây (1P + N + E) trong đó dây E là dây bảo vệ được nối vào vỏ máy, vỏ thiết bị dùng điện.

3.6.5. Biện pháp ứng phó sự cố hỏng, vỡ các công trình xử lý nước thải, hệ thống XLNT

Để hạn chế sự cố chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khoảng 02 nhân viên có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải. Đồng thời yêu cầu đơn vị thi công chuyển giao công nghệ vận hành để vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình đề ra.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm, nếu để xảy ra sự cố nước thải không đạt, ngắt thiết bị, dừng hoạt động của Trạm và tìm biện pháp khắc phục sửa chữa ngay.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Trang bị đầy đủ và thay thế đúng kỳ hạn các loại vật tư tiêu hao, các trang thiết bị hư hỏng. Các thiết bị (bơm thổi khí...) tại các hạng mục chính luôn có thiết bị dự phòng để kịp thời hoạt động thay thế khi thiết bị đang hoạt động bị hỏng hóc.

- Trong quá trình thi công đối với các tuyến ống cắt ngang qua đường sẽ được xây thêm đường ống lồng để bảo vệ hành lang tuyến tránh sự cố đứt gãy vỡ đường ống khi có xe tải trong lớn lưu thông trên các đoạn đường.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý để sớm phát hiện và khắc phục sự cố.

- Khi xảy ra sự cố sẽ liên hệ lại với đơn vị thiết kế, thi công để đề nghị giúp đỡ tìm ra nguyên nhân khắc phục.

- Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

- Lập sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải.

- Sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị hoặc sự cố vận hành Trạm XLNT:

Để hạn chế sự cố chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

Bố trí 02 nhân viên có chuyên môn vận hành trạm xử lý nước thải. Đồng thời yêu cầu đơn vị thi công chuyển giao công nghệ vận hành để vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình đề ra.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm, nếu để xảy ra sự cố nước thải không đạt, ngắt thiết bị, dừng hoạt động của Trạm và tìm biện pháp khắc phục sửa chữa ngay.

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các trang thiết bị, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

Trang bị đầy đủ và thay thế đúng kỳ hạn các loại vật tư tiêu hao, các trang thiết bị hư hỏng. Các thiết bị (bơm thổi khí...) tại các hạng mục chính luôn có thiết bị dự phòng để kịp thời hoạt động thay thế khi thiết bị đang hoạt động bị hỏng hóc.

Khi xảy ra sự cố sẽ liên hệ lại với đơn vị thiết kế, thi công để đề nghị giúp đỡ tìm ra nguyên nhân khắc phục.

Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

Lập sổ nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải.

Cụ thể một số biện pháp ứng phó sự cố khi vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.44. Một số biện pháp ứng phó sự cố máy móc thiết bị thường gặp trong quá trình vận hành hệ thống XLNT

STT	Hạng mục công trình	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Bể sinh học hiếu khí	- Máy thổi khí và hệ thống phân phối khí không hoạt động hoặc bị hỏng	- Máy thổi khí hoạt động quá tải hoặc bị sự cố về điện,…	- Kiểm tra hệ thống điện, điều chỉnh van cấp khí cho bể (tăng hoặc giảm) - Sửa chữa máy thổi khí nếu bị hỏng.
2	Bể lắng	- Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc bơm không hoạt động	- Bị tắc cột bơm Airlift hoặc hư hỏng đường ống cấp khí, hoặc van cấp khí - Bơm bị nghẹt do vật lạ - Bơm bị hỏng - Van cấp khí bị hư hỏng	- Kiểm tra đường ống cấp khí, van cấp khí, ống dẫn nước đảm bảo các thiết bị hoạt động bình thường, trường hợp bị hư hỏng cần phải thay thế - Kiểm tra đường ống dẫn nước, vệ sinh và tháo vật lạ ra ngoài - Kiểm tra van cấp khí, tháo bỏ van cấp khí và thay thế
3	Đồng hồ đo	- Đồng hồ quay	- Cánh quạt bị nghẹt do	- Vệ sinh, sửa chữa

	lưu lượng	chậm hoặc có tiếng kêu lạ - Đồng hồ không chạy hoặc chạy với chỉ số bất thường so với ngày hôm trước	vật lạ	- Thay thế nếu không sửa chữa được
4	Kiểm tra nước thải sau xử lý	- Nước đục, cặn lơ lửng nhiều - Nước thải sau xử lý có mùi khó chịu	- Quá trình lọc không hiệu quả - Chưa phân hủy hết chất hữu cơ có trong nước thải	- Tiến hành vệ sinh, hút bùn ngăn lắng và ngăn yếm khí - Kiểm tra và khắc phục các nguyên nhân tạo ra ở bể vi sinh.

3.6.6. Biện pháp ứng phó đối với sự cố của hệ thống xử lý khí thải

- Trong sản xuất vận hành máy móc thiết bị đôi khi gặp các sự cố: Mất điện, mất nước, hỏng thiết bị... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý khí thải.

- Trong mọi trường hợp cần thực hiện đúng các quy trình xử lý sự cố theo hướng dẫn vận hành của hệ thống:

+ Nếu mất điện do nguồn cung cấp, máy phát điện dự phòng sẽ tự khởi động và cung cấp lại sau 1 phút.

+ Nếu sự cố hư hỏng điện trong hệ thống lò nung: Tắt cầu dao tổng, ngừng cung cấp nhiên liệu.

+ Khi khí thải có xu hướng vượt ngưỡng thì công ty sẽ tiến hành hiệu chỉnh, để đảm bảo dưới ngưỡng. Nếu vượt ngưỡng kéo dài thì sẽ lên kế hoạch dừng lò để xử lý. Báo cáo lãnh đạo Công ty. Viết báo cáo vào sổ nhật ký vận hành.

- Thủ tục thông báo và yêu cầu trợ giúp khi có sự cố

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ c điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo cho người phụ trách nhân sự của Công ty.

- Biện pháp chung để giảm thiểu các sự cố này, cần thực hiện các biện pháp:

+ Lắp đặt thiết bị điện đảm bảo nhu cầu sử dụng điện của các hệ thống xử lý khí thải;

+ Định kỳ bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị, động cơ trong các hệ thống xử lý;

+ Lập quy trình thực hiện theo từng bước ngắn gọn để công nhân thực hiện. Nghiêm cấm vận hành trái với quy trình (SOP) cho phép;

+ Trong trường hợp có sự cố lớn, hệ thống xử lý khí thải không hoạt động dẫn đến các chất ô nhiễm trong khí thải vượt ngưỡng quy định cho phép thì cần phải dừng lò để kiểm tra, sửa chữa và thay thế thiết bị;

+ Thời gian sửa chữa không quá 02 ngày: chất thải vận chuyển về được lưu chứa trong nhà lưu trữ. Sau khi sự cố được khắc phục triệt để, chất thải được xử lý theo nguyên tắc là chất thải cũ xử lý trước, chất thải mới xử lý sau;

+ Thời gian sửa chữa quá 02 ngày: ngưng nhận chất thải và sau đó quy trình giải quyết sự cố được thực hiện, đến khi sự cố được giải quyết triệt để;

+ Khi hệ thống xử lý khí thải hoạt động không hiệu quả:

+ Cần phải thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ để khắc phục sự cố;

+ Trong trường hợp cần thiết, cần phải dừng hoạt động sản xuất.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố hỏng các lọc bụi túi vải:

Để phòng ngừa và kịp thời sửa chữa các sự cố có thể xảy ra đối với lọc bụi túi vải, cơ sở sẽ áp dụng các giải pháp như trong bảng sau:

Bảng 3.17. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tại các thiết bị lọc bụi túi vải

STT	Sự cố có thể xảy ra	Hiện tượng, nguyên nhân	Phương án, sửa chữa khắc phục
1	Lực cản vận hành lớn	Bị rỉ gió, túi tắc nghẽn do bột ướt, van gió ngược không làm việc. Khi van gió ngược làm việc thì van nâng chưa đóng hoặc đóng không chặt, áp lực khí nén quá thấp, một hoặc vài van nâng ở trạng thái đóng	Bịt rỉ gió, sấy khô, tăng cường thông gió làm sạch hoặc thay mới túi lọc bụi
2	Lực cản vận hành nhỏ	Hệ thống công nghệ không làm việc, túi lọc rách, thiết bị đo áp lực mất độ nhạy	Khôi phục làm việc, khi đó có thể thấy nồng độ bụi tăng lên, thay đổi hoặc vá sửa túi lọc, thay đổi hoặc sửa chữa thiết bị đo áp lực.
3	Van đóng mở, van gió không làm việc	Mất nguồn điện hoặc bộ điều khiển làm sạch bụi mất độ nhạy, cuộn dây trong điện từ bị cháy, áp lực khí nén quá thấp	Khôi phục nguồn điện, kiểm tra lại mạch xung, thay đổi, kiểm tra lại đường dẫn khí
4	Tốc độ quay của quạt giảm so với mức quy định	Dây curoa quá chùng	Thay mới dây curoa
5	Quạt không quay được	Có vật cứng chèn vào cánh quạt, đứt dây đai, gẫy trục quạt	Tháo vỏ quạt, lấy vật cứng, kiểm tra dây đai, trục quạt.
6	Van nâng không làm việc	Đứt nguồn điện hoặc bộ điều khiển làm sạch bụi mất độ nhạy, bên trong van có vật lạ, vòng dây van điện từ bị cháy, áp lực khí nén quá thấp	Khôi phục cấp điện sửa chữa bộ phận điều khiển làm sạch bụi. Xem xét thật cẩn thận van nâng, thay đổi, kiểm tra lại đường khí.

Trường hợp lọc bụi túi vải bị thủng túi lọc, gặp sự cố sẽ tiến hành chuyển sang chế độ bypass để an toàn cho hệ thống và tiến hành thay thế túi lọc trong thời gian ngắn nhất để đưa hệ thống lọc bụi túi vào làm việc trở lại. Khi gặp sự cố tại các công đoạn lắp đặt hệ thống lọc túi (chủ yếu là các công đoạn hoạt động gián đoạn) nên có thể điều chỉnh giảm công suất để giảm đến mức thấp nhất phát tán bụi ra môi trường.

3.6.7. Ứng phó sự cố liên quan đến hóa chất

Căn cứ vào các khu vực nguy hiểm có thể xảy ra sự cố tràn, đổ, rò rỉ hóa chất, Công ty có các quy định quản lý và biện pháp cụ thể để giảm thiểu như sau:

✓ *Đối với khu vực sản xuất và khu vực hệ thống xử lý nước thải*

- Khu vực sản xuất sẽ được đầu tư nghiêm ngặt về an toàn PCCC, khu vực sản xuất đặt các biển cấm không hút thuốc.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ. Công nhân thao tác trực tiếp sẽ được hướng dẫn cụ thể, chi tiết cách vận hành máy móc. Tại mỗi máy đều sẽ dán tờ hướng dẫn thao tác và lịch bảo dưỡng định kỳ.

- Các công đoạn có sử dụng hóa chất đặc biệt chú ý. Công nhân thực hiện công đoạn này được huấn luyện đầy đủ về an toàn hóa chất, các thao tác thực hiện tránh trường hợp làm rơi vãi.

- Trang bị các thùng phuy chứa chất hấp phụ (cát, mạt cưa), thiết bị chữa cháy mini (bình bọt, bình CO_2) tại xưởng sản xuất.

- Công nhân hoạt động tại xưởng sản xuất sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đặc biệt là tại các công đoạn thao tác với hóa chất.

✓ *Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố:*

Để phòng ngừa và phát hiện kịp thời các nguy cơ xảy ra sự cố, thì kế hoạch kiểm tra, giám sát tại kho chứa hóa chất và khu vực sản xuất sẽ thực hiện với tần suất 3tháng/lần. Việc thực hiện kiểm tra được phân công rõ ràng trách nhiệm cho từng người, nội dung giám sát, kiểm tra được lên kế hoạch theo quy định. Hồ sơ kết quả sau khi kiểm tra được lưu giữ cẩn thận để làm căn cứ cho các đợt kiểm tra, giám sát kế tiếp. Các khu vực sẽ được giám sát, kiểm tra của Công ty được dự kiến như sau:

- Khu vực kho chứa:

+ Thành phần kiểm tra: Ban giám đốc, ban quản lý, bộ phận HSE

+ Nội dung kiểm tra: Kiểm tra số lượng hóa chất nhập kho, cách thức bố trí sắp xếp nguyên liệu trong kho, công tác thực hiện an toàn hóa chất, PCCC, an toàn lao động.

+ Tần suất kiểm tra: Thực hiện 3 tháng/lần

+ Lập biên bản kiểm tra; lập phiếu kiểm soát sự không phù hợp, sau đó sẽ có các hành động khắc phục, phòng ngừa.

- Khu vực xưởng sản xuất:

+ Thành phần kiểm tra: Ban giám đốc, ban quản lý, bộ phận kỹ thuật, bộ phận HSE.

+ Nội dung kiểm tra: Kiểm tra hoạt động sản xuất, cách thức thao tác máy móc của công nhân, kiểm tra thao tác của Công nhân tại các khu vực sử dụng hóa chất, kiểm tra

tình trạng hoạt động của máy móc, kiểm tra công tác thực hiện an toàn hóa chất, PCCC, an toàn lao động.

+ Tần suất kiểm tra: Thực hiện 3 tháng/lần

+ Lập biên bản kiểm tra; lập phiếu kiểm soát sự không phù hợp, sau đó sẽ có các hành động khắc phục, phòng ngừa.

Ghi chú: Trường hợp Ban giám đốc có việc bận đột xuất thì ban quản lý, bộ phận kỹ thuật và bộ phận HSE có trách nhiệm thực hiện định kỳ công tác giám sát và kiểm tra này. Ngoài việc kiểm tra và giám sát định kỳ thì ban quản lý có thể thực hiện kiểm tra đột xuất bất kỳ khu vực nào khi thấy cần thiết.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có sử dụng nhiều xe tải các loại để thực hiện vận chuyển xuất nhập, sản phẩm sản xuất và nguyên vật liệu ra vào khu vực, tác động đáng kể nhất trong giai đoạn này là sự gia tăng mật độ phương tiện giao thông do tăng mật độ người tham gia. Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất như sau:

- Quy hoạch kết nối giữa đường nội bộ và đường chính của khu vực hợp lý bảo đảm không gây ùn tắc giao thông đặc biệt là vào giờ cao điểm.

- Luôn có lực lượng bảo vệ túc trực điều tiết các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các đơn vị điều phối giao thông chịu trách nhiệm trong khu vực và phối hợp các lực lượng giao thông, lực lượng trật tự có kế hoạch điều phối giao thông trên các tuyến đường gần công trình nhằm đảm bảo hoạt động không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và giao thông tại khu vực.

- Phương án giao thông được tính toán cụ thể theo tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo di chuyển phương tiện, bố trí thể hiện cụ thể trên bản vẽ quy hoạch giao thông.

3.7.2. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Bố trí lực lượng an ninh thường trực, lắp đặt hệ thống camera an ninh giám sát toàn bộ hoạt động của dự án, kịp thời phát hiện và xử lý các tình huống mâu thuẫn, gây rối trật tự an ninh phát sinh.

- Phối hợp với UBND xã đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong khu vực.

Thực tế phần lớn cán bộ công nhân viên đang làm việc tại nhà máy là người địa phương nên việc tác động ảnh hưởng xấu đến an ninh xã hội của khu vực hầu như sẽ không xảy ra, ngược lại sau gần 60 năm đi vào hoạt động Công ty đã tạo việc làm cho nhiều lao động địa phương, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa theo định hướng phát triển của huyện Ứng Hòa.

3.7.3. Giảm thiểu tác động của vi khí hậu trong môi trường lao động

a) Biện pháp giảm thiểu bởi tác động nhiệt:

Trong quá trình hoạt động của dự án chủ đầu tư sẽ sử dụng các biện pháp chống nóng để đảm bảo giảm bớt ô nhiễm nhiệt do vận hành máy móc, thiết bị và điều kiện thời tiết tạo ra. Các biện pháp kỹ thuật chống nóng áp dụng thông gió tự nhiên, quạt làm mát.

- Các khu văn phòng, nhà ăn ca,... bố trí quạt và điều hòa nhiệt độ;
- Các khu nhà xưởng bố trí hệ thống quạt thông gió với công suất 2,2 KW/h, quạt làm mát đảm bảo nhiệt độ trong phòng theo Tiêu chuẩn môi trường lao động của Bộ Y tế.
- Đối với các nguồn nhiệt cục bộ sẽ có biện pháp kết hợp giữa cách ly nguồn nhiệt để hạn chế sự lan tỏa ra môi trường chung của nhà xưởng.
- Trồng cây xanh ở khu vực xung quanh nhà xưởng sản xuất, trong khuôn viên Nhà máy để tạo bóng mát, hạn chế ô nhiễm môi trường.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động bởi ánh sáng:

Để tạo ra một môi trường làm việc thoải mái và an toàn, cho công suất làm việc tốt nhất, chủ đầu tư sẽ đưa ra các giải pháp chiếu sáng cho khu vực nhà xưởng và văn phòng phù hợp nhất. Các yêu cầu đối với môi trường ánh sáng được chủ đầu tư thực hiện như sau:

- Đảm bảo độ rọi yêu cầu cho từng vị trí làm việc;
- Phân bố độ chói trong không gian chiếu sáng, tránh gây chói tạo cảm giác khó chịu cho người làm việc;
- Tạo hướng ánh sáng thích hợp, không bị bóng che;
- Nhiệt độ màu của ánh sáng phù hợp với công việc và màu sắc các bề mặt tại nơi làm việc;
- Độ hoàn màu của ánh sáng phù hợp với từng công việc;
- Giảm sự nhấp nháy ánh sáng của các loại bóng đèn;
- Giảm số lần bảo dưỡng, sửa chữa gây ảnh hưởng đến sản xuất;
- Duy trì các thông số ánh sáng trong suốt thời gian sử dụng.

Ngoài ra chủ dự án sẽ áp dụng các phương án tiết kiệm năng lượng trong chiếu sáng như sử dụng công nghệ LED mới nhất cho hệ thống chiếu sáng, cài đặt các bộ cảm biến cho bóng đèn, tận dụng ánh sáng tự nhiên cho nhà xưởng,…

c) Biện pháp giảm thiểu tác động bởi độ ẩm:

Đối với nhà xưởng tại khu vực miền Bắc hàng năm sẽ có một số thời điểm độ ẩm trong không khí rất cao rất dễ gây ra các vấn đề về ẩm mốc tạo tác động xấu đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và các sản phẩm lưu chứa trong kho. Độ ẩm trong không khí các tác động mật thiết tới nhiều nhóm sản phẩm. Vì thế đối với nhà xưởng và

các khu vực văn phòng cũng cần phải có các biện pháp thiết thực để quản lý độ trong các khu vực làm việc. Các biện pháp chủ đầu tư áp dụng:

- Đối với nhà xưởng sản xuất sử dụng hệ thống thông gió: Hệ thống thông gió có vai trò tích cực trong vấn đề đào thải hơi ẩm. Hệ thống này còn cung cấp khí tươi, sạch sẽ cho nhà xưởng. Doanh nghiệp có thể lựa chọn kiểu thông gió tự nhiên hoặc là thông gió cưỡng bức để xử lý độ ẩm.

- Đối với khu vực nhà làm việc sử dụng hệ thống điều hòa không khí: Bên cạnh việc làm mát. Hệ thống điều hòa không khí còn khắc phục độ ẩm cao hiệu quả. Đồng thời làm khô không khí tốt. Doanh nghiệp có thể tận dụng điều này để điều chỉnh độ ẩm về mức cho phép.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được cấp của nhà máy

Căn cứ hồ sơ môi trường cũ là Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của nhà máy được phê duyệt tại Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/02/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội đến nay cơ sở có một số thông tin thay đổi, cụ thể các thông tin được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3.18. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được cấp của nhà máy

STT	Nội dung thay đổi	Nội dung theo đề án BVMT chi tiết đã cấp năm 2016	Nội dung đăng ký thay đổi	Ghi chú
1	Loại hình hoạt động sản xuất	**Thực hiện sản xuất bao gồm:** - Sản xuất xi măng, - Sản xuất gạch không nung - Sản xuất tái chế sắt phế liệu - Sản xuất chế biến đá	**Thực hiện sản xuất bao gồm:** - Sản xuất xi măng, - Sản xuất gạch không nung	- Dừng hoạt động các quy trình sản xuất bao gồm: + Tái chế sắt phế liệu 10 tấn/ngày + Chế biến đá: 130 tấn/giờ - Tăng công suất sản xuất xi măng.
2	Quy mô sản xuất	**Quy mô sản xuất sản phẩm của cơ sở bao gồm:** - Xi măng: 40.000 tấn/năm - Gạch không nung: 10 triệu viên/năm - Tái chế sắt phế liệu 10 tấn/ngày - Chế biến đá: 130 tấn/giờ	**Quy mô sản xuất sản phẩm của cơ sở bao gồm:** - Xi măng: 120.000 tấn/năm *(Được phê duyệt tại văn bản số 2027/BXD-VLXD ngày 28/04/2020 của Bộ xây dựng)* - Gạch không nung: 10 triệu viên/năm	

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

a) Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn rửa tay, thoát sàn;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, bồn tiểu;

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp.

b) Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất:

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình làm mát máy móc thiết bị.

4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Dòng nước thải số 01 (tương ứng với các nguồn số 01, 02, 03):

- *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Hệ thống thoát nước chung của khu vực do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý.

- *Vị trí xả nước thải (01 điểm xả):* Khu vực phía tây ngoài nhà máy thuộc Thôn Phú Dư, xã Bình Lưu Quang, huyện Ứng Hòa.

- *Tọa độ vị trí xả nước thải:* X(m) = 2281162 ; Y(m) = 584528.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°).

- *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 12 m^3/ngày (24 giờ).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả thải: Liên tục (24/24 giờ).

- *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận* phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B; K = 1,2), cụ thể:

Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên lục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tương
2	BOD_5	mg/L	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.200		
5	Sunfua (Tính theo H_2S)	mg/L	4,8		
6	Amoni (NH_4^+_N)	mg/L	12		
7	Nitrat (NO_3^-_N)	mg/L	60		

8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24		
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	12		
10	PO_4^{3-}_P	mg/L	12		
11	Coliform	MPN/ 100 ml	5.000		

b) Dòng nước thải số 02 (tương ứng với nguồn số 04): Lượng nước phát sinh sau hệ thống làm mát được thu gom tuần hoàn toàn bộ về bể chứa nước làm mát và giải nhiệt để tiếp tục phục vụ quá trình làm mát thiết bị, động cơ, của máy nghiền, máy sấy cát; Lượng nước này không xả thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

a) Khu vực máy nghiền 1:

- Nguồn số 01: Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 1;
- Nguồn số 02: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 1 (tại máy nghiền 1);
- Nguồn số 03: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 2 (tại máy nghiền 1);
- Nguồn số 04: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 3 (tại máy nghiền 1);
- Nguồn số 05: Công đoạn rót xi măng vào Silô số 4 (tại máy nghiền 1);

b) Khu vực máy nghiền 2:

- Nguồn số 06: Công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 2;
- Nguồn số 07: Công đoạn cân bằng định lượng các nguyên liệu và phụ gia;
- Nguồn số 08: Công đoạn rót xi măng vào Silô đồng nhất (tại máy nghiền 2);

c) Khu vực đóng bao:

- Nguồn số 09: Công đoạn đóng bao (cụm 4 vòi đóng bao);
- Nguồn số 10: Công đoạn đóng bao (cụm 8 vòi đóng bao);

d) Khu vực trộn vữa:

- Nguồn số 11: Công đoạn đóng bao (khu vực trộn vữa);
- Nguồn số 12: Công đoạn rót nguyên liệu vào Silô đồng nhất (tại khu vực trộn vữa);

e) Khu vực sấy cát:

- Nguồn số 13: Hoạt động của máy sấy cát.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

a) Dòng khí thải và vị trí xả khí thải:

- Các dòng khí thải tương ứng với từng nguồn phát sinh khí thải;

- Vị trí xả khí thải: Địa điểm hoạt động của nhà máy thuộc Thôn Phú Dư, xã Bình Lưu Quang, huyện Ứng Hòa.

Bảng 4.2. Dòng khí thải và vị trí xả thải

STT	Tên dòng thải	Nguồn phát sinh khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải *(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°)*		Lưu lượng xả lớn nhất *(m^3/h)*
			X (m)	Y (m)	
I	**Khu vực máy nghiền 1**				
1	Dòng khí thải số 01	Nguồn số 01	2281185	584575	11.100
2	Dòng khí thải số 02	Nguồn số 02	2281187	584577	7.400
3	Dòng khí thải số 03	Nguồn số 03	2281181	584584	7.400
4	Dòng khí thải số 04	Nguồn số 04	2281178	584579	7.400
5	Dòng khí thải số 05	Nguồn số 05	2281181	584582	7.400
II	**Khu vực máy nghiền 2**				
1	Dòng khí thải số 06	Nguồn số 06	2281196	584601	107.600
2	Dòng khí thải số 07	Nguồn số 07	2281207	584579	10.600
3	Dòng khí thải số 08	Nguồn số 08	2281193	584606	36.000
III	**Khu vực đóng bao**				
1	Dòng khí thải số 09	Nguồn số 09	2281164	584611	11.100
2	Dòng khí thải số 10	Nguồn số 10	2281167	584622	25.000
IV	**Khu vực trộn vữa**				
1	Dòng khí thải số 11	Nguồn số 11	2281125	584599	15.000
2	Dòng khí thải số 12	Nguồn số 12	2281139	584596	7.400
V	**Khu vực sấy cát**				
1	Dòng khí thải số 13	Nguồn số 13	2281042	584622	30.000

b) Phương thức xả bụi, khí thải:

- Dòng khí thải từ 01 đến 13: Xả gián đoạn theo chế độ vận hành của từng thiết bị.

c) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (K_p=0,9, K_v=1,0), cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm của khí thải

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên lục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	180	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Nguồn số 01: Hoạt động của máy nghiền 1;

+ Nguồn số 02: Hoạt động của máy nghiền 2;

+ Nguồn số 03: Hoạt động đóng bao;

+ Nguồn số 04: Hoạt động do quá trình bốc, dỡ, phân loại các sản phẩm, nguyên liệu sản xuất;

+ Nguồn số 05: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra, vào nhà máy.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn:

+ Nguồn số 01: Khu vực đặt máy nghiền 1;

+ Nguồn số 02: Khu vực đặt máy nghiền 2;

+ Nguồn số 03: Khu vực đóng bao;

+ Nguồn số 04: Khu vực xuất nhập sản phẩm và nguyên liệu sản xuất;

+ Nguồn số 05: Khu vực khuân viên của nhà máy.

- Tọa độ vị trí phát sinh:

Bảng 4.4. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn độ rung

STT	Nguồn phát sinh	Tọa độ vị trí xả nước thải *(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^o, múi chiếu 3^o)*	
		X	Y
1	Nguồn số 01	2281172	584584
2	Nguồn số 02	2281201	584581
3	Nguồn số 03	2281236	584576
4	Nguồn số 04	2281149	584603
5	Nguồn số 05	2281077	584584

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn)

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung phát sinh

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép về quản lý chất thải

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh lớn nhất:

Bảng 4.7. Danh mục các chất thải nguy hại đăng ký phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh giai đoạn hoạt động ổn định (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	70
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	80
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	200
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	120
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	150
6	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	300
-	**Tổng số**			**940**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 27,6 tấn/năm.
- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh lớn nhất khoảng 82,25 tấn/năm.
- Bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 0,89 tấn/năm.
- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 11,82 tấn/năm.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 1,43 tấn/năm.
- Bùn thải từ bể chứa nước làm mát phát sinh khoảng 1,28 tấn/năm.

CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Hiện tại cơ sở đã hoạt động với các công trình bảo vệ môi trường bao gồm hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải nguy hại và hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải,… theo Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/02/2016 của Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây".

Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở có thực hiện giám sát định kỳ đối với từng nguồn thải bao gồm: Nước thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với nước thải: Cơ sở đã thực hiện giám sát, quan trắc định kỳ đối với mẫu nước thải sinh hoạt và mẫu nước thải sản xuất (nước làm mát) để đánh giá chất lượng nước thải tại cơ sở, đảm bảo chất lượng nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Cơ sở thực hiện thu gom riêng và phân loại riêng từng loại chất thải dựa theo phương án xử lý. Các loại chất thải như bao bì đóng gói hỏng và túi lọc bụi hỏng được nhân viên phụ trách cơ sở thu gom đến khối lượng nhất định sau đó bán cho đơn vị thu mua tái chế tại địa phương; Các loại chất thải như bụi thu gom từ hệ thống xử lý khí thải, bột liệu và xi măng kết tảng thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất.

- Đối với chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại của cơ sở được thu gom về kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ được đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định. Thành phần và khối lượng thu gom sẽ được tổng hợp theo hóa đơn chứng từ thu gom; Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trong năm 2023 và năm 2024 là Công ty CP Môi trường Đô thị và công nghiệp Bắc Sơn *(Hợp đồng vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại đính kèm phụ lục của báo cáo).*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy được thu gom từ các điểm phát sinh (khu vực văn phòng, khu vực sinh hoạt chung,…) về điểm tập kết của nhà máy, sau đó được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định; Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong năm 2023 và năm 2024 là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển rau sạch Sông Hồng *(Hợp đồng vệ sinh môi trường đính kèm phụ lục của báo cáo).*

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

5.2.1. Tổng hợp thông tin về tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải sẽ biến động theo lượng nước sử dụng. Trong năm 2023 và năm 2024 số lượng cán bộ công nhân viên tại nhà máy không có sự thay đổi nên tổng lưu lượng nước thải không có sự biến động.

- Đối với nước thải sản xuất: Đây là lượng nước thải phát sinh từ quá trình lám mát máy móc thiết bị, trong năm 2023 và năm 2024 số lượng hạng mục công trình thiết bị không có sự thay đổi liên quan đến quy mô công suất và công nghệ nên lượng nước thải phát sinh từ quá trình này không có sự biến động.

5.2.2. Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở

❖ Kết quả quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt trong năm 2023 và năm 2024 của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt của cơ sở hoạt trong năm 2023 và năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				2023	2024	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,3	**5 - 9**
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	51,2	44,6	**-**
3	BOD_5	mg/l	TCVN 6001-1:2021	17,92	17,5	**50**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	77	106	**100**
5	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH	1,69	**-**
6	NH_4^+_N	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	KPH	3,37	**10**
7	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	1,68	8,7	**-**
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,09	KPH *(MDL=0,02)*	**4**
9	Sắt	mg/l	TCVN 6177:1996	0,18	0,39	**-**
10	Crom IV	mg/l	SMEWW 3500-Cr:B 2023	0,04	KPH *(MDL=0,003)*	**-**
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1,8	KPH *(MDL=1,4)*	**-**
12	Coliform	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B:2023	4.700	1.200	**5.000**

➢ ***Ghi chú:***

- Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải tại hố ga trước khi thải ra ngoài môi trường;

Tọa độ: X= 2280371, Y= 584704.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước inh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng ven bờ).

➢ **Nhận xét:**

Từ kết quả phân tích mẫu nước thải sinh hoạt của cơ sở trong năm 2023 và năm 2024 cho thấy hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), chỉ có chỉ tiêu TSS trong năm 2024 là vượt quy chuẩn cho phép tuy nhiên không lớn, cơ sở đã thực hiện khắc phục hệ thống thiết bị xử lý nước thải để đạt quy chuẩn theo quy định.

❖ Kết quả quan trắc môi trường nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình làm mát) trong năm 2023 và năm 2024 của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất của cơ sở hoạt trong năm 2023 và năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				2023	2024	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,4	7,4	**5 - 9**
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	11,65	240	**-**
3	BOD_5	mg/l	TCVN 6001-1:2021	33,28	53	**50**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	79	106	**100**
5	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	3,06	9,62	**-**
6	NH_4^+_N	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	0,05	10,7	**10**
7	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH	25,1	**-**
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	0,16	1,14	**4**
9	Sắt	mg/l	TCVN 6177:1996	0,22	0,96	**-**
10	Crom IV	mg/l	SMEWW 3500-Cr:B 2023	0,05	KPH (MDL=0,003)	**-**
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	KPH (MDL=1,4)	**-**
12	Coliform	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B:2023	4.600	4.900	**5.000**

➢ ***Ghi chú:***

- Vị trí lấy mẫu:

+ Mẫu nước thải sản xuất ở bể thu gom; Tọa độ: X= 2280377, Y= 584719.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cột B quy định giá trị C áp dụng đối với nước thải xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

➢ **Nhận xét:**

Từ kết quả phân tích mẫu mẫu nước thải sinh hoạt của cơ sở trong năm 2023 và năm 2024 cho thấy hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội (cột B), chỉ có chỉ tiêu TSS, Amoni trong năm 2024 là vượt quy chuẩn cho phép tuy nhiên không lớn, cơ sở đã thực hiện vệ sinh khơi thông hệ thống công trình xử lý nước thải để đạt quy chuẩn theo quy định.

5.2.3. Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Tại cơ sở, năm 2023 và năm 2024 không có sự cố nào xảy ra đối với các công trình, hệ thống xử lý nước thải.

5.2.4. Thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường (tháng 5, tháng 6 năm 2025) Công ty đã thực hiện nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, thực hiện nắp đặt thiết bị hợp khối với công nghệ xử lý sinh học công suất 12 m^3/ngày đêm để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh và đảm bảo chất lượng đạt quy chuẩn ổn định trước khi thải ra ngoài môi trường.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Năm 2020, chủ cơ sở Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây đã đầu tư lắp đặt và cải tạo hệ thống xử lý bụi khí thải phát sinh tại nhà máy cùng với việc nâng cấp cải tạo hệ thống thiết bị sản xuất xi măng của nhà máy đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật đối với các công trình thiết bị bảo vệ môi trường tại các công đoạn sản xuất của nhà máy. Để giám sát chất lượng môi trường không khí chủ cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường không khí xung quanh định kỳ tại khu vực của nhà máy, kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh của năm 2023 và năm 2024 được trình bày tại bảng sau:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh của năm 2023 và năm 2024 của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả năm 2023				Kết quả năm 2024				QCVN 05:2023/BTNMT
				K1	K2	K3	K4	271.KM1.240822	271.KM2.240822	271.KM3.240822	271.KM4.240822	
1	Nhiệt độ	^{0}C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,4	30,7	31,4	31,0	31,1	30,2	31,3	30,9	-
2	Độ ẩm	%		61,1	55,9	59,4	63,3	52,7	51,3	51,9	52,5	-
3	Tốc độ gió	m/s		<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	0,22	0,25	0,27	0,23	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,9	65,2	59,3	73,7	61,5	81,2	80,9	70,0	**70**[(1)]
5	TSP	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	0,534	0,613	0,629	0,462	2,415	2,816	2,403	1,189	**8**[(3)]
6	CO	µg/Nm^3	GREEN/SOP-QTTN-KX02	4,528	4,227	4,704	4,210	KPH	KPH	KPH	KPH	**40**
7	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	0,126	0,137	0,108	0,133	KPH	KPH	KPH	KPH	**10**
8	SO_2	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	0,244	0,231	0,207	0,215	KPH	KPH	KPH	KPH	**10**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1 và 271.KM1.240822: Mẫu không khí tại khu vực nạp nguyên liệu

+ K2 và 271.KM2.240822: Mẫu không khí tại khu vực nghiền

+ K3 và 271.KM3.240822: Mẫu không khí tại khu vực dây chuyền đóng bao

+ K4 và 271.KM4.240822: Mẫu không khí tại khu vực kho

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ [(1)]QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích các mẫu không khí cho thấy hầu hết các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ) và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Chỉ có một số thông số về tiếng ồn có sự giao động làm vượt quy chuẩn, công ty sẽ thực hiện các biện pháp bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và lắp đặt thêm mút chống rung chống va đập đối với các thiết bị có cường độ làm việc lớn.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Các loại chất thải phát sinh tại cơ sở bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại; các loại chất thải này hầu hết cơ sở không tự xử lý mà sẽ bàn giao cho đơn có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định. Tình hình phát sinh các loại chất thải trong năm 2023 và năm 2024 được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5.4. Tổng hợp tình hình phát sinh các loại chất thải tại cơ sở trong năm 2023 và 2024

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	
					Năm 2023	Năm 2024
I	**Chất thải nguy hại**					
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	kg	-	05
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	kg	12	03
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	kg	20	20
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	kg	-	16
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	kg	-	-
6	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	kg	15	18
II	**Chất thải rắn sinh hoạt**	-	Rắn	tấn	7,5	7,9
III	**Chất thải rắn công nghiệp thông thường**					
1	Bao bì đóng gói hỏng	18 01 05	Rắn	tấn	0,065	0,086
2	Túi lọc bụi hỏng		Rắn	tấn	0,02	0,052
3	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải, bột liệu và xi măng kết tảng	06 03 07	Rắn	tấn	78	71

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây)

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Năm 2023 và năm 2024 không có thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.

CHƯƠNG 6. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của nhà máy, Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành chính thức, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
I	**Hệ thống xử lý nước thải**			
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Dự kiến Quý IV/2025	Sau 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp có hiệu lực	Vận hành thử nghiệm theo công suất thực tế
II	**Hệ thống xử lý khí thải**			
1	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 1	Dự kiến Quý IV/2025	Sau 6 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp có hiệu lực	Vận hành thử nghiệm theo công suất thực tế
2	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 1 (tại máy nghiền 1)			
3	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 2 (tại máy nghiền 1)			
4	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 3 (tại máy nghiền 1)			
5	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 4 (tại máy nghiền 1)			
6	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 2			
7	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn cân bằng định lượng các nguyên liệu và phụ gia			
8	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô đồng nhất (tại máy nghiền 2)			
9	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (cụm 4 vòi đóng bao)			
10	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (cụm 8 vòi đóng bao)			
11	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (khu vực trộn vữa)			
12	Hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót nguyên			

	liệu vào Silô đồng nhất (tại khu vực trộn vữa)			
13	Hệ thống xử lý bụi từ máy sấy cát			

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Chi tiết kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả công trình xử lý chất thải của dự án

VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH				
STT	**Vị trí quan trắc**	**Thông số quan trắc**	**Tiêu chuẩn so sánh**	**Số lượng mẫu quan trắc**
I	**Nước thải**			
1	Mẫu nước thải đầu vào tại bể gom nước thải và Mẫu nước thải đầu ra tại hố ga sau xử lý hệ thống xử lý nước thải 12 m^3/ngày	pH, BOD_5, TSS, TDS, Sunfua, NH_4^+, NO_3^-, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO_4^{3-}, Coliform.	QCVN 14:2008/BTMT (cột B, K=1,2)	01 mẫu nước thải trước xử lý (mẫu đơn); 03 mẫu nước thải sau xử lý trong 3 ngày liên tiếp (mẫu đơn)
II	**Khí thải**			
1	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 1	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
2	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 1 (tại máy nghiền 1)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
3	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 2 (tại máy nghiền 1)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
4	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 3 (tại máy nghiền 1)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
5	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô số 4 (tại máy nghiền 1)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
6	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nghiền xi măng tại máy nghiền 2	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
7	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn cân bằng định lượng	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên

	các nguyên liệu và phụ gia		(cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	tiếp
8	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót xi măng vào Silô đồng nhất (tại máy nghiền 2)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
9	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (cụm 4 vòi đóng bao)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
10	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (cụm 8 vòi đóng bao)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
11	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn đóng bao (khu vực trộn vữa)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
12	Ống khói của hệ thống xử lý bụi tại công đoạn rót nguyên liệu vào Silô đồng nhất (tại khu vực trộn vữa)	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp
13	Ống khói của hệ thống xử lý bụi từ máy sấy cát	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p=0,9, K_v=1,0)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc nước thải:

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ là những dự án đầu tư, cơ sở có lưu lượng xả thải lớn ra môi trường.

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: Mức lưu lượng xả nước thải lớn của dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 500m^3/ngày (24h) đến dưới 1.000m^3/ngày 24h).

=> Do lưu lượng nước thải tối đa tại Dự án khoảng 125 m^3/ngày.đêm < 500m^3/ngày và đêm nên không thuộc dự án đầu tư, Dự án có lưu lượng xả thải lớn và không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

b) Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

- Vị trí quan trắc: 13 vị trí tại các ống khói tương ứng với 13 hệ thống xử lý khí thải (như đã nêu tại bảng 7.2).
- Tần suất quan trắc: 1 lần/năm
- Thông số giám sát: Bụi tổng
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (K_p=0,9, K_v=1,0).

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Căn cứ theo trương trình quan trắc môi trường định kỳ và Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường và kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của Dự án cụ thể như sau:

Bảng 6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

TT	Nội dung	Số lượng mẫu	Tần suất	Đơn giá	Thành tiền
I	**Quan trắc nước thải sau xử lý**				
1	pH	1	1	70.442	70.442
2	BOD_5	1	1	90.310	90.310
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	1	1	216.949	216.949
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	1	1	282.126	282.126
5	Sunfua	1	1	294.975	294.975
6	Amoni	1	1	514.959	514.959
7	Nitrat	1	1	256.564	256.564
8	Dầu mỡ ĐTV	1	1	356.584	356.584
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	1	1	818.072	818.072
10	Phosphat	1	1	621.517	621.517
11	Tổng Coliforms	1	1	795.130	795.130
II	**Quan trắc khí thải tại hệ thống lọc bụi của xưởng sản xuất số 1**				
	Bụi	1	1	997.229	997.229

CHƯƠNG 7. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" cam kết những thông tin, số liệu, tài liệu đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn tin cậy, chính xác và trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây cam kết thực hiện quy chuẩn, quy định về môi trường bắt buộc như sau:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1,2 (Áp dụng đối với Cơ sở sản xuất dưới 500 người).

- Lượng khí thải hát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (K_p=0,9, K_v=1,0).

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại trong quá trình thực hiện cơ sở phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Và các tiêu chuẩn có liên quan khác theo quy định hiện hành.

- Chủ dự án sẽ bồi thường những thiệt hại môi trường do cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và quy định hiện hành.

- Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục I: Các giấy tờ pháp lý.

Phụ lục II: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ.

Phụ lục III: Hóa đơn điện, hóa đơn nước.

Phụ lục IV: Các sơ đồ, bản vẽ.

Phụ lục I: Các giấy tờ pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500237920 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 1 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp;
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395888 do UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp; (Diện tích đất 14.996,66 m^2);
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395889 do UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp; (Diện tích đất 32.612,65 m^2);
4. Quyết định số 1539 QĐ/UBND ngày 23/08/2007 về việc chuyển hình thức giao đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31 m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) cấp;
5. Hợp đồng thuê đất số 130 HĐ/TĐ ngày 24/08/2007 giữa UBND tỉnh Hà Tây (cũ) và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây;
6. Văn bản số 2027/BXD-VLXD ngày 28/04/2020 về việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn của Bộ Xây dựng;
7. Quyết định số 262/QĐ-STNMT ngày 26/02/2016 về việc Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Cơ sở "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây";
8. Quyết định số 66-QĐ/TN&MT-MT ngày 23/07/2004 "về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy xi măng Tiên Sơn lên 120.000 tấn/năm tại xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây" do Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) cấp;
9. Phiếu thẩm định ĐTM số 24 CN/TCMT ngày 08/11/1995 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Hà Tây (cũ) cấp;
10. Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã số QLCTNH 01.000207.T-ĐC1 ngày 08/07/2010 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp;
11. Biên bản thỏa thuận số 68/TTUB ngày 10/05/2025 về việc đấu nối thoát nước thải và nước mưa chảy tràn giữa UBND xã Bình Lưu Quang và Công ty Cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây;
12. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt;
13. Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt;
14. Hợp đồng dịch vụ cấp nước;
15. Hợp đồng vệ sinh môi trường (thu gom chất thải rắn sinh hoạt) (năm 2024 và năm 2025);
16. Hợp đồng vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (năm 2023, năm 2024 và năm 2025);
17. Chứng từ chất thải nguy hại năm 2023 và năm 2024;
18. Biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải nguy hại tháng 12/2024;
19. Biên bản kiểm tra về PCCC năm 2022 và năm 2024;
20. Hồ sơ diễn tập, quản lý và phương án ứng phó sự cố về PCCC;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0500237920

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 12 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 11 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN SON CEMEN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIENSON., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0913357357* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG THÁI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *28/08/1968* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001068014825*

Ngày cấp: *30/07/2018* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Phố Quang Trung, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 3408 tòa nhà CT4, tổ hợp The Pride, KĐTM An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SốAE 395888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000348 ngày 29/12/2004.
Địa chỉ trụ sở chính tại: Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

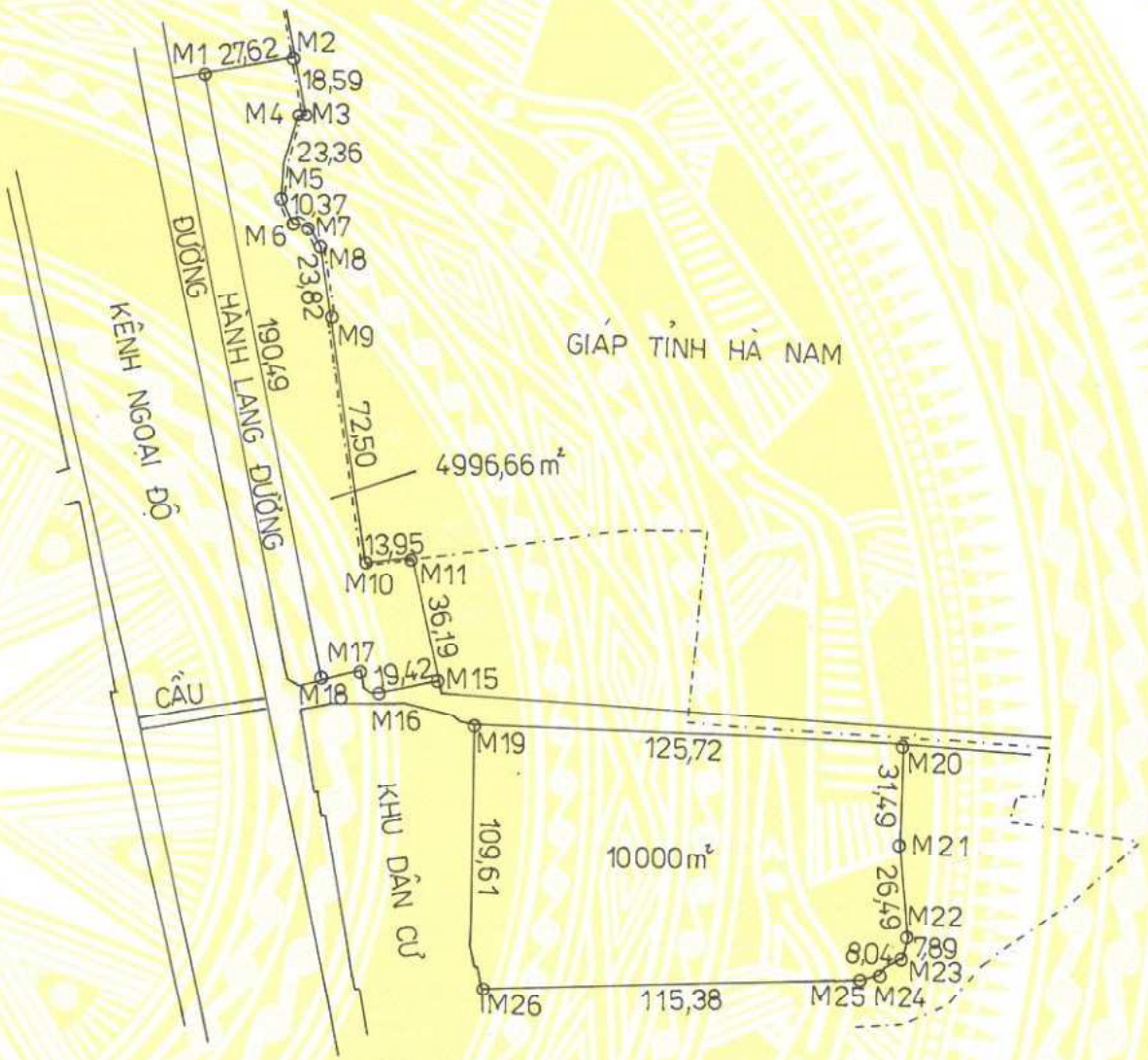
1. Thửa đất số: 2. Tờ bản đồ số: 00
3. Địa chỉ thửa đất: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.
4. Diện tích: 14.996,66 m^2
   Bằng chữ: (Mười bốn nghìn chín trăm chín mươi sáu phẩy sáu mươi sáu mét vuông
5. Hình thức sử dụng:
   + Sử dụng riêng: 14.996,66 m^2
   + Sử dụng chung: Không m^2
6. Mục đích sử dụng đất: Làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 23/8/2057.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh số 1539/QĐ-UBND ngày 23/8/2007.
Thửa đất được trích đo địa chính.

V- Sơ đồ thửa đất *(Sơ đồ này chỉ mang tính chỉ dẫn, không mang tính tỷ lệ)*



Theo trích đo bản đồ tỷ lệ 1/500 do Sở TN&MT xác nhận ngày 14/8/2007.

Người trích dẫn:
Ngô Hồng Khánh

Ngày 29 tháng 8 năm 2007
TUQ. CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nghĩa

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00482

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AE 395889

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000348 ngày 29/12/2004.
Địa chỉ trụ sở chính tại: Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

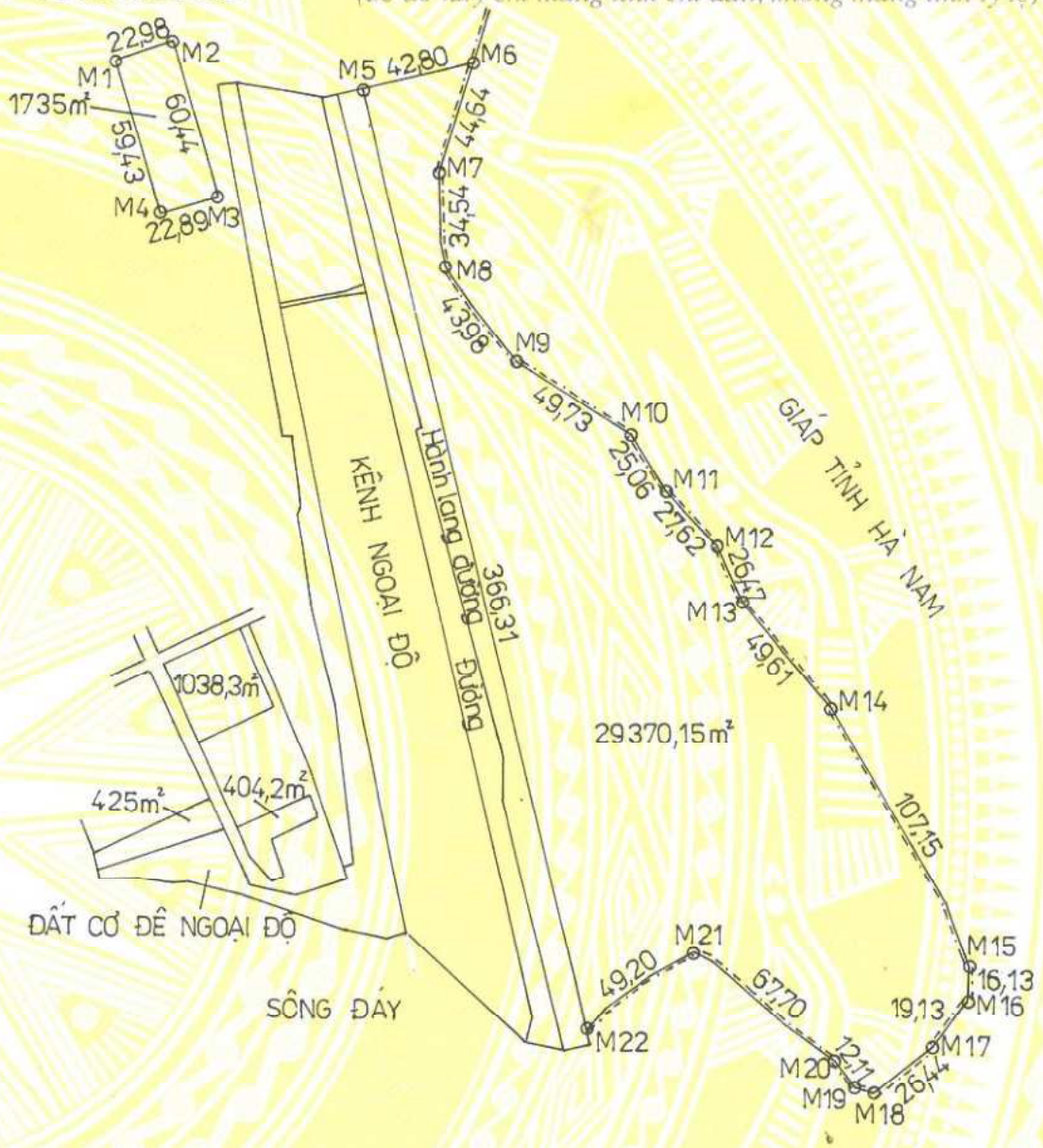
1. Thửa đất số: 2. Tờ bản đồ số: 00
3. Địa chỉ thửa đất: Thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây
4. Diện tích: 32.612,65 m^2
   Bằng chữ: (Ba mươi hai nghìn sáu trăm mười hai phẩy sáu mươi lăm mét vuông).
5. Hình thức sử dụng:
   + Sử dụng riêng: 32.612,65 m^2
   + Sử dụng chung: Không m^2
6. Mục đích sử dụng đất: Làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 23/8/2057.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh số 1539/QĐ-UBND ngày 23/8/2007.
Thửa đất được trích đo địa chính.

V- Sơ đồ thửa đất *(Sơ đồ này chỉ mang tính chỉ dẫn, không mang tính tỷ lệ)*



Theo trích đo bản đồ tỷ lệ 1/500 do Sở TN&MT xác nhận ngày 14/8/2007.

Người trích dẫn:
Ngô Hồng Khánh

Ngày 29 tháng 8 năm 2007
TUQ. CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hiếu Nghĩa

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00483

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 1539 QĐ/UBND	*Hà Đông, ngày 23 tháng 8 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển hình thức giao đất sang thuê đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 664 TT/TNMT-QHKH ngày 20/8/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Chuyển hình thức giao đất sang thuê đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

Diện tích còn lại trong chỉ giới hành lang kênh tiêu Ngoại Độ là 5.317,5m^2, quản lý sử dụng theo quy định, không được xây dựng công trình gây ảnh hưởng.

2. Thời hạn thuê đất: 50 năm tính từ ngày UBND tỉnh quyết định cho Công ty thuê đất.

3. Giá thuê đất. Thực hiện theo Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 142/2005/NĐ-CP về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan ký hợp đồng thuê đất và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hồ sơ thuê đất của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Ứng Hòa chỉ đạo thực hiện việc bàn giao cụ thể các mốc giới, diện tích đất ngoài thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định của Luật Đất đai.

Vị trí, ranh giới, diện tích lô đất được xác định theo trích đo bản đồ tỷ lệ 1/500 do Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 14/8/2007.

2. Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây có trách nhiệm:

Sử dụng đất đúng mục đích, đúng vị trí, ranh giới diện tích đất được thuê. Trước khi xây dựng phải làm đầy đủ các thủ tục về đầu tư và xây dựng cơ bản theo quy định. Phải xây dựng theo quy hoạch, thiết kế và dự án được duyệt. Có giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp. Thực hiện đầy đu những quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn tiền thuê đất và các khoản thuế khác (nếu có) vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Kho bạc, Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Ứng Hòa; Chủ tịch UBND xã Hồng Quang; Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT/UBND tỉnh;
- C/P VP UBND tỉnh;
- TT Công báo
- TH2, KT1, CNXD2;
- Lưu VT, NN3(2b). 24

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Duy Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 418 quyển 01 SCT/BS
Ngày 20 tháng 6 năm 2011
UBND XÃ HỒNG QUANG H.ỨNG HÒA T.P HÀ TÂY

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Thành

Số: 130.. HĐ/TĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 24 tháng 8 năm 2007

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 142/2005/NĐ-CP;
- Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh Hà Tây về việc chuyển hình thức giao đất sang thuê đất cho Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31 m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện ứng Hoà, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Căn cứ Bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế ngày 24/8/2007 của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây đã được Chi cục thuế huyện ứng Hoà xác nhận;
- Biên bản bàn giao mốc giới ngày 24/8/07 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ứng Hoà và Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000348 ngày 29/12/2004 Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Hôm nay, ngày 24..tháng...8...năm 2007 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây, chúng tôi gồm:

I- Bên cho thuê đất: Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tây

- Do ông: **Nguyễn Hữu Nghĩa**
- Chức vụ: **Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường** làm đại diện
- Trụ sở: Số 20 phố Hoàng Diệu - phường Nguyễn Trãi - thị xã Hà Đông - tỉnh Hà Tây.
- Điện thoại: 034.824583

II- Bên thuê đất: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

- Do ông: **Nguyễn Thế Nhậm**
- Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị** làm đại diện
- Trụ sở : Xã Hồng Quang, huyện ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.
- Điện thoại: 034.775103
- Mã số thuế: 0500237920

Hai bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: **47.609,31 m²** *(Bốn bảy nghìn, sáu trăm linh chín phẩy ba mốt mét vuông)*

Tại: **tại xã Hồng Quang, huyện ứng Hoà, tỉnh Hà Tây**

Để sử dụng vào mục đích: **làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.**

2. Vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi được xác định tại trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 (02 tờ) được UBND xã Hồng Quang xác nhận ngày 10/8/2007; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ứng Hoà xác nhận ngày 10/8/2007; Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây xác nhận ngày 14/8/2007. Cụ thể:

- Các thửa trong tờ bản đồ địa chính tại thôn Phú Dư xã Hồng Quang: Thửa số 49, thửa số 52;

- Các thửa trong tờ bản đồ địa chính tại thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang: Thửa số 2, thửa số 23; thửa số 37; thửa số 90; thửa số 98.

3. Thời hạn thuê đất: 50 năm, kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2007 *(ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho thuê đất)* đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2057.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất, mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất: **945 đồng/m²/năm** *(Theo Quyết định số 689/QĐ-TC ngày 01/11/2006 của Sở Tài Chính về việc đơn giá thuê đất của Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn).*

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền hàng năm.

- Lần thứ nhất: Nộp trước ngày 01 tháng 4 hàng năm;

- Lần thứ hai: Nộp trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện ứng Hoà.

Điều 3: Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong "Điều 1" của Hợp đồng này và nội dung của Dự án đầu tư.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai);

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê; trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi Doanh nghiệp mà hình thành Pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác được pháp luật cho phép thì Pháp nhân mới hoặc Tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ, hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời Bên thuê đất trong thời gian 03

tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến lúc bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của điều 38 của Luật Đất đai.

Điều 5: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo qui định của Pháp luật.

Điều 6:

1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp luật.

2. Bên cho thuê đất có trách nhiệm cung cấp các Văn bản liên quan đến việc xác định quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất, tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của Bên thuê đất xây dựng trên khu đất thuê theo qui định của Pháp luật Việt Nam.

Bên thuê đất có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới, diện tích đất được thuê; lập hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc hồ sơ đánh giá tác động môi trường báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; Việc xây dựng công trình theo đúng quy định của Luật Xây dựng và Dự án đã được phê duyệt; không làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất ở lân cận; không vi phạm các quy hoạch của Nhà nước về hành lang an toàn giao thông, lưới điện, thuỷ lợi ... và các quy hoạch khác của Nhà nước.

Bên thuê đất hàng năm có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đất trong phạm vi diện tích đất được thuê trước ngày 25 tháng 12 hàng năm với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện ứng Hoà.

Điều 7:

Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế đã xác định mức thu tiền thuê đất, Kho Bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này, có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN THUÊ ĐẤT	BÊN CHO THUÊ ĐẤT
	Số 908 quyển 01 TNMT Ngày tháng năm 24/10/2014
	PHÓ CHỦ TỊCH Hoàng Văn Nguyên
	GIÁM ĐỐC Nguyễn Hữu Nghĩa

Số 272 /PLHĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-UB ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh Hà Tây về việc chuyển hình thức giao đất sang thuê đất cho Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây; diện tích thuê 47.609,31 m^2, trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, để làm kho bãi chứa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 130/HĐ/TĐ ký ngày 24/8/2007 giữa đại diện UBND tỉnh Hà Tây và Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây;

Căn cứ Quyết định số 4530/QĐ-STC ngày 28/9/2012 của Sở Tài chính Hà Nội về việc phê duyệt đơn giá thuê đất của Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây tại xã Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội;

Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2012 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Do ông: Nguyễn Hữu Nghĩa.

- Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

- Do ông: Nguyễn Thế Nhậm.

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa , TP Hà Nội.

- Điện Thoại: 04.33775667.

- Số tài khoản: 2207201000220 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Ứng Hòa.

- Mã số thuế: 0500237920.

Hai bên thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh Hợp đồng thuê đất số 130/HĐ/TĐ ký ngày 24/8/2007 với các điều khoản sau đây:

Điều 1.

1. Điều chỉnh **Điều 2** của Hợp đồng thuê đất số 130/HĐ/TĐ ký ngày 24/8/2007 như sau:

Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

- Đơn giá thuê đất diện tích 47.609,31 m^2 đất là: 3.675 đồng/m^2/năm (ba nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

- Tổng số tiền thuê đất phải nộp của một năm là: 174.964.000 đồng (một trăm bảy mươi tư triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

2. Đơn giá thuê đất được ổn định 5 năm kể từ ngày 26/6/2012. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định tại Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất thì Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính Hà Nội để xác định lại đơn giá thuê đất và liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký phụ lục hợp đồng thuê đất điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

3. Phương thức nộp tiền: trả tiền thuê đất hàng năm.

4. Thời điểm nộp tiền thuê đất: kể từ ngày 1/1/2012.

5. Nơi nộp tiền thuê đất và truy thu tiền thuê đất còn thiếu nếu có (chi tiết trong Quyết định số 4530/QĐ-STC ngày 28/9/2012 của Sở Tài chính Hà Nội): Chi cục Thuế huyện Ứng Hòa.

Điều 2. Các điều khoản khác của Hợp đồng thuê đất số 130/HĐ/TĐ ký ngày 24/8/2007 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý;

Phụ lục này là bộ phận không tách rời khỏi Hợp đồng thuê đất số 130/HĐ/TĐ ký ngày 24/8/2007.

Điều 3. Phụ lục Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký gồm 2 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Ứng Hòa./.

BÊN THUÊ ĐẤT	**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T	PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Nhậm	Nguyễn Hữu Nghĩa

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 539 quyển: 01
Ngày 20 tháng 11 năm 2012

PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Quốc Diệt

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: NTDTLN
Số: 220221070555006

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220210091084373

Người nộp thuế: CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY — Mã số thuế: 0500237920

Địa chỉ: Thôn Phú Dự, Xã Hồng Quang

Quận/Huyện: Huyện Ứng Hòa — Tỉnh, TP: Hà Nội

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam — trích TK số: 22010005268888

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Ứng Hoà - Hà Nội — Tỉnh, TP: Thành phố Hà Nội

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Vietcombank-CN Thành Công

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Huyện Ứng Hòa - Chi cục Thuế khu vực Ứng Hòa - Mỹ Đức

Phần dành cho người nộp thuế ghi						**Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi**	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1		00/K1/2021	Tiền thuê mặt đất hàng năm.		74,984,663	558	3601
2		00/CN/2021	Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.		4,499,079	558	1603
			Tổng tiền		79,483,742		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BẢY MƯƠI CHÍN TRIỆU BỐN TRĂM TÁM MƯƠI BA NGHÌN BẢY TRĂM BỐN MƯƠI HAI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....

	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN **NGÂN HÀNG (KBNN)**

Ngày.....Tháng.....Năm..... Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
Ngày ký : 05/07/2021 15:26:39

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 05/07/2021 15:26:38

Người ký : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Ngày ký : 05/07/2021 15:26:43

Quay lại In GNT

Ký gửi Phụ Tenne Sơn gửi:
- A. Thái CT HĐQT
- Lưu VT.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 2027 /BXD-VLXD
V/v cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 171
Ngày 05 tháng 05 năm 2020

Kính gửi: Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 18/2020/KH/XMTS ngày 16/4/2020 của Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây (viết tắt là Công ty Tiên Sơn) về việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn. Về vấn đề này, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

1. Tình hình đầu tư, sản xuất xi măng của Công ty Tiên Sơn

Theo báo cáo của Công ty Tiên Sơn, Nhà máy xi măng Tiên Sơn được đầu tư từ năm 1966, nhà máy đã nhiều lần đầu tư, thay đổi công nghệ để nâng cao công suất, chất lượng.

Năm 2015, thực hiện việc dừng sản xuất xi măng trên dây chuyền lò đứng theo quy định tại Quyết định 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 (viết tắt là Quy hoạch 1488), Nhà máy đã dừng hoạt động dây chuyền lò đứng, chuyển đổi thành trạm nghiền công suất 120.000 tấn xi măng/năm, sản xuất ổn định đến nay, tạo việc làm cho hơn 500 lao động địa phương, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế.

Đến nay, sau 20 năm hoạt động, dây chuyền, thiết bị của trạm nghiền đã xuống cấp, khó đảm bảo về môi trường và ổn định sản xuất. Do vậy, Công ty Tiên Sơn báo cáo Bộ Xây dựng và đề nghị hướng dẫn việc đầu tư cải tạo dây chuyền cũ, thiết bị công nghệ lạc hậu để thay thế bằng dây chuyền mới, thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời đảm bảo việc làm cho người lao động.

2. Ý kiến của Bộ Xây dựng

a) Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 26/8/2019 của Chính phủ ban hành Danh mục các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch, trong Phụ lục kèm theo đã bãi bỏ Quy hoạch 1488.

Mặt khác, trong Quy hoạch 1488 cũng không quy định Danh mục các trạm nghiền xi măng. Do vậy, việc cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn là phù hợp với Luật Quy hoạch.

b) Căn cứ khoản 3 Điều 60 Luật Xây dựng, quy định: *"Đối với dự án sử dụng vốn khác, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư xây dựng*

dự án trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật", đồng thời căn cứ điểm d khoản 2 Điều 135 và điểm e khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, quy định: "*Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác; Hội đồng quản trị quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật*", Công ty [redacted]Sơn quyết định đầu tư dự án cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn.

c) Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng, quy định: "*Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình được miễn giấy phép xây dựng*", trường hợp dự án đầu tư cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn của Công ty Tiên Sơn đáp ứng điểm g khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng thì được miễn giấy phép xây dựng.

d) Chủ đầu tư dự án cải tạo dây chuyền nghiền xi măng Tiên Sơn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đồng thời tuân thủ các quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng, cụ thể:

- Về công nghệ, thiết bị: Dự án đầu tư phải lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại với mức độ tự động hóa cao, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, năng lượng trong sản xuất, đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường. Lựa chọn thiết bị phù hợp nhằm đảm bảo sản xuất ổn định, sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh và đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Tiêu hao điện năng: $\leq$ 90 Kwh/tấn xi măng;

+ Nồng độ bụi phát thải: ≤ 30 mg/Nm^3

- Chủ đầu tư phải có năng lực về tài chính; có bộ máy đáp ứng yêu cầu triển khai, thực hiện dự án bảo đảm tiến độ; chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định chung và các tiêu chí về dự án theo quy định.

- Khuyến khích đầu tư công nghệ sản xuất xi măng gắn với việc xử lý và sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu thay thế.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở XD TP. Hà Nội;
- Cty CP xi măng Tiên Sơn Hà Tây;
- Lưu: VT, VLXD.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 262 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây"
Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa điểm: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây";

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" đã được chỉnh sửa, bổ sung;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 75/TTr-CCMT ngày 26/02/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" (sau đây gọi là Cơ sở) được lập bởi Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô của Cơ sở:

1.1. Vị trí của Cơ sở: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

1.2. Quy mô của Cơ sở:

- Công suất sản xuất xi măng: 40.000 tấn/năm.
- Công suất sản xuất gạch không nung: 10.000.000 viên/năm.

Scanned by CamScanner

- Công suất tái chế sắt phế liệu: 10 tấn/ngày.

- Công suất chế biến đá: 130 tấn/giờ.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Khí thải công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN QCVN 23:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng. Từ ngày 01/01/2017, khí thải công nghiệp phải xử lý đạt QCTĐHN 03:2014/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- Tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.4. Lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Thông tư số 27/2014/TT-BNTM ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

2.5. Chủ động xử lý, khắc phục ngay sự cố làm ô nhiễm môi trường và có báo cáo cho cơ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Scanned by CamScanner

2.6. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.7. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Công trình xây dựng cải tạo hệ thống xử lý khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất, thời hạn hoàn thành 30/6/2016.

- Lập hồ sơ xin cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, thời hạn hoàn thành trước ngày 30/6/2016.

- Lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, thời hạn hoàn thành trước ngày 30/6/2016.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung Đề án chi tiết đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Ứng Hòa, Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- Lưu: VT, CCMT(2).

MHS 66695.CCMT(Hg)

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Văn Khánh

Scanned by CamScanner



UBND TỈNH HÀ TÂY
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
***

Số: 66_ QĐ/TN&MT-MT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 23 tháng 7 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án :
Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy xi măng Tiên Sơn lên 120.000 tấn/năm .
Tại : Xã Hồng Quang huyện Ứng Hoà tỉnh Hà Tây.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường được Quốc Hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Quyết định số 2349/2003/QĐ-UB ngày 07 tháng 11 năm 2003 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà tây quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của sở Tài nguyên và Môi trường.
- Căn cứ Đơn xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: "Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy xi măng Tiên sơn lên 120.000 tấn/ năm" ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Công ty xi măng Tiên Sơn (Sau đây gọi là chủ dự án).
- Xét đề nghị của phòng môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy xi măng Tiên sơn lên 120.000 tấn/ năm".

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo:

- Không vận tải, vận hành các máy thi công và nổ mìn vào các giờ ban đêm.
- Áp dụng triệt để các biện pháp chống lún, nứt các công trình lân cận.
- Các loại chất thải của Dự án phải được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Tưới nước bề mặt ở những nơi thi công và trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu.
3. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra .
4. Báo cáo bằng văn bản những nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các Cơ quan liên quan, trong đó có sở Tài nguyên và Môi trường .

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của quyết định này là cơ sở để sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 6 tháng một lần kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ Dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Danh Chấn

Nơi nhận:
- Công ty xi măng Tiên Sơn .
- Bộ TN&MT (để b/c).
- UBND Tỉnh (để b/c);
- Lưu MTg, VT.

Sao y bản chính
Ngày 21/12/2008.

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Nhậm

UBND TỈNH HÀ TÂY
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG
* * *
Số: 24..CN/TCMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 08 tháng 11 năm 1995.

PHIẾU THẨM ĐỊNH ĐTM

1. Tên dự án hoặc doanh nghiệp:

Nhà máy xi măng Tiên Sơn - Ứng Hòa - Hà Tây

2. Họ tên chủ dự án hoặc doanh nghiệp:

Nguyễn ngọc Tuynh

3. Địa điểm thực hiện dự án hoặc doanh nghiệp:

Xã Hồng Quang - huyện Ứng Hòa - tỉnh Hà Tây

4. Loại dự án:

Doanh nghiệp nhà nước

5. Nội dung tóm tắt hoạt động của dự án (Nêu tóm tắt công nghệ, sản phẩm):

Sản xuất ximăng PC.30 và PC.40.

6. Đánh giá chung:

Đạt yêu cầu

6.1. Nội dung báo cáo ĐTM được chấp nhận:

- Hiện trạng môi trường khu vực nhà máy
- Những giải pháp khắc phục, hạn chế ô nhiễm môi trường

6.2. Nội dung báo cáo ĐTM cần bổ sung (Ghi rõ cả thời gian cần thực hiện):

- Thành phần khí thải.
- Nước thải đối với môi trường khu vực cộng đồng

6.3. Các phương án bảo vệ môi trường cần bổ sung (Nội dung và thời gian cần thực hiện):

Từng bước lập kế hoạch thực hiện các giải pháp hạn chế, khắc phục ô nhiễm môi trường như nội dung đã nêu trong báo cáo.

7. Kết luận:

Căn cứ nội dung báo cáo của Nhà máy xi măng Tiên Sơn và nội dung báo cáo của nhóm chuyên viên thẩm định môi trường. Hội đồng thẩm định ĐTM tỉnh Hà Tây đồng ý để Nhà máy xi măng Tiên Sơn được tiếp tục hoạt động sản xuất. Song từng bước cần thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế, khắc phục những tồn tại về môi trường.

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ TÂY

GIÁM ĐỐC

PHÙNG NHẮC MIỄN

Sao y bản chính

Ngày 21/12/2008.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Nhậm

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 8 tháng 7 năm 2010

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: **01.000207.T-ĐC1**

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây;**

Địa chỉ: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, Hà Nội.

Điện thoại: : (043) 3775132 Fax: (043).3775259

Tài khoản số: 4501.000.000.0082

Tại: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0303000348

Ngày cấp: 03/10/2008; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

Tên cơ sở phát sinh chất thải nguy hại: **Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: xã Hồng Quang, huyện Ứng Hoà, Hà Nội

Loại hình cơ sở: Công ty cổ phần;

Điện thoại: : (043) 3775132 Fax: (043).3775259

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đề nghị đăng ký Sổ chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (phụ lục kèm theo gồm 01 trang).

III Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý CTNH tại Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định khác có liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục I, phần IV của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời hạn và hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng CTNH đã đăng ký.
- Thay đổi một trong các thông tin về địa điểm cơ sở hoặc chủ nguồn thải

Khi chấm dứt hoạt động phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà nội./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 01.000207.T-ĐC1 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 8 tháng 7 năm 2010)

1. Danh sách CTNH đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

TT	*Tên chất thải*	*Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)*	*Số lượng (kg)*	*Mã CTNH*
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	lỏng	300	1702
2	Giẻ lau dính dầu	rắn	50	180201
3	Bột nguyên liệu và vật liệu thấm dầu	Rắn	550	19 03 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	02	16 01 06
	Tổng số		902	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở

TT	*Tên chất thải*	*Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)*	*Số lượng (m^3)*	*Số lượng (kg)*
1	Rác thải sản xuất, bụi	rắn	20	
2	Rác thải sinh hoạt	rắn	20	
3	Sản phẩm thu hồi từ quá trình xử lý bụi khói lò nung Clinke	Rắn		5.000
	Tổng số		**40**	**5.000**

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

(Bộ phận không tách rời của Giấy phép này)

- Đơn đăng ký điều chỉnh Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 16/4/2010.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã cấp mã số 01.000207.T ngày 21/5/2009.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 03/10/2008;
- Bản sao Phiếu thẩm định ĐTM ngày 08/11/1995 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Hà Tây (cũ)
- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 66/QĐ-TNMT-MT ngày 23/7/2004 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tây (cũ) cấp.
- Cam kết xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở
- Biên bản kiểm tra thực tế tại cơ sở ngày 13/4/2010

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LƯU QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/TTUB	*Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2025*

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

"V/v Đấu nối thoát nước thải và nước mưa chảy tràn"

Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây".

Địa điểm: Xã Bình Lưu Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

Hôm nay, ngày 10 tháng 05 năm 2025, tại UBND xã Bình Lưu Quang.

I. THÀNH PHẦN

1. Đại diện UBND xã Bình Lưu Quang

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Nga - Chức vụ: PCT UBND xã

2. Đại diện chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

- Ông/Bà: Nguyễn Văn Hùng - Chức vụ : Tổng giám đốc

II. NỘI DUNG BIÊN BẢN

UBND xã Bình Lưu Quang chấp thuận cho Cơ sở: "Nhà máy sản xuất - Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây" có địa chỉ tại xã Bình Lưu Quang, Huyện Ứng Hòa thoát nước ra hệ thống thoát nước chung tại khu vực do UBND xã Bình Lưu Quang quản lý. Việc đấu nối thoát nước của cơ sở được bố trí như sau:

- Vị trí đấu nối thoát nước thải: Nước thải được thu gom và xử lý trong nhà máy đạt quy chuẩn chất lượng nước theo quy định và đấu nối thoát vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực phía Tây ngoài nhà máy tại 01 điểm xả. *(Có bản vẽ kèm theo)*

- Vị trí đấu nối thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước trong nhà máy và được đấu nối thoát vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực phía Tây ngoài nhà máy tại 03 điểm xả. *(Có bản vẽ kèm theo)*

Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo nội dung đã ghi nhận ở trên. Trường hợp có cửa xả hoặc nối thoát nước thải khác trong phạm vi khu vực của cơ sở thì bên Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

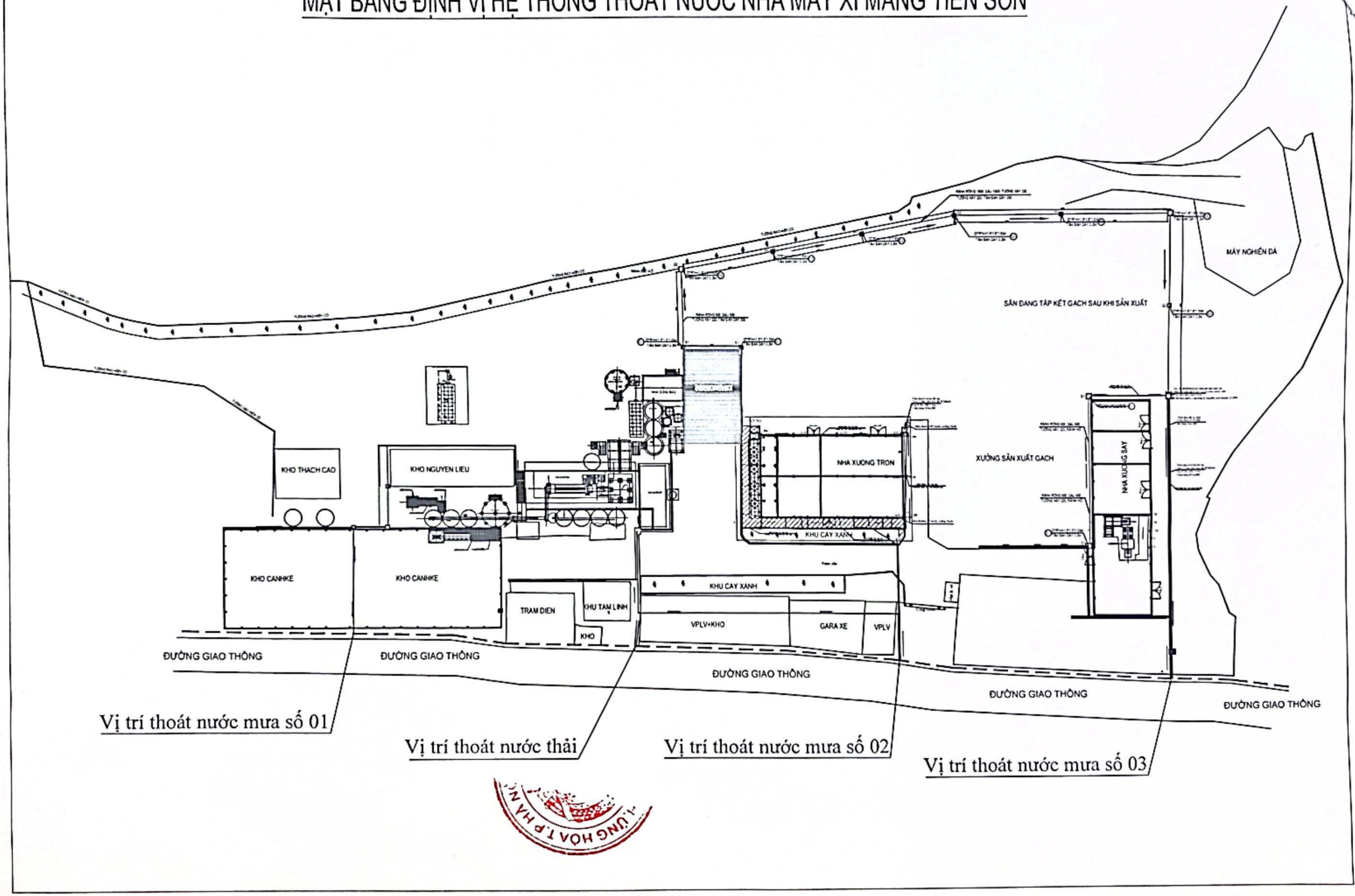
III. KẾT LUẬN

Các bên nhất trí với các nội dung trên; biên bản lập xong được thông qua các bên nhất trí ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LƯU QUANG
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng	*Nguyễn Thị Nga*

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội , ngày 22 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã số hợp đồng: 01281124101325

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện,

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A): TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: 69 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 19001288

Email: evnhanoi@evnhanoi.vn

Mã số thuế: 0100101114

Tài khoản số: 122-10-00-057196-6 tại Ngân hàng: NHTMCP ĐT và PT Việt Nam

Đại diện là ông (bà): Lã Mạnh Cường Chức vụ: Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty Điện Lực Ứng Hòa

Theo Văn bản ủy quyền số: 1401/UQ-PCUNGHOA vào ngày 02/05/2024 của ông (bà) Lê Hồng Dương Chức vụ Giám đốc Công ty Điện Lực Ứng Hòa

Các bên thống nhất tại hợp đồng này, CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện hợp đồng và có các thông tin cụ thể như sau:

Mã số thuế: 0100101114-027

Địa chỉ: Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Email: pcunghoa@evnhanoi.vn

Tài khoản số: 2207201000208 tại Ngân hàng: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

Bên mua điện (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Địa chỉ: Thôn Hữu Vĩnh Xã Hồng Quang Huyện Ứng Hòa Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0982301102

Email:

Tài khoản số: Tại Ngân hàng NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

Đại diện là ông (bà): Nguyễn Văn Hùng

Chức vụ: Giám Đốc

Số CMT/CCCD/hộ chiếu: 035074003221 Ngày cấp: 04 tháng 04 năm 2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát

Số hộ dùng chung: 0

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với những nội dung sau:

Điều 1. Các nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này.

2. Địa chỉ sử dụng điện: C5 Thôn Hữu Vĩnh Xã Hồng Quang Huyện Ứng Hòa Thành phố Hà Nội

3. Vị trí xác định chất lượng điện: Tại điểm đặt hệ thống đo đếm điện năng

4. Vị trí lắp đặt thiết bị đo đếm điện: Trên cột ngoài nhà-8007A1001-TBA CC Hữu Vĩnh 3

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, những người sau đây có thể đại diện Bên B để chứng kiến và ký biên bản treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện tại thời điểm Bên A treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện:

a) Chủ thể ký hợp đồng; ☑

b) Người được Bên B ủy quyền, bao gồm: Một thành viên khác có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình/hộ dùng chung Bên B ☐ Người được ủy quyền khác:

5. Ngày ghi chỉ số công tơ: ngày cuối cùng của mỗi tháng

6. Hình thức và thời hạn thanh toán:

a) Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức thanh toán sau:

Trích nợ tự động ☐; Thanh Toán điện tử ☐; Chuyển khoản ☐; Qua điểm thu ☐; Hình thức khác: Tiền mặt;

b) Thời hạn thanh toán tiền điện: 7 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu của kỳ thanh toán.

7. Hình thức thông báo, trao đổi thông tin:

Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức gửi/nhận thông báo thanh toán và thông báo, trao đổi thông tin khác (bao gồm cả việc chậm thanh toán, ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện, thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ, treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện,…) sau:

Email ☑; Điện thoại/SMS ☑; Ứng dụng chăm sóc khách hàng của Bên A ☑; Hình thức khác:

Đối với các thông tin đề nghị giữa các bên, nếu không có quy định khác, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, bên nhận đề nghị phải có sự phản hồi đồng ý hay không đồng ý về đề xuất của bên gửi đề nghị.

8. Hai bên thống nhất tại hợp đồng này, chứng từ thanh toán đối với mọi khoản thanh toán theo quy định tại hợp đồng sẽ được CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA phát hành cho Bên B và Bên B thực hiện việc thanh toán cho CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

9. Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm được hai bên thỏa thuận: 8 % phần giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

10. Hai bên thỏa thuận lựa chọn một hoặc nhiều phương thức giải quyết tranh chấp sau đây:

Thương lượng ☑; Hòa giải ☑; Trọng tài ☑; Tòa án ☑

Điều 2. Những thỏa thuận khác

a. Tại điểm 10 điều 1 cụm từ “Tòa án” được thay thế bởi: “ Tòa án nhân dân Huyện Ứng Hòa”.

b. Trường hợp có chỉ đạo của chính quyền địa phương về việc thu hồi đất tại vị trí sử dụng điện, hay có tranh chấp về địa điểm mua điện/chủ sở hữu địa điểm sử dụng điện không đồng ý bằng văn bản cho Bên mua điện được ký HĐMBĐ, Bên bán điện được quyền ngừng cấp điện và đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán điện.

c. Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 10 năm 2024 đến ngày hợp đồng chấm dứt theo thỏa thuận tại hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, sửa đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết./.

BÊN B	BÊN A
Đã ký Ngày ký: 23/10/2024 15:33:40 Người ký: CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	 Lã Mạnh Cường

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt)

Điều 1. Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ

1. Chất lượng điện năng

a) Chất lượng điện năng được xác định tại vị trí theo thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Điện áp và tần số phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (sau đây viết tắt là Nghị định số 137/2013/NĐ-CP).

2. Đo đếm điện năng

a) Điện năng sử dụng được xác định qua thiết bị đo đếm điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thể hiện trong biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm điện;

b) Thiết bị đo đếm điện được kiểm định theo quy định của pháp luật;

c) Khi treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện phải lập biên bản có xác nhận của Bên B phù hợp với nội dung đã thỏa thuận tại khoản 4 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này. Biên bản được thể hiện dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 2. Giá điện, phương thức và thời hạn thanh toán

1. Ghi chỉ số công tơ

a) Bên A ghi chỉ số công tơ vào ngày ấn định hàng tháng, có thể dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số trước hoặc sau một ngày, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự. Ngày ghi chỉ số công tơ được thể hiện là ngày cuối của chu kỳ ghi chỉ số trên hóa đơn tiền điện;

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A được quyền thỏa thuận thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ hàng tháng đã được ấn định trước đó thông qua văn bản thông báo (dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử) phù hợp với nội dung đã thỏa thuận tại khoản 7 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này gửi đến Bên B và phải được Bên B đồng ý. Việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ chỉ được thực hiện sau khi hai bên đã thống nhất. Thỏa thuận giữa hai bên là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

2. Giá điện

a) Giá bán lẻ điện sinh hoạt thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên A có trách nhiệm thông báo giá bán lẻ điện sinh hoạt của Bên A cho Bên B trước khi ký hợp đồng và khi có sự thay đổi giá bán lẻ điện sinh hoạt;

b) Khi giá điện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì giá mới được áp dụng và các bên không phải ký lại hợp đồng.

3. Thanh toán tiền điện: Bên B thanh toán tiền điện cho Bên A mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam theo hình thức và trong thời hạn hai bên đã thỏa thuận tại khoản 6 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này và phải thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn.

4. Trường hợp Bên B không trả tiền điện và đã được Bên A thông báo 02 (hai) lần thì sau 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, Bên A có quyền ngừng cấp điện. Bên A phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho Bên B trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra trong trường hợp đã tuân thủ nghĩa vụ thông báo tại quy định Điều này. Sau khi Bên B thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định pháp luật về điện lực (bao gồm cả chi phí cấp điện trở lại) thì Bên A phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.

5. Trường hợp không đồng ý về số tiền điện phải thanh toán, hai bên thực hiện như sau:

a) Bên B có quyền yêu cầu Bên A xem xét lại số tiền điện phải thanh toán. Khi nhận được yêu cầu của Bên B, Bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 ngày;

b) Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của Bên A, Bên B có thể tiến hành giải quyết bằng các phương thức giải quyết tranh chấp đã được hai bên thỏa thuận tại hợp đồng này;

c) Trong thời gian chờ giải quyết về số tiền điện phải thanh toán, Bên B vẫn phải thanh toán tiền điện theo chứng từ thanh toán do Bên A phát hành và Bên A không được ngừng cấp điện. Trong trường hợp Bên B không trả tiền điện thì Bên A thực hiện ngừng cấp điện và cấp điện trở lại theo quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Bên A phải hoàn trả lại tiền điện thực tế đã thu vượt hoặc được truy thu tiền điện còn thiếu của Bên B (nếu có) sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp về số tiền điện phải thanh toán.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Được vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra, ghi chỉ số công tơ, sửa chữa, thay thế thiết bị đo đếm điện đối với thiết bị đo đếm điện đặt trong khu vực quản lý của Bên B và liên hệ với Bên B để giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng. Việc cử người vào khu vực quản lý của Bên B phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm lưới điện và các trang thiết bị điện vận hành an toàn, ổn định, tin cậy. Bảo đảm cung cấp điện cho Bên B đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của Cục Điều tiết điện lực hoặc cơ quan được ủy quyền.

3. Thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện, khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của pháp luật.

4. Thông báo cho Bên B biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng cách thông báo trong 03 ngày liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc bằng một trong các hình thức thông tin khác được hai bên thỏa thuận tại khoản 7 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này khi có kế hoạch ngừng, giảm mức cung cấp điện để sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện.

5. Trường hợp Bên A đã tạm ngừng cung cấp điện theo yêu cầu của Bên B, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B về việc tiếp tục sử dụng điện, Bên A phải cấp điện trở lại cho Bên B sau khi Bên B đã thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.

6. Bên A được phép thu chi phí ngừng và cấp điện trở lại theo quy định về phương pháp xác định và mức chi phí ngừng, cấp điện trở lại do Bộ Công Thương ban hành.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên B về một trong các nội dung sau đây: mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá điện; thay đổi số hộ dùng chung đã đăng ký trong hợp đồng; thay đổi định mức sinh hoạt; có nhu cầu chấm dứt hợp đồng thì Bên A có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt theo thỏa thuận tại hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật.

8. Thông báo cho Bên B về thời điểm kết thúc hợp đồng theo hình thức đã được thỏa thuận tại khoản 7 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hợp đồng kết thúc.

9. Đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B không sử dụng điện quá 06 tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A hoặc Bên B không còn đáp ứng đủ điều kiện ký kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 8 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP). Trình tự, thủ tục đơn phương chấm dứt hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

10. Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quy định pháp luật khác có liên quan.

11. Cảnh báo về khả năng gây mất an toàn sử dụng điện, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của Bên B hoặc các bên có liên quan và thông báo về các biện pháp bảo đảm an toàn sử dụng điện cho Bên B theo quy định của pháp luật.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Yêu cầu Bên A: bảo đảm chất lượng điện năng tại vị trí đã thỏa thuận trong hợp đồng; kiểm tra chất lượng điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán; kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A kiểm tra, ghi chỉ số công tơ, sửa chữa, thay thế thiết bị đo đếm điện đối với thiết bị đo đếm điện đặt trong khu vực quản lý của Bên B.

3. Thông báo ngay cho Bên A khi phát hiện thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng hoặc nghi ngờ chạy không chính xác, khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản.

4. Thông báo cho Bên A trước 15 ngày trong trường hợp thay đổi mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá điện; thông báo ngay cho Bên A khi thay đổi số hộ dùng chung đã đăng ký trong hợp đồng, thay đổi định mức sinh hoạt, có nhu cầu chấm dứt hợp đồng.

5. Thông báo cho Bên A biết trước 05 ngày kể từ ngày có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện liên tục trên 06 tháng; thông báo ngay cho Bên A khi Bên B không còn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp địa điểm sử dụng điện.

6. Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, đảm bảo an toàn đối với đường dây dẫn điện từ sau thiết bị đo đếm điện đến nơi sử dụng điện. Không được tự ý cung cấp điện cho hộ sử dụng điện khác.

7. Thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn theo hợp đồng.

8. Không được tự ý tháo gỡ, di chuyển thiết bị đo đếm điện. Khi có nhu cầu di chuyển thiết bị đo đếm điện sang vị trí khác phải được sự đồng ý của Bên A và phải chịu toàn bộ chi phí di chuyển.

9. Không trộm cắp điện dưới mọi hình thức. Trường hợp có hành vi trộm cắp điện, Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự và nếu gây ra thiệt hại khác cho Bên A thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự.

10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

1. Các hành vi vi phạm hợp đồng

a) Các hành vi vi phạm của Bên A

Không bảo đảm chất lượng điện năng quy định tại Điều 1 (Các điều khoản chung) của hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự; ghi sai chỉ số công tơ, tính sai tiền điện trong hóa đơn; khi Bên B có văn bản đề nghị và đáp ứng đủ điều kiện về việc tăng số hộ dùng chung mà Bên A không thực hiện điều chỉnh; các hành vi khác vi phạm các quy định pháp luật về mua bán điện.

b) Các hành vi vi phạm của Bên B

Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thỏa thuận trong hợp đồng; chậm trả tiền điện theo quy định của pháp luật; khi giảm số hộ dùng chung mà không thông báo cho Bên A; các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

2. Bồi thường thiệt hại

a) Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì phải bồi thường;

b) Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì phải bồi thường;

c) Số tiền bồi thường được xác định theo phương pháp tại quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện do Bộ Công Thương ban hành.

3. Phạt vi phạm hợp đồng

Ngoài việc bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 2 Điều này các bên bị phạt vi phạm hợp đồng như sau:

a) Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì Bên A bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại khoản 9 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này;

b) Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại khoản 9 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo thỏa thuận tại hợp đồng này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết tranh chấp theo phương thức đã được hai bên thỏa thuận tại khoản 10 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật về điện lực./.

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Số: 24190020/ EVN*HANOI* /HĐMBĐNMĐSH

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVN*HANOI*)

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

MÃ KHÁCH HÀNG: PD29007382047

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA
ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG
ĐIỀU 3: THOẢ THUẬN CỤ THỂ
ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG
ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG
ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ
ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN
ĐIỀU 10: THANH TOÁN
ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN
ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN
ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A
ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B
ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG
ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI
ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG
ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG
ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã tỉnh(TP) 0 1 Mã huyện(quận) 2 8 1 Mã loại HĐ 2 Số hợp đồng 2 4 / 1 9 0 0 2 0

Hôm nay, ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVN*HANOI*)

Mã số thuế: 0100101114

Địa chỉ trụ sở chính: 69 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng số: 2207201000208 tại ngân hàng NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

Email: pcunghoa@evnhanoi.vn

Số điện thoại TTCSKH:19001288

Đại diện là ông (bà): Lã Mạnh Cường

- Chức vụ: Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty Điện Lực Ứng Hòa
- Theo văn bản ủy quyền số: 1401/UQ-PCUNGHOA của Lê Hồng Dương - Giám đốc Công ty Điện Lực Ứng Hòa vào ngày 02/05/2024

*Dưới đây gọi tắt là "***Bên A***"*

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Mã số thuế: 0500237920

Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính/ thường trú: Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng số:

Email: lytt@tsgvietnam.com.vn Số điện thoại: 0982301102

Đại diện là ông (bà): Nguyễn Văn Hùng

- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Số chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/ HC): 035074003221 Ngày cấp: 04/04/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Theo văn bản uỷ quyền số:

*Dưới đây gọi tắt là "***Bên B***"*

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là **"Bên"** và gọi chung là **"Các Bên"**

Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Trong phạm vi Hợp Đồng này (trừ khi được Các Bên thống nhất mô tả hoặc quy định khác đi), các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 *Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện* là Biên bản theo mẫu do Bên A quy

định, có nội dung ghi nhận các thông tin về kết quả treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ vào thời điểm treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện;

1.2 *Biện Pháp Bảo Đảm* là biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu tại Điều 3.1;

1.3 *Cơ Quan Nhà Nước* là các cơ quan, chính quyền các cấp của Việt Nam hay người có thẩm quyền của các cơ quan đó, có quyền, trách nhiệm cấp các văn bản hành chính liên quan đến Hợp Đồng hoặc yêu cầu Các Bên cung cấp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật;

1.4 *Công Tơ* là công tơ đo đếm, là thiết bị đo đếm điện năng thực hiện tích phân công suất theo thời gian, lưu và hiển thị giá trị điện năng đo đếm được;

1.5 *Địa Điểm Sử Dụng Điện* là địa điểm được Bên B đăng ký với Bên A để Bên A cấp điện và Bên B sử dụng điện theo quy định của Hợp Đồng;

1.6 *Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm* là giá trị của tài sản bảo đảm được Các Bên ghi nhận tại Điều 3.1.a;

1.7 *Hợp Đồng* là Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 24190020 được ký kết giữa Các Bên và các bản phụ lục sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;

1.8 *Lãi Suất Chậm Trả* là mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm phát sinh Nghĩa Vụ Thanh Toán, được Bên A thông báo cho Bên B khi phát sinh việc áp dụng Lãi Suất Chậm Trả theo quy định của Hợp Đồng;

1.9 *Nghĩa Vụ Thanh Toán* là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của Bên B đối với việc thanh toán khoản tiền phát sinh từ Hợp Đồng cho Bên A, không chỉ bao gồm tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền lãi chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm, chi phí tạm ngừng, ngừng, cấp điện trở lại, bổ sung Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm theo đúng quy định tại Hợp Đồng;

1.10 *Pháp Luật* là toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng, bao gồm những quy định được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

1.11 *Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng* là quy trình được áp dụng để xử lý việc chấm dứt Hợp Đồng, được quy định tại Điều 17.2;

1.12 *Thiết Bị Đo Đếm Điện* là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo;

1.13 *Thời Hạn* là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 3.4.b;

1.14 *Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán* là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/ hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

2.1 Địa điểm sử dụng điện: Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2.2 Mục đích sử dụng điện: Sản xuất xi măng vật liệu xây dựng

2.3 Cấp điện áp: 380V

2.4 Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất:

Cực đại Pmax: 3200 kW Trung bình PTB: 2783 kW Nhỏ nhất Pmin: 1200 kW

b. Điện năng sử dụng trung bình Atb: 1096152 kWh/tháng.

c. Mua công suất phản kháng: Có

2.5 Điểm đấu nối cấp điện: TBA Cty xM Tiên Sơn- M1

2.6 Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: 01

Điểm đo	Vị trí điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp CX	Sở hữu	Trách nhiệm quản lý
1	Theo biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm hiện hành					Ngành điện

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện kèm theo Hợp Đồng.

b. Vị trí xác định chất lượng điện: Trong điều kiện bình thường, được xác định tại phía thứ cấp của máy biến áp cấp điện cho bên B hoặc tại vị trí đặt hệ thống đo đếm điện năng.

2.7 Ghi chỉ số Công Tơ:

a. Số kỳ: 3 kỳ/ tháng

Ngày ghi chỉ số: 7;17;CT

b. Hình thức ghi chỉ số Công Tơ: Gián tiếp

2.8 Giá bán điện: Với hệ thống đo đếm điện năng đặt tại cấp điện áp 380V, giá bán điện được thống nhất theo biểu giá sau:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế GTGT(đồng/kWh)			
			Không theo thời gian	Theo thời gian		
				Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1	13. Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại	100%		1749	3242	1136

2.9 Ranh giới sở hữu tài sản: Phần công trình điện từ điểm đấu nối cột 29 ĐDK 372 E10.2 sau TBA Cty XM Tiên Sơn-(1600 +4000) KVA-35/6 KV,(1000*2 KVA-35/0,4KV) về đến nơi sử dụng điện là tài sản của bên B. Kể cả hệ thống TBA Cty XM Tiên Sơn-(1600 +4000) KVA-35/6 KV,(1000*2 KVA-35/0,4KV).

2.10 Ranh giới quản lý vận hành: Bên A và bên B tự chịu trách nhiệm quản lý an toàn phần công trình điện thuộc sở hữu tài sản của mình. Trường hợp có thỏa thuận khác về quản lý vận hành công trình điện, hai bên sẽ ký kết hợp đồng riêng.

ĐIỀU 3: THỎA THUẬN CỤ THỂ

3.1 Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng: Không

a. Giá trị: 0 đồng

b. Hình thức:

c. Thời hạn Bên B gửi cho Bên A tài liệu xác nhận/chứng minh hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm: trong vòng ngày kể từ ngày Hợp Đồng được Các Bên ký kết (sau đây được gọi là Ngày Xác Nhận Bảo Đảm).

Những tài liệu được Bên B cung cấp có giá trị xác nhận/chứng minh đã hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm (bao gồm nhưng không giới hạn Giấy bảo lãnh/chứng thư bảo lãnh của ngân hàng có nội dung bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng vô điều kiện và không hủy ngang) và những tài liệu khác liên quan đến việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng sẽ được đính kèm Hợp Đồng này.

3.2 Thanh toán:

a. Quy định này áp dụng đối với mọi khoản thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng.

b. Thời hạn thanh toán: 7 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản; Khác;

3.3 Thi hành và hình thức thông báo:

a. Các Bên thống nhất tại Hợp Đồng này rằng, CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Pháp Luật, với các thông tin cụ thể nêu tại Điều 3.3.b sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện Hợp Đồng. Theo đó, chứng từ thanh toán đối với mọi khoản thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng sẽ được CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA phát hành cho Bên B và Bên B thực hiện việc thanh toán cho CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA.

b. Địa chỉ nhận thông báo:

(i) Bên A: Gửi cho Chủ thể đại diện cho Bên A quản lý, thực hiện Hợp Đồng với các thông tin dưới đây:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
MST: 0100101114-027
Tài khoản ngân hàng số: 2207201000208 tại ngân hàng: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam
Địa chỉ: Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Email: pcunghoa@evnhanoi.vn Điện thoại/SMS: 19001288;
Ứng dụng CSKH: EVNHANOI
Website: https://evnhanoi.vn

(ii) Bên B: Địa chỉ: Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Thanh toán:
Email: lytt@tsgvietnam.com.vn Điện thoại/SMS: 0982301102;
- Tạm ngừng, ngừng, giảm cung cấp điện:

Email: lytt@tsgvietnam.com.vn Điện thoại/SMS: 0982301102

- Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp Đồng:

Email: lytt@tsgvietnam.com.vn Điện thoại/SMS: 0982301102

c. Hình thức thông báo: các thông báo sẽ được gửi bằng một trong các hình thức: thư điện tử (email), điện thoại, tin nhắn (SMS), ứng dụng nhắn tin, ứng dụng CSKH, thông qua website theo các địa chỉ nhận thông báo tại Điều 3.3.b và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3.4 Hiệu lực và thời hạn Hợp Đồng:

a. Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày: 08/11/2024

b. Hợp Đồng có Thời hạn: kể từ ngày 08/11/2024 đến ngày 08/11/2029

3.5 Các thỏa thuận cụ thể khác:

a. Trong suốt quá trình Hợp đồng mua bán điện có hiệu lực, Bên B có trách nhiệm đảm bảo hệ thống phòng cháy và chữa cháy hoạt động bình thường. Trường hợp Bên A nhận được văn bản về việc Bên B không đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy của Cơ quản quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo qui định.

b. Tại điều 18 cụm từ "Tòa án nhân dân có thẩm quyền" được thay thế bởi: " Tòa án nhân dân Huyện Ứng Hòa".

c. Trường hợp có chỉ đạo của chính quyền địa phương về việc thu hồi đất tại vị trí sử dụng điện, hay có tranh chấp về địa điểm mua điện/chủ sở hữu địa điểm sử dụng điện không đồng ý bằng văn bản cho Bên mua điện được ký HĐMBĐ, Bên bán điện được quyền ngừng cấp điện và đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán điện.

d. Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

e. Bên B thống nhất dịch chuyển nhu cầu phụ tải sử dụng điện trong các khung giờ từ 12h-15h và từ 22h-24h hàng ngày theo "Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm" (được đính kèm và coi là Phụ lục của Hợp Đồng) sang các khung giờ khác trong ngày vào các tháng 4 (Bốn), 5 (Năm), 6 (Sáu) và 7 (Bảy) của năm khi có thông báo của Bên A. Bên B có trách nhiệm đăng ký lại "Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm các tháng dịch chuyển" của năm làm căn cứ thực hiện".

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền

mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng và hoá đơn mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo thanh toán lần đầu theo quy định tại Điều 3.2.

5.3 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi. Bên A thông báo cho Bên B việc chấp thuận các nội dung thỏa thuận và phương án xử lý trên cơ sở thông báo của Bên B. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

6.1 Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số Công Tơ và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.

6.2 Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện được đính kèm Hợp Đồng này. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ Thiết Bị Đo Đếm Điện trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện Thiết Bị Đo Đếm Điện bị mất hoặc hư hỏng, Các Bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của Các Bên có liên quan trong việc sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.

6.3 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Công Tơ. Bên B phải được sự đồng ý của Bên A khi có nhu cầu di chuyển Công Tơ sang vị trí khác và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình di chuyển.

6.4 Khi thay đổi Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ.

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ

Căn cứ theo quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất ghi nhận ngày ghi, số kỳ ghi và hình thức ghi chỉ số Công Tơ tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Trường hợp ngày, số kỳ ghi chỉ số Công Tơ và hình thức ghi chỉ số Công Tơ thay đổi so với quy định tại Điều 2.7 Hợp Đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi theo hình thức thông báo được quy định tại Điều 3.3. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1 Phạm vi bảo đảm: Các Bên thống nhất rằng Bên B xác lập Biện Pháp Bảo Đảm với phạm vi bảo đảm là toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán.

8.2 Việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thống nhất áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Các Bên căn cứ vào thỏa thuận về Thời Hạn tại Điều 3.4.b, Điều 19 và các quy định tại Điều này để xác định và ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng tại

Điều 3.1.

8.3 Các trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

a. Theo quy định của Pháp Luật, cụ thể: Bên B có sản lượng điện đăng ký mua hoặc có sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng của năm trước liền kề tại tất cả các điểm đo đếm theo hợp đồng mua bán điện từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm không vượt quá 15 (mười lăm) ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng Bên B đăng ký sử dụng (trong trường hợp Bên B lần đầu tiên ký kết Hợp Đồng để mua điện) hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân tháng của năm trước liền kề nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8.

b. Trường hợp Hợp Đồng có Thời Hạn dưới 12 (mười hai) tháng và không thuộc trường hợp tại Điều 8.3.a nêu trên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

(i) Trường hợp Thời Hạn dưới 01 (một) tháng: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8 nhân với sản lượng điện tương ứng theo số ngày Bên B đăng ký sử dụng;

(ii) Trường hợp Thời Hạn từ 01 (một) tháng trở lên: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8 nhân với sản lượng điện Bên B đăng ký sử dụng trong 45 (bốn mươi lăm) ngày.

8.4 Trong trường hợp Bên B không cung cấp các tài liệu theo Điều 3.1.c, Hợp Đồng sẽ không có hiệu lực.

8.5 Giá trị Tài Sản Bảo Đảm sẽ được Các Bên thống nhất điều chỉnh mỗi năm 01(một) lần căn cứ vào sản lượng điện mua bán thực tế của năm trước liền kề. Các Bên điều chỉnh và thông báo cho nhau về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm mỗi năm sau khi điều chỉnh để thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

8.6 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc.

8.7 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.6, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm

nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;

(ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.7 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.

c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán, và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.

8.8 Bên A có quyền ngừng cấp điện nếu Bên B không duy trì Biện Pháp Bảo Đảm trong thời hạn bảo đảm hoặc ngừng cấp điện do Bên B không bổ sung Khoản Khấu Trừ theo quy định tại Điều 10.4.

8.9 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Điều này, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm và/hoặc (ii) điều chỉnh Giá trị Tài Sản Bảo Đảm. Bên A thông báo cho Bên B về việc chấp thuận các nội dung thỏa thuận theo Điều này và phương án xử lý/ thay đổi Giá trị Tài Sản Bảo Đảm.

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

9.1 Giá điện thực hiện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước về mức giá điện. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng, Các Bên ghi nhận việc áp dụng mức giá điện tương ứng tại Điều 2.8 của Hợp Đồng.

9.2 Trong trường hợp Bên B có nhiều hơn một mục đích sử dụng điện, Các Bên thỏa thuận về tỷ lệ mục đích sử dụng điện cho mỗi loại mục đích.

9.3 Trong quá trình sử dụng điện, nếu Bên B có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích dẫn đến việc thay đổi giá điện quy định tại Điều 2.8, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm hoạt động sử dụng điện của Bên B có sự thay đổi trên thực tế. Bên A xác định và thông báo áp dụng mức giá điện mới cho Bên B.

9.4 Trong trường hợp mức giá điện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước có sự thay đổi thì mức giá điện mới ngay lập tức được áp dụng kể từ thời điểm quy định mới của Cơ Quan Nhà Nước có hiệu lực.

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

10.1 Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng được lập theo chu kỳ ghi chỉ số Công Tơ quy định tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Bên A thông báo cho Bên B về việc thanh toán tiền điện tương ứng với số lần ghi chỉ số Công Tơ theo hình thức thông báo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

10.2 Việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán sẽ bằng đồng Việt Nam.

10.3 Hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.

10.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2. Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:

a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện theo quy định tại Điều 8.7 của Hợp Đồng.

(ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.

(iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là Khoản Còn Thiếu) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.

(iv) Tới ngày thứ 14 (mười bốn) trong thời hạn quy định tại Điều 10.4.a.(ii) và Điều 10.4.a.(iii), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện. Thời điểm ngừng cấp điện phải là thời điểm thỏa mãn: (i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ

Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm cả các khoản sau:

- Khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Tới ngày thứ 14 (mười bốn) trong thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và các bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này.

10.5 Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc thanh toán trước tiền điện, trong trường hợp Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN

11.1 Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền tạm ngừng, ngừng, giảm cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

a. Theo quy định tại Điều 10.4 và các quy định khác của Hợp Đồng; và

b. Theo quy định của Pháp Luật.

11.2 Khi các sự kiện theo Điều 11.1 phát sinh trên thực tế dẫn đến việc Bên A thực hiện quyền tạm ngừng, ngừng, giảm cung cấp điện, Bên B và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải thanh toán cho Bên A các khoản chi phí để thực hiện việc tạm ngừng, ngừng, cũng như chi phí cấp điện trở lại. Mức chi phí trong trường hợp này được xác định theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

12.1 Có đủ năng lực và chức năng theo quy định của Pháp Luật để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.

12.2 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực, tự nguyện và không bị cưỡng ép, đe doạ bởi bất cứ chủ thể nào.

12.3 Các thông tin được Các Bên cung cấp phục vụ cho việc ký kết Hợp Đồng và được ghi nhận tại Hợp Đồng này là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, đúng sự thật.

12.4 Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp Luật có

liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

13.1 Quyền của Bên A:

a. Yêu cầu Bên B thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;

b. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số Công Tơ và liên hệ với Bên B theo quy định của Pháp Luật;

c. Được tạm ngừng, ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;

d. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan và phục vụ cho việc thực hiện Hợp Đồng;

e. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;

f. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;

g. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

a. Cung cấp điện năng bảo đảm chất lượng điện năng và chất lượng dịch vụ khách hàng theo Điều 4 của Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan Điều tiết Điện lực hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;

b. Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 (hai) giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được việc xử lý sự cố trong thời hạn nêu trên thì phải thông báo cho Bên B nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;

c. Cấp điện trở lại sau khi Bên B đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Điều 10;

d. Giải toả bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm (nếu có) cho Bên B khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;

e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Đếm Điện theo quy định của Pháp Luật;

f. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các khiếu nại của Bên B liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ điện theo quy định tại Hợp Đồng;

g. Kiểm tra lại tiền điện theo yêu cầu của Bên B tại Điều 14.1.e;

h. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;

i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

14.1 Quyền của Bên B:

a. Yêu cầu người của Bên A khi thực hiện quyền theo quy định tại Điều 13.1.b phải xuất trình thẻ Kiểm tra viên điện lực hoặc thẻ cán bộ nhân viên hoặc văn bản, tài liệu khác theo quy định của Pháp Luật.

b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c. Yêu cầu Bên A cấp điện trở lại sau khi đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán;

d. Yêu cầu Bên A giải toả bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm (nếu có) khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;

e. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Đếm Điện, số tiền điện phải thanh toán theo quy định của Pháp Luật;

f. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

14.2 Nghĩa vụ của Bên B:

a. Sử dụng điện năng đúng mục đích và định mức đã thỏa thuận tại Hợp Đồng;

b. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định của Hợp Đồng;

c. Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên A trong các trường hợp Bên A ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;

d. Thông báo cho Bên A chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày trước thời điểm tạm ngừng sử dụng điện năng khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện;

e. Thông báo ngay lập tức cho Bên A (i) về việc Bên B không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; (ii) khi có các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; và (iii) khi Bên B bị thu hồi giấy phép, chấm dứt hoạt động, ra quyết định giải thể, chuyển nhượng dự án/tài sản có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc tuyên bố phá sản;

f. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng, ghi chỉ số Công Tơ và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng;

h. Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của Đơn vị Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia theo quy định của Pháp Luật;

i. Không được chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng cho bất kỳ chủ thể nào khác nếu không thông báo và được Bên A chấp thuận;

j. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;

k. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật.

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:

a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B;

b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;

c. Ghi sai chỉ số Công Tơ; tính sai tiền điện trong hóa đơn;

d. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;

e. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến

việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;

b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;

c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;

d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;

e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;

f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;

g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;

h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;

i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;

j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm khi có những hành vi vi phạm Hợp Đồng. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Khi có bất cứ hành vi vi phạm nghĩa vụ nào, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.3 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.4 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

(i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

(ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên A về nghĩa vụ phạt vi phạm của Bên B. Quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm, Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho

tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

b. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

Bên B có Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Trường hợp Bên B chậm thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả trên khoản tiền bồi thường thiệt hại cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

c. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền phạt vi phạm do Bên A vi phạm Hợp Đồng:

(i) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm của Bên A đối với Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường và tiền phạt mà hai Bên đã thống nhất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chính thức của Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm thanh toán tiền điện với giá trị không quá khoản tiền Bên A chậm thanh toán cho đến khi Bên A thanh toán và Bên B không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào do chậm thanh toán tiền điện trong phạm vi Điều này.

(ii) Nếu Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại, khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn nêu tại Điều 16.4.c.(i), Bên B phải thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán Nghĩa Vụ Thanh Toán bình thường theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

a. Kết thúc Thời Hạn mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên B không có phản hồi theo Điều 19.4.

b. Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn.

c. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn khi Bên A có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng.

d. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn trong các trường hợp dưới đây:

(i) Bên B có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3;

(ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, chuyển nhượng tài sản/dự án có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện, mất khả năng thanh toán, bị phá sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết không có người thay thế hợp pháp. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại

Điều 17.1, Bên A tiến hành:

(i) Gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.

(ii) Ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.

(iii) Xác định chỉ số Công Tơ, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.

(iv) Các Bên tiến hành hoàn tất toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.

(v) Xử lý tài sản bảo đảm: Các Bên tổng kết về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày chấm dứt thời hạn bảo đảm, ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B. Ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền,tài sản bảo đảm cho Bên B có thể là ngày sau khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng:

(i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, các Bên thống nhất Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt và không phải ký Biên bản chấm dứt Hợp đồng.

(ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lí do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc quy trình theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

19.1 Hiệu lực của Hợp Đồng

a. Hiệu lực của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận. Trong trường hợp Các Bên thỏa thuận lựa chọn việc áp dụng bảo đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 3.1, ngày có hiệu lực của Hợp Đồng được xác định là (i) Ngày Xác Nhận Bảo Đảm theo Điều 3.1.c hoặc (ii) ngày

nghiệm thu đóng điện, phụ thuộc vào thời điểm nào xảy ra sớm hơn.

b. Căn cứ theo Điều 19.1.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận ngày có hiệu lực của Hợp Đồng tại Điều 3.4.a.

19.2 Thời Hạn của Hợp Đồng:

a. Thời Hạn của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện.

Việc xác định quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bên B đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện căn cứ vào các tài liệu được Bên B chủ động cung cấp hoặc theo yêu cầu của Bên A. Các tài liệu này sẽ được đính kèm Hợp Đồng.

b. Căn cứ theo Điều 19.2.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận Thời Hạn của Hợp Đồng tại Điều 3.4.b.

19.3 Thời Hạn có thể được điều chỉnh hoặc gia hạn theo thỏa thuận giữa Các Bên và phải được quy định thành phụ lục đính kèm Hợp Đồng.

19.4 Bên A thông báo trước cho Bên B về việc hết Thời Hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày Hợp Đồng này hết hiệu lực để Các Bên tiến hành việc thỏa thuận gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phản hồi lại về việc gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết Thời Hạn nếu không nhận được phản hồi từ Bên B.

19.5 Đối với trường hợp tại Điều 19.4, Các Bên thống nhất về việc gia hạn Hợp Đồng:

a. Các Bên hoàn thành việc ký phụ lục gia hạn Hợp Đồng hoặc ký hợp đồng mua bán điện mới trước ngày Hợp Đồng hết hiệu lực;

b. Đối với trường hợp có áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm, Các Bên có nghĩa vụ hoàn tất việc gia hạn đối với thời hạn bảo đảm của Biện Pháp Bảo Đảm hoặc hoàn tất việc áp dụng biện pháp bảo đảm mới, bảo đảm phù hợp với hiệu lực của Hợp Đồng và Thời Hạn gia hạn hoặc phù hợp với hiệu lực và thời hạn của hợp đồng mua bán điện mới theo quy định của Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Các Bên căn cứ Thời Hạn gia hạn, thời hạn của hợp đồng mua bán điện mới, sản lượng điện xác định theo quy định tại Điều 8.3 đối với từng trường hợp để xác định Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng cho Thời Hạn gia hạn hoặc giá trị tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện mới.

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

20.1 Thông báo và liên lạc

a. Một thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.

b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

20.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng được Các Bên xác nhận và ký kết đầy đủ thông qua hình thức như dưới đây.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng văn bản giấy:

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng điện tử:

Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt, và được lưu trữ tại hệ thống phương tiện lưu trữ điện tử của Bên A tại website https://evnhanoi.vn và/hoặc ứng dụng CSKH. Bên B có quyền truy cập để tra cứu nội dung Hợp Đồng này.

BÊN B	BÊN A
Đã ký Ngày ký: 07/11/2024 15:45:59 Người ký: CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	 Lã Mạnh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
(HCSN – SẢN XUẤT – KINH DOANH)

Số hợp đồng: **097SX032505001**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Thông tư 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 117/2007/NĐ-CP; ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Văn bản đề nghị cấp nước ngày 13 tháng 05 năm 2025 của khách hàng;
- Theo khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước của hai bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 05 năm 2025 tại Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam chúng tôi gồm:

I. Doanh nghiệp cung cấp nước (Bên A): CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH HÀ NAM

Đại diện là: Ông **Lê Văn Hùng** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Thực hiện theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-HANWACO ngày 30/08/2022)

Địa chỉ : Số 10, đường Nguyễn Thiện, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

Điện thoại : 0226.3633.633

Tài khoản :114.0000.18713 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Hà Nam

Mã số thuế : 0700101130

II. Khách hàng sử dụng nước (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Hưng ..Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Theo giấy uỷ quyền số: 01/2025/UQ-TMS ngày 02/01/2025 của Bên B

Địa chỉ trụ sở: .....

Địa chỉ mua nước sạch: Thôn Phú Dư, Xã Bình Lưu Quang, Ứng Hoà, Hà Nội.

Số điện thoại: 0985970864 / 0983976831 số Zalo: ..... Email: .....

Tài khoản số: ..... tại NH: .....

Mã số thuế: 0500237920

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng dịch vụ cấp nước gồm những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng, mục đích sử dụng

1.1. Bên A đồng ý cung cấp nước sạch cho Bên B theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện có, thông qua đồng hồ đo nước có kích thước …… mm, được lắp đặt tại địa chỉ sử dụng nước.

1.2. Hồ sơ thiết kế thi công hoặc bản vẽ thi công là phần không thể tách rời của hợp đồng này.

1.3. Bên B đồng ý mua nước sạch để sử dụng cho các mục đích sau, với tỷ lệ sử dụng tạm tính như sau:

☐ **Hành chính sự nghiệp** …....% lượng tiêu thụ	☐ **Sản xuất vật chất** …....% lượng tiêu thụ	☐ **Kinh doanh dịch vụ** …....% lượng tiêu thụ

Tỷ lệ % lượng tiêu thụ cho mỗi mục đích sử dụng sẽ được điều chỉnh thực tế theo nhu cầu sử dụng nước của Bên B.

Điều 2: Chất lượng dịch vụ

2.1. Bên A có trách nhiệm cung cấp nước liên tục 24/24 giờ tại điểm đấu nối của Bên B, đảm bảo lưu lượng và áp lực nước theo đúng quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13606:2023, phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước hiện có.

2.2. Khi nhận được phản ánh của Bên B về chất lượng nước sạch hoặc khi xảy ra sự cố, Bên A có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước đến trước đồng hồ đo. Việc khắc phục sự cố sau đồng hồ thuộc trách nhiệm của Bên B.

Điều 3: Giá nước

Giá nước được tính theo biểu giá do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt trong từng thời kỳ, dựa trên nguyên tắc sử dụng nước sạch đúng mục đích nào thì áp dụng mức giá quy định cho mục đích đó. Trường hợp giá nước thay đổi, Bên A sẽ thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc gửi thông báo trực tiếp đến Bên B về biểu giá mới và thời điểm bắt đầu áp dụng.

Điều 4: Phương thức, thời hạn thanh toán

Bên A phát hành giấy báo tiền nước và hóa đơn điện tử cho Bên B thông qua webs
hanoi.hanwaco.com.vn/hoa_don hoặc qua zalo **Nước sạch Hà Nam Chi nhánh Nam Hà Nội.**

4.1. Bên A thực hiện ghi chỉ số nước ít nhất một lần trong mỗi kỳ hóa đơn vào ngày cố định hàng tháng. Ngày ghi chỉ số có thể điều chỉnh sớm hoặc muộn một ngày, trừ các dịp lễ, Tết hoặc trường hợp bất khả kháng;

4.2. Bên B thanh toán tiền nước mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam đồng, theo hình thức chuyển khoản;

4.3. Thời gian thông báo thanh toán tiền nước: ngay sau ngày chốt chỉ số đồng hồ, thông báo thanh toán sẽ được gửi qua nhân viên ghi thu và đăng trên website của Bên A.

4.4. Thời hạn thanh toán: kể từ ngày có thông báo thanh toán cho đến ngày cuối tháng.

- Nếu Bên B chậm thanh toán quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo tiền nước chính thức – tức ngày có thông báo tiền nước qua website của Công ty, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cung cấp nước.

- Bên B phải thanh toán cả khoản tiền lãi chậm trả theo lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của bên A

5.1. Bên A có các quyền sau:

5.1.1. Được vào khu vực do Bên B quản lý để kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ cấp nước, bao gồm: kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cụm đồng hồ nước, đường ống cấp nước, việc sử dụng nước; thực hiện các thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế đường ống, đồng hồ đo nước.

5.1.2. Được chủ động thay đổi cỡ đồng hồ trong trường hợp lưu lượng nước tiêu thụ trong 01 giờ không nằm trong giới hạn đo chính xác theo thông số kỹ thuật của đồng hồ, nhằm đảm bảo việc ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ chính xác.

5.1.3. Được tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

- Tạm ngừng cấp nước để phục vụ công tác duy tu, sửa chữa định kỳ, xử lý sự cố hoặc trong các trường hợp bất khả kháng.
- Ngừng cấp nước ngay lập tức khi phát hiện Bên B có hành vi xâm hại hệ thống cấp nước hoặc đồng hồ đo nước.
- Ngừng cấp nước do vi phạm hợp đồng, bao gồm: chậm thanh toán tiền nước quá thời hạn quy định hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác đã cam kết.
- Ngừng cấp nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Bên A có nghĩa vụ sau:

5.2.1. Đảm bảo hệ thống cấp nước và các trang thiết bị cấp nước hoạt động ổn định, cung cấp nước đạt chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

5.2.2. Tiếp nhận và kịp thời xử lý khi Bên B thông báo sự cố liên quan đến chất lượng nước, áp lực nước hoặc khiếu nại về đồng hồ đo nước (Thông tin liên hệ của Bên A, bao gồm địa chỉ và số điện thoại, được cung cấp trên hóa đơn thu tiền nước).

5.2.3. Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Bên B về việc cung cấp và sử dụng nước.

5.2.4. Thông báo trước cho Bên B chậm nhất 24 giờ qua các kênh truyền thông của Bên A hoặc trực tiếp trong trường hợp tạm ngừng cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.

5.3.5. Kiểm tra tình trạng và độ chính xác của đồng hồ đo nước khi chỉ số tiêu thụ đột biến gấp tối thiểu 05 lần mức tiêu thụ trung bình 03 tháng và từ 100m3 trở lên khi có yêu cầu của Bên B, không bao gồm nghĩa vụ kiểm tra sau đồng hồ cho Bên B.

5.2.6. Cung cấp thông tin về các quy định mới liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước thông qua các kênh truyền thông của Bên A hoặc thông báo trực tiếp đến Bên B.

5.2.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

6.1. Quyền của Bên B:

6.1.1. Yêu cầu Bên A: Cung cấp nước sạch với khối lượng, chất lượng và điều kiện dịch vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng; Đảm bảo tính chính xác của thiết bị đo đếm nước sạch và số tiền nước phải thanh toán; Khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi hệ thống cấp nước gặp sự cố.

6.1.2. Được Bên A cung cấp thông tin về: Các sự cố liên quan đến việc cung cấp nước; Kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống cấp nước; các quy định mới liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước.

6.1.3. Yêu cầu Bên A tạm ngừng cấp nước trong một thời gian nhất định, với điều kiện Bên B phải thanh toán các chi phí liên quan đến việc đóng, mở nước.

6.2. Nghĩa vụ của Bên B:

6.2.1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền nước theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng. Trường hợp có khiếu nại đang chờ Bên A hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán số tiền nước còn nợ theo thời hạn đã được thông báo. Việc điều chỉnh thanh toán (nếu có) sẽ được thực hiện sau khi có kết quả giải quyết được hai Bên chấp thuận hoặc từ cơ quan có thẩm quyền.

6.2.2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong việc: ghi chỉ số đồng hồ nước, thay thế đồng hồ và kiểm tra hệ thống cấp nước sau đồng hồ; không để vật liệu xây dựng, máy móc, xe cộ hoặc kinh doanh ngay trên vị trí lắp đồng hồ; chịu trách nhiệm về chỉ số nước bị dồn kỳ do cản trở việc ghi chỉ số đồng hồ theo lịch cố định của Bên A.

6.2.3. Kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố tại điểm đấu nối, bao gồm: bất thường về vị trí lắp đồng hồ, tình trạng đồng hồ nước, chất lượng nước và áp lực nước.
6.2.4. Thông báo cho Bên A bằng văn bản khi không sử dụng nước trên 02 tháng.
6.2.5. Bảo vệ nguyên trạng hệ thống cấp nước, đồng hồ nước, thiết bị và chì niêm phong do Bên A lắp đặt; không tự ý sửa chữa, di chuyển hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn nước từ đồng hồ nước đến nguồn cấp thuộc quyền quản lý của Bên A.
6.2.6. Không thực hiện các hành vi sau: sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước của Bên A; đấu nối chung hệ thống cấp nước của Bên A với các hệ thống cấp nước khác; làm sai lệch chỉ số đồng hồ nước; cản trở Bên A trong việc quản lý và khai thác hệ thống cấp nước.
6.2.7. Tự thiết kế và lắp đặt hệ thống ống dẫn nước sau cụm đồng hồ, đảm bảo an toàn và không gây sự cố ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước của Bên A.
6.2.8. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước và quản lý các thiết bị sử dụng nước sau đồng hồ. Nếu có đột biến về chỉ số tiêu thụ mà không phải do lỗi của đồng hồ, Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ tiền nước theo hóa đơn. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục sự cố sớm nhất, tránh thất thoát nước kéo dài, gây lãng phí tài nguyên và gia tăng chi phí tiền nước.
6.2.9. Không được kinh doanh nước sạch hoặc cho bên thứ ba sử dụng nước sạch của Bên A. Nếu vi phạm, Bên B phải bồi thường cho Bên A theo điều 9.2.4.
6.2.10. Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên A theo quy định của pháp luật.
6.2.11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 7: Các thỏa thuận khác

7.1. Trường hợp ngày chốt chỉ số nước bị chậm từ 05 ngày trở lên do trùng ngày lễ, Tết hoặc lý do bất khả kháng, Bên A sẽ điều chỉnh hóa đơn tiền nước của kỳ sử dụng đó bằng cách: chia tổng sản lượng tiêu thụ cho số ngày giữa hai lần chốt chỉ số, rồi nhân với số ngày trong tháng để tính sản lượng nước của kỳ hóa đơn hiện tại, sản lượng nước của những ngày còn lại sẽ được chuyển sang kỳ hóa đơn tiếp theo.
7.2. Khi đồng hồ nước gặp sự cố kỹ thuật như tắc, kẹt, hỏng hoặc đo đếm không chính xác, lượng nước sử dụng của Bên B sẽ được tính theo mức trung bình của 03 tháng liền kề trước đó hoặc trung bình 01 năm, tùy theo kết quả nào phản ánh tương đối chính xác nhất thói quen sử dụng nước của Bên B qua thời gian.
7.3. Đồng hồ nước được coi là hoạt động chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá ±5% so với lượng nước thực tế đã qua đồng hồ.
7.4. Nếu Bên B sử dụng nước không đúng với mục đích đã đăng ký, Bên A sẽ áp dụng đơn giá theo mục đích sử dụng mới và truy thu số tiền chênh lệch giá từ thời điểm Bên B thay đổi mục đích sử dụng đã đăng ký, cộng với khoản bồi thường theo điều 9.2.3.
7.5. Trong trường hợp có bất đồng về chỉ số tiêu thụ nước, hai bên thống nhất tháo đồng hồ để kiểm định nhằm xác định tính chính xác của thiết bị đo đếm. Trong thời gian chờ kết quả kiểm định:

- Bên B vẫn có nghĩa vụ thanh toán tiền nước theo hóa đơn đã thông báo.
- Nếu sai số của đồng hồ vượt quá giới hạn cho phép (±5%), Bên A phải thay đồng hồ mới cho Bên B và hoàn trả số tiền nước đã thu tương ứng với lượng nước bị tính sai kể từ thời điểm phát sinh sai số, dựa trên mức tiêu thụ bình quân của kỳ hóa đơn gần nhất.
- Nếu sai số của đồng hồ vẫn nằm trong giới hạn cho phép (±5%), Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc tháo lắp, vận chuyển và kiểm định đồng hồ.

7.6. Nếu Bên B đề nghị đấu nối trực tiếp vào hệ thống cấp nước của Bên A mà không qua đồng hồ đo đếm (trong thời gian chờ kiểm định đồng hồ, chờ cải tạo đường ống hoặc vì lý do khác), thì đơn giá bán nước và cách tính sản lượng tiêu thụ sẽ do hai bên thỏa thuận. Nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, Bên B không được sử dụng nước trực tiếp mà không qua đồng hồ.
7.7. Trường hợp Bên A ngừng cung cấp nước do Bên B vi phạm các điều khoản của hợp đồng hoặc quy định của pháp luật, nếu Bên B đã khắc phục vi phạm và có nhu cầu đấu nối lại, Bên B phải chịu toàn bộ chi phí đóng mở nước theo đơn giá vật tư và nhân công do Bên A quy định.
7.8. Nếu Bên B chủ động đề nghị di chuyển đồng hồ nước đến vị trí khác (trong phạm vi địa chỉ đăng ký) vì lý do cá nhân, Bên B phải thanh toán toàn bộ chi phí di dời theo dự toán chi phí do Bên A lập.

Điều 8: Thay thế, sửa đổi hợp đồng

8.1. Trường hợp Bên B muốn chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ nước cho khách hàng khác. Bên B và đối tượng nhận chuyển giao phải thông báo và làm việc với Bên A. Nếu Bên A đồng ý cho Bên B chuyển giao, Bên A sẽ ký hợp đồng mới với bên nhận chuyển giao. Nếu Bên A không đồng ý hoặc Bên B tự ý chuyển giao không có sự chấp thuận của Bên A, Bên A sẽ ngừng cấp nước và thu hồi toàn bộ cụm đồng hồ đã lắp đặt để bảo vệ hệ thống cấp nước.
8.2. Nếu một trong hai bên có yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi thông tin, điều khoản liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận thông qua biên bản, phụ lục hợp đồng hoặc ký kết lại hợp đồng.
8.3. Các trường hợp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Bồi thường thiệt hại

9.1. Trách nhiệm bồi thường của Bên A:

9.1.1. Ghi sai chỉ số đồng hồ hoặc sử dụng đồng hồ nước không đạt tiêu chuẩn quy định, dẫn đến việc thu tiền nước cao hơn số tiền thực tế Bên B phải trả. Mức bồi thường bao gồm số tiền thu thừa cộng với lãi suất.

9.1.2. Tính sai hóa đơn tiền nước gây thiệt hại cho Bên B. Mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch do tính sai cộng với lãi suất.

9.2. Trách nhiệm bồi thường của Bên B:

9.2.1. Làm mất hoặc làm hư hỏng đồng hồ nước và các thiết bị hỗ trợ việc cung cấp nước do lỗi của Bên B. Mức bồi thường bao gồm chi phí thay thế, sửa chữa thiết bị hư hỏng và các chi phí cần thiết để khôi phục việc cung cấp nước theo quy định.

9.2.2. Tự ý tác động, đấu nối, di chuyển đường ống hoặc đồng hồ nước. Mức bồi thường bao gồm chi phí sửa chữa phục hồi hiện trạng đường ống nước, đồng hồ nước và tiền nước thất thoát do tác động của Bên B tính theo lưu lượng nước trung bình trên đường ống bị tác động nhân với thời gian thất thoát và đơn giá kinh doanh.

9.2.3. Sử dụng nước sai mục đích theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Bên A. Mức bồi thường bao gồm khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm cộng với lãi suất của khoản tiền chênh lệch đó.

9.2.4. Kinh doanh nước sạch hoặc cho bên thứ 3 sử dụng nước sạch sau đồng hồ của Bên B. Mức bồi thường bao gồm chi phí cắt bịt đường ống cấp nước bất hợp pháp cho bên thứ 3 và chênh lệch giá trong thời gian vi phạm theo đơn giá nước kinh doanh cộng với lãi suất của khoản tiền chênh lệch đó.

9.2.5. Bồi thường khi gây thiệt hại cho đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Lãi suất của khoản tiền tại điểm 9.1.1; 9.1.2; 9.2.2 bằng mức lãi suất tiền vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng này tại thời điểm thanh toán.

Điều 10: Chấm dứt và khôi phục hợp đồng

10.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên vi phạm hợp đồng, bên còn lại có quyền đơn phương đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Bên A không còn điều kiện cung cấp nước.
- Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B không sử dụng nước trong hơn 06 tháng mà không có thông báo trước.
- Bên B dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký sử dụng nước.
- Bên B vi phạm các quy định về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch hoặc bảo vệ công trình cấp nước theo quy định của pháp luật.
- Đồng hồ nước gắn với bất động sản bị giải tỏa, di dời hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

10.2. Khôi phục hoặc ký lại hợp đồng:

Hợp đồng có thể được khôi phục hoặc ký lại sau khi hai bên giải quyết xong các vướng mắc.

Điều 11: Xử lý vi phạm hợp đồng

Nếu xảy ra vi phạm hợp đồng, mức độ bồi thường và xử phạt sẽ được xác định dựa trên lỗi của bên vi phạm, căn cứ theo hợp đồng, các quy định hiện hành về cung cấp và sử dụng nước, cũng như các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12: Điều khoản thi hành

12.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài các nghĩa vụ cụ thể được quy định, hai bên phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành về cung cấp và sử dụng nước, đặc biệt là quy định tại Điều 32 của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ. Trong trường hợp pháp luật có sự thay đổi, việc thực hiện hợp đồng sẽ tuân theo các quy định pháp luật mới nhất có hiệu lực;

12.2. Nếu phát sinh tranh chấp, hai bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, tôn trọng quyền và lợi ích của nhau. Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật, thông qua cơ quan có thẩm quyền hoặc Tòa án;

12.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ tự động thay thế hợp đồng đã ký giữa hai bên mà không yêu cầu thủ tục thanh lý hợp đồng cũ trước đó. Trong quá trình thực hiện, nếu một trong hai bên muốn sửa đổi hoặc bổ sung điều khoản hợp đồng, hai bên sẽ cùng thống nhất các nội dung thay đổi thông qua việc ký Phụ lục hợp đồng. Phụ lục này là một phần ràng buộc có pháp lý cùng với Hợp đồng chính;

12.4. Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu)*
M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI	MSDN: 0700101130 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH HÀ NAM TP.PHỦ LÝ .T.HÀ NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC	T.UQ CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
	LÊ VĂN HÙNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Số: /2025 - HĐVSMT/SH- UH

- Căn cứ Luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ luật Bảo vệ môi trường nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2015;

- Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ năng lực và nhu cầu của mỗi bên;

Hôm nay, ngày 3 tháng 1 năm 2025, tại Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Người đại diện : Nguyễn Văn Hùng
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội
Số tài khoản : 56658668888
Tại : Ngân Hàng TMCP Tiên Phong-Hoàn Kiếm-Hà Nội
Mã số thuế : 0500237920
Email : SĐT:

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÔNG HỒNG

Người đại diện : **Đỗ Thanh Phong** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
(Theo giấy uỷ quyền số 750/GUQ-RSSH ngày 24/10/2024 của công ty Cổ phần môi trường đô thị Sông Hồng)
Địa chỉ giao dịch : Tầng 4, Tòa nhà Ban quản lý cụm TTCN&CNN, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
Điện thoại : 04 22116628 Fax: 043 7955204
Tài khoản số : 2890266897
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam-CN Ngọc Khánh HN.
Mã số thuế : 0102791858
Mã ngân hàng : 01202034

Scanned with CamScanner

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường với những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung của hợp đồng:

1.1. Bên A thuê bên B vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Chu kỳ thực hiện: 2 lần/ ngày

Điều 2: Quy cách và phương thức thực hiện:

- Bên A bố trí địa điểm thuận lợi để tập kết rác thải sinh hoạt, cử người hướng dẫn khi bên B thực hiện công việc theo chu kỳ.

- Bên B bố trí nhân lực và phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết của bên A đến nơi xử lý theo quy định.

Điều 3: Địa điểm, thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

- Địa điểm thực hiện tại: ***CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY***

Điều 4: Trách nhiệm của các bên:

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ thu chứa đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường cũng như thu chứa hết khối lượng rác phát sinh hàng ngày.

- Điểm tập kết rác thải sinh hoạt của bên A phải đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông cho người và phương tiện ra vào trong quá trình vận chuyển rác.

- Có trách nhiệm phân loại rác trong quá trình thu gom đến nơi tập kết đảm bảo rác thải sinh hoạt được thu gom không lẫn rác thải nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

- Tạo điều kiện để bên B vận chuyển rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết của bên A.

- Phối hợp với bên B nghiệm thu, thanh toán và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có). Trong trường hợp bên A không cử cán bộ phối hợp với bên B nghiệm thu thì bên A đương nhiên chấp thuận thanh toán cho bên B theo khối lượng mà bên B đã nghiệm thu.

- Bổ sung hợp đồng khi có khối lượng rác thải phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết theo thông báo của bên B.

- Bố trí điểm tập kết, lưu trữ rác thải trong trường hợp bãi tiếp nhận, xử lý rác thải chung của Thành phố xảy ra sự cố bất thường hoặc tạm thời dừng tiếp nhận (nếu có).

- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng và đúng thời gian thoả thuận.

4.2.Trách nhiệm của bên B:

- Vận chuyển rác thải sinh hoạt đúng địa điểm và thời gian quy định trên.

Scanned with CamScanner

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh trật tự trong quá trình thực hiện.

- Bố trí người và phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển hết khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày theo chu kỳ thống nhất tại Điều 1 ở địa điểm của bên A.

- Thông báo cho bên A kịp thời nếu khối lượng phát sinh tăng ngoài khối lượng đã ký kết để hai bên thống nhất bổ sung phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Thông báo cho bên A trong trường hợp có sự cố tại nơi tiếp nhận, xử lý rác thải của Thành phố.

- Bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển hết khối lượng rác tồn đọng sau sự cố tắc bãi xử lý hoặc sự cố bất thường tại nơi tiếp nhận sớm nhất có thể cho bên A.

- Phối hợp nghiệm thu, thanh quyết toán và xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có). Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

<u>Điều 5:</u> Giá trị hợp đồng - phương thức nghiệm thu - thanh toán:

5.1. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng 1 tháng: 312.000. đồng (chưa bao gồm thuế VAT).

- Giá trị hợp đồng: 312.000. đồng/tháng x 12 tháng = 3.744.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng ./.)

(Giá trị hợp đồng sẽ được thay đổi khi Thành phố ban hành đơn giá mới và trong trường hợp khối lượng thực tế tăng phát sinh hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở nghiệm thu thanh toán theo quy định).

5.2. Phương thức nghiệm thu - thanh toán:

5.2.1. Phương thức nghiệm thu: Khoán gọn

5.2.2. Thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán 01 lần/ năm (vào tháng 6/2025).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại phí chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

- Sau khi bên B xuất hóa đơn chứng từ hợp lệ cho bên A, bên A trả tiền và hai bên không có gì vướng mắc thì đương nhiên hợp đồng được thanh lý.

<u>Điều 6:</u> Các trường hợp tạm dừng và chấm dứt hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng như: bên A chậm thanh toán theo điều 5 của hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn; bên B hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện các loại rác thải y tế, rác thải nguy hại, phế thải xây dựng để lẫn trong rác thải sinh hoạt.

Scanned with CamScanner

- Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: khi hết thời hạn hợp đồng; khi bên A để lẫn rác thải nguy hại trong các thiết bị thu chứa mà bên B đã có công văn đến lần thứ 2; khi bên A không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 và đã tạm dừng thực hiện hợp đồng đến 05 ngày.

<u>Điều 7:</u> Điều khoản chung:

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, hai bên sẽ cùng nhau, thống nhất thoả thuận bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trên, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, hai bên bàn bạc thống nhất trên nguyên tắc không làm tổn hại đến lợi ích mỗi bên. Trường hợp không giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội và phán Quyết cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau: bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA-T.P HÀ NỘI	M.S.D.N:0102[illegible]-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ SÔNG HỒNG Q.CẦU GIẤY-TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC *Nguyễn Văn Hùng*	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *Đỗ Thanh Phong*

Scanned with CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Số:11/2024 - HĐVSMT/SH- UH

- Căn cứ Luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ luật Bảo vệ môi trường nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2015;

- Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Căn cứ năng lực và nhu cầu của mỗi bên;

Hôm nay, ngày 3 tháng 1 năm 2024, tại Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Người đại diện : Nguyễn Văn Hùng
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội
Số tài khoản : 56658668888
Tại : Ngân Hàng TMCP Tiên Phong-Hoàn Kiếm-Hà Nội
Mã số thuế : 0500237920
Email : SĐT:

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN RAU SẠCH SÔNG HỒNG

Người đại diện : **Đỗ Thanh Phong** Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
(Theo giấy uỷ quyền số 458/GUQ-RSSH ngày 31/12/2021 của công ty Cổ phần đầu tư phát triển rau sạch Sông Hồng)
Địa chỉ giao dịch : Tầng 4, Tòa nhà Ban quản lý cụm TTCN&CNN, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
Điện thoại : 04 22116628 Fax: 043 7955204
Tài khoản số : 28910000266897
Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP ĐT và phát triển Việt Nam-CN Ngọc Khánh HN.
Mã số thuế : 0102791858
Mã ngân hàng : 01202034

Scanned with CamScanner

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường với những điều khoản sau đây:

<u>Điều 1:</u> Nội dung của hợp đồng:

1.1. Bên A thuê bên B vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A.

1.2. Chu kỳ thực hiện: 2 lần/ ngày

<u>Điều 2:</u> Quy cách và phương thức thực hiện:

- Bên A bố trí địa điểm thuận lợi để tập kết rác thải sinh hoạt, cử người hướng dẫn khi bên B thực hiện công việc theo chu kỳ.

- Bên B bố trí nhân lực và phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết của bên A đến nơi xử lý theo quy định.

<u>Điều 3:</u> Địa điểm, thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

- Địa điểm thực hiện tại: ***CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY***

<u>Điều 4:</u> Trách nhiệm của các bên:

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ thu chứa đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường cũng như thu chứa hết khối lượng rác phát sinh hàng ngày.

- Điểm tập kết rác thải sinh hoạt của bên A phải đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông cho người và phương tiện ra vào trong quá trình vận chuyển rác.

- Có trách nhiệm phân loại rác trong quá trình thu gom đến nơi tập kết đảm bảo rác thải sinh hoạt được thu gom không lẫn rác thải nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

- Tạo điều kiện để bên B vận chuyển rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết của bên A.

- Phối hợp với bên B nghiệm thu, thanh toán và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có). Trong trường hợp bên A không cử cán bộ phối hợp với bên B nghiệm thu thì bên A đương nhiên chấp thuận thanh toán cho bên B theo khối lượng mà bên B đã nghiệm thu.

- Bổ sung hợp đồng khi có khối lượng rác thải phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết theo thông báo của bên B.

- Bố trí điểm tập kết, lưu trữ rác thải trong trường hợp bãi tiếp nhận, xử lý rác thải chung của Thành phố xảy ra sự cố bất thường hoặc tạm thời dừng tiếp nhận (nếu có).

- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng và đúng thời gian thoả thuận.

4.2.Trách nhiệm của bên B:

- Vận chuyển rác thải sinh hoạt đúng địa điểm và thời gian quy định trên.

Scanned with CamScanner

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh trật tự trong quá trình thực hiện.

- Bố trí người và phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển hết khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày theo chu kỳ thống nhất tại Điều 1 ở địa điểm của bên A.

- Thông báo cho bên A kịp thời nếu khối lượng phát sinh tăng ngoài khối lượng đã ký kết để hai bên thống nhất bổ sung phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Thông báo cho bên A trong trường hợp có sự cố tại nơi tiếp nhận, xử lý rác thải của Thành phố.

- Bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển hết khối lượng rác tồn đọng sau sự cố tắc bãi xử lý hoặc sự cố bất thường tại nơi tiếp nhận sớm nhất có thể cho bên A.

- Phối hợp nghiệm thu, thanh quyết toán và xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có). Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

<u>Điều 5:</u> Giá trị hợp đồng - phương thức nghiệm thu - thanh toán:

5.1. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng theo khối lượng nghiệm thu thanh toán

(Giá trị hợp đồng sẽ được thay đổi khi Thành phố ban hành đơn giá mới và trong trường hợp khối lượng thực tế tăng phát sinh hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở nghiệm thu thanh toán theo quy định).

5.2. Phương thức nghiệm thu - thanh toán:

5.2.1. Phương thức nghiệm thu: ~~Khoán gọn~~ khối lượng thực tế thực hiện

5.2.2. Thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.

- Thời gian thanh toán: Thanh toán 01 lần/ năm (vào tháng 12/2024).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại phí chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

- Sau khi bên B xuất hóa đơn chứng từ hợp lệ cho bên A, bên A trả tiền và hai bên không có gì vướng mắc thì đương nhiên hợp đồng được thanh lý.

<u>Điều 6:</u> Các trường hợp tạm dừng và chấm dứt hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng như: bên A chậm thanh toán theo điều 5 của hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn; bên B hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện các loại rác thải y tế, rác thải nguy hại, phế thải xây dựng để lẫn trong rác thải sinh hoạt.

- Các trường hợp chấm dứt hợp đồng: khi hết thời hạn hợp đồng; khi bên A để lẫn rác thải nguy hại trong các thiết bị thu chứa mà bên B đã có công văn đến lần thứ

Scanned with CamScanner

2; khi bên A không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 và đã tạm dừng thực hiện hợp đồng đến 05 ngày.

<u>Điều 7:</u> Điều khoản chung:

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, hai bên sẽ cùng nhau, thống nhất thoả thuận bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trên, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, hai bên bàn bạc thống nhất trên nguyên tắc không làm tổn hại đến lợi ích mỗi bên. Trường hợp không giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội và phán Quyết cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau: bên A giữ 02 bản bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA-T.P HÀ NỘI	M.S.D.N:0102771858-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN RAU SẠCH SÔNG HỒNG Q.CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng	*Đỗ Thanh Phong*

Scanned with CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2025

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: 000223/2025/HĐCNK

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ giấy phép môi trường bộ tài nguyên môi trường số:438/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 cấp phép cho Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I . CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Phú Dư, xã Bình Lưu Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội

Địa chỉ giao nhận rác : Thôn Phú Dư, xã Bình Lưu Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội

Điện thoại : 043 3775 136

Mã số thuế : 0500237920

Người đại diện : ***Ông Nguyễn Văn Hùng*** Chức vụ : **Tổng *Giám Đốc***

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ ĐKKD : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ VPGD : Tầng 2, số 2, ngõ 15 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : ***Ông, Trần Vũ Hiệp*** Chức vụ : ***Giám đốc***

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 16 tháng 05 năm 2025 đến ngày 16 tháng 05 năm 2026.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: *Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây.*

Địa chỉ giao rác: Thôn Phú Dư, xã Bình Lưu Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)
Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn. Địa chỉ: Thôn 2 - xã Hồng Kỳ-Huyện Sóc Sơn - Hà Nội.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng *(chưa bao gồm thuế GTGT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải.	Kg	16 01 06	15.000	Theo quy định
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	10.000	Theo quy định
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm CTNH	Kg	18 02 01	10.000	Theo quy định
4	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	8.000	Theo quy định
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	10.000	Theo quy định
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	7.000	Theo quy định
7	Chất thải công nghiệp không nguy hại	Kg		7.0000	Theo quy định

8	Bùn thải	Kg	12 06 05	7.0000	Theo quy định
9	Chi phí vận chuyển	Chuyến		2.000.000	

(2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại đã bao gồm thuế VAT được tính như sau:

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải ≤ 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) thì Bên B vẫn tính là 8.000.000 đồng (***Tám triệu đồng chẵn).***

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải > 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A sẽ thanh toán theo bảng đơn giá trên.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(4) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà Nước, thuế GTGT sẽ do Bên A chịu.

(2) Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: **8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng chẵn ./.)*** ngay sau khi ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ qua mỗi đợt bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A. Bên B sẽ không hoàn tiền tạm ứng cho bên A khi hết Hợp đồng (kể cả trong trường hợp bên A không chuyển giao chất thải cho bên B xử lý).

(3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

Scanned with CamScanner

(6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

(a) Hợp đồng hết hạn;

(b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

Scanned with CamScanner

(c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vu của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

(3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H.ỨNG HÒA-T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng

ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N:0101...C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN
H.SÓC SƠN - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Trần Vũ Hiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2024

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: 000330/2024/HĐCNK

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ giấy phép môi trường bộ tài nguyên môi trường số:438/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 cấp phép cho Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Địa chỉ giao nhận rác	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Điện thoại	:	043 3775 136
Mã số thuế	:	0500237920
Người đại diện	:	***Ông Nguyễn Văn Hùng*** Chức vụ : **Tổng *Giám Đốc***

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ ĐKKD	:	Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Địa chỉ VPGD	:	Tầng 2, số 2, ngõ 15 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại	:	024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827
Tài khoản	:	113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu
Mã số thuế	:	0102961796
Người đại diện	:	***Ông, Trần Vũ Hiệp*** Chức vụ : ***Giám đốc***

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 16 tháng 05 năm 2024 đến ngày 16 tháng 05 năm 2025.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: *Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây.*

Địa chỉ giao rác: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)
Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn. Địa chỉ: Thôn 2 - xã Hồng Kỳ- Huyện Sóc Sơn - Hà Nội.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng *(chưa bao gồm thuế GTGT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải.	Kg	16 01 06	15.000	Theo quy định
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	10.000	Theo quy định
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm CTNH	Kg	18 02 01	10.000	Theo quy định
4	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	8.000	Theo quy định
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	10.000	Theo quy định
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	7.000	Theo quy định
7	Chất thải công nghiệp không nguy hại	Kg		7.0000	Theo quy định

8	Bùn thải	Kg	12 06 05	7.0000	Theo quy định
9	Chi phí vận chuyển	Chuyến		2.000.000	

(2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại đã bao gồm thuế VAT được tính như sau:

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải ≤ 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) thì Bên B vẫn tính là 8.000.000 đồng **(*Tám triệu đồng chẵn).***

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải > 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A sẽ thanh toán theo bảng đơn giá trên.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(4) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà Nước, thuế GTGT sẽ do Bên A chịu.

(2) Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: **8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng chẵn ./.)*** ngay sau khi ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ qua mỗi đợt bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A. Bên B sẽ không hoàn tiền tạm ứng cho bên A khi hết Hợp đồng (kể cả trong trường hợp bên A không chuyển giao chất thải cho bên B xử lý).

(3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
(a) Hợp đồng hết hạn;

(b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

(c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vu của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

(3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng	Trần Vũ Hiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: ..0...0..0.2.5..2./2023/HĐCNK

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ giấy phép môi trường bộ tài nguyên môi trường số:438/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 cấp phép cho Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Địa chỉ giao nhận rác	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Điện thoại	:	043 3775 136
Mã số thuế	:	0500237920
Người đại diện	:	*Ông Nguyễn Văn Hùng* Chức vụ : Tổng *Giám Đốc*

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ ĐKKD	:	Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Địa chỉ VPGD	:	Tầng 2, số 2, ngõ 15 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại	:	024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827
Tài khoản	:	113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu
Mã số thuế	:	0102961796
Người đại diện	:	*Ông, Trần Vũ Hiệp* Chức vụ : *Giám đốc*

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 16 tháng 05 năm 2023 đến ngày 16 tháng 05 năm 2024.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: *Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây.*

Địa chỉ giao rác: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội.
Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)
Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn. Địa chỉ: Thôn 2 - xã Hồng Kỳ- Huyện Sóc Sơn - Hà Nội.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng *(chưa bao gồm thuế GTGT)* được áp dụng như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải.	Kg	16 01 06	15.000	Theo quy định
2	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	10.000	Theo quy định
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm CTNH	Kg	18 02 01	10.000	Theo quy định
4	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	8.000	Theo quy định
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg	18 01 03	10.000	Theo quy định
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	7.000	Theo quy định
7	Chất thải công nghiệp không nguy hại	Kg		7.0000	Theo quy định
8	Bùn thải	Kg	12 06 05	7.0000	Theo quy định

(2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại đã bao gồm thuế VAT được tính như sau:

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải ≤ 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) thì Bên B vẫn tính là 8.000.000 đồng (***Tám triệu đồng chẵn).***

+ Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải > 8.000.000 đồng/01 chuyến (***Tám triệu đồng chẵn trên 1 chuyến vận chuyển***) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A sẽ thanh toán theo bảng đơn giá trên.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(4) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà Nước, thuế GTGT sẽ do Bên A chịu.

(2) Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: **8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng chẵn ./.)*** ngay sau khi ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ qua mỗi đợt bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A. Bên B sẽ không hoàn tiền tạm ứng cho bên A khi hết Hợp đồng (kể cả trong trường hợp bên A không chuyển giao chất thải cho bên B xử lý).

(3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

(a) Hợp đồng hết hạn;

(b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

(c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vu của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.

(3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI	M.S.D.N:0102961... CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ TH... VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN H. SÓC SƠN - T.P HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng	Trần Vũ Hiệp

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNGTỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6567 /2024/438/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH: Công ty cổ phần Môi trường đô Thị và Công nghiệp Bắc Sơn — Mã số QLCTNH: 438/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 2, Ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP Hà Nội — ĐT: 024.6275 4826

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam — ĐT: 024. 62918876

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: ..... Mã số QLCTNH

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây — Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội — ĐT: 0433775136

Địa chỉ cơ sở: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội — ĐT: 0433775136

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	03	Nghiền, hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	x			18 02 01	18	Thiêu đốt
3	Dầu thải		x		17 02 03	20	Thiêu đốt
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	16	Thiêu đốt
5	Hộp mực in thải	x			08 02 04	05	Làm sạch, thu hồi kim loại, nhựa

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 81153

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Hương Ký:..... Ngày: 13/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội,, ngày 13 tháng 12 năm 2024

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

CÔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Bá Tuấn Anh

@Liên số: 1☑- 2☐ - 3☐- 4☐

Ghi chú : .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Scanned with CamScanner

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNGTỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6702/2023/438/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH: Công ty cổ phần Môi trường đô Thị và Công nghiệp Bắc Sơn — Mã số QLCTNH: 438/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 2, Ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP Hà Nội — ĐT: 024.6275 4826

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam — ĐT: 024. 62918876

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: ..... Mã số QLCTNH

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây — Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội — ĐT: 0433775136

Địa chỉ cơ sở: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, Hà Nội — ĐT: 0433775136

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	12	Nghiền, hóa rắn
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	x			18 02 01	15	Thiêu đốt
3	Dầu thải		x		17 02 03	20	Thiêu đốt

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 81153

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Viết Đức Ký:..... Ngày: 11/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội,, ngày 11 tháng 12 năm 2023

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA-T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

M.S.D.N:0102661[illegible]-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN H.SÓC SƠN - T.P HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Dịu

@Liên số: 1☐- 2☐ - 3☐- 4☑

Ghi chú : .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN
Số: 715 /BBNT-URENCOBS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo hoá đơn số: 1347 ngày 31/08/2024)

- Căn cứ hợp đồng số: 000330/2024/HĐCNK ký ngày 16/05/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn và Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây.
- Căn cứ nhật ký vận chuyển chất thải công nghiệp giữa Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và công nghiệp Bắc Sơn với Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây ngày 13/12/2024.

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn.

I. Chúng tôi gồm:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY (Bên A)
- Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ giao nhận chất thải: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0433775136
- Mã số thuế: 0500237920
- Người đại diện: **Ông Nguyễn Văn Hùng** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

2. CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (Bên B)
- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 024 62754826
- Mã số thuế: 0102961796
- Người đại diện: **Ông Trần Vũ Hiệp** Chức vụ: **Giám đốc**

II. Nội dung:

Cùng lập Biên bản nghiệm thu **tháng 12/2024** với khối lượng và kinh phí cụ thể như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	3	15.000	45.000
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	kg	18	10.000	180.000
3	Dầu thải	kg	20	10.000	200.000
4	Bao bì mềm thải	kg	16	8.000	128.000
5	Hộp mực in thải	kg	5	7.000	35.000
6	Chi phí vận chuyển	Chuyến	1	2.000.000	2.000.000
	Tổng	**kg**	**62**		**2.588.000**
Theo điều 3 của hợp đồng : Nếu chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nhỏ hơn 8.000.000 đồng/01 chuyến vận chuyển (Tám triệu đồng trên một lần vận chuyển) thì bên B vẫn tính là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) - Đã bao gồm VAT					
Tổng					**7.407.407**
Thuế VAT 8%					592.593
Tổng giá trị thanh toán và xuất hoá đơn					**8.000.000**
Kinh phí Bên A đã tạm ứng cho Bên B (VNĐ)					**8.000.000**
Kinh phí Bên B phải trả cho Bên A (VNĐ)					**-**

III. Kinh phí thanh toán:

Tổng giá trị thanh toán Bên A phải trả cho Bên B là: - VNĐ

Bằng chữ : Không đồng./.

Biên bản này được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng	*Trần Vũ Hiệp*

Người Lập: Hồ Thị Hương

Người kiểm tra: Nguyễn Thị Vân Anh

Scanned with CamScanner

BM.09.05.00

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI

SỐ: 0011358

Căn cứ hợp đồng số:.....

Khách hàng: Công Ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Nơi giao hàng (địa chỉ): x. Hồng Quang, H. Ứng Hòa, TP. Hà Nội

TT	Mã chất thải	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Trạng thái	Loại bao bì		Biển số xe vận chuyển	Ghi chú
						Thu của khách hàng	Trả khách hàng		
1,	160106	bóng đèn huỳnh quang thải	kg	03				29H.811.53	
2,	180201	giẻ lau, găng tay dính dầu	kg	18					
3,	170203	Dầu thải	kg	20					
4,	180101	Bao bì mềm thải	kg	16					
5,	080204	Hộp mực in thải	kg	05					

- Sổ này có số .....trang, đánh từ trang số ..... đến trang.....

- Ngày mở sổ.....

**** Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các chủng loại và nguồn gốc xuất xứ của các loại chất thải bàn giao trên.***

**** Toàn bộ khối lượng chất thải trên đã được bốc xếp lên xe vận chuyển theo đúng các quy định đã được thống nhất giữa hai bên.***

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Chiến Thắng

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trịnh Văn Hoàn

Liên 1: Lưu tại cuống (Trắng) Liên 2: Trả khách hàng (Hồng) Liên 3: Phòng kinh doanh (Xanh) Liên 4: Phòng KTTH (Vàng)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
Số: 71/BC- CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN THẢI

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Hà Nội

I. Phần khai chung:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**
Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Ứng Hoà - Hà Nội
Điện thoại: 0433.775132 Fax: 0433775259
Mã số QLCTNH: 01.000207.T-ĐC1.

II. Tình hình chung về phát sinh và quản lý CTNH năm 2014.

- Trong năm 2014, do tình hình sản xuất bị thu hẹp, sản lượng giảm sút so với năm 2013 nên lượng dầu giảm nhiều chỉ sử dụng 100 lít phục vụ sản xuất. Dầu thải phát sinh tồn tại dưới dạng lỏng là 10 kg, dầu thải phát sinh thấm vào giẻ lau và bột nguyên liệu là 20 kg. Công ty thực hiện vệ sinh thu gom hàng ngày tại các máy và chuyển về lưu giữ tại kho riêng chờ xử lý.

- Lượng bóng đèn huỳnh quang hỏng được thu gom hàng ngày lưu giữ tại kho riêng biệt, khối lượng thu gom được trong năm 2014 là 0,5 kg.

III. Kế hoạch quản lý chất thải năm 2015.

Tiếp tục duy trì công tác thu gom, quản lý, đảm bảo không thất thoát, rò rỉ.

Dầu thải, giẻ lau và bột nguyên liệu thấm dầu được thu gom hàng ngày từ các máy trong vòng 1 tháng thì vận chuyển về kho để lưu giữ chờ xử lý.

Có sổ sách, chứng từ theo dõi cập nhật thời gian, số lượng thu gom và nhập kho./.

Nơi nhận:
- *Như đề gửi*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Mạnh Biên

PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo số .....BC/CT ngày tháng 12 năm 2014)

THỐNG KÊ VỀ CTNH VÀ CHẤT THẢI KHÁC TRONG 6 TĐN 2014

a. Thống kê chất thải nguy hại:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17.02	10	Lỏng	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giẻ lau thấm dầu thải	18.02.01	20	Rắn	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bột nguyên liệu và vật liệu có dầu thải	19.03.01	70	Rắn (bùn)	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bóng đèn huỳnh quang thải	16.01.06	0.5	Rắn	Thu gom	Thuê xử lý
Tổng		**100,5**			

b. Thống kê chất thải khác (Không nguy hại)

Tên chất thải	Số lượng	ĐVT	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ	Ghi chú
Rác thải sản xuất, bụi	10	m^3	Tái sử dụng	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Rác thải sinh hoạt	10	m^3	Chôn lấp	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Tổng	**20**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
Số: 02/BC- CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 15 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN THẢI

(6 tháng đầu năm 2013)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Hà Nội

I. Phần khai chung:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Ứng Hoà - Hà Nội

Điện thoại: 0433.775132 Fax: 0433775259

Mã số QLCTNH: 01.000207.T-ĐC1.

II. Tình hình chung về phát sinh và quản lý CTNH 6 tháng đầu năm 2011.

- Trong 6 tháng đầu năm 2013, do tình hình sản xuất bị thu hẹp, sản lượng giảm sút so với năm 2012 nên đã sử dụng lượng dầu giảm nhiều chỉ sử dụng 500 lít phục vụ sản xuất. Dầu thải phát sinh tồn tại dưới dạng lỏng là 50 kg, dầu thải phát sinh thấm vào giẻ lau và bột nguyên liệu là 100 kg. Công ty thực hiện vệ sinh thu gom hàng ngày tại các máy và chuyển về lưu giữ tại kho riêng chờ xử lý. Dầu thải và bột nguyên liệu có dầu được trộn với bột liệu sau đó đưa vào lò nung clinhke, các giẻ lau, vật liệu có dầu được đưa trực tiếp qua cửa lò để đốt. Nhiệt độ lò nung luôn duy trì ở mức 1400 - 1500^{0}C nên dầu thải, vật liệu có dầu đảm bảo được đốt cháy hoàn toàn.

- Lượng bóng đèn huỳnh quang hỏng được thu gom hàng ngày lưu giữ tại kho riêng biệt, khối lượng thu gom được trong 6 tháng đầu năm 2013 là 1,0 kg.

III. Kế hoạch quản lý chất thải 6 tháng cuối năm 2013.

Tiếp tục duy trì công tác thu gom, quản lý, đảm bảo không chất thoát, rò rỉ.

Dầu thải, giẻ lau và bột nguyên liệu thấm dầu được thu gom hàng ngày từ các máy trong vòng 10 ngày thì vận chuyển về kho để lưu giữ chờ xử lý.

Có sổ sách, chứng từ theo dõi cập nhật thời gian, số lượng thu gom và nhập kho./.

Nơi nhận:
- *Như đề gửi*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Tường Mạnh Biên

PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo số .....BC/CT ngày tháng 6 năm 2013)

THỐNG KÊ VỀ CTNH VÀ CHẤT THẢI KHÁC TRONG 6 TĐN 2013

a. Thống kê chất thải nguy hại:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17.02	50	Lỏng	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giẻ lau thấm dầu thải	18.02.01	10	Rắn	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bột nguyên liệu và vật liệu có dầu thải	19.03.01	90	Rắn (bùn)	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bóng đèn huỳnh quang thải	16.01.06	01	Rắn	Thu gom	Thuê xử lý
Tổng		**151**			

b. Thống kê chất thải khác (Không nguy hại)

Tên chất thải	Số lượng	ĐVT	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ	Ghi chú
ác thải sản xuất, bụi	50	m^3	Tái sử dụng	C.ty CPXM Tiên Sơn	
c thải sinh hoạt	30	m^3	Chôn lấp	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Tổng	**80**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
Số: /BC-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO

QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ XỬ LÝ, TIÊU HUỶ

(6 tháng đầu năm 2012)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Hà Nội

I. Phần khai chung:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Ứng Hoà - Hà Nội

Điện thoại: 0433.775132 Fax: 0433.775259

Mã số QLCTNH: 01.012.X

Giấy phép QLCTNH có giá trị đến hết ngày: 10/03/2014.

II. Tình hình chung về lưu giữ, xử lý, tiêu huỷ CTNH trong 6 tháng đầu năm 2012.

- Trong 6 tháng đầu năm 2012, Công ty tình hình sản xuất bị thu hẹp , sản lượng giảm sút so với năm 2011 nên đã sử dụng lượng dầu giảm nhiều chỉ sử dụng 1.100 lít phục vụ sản xuất. Dầu thải phát sinh tồn tại dưới dạng lỏng là 200 kg, dầu thải phát sinh thấm vào giẻ lau và bột nguyên liệu là 540 kg. Công ty thực hiện vệ sinh thu gom hàng ngày tại các máy và chuyển về lưu giữ tại kho riêng chờ xử lý. Dầu thải và bột nguyên liệu có dầu được trộn với bột liệu sau đó đưa vào lò nung clinhke, các giẻ lau, vật liệu có dầu được đưa trực tiếp qua cửa lò để đốt. Nhiệt độ lò nung luôn duy trì ở mức 1400 - 1500^{0}C nên dầu thải, vật liệu có dầu đảm bảo được đốt cháy hoàn toàn.

III. Kết quả thực hiện chương trình giám sát môi trường, giám sát vận hành và đánh giá hiệu quả xử lý, tiêu huỷ CTNH trong 6 tháng đầu năm 2011.

- Kết quả đo kiểm tra môi trường trong tháng 6 năm 2012 (Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch thực hiện): Hoạt động xử lý, tiêu huỷ không ảnh hưởng đến môi trường, do lượng CTNH ít và đưa vào đốt cùng bột liệu làm xi măng.

- Giám sát vận hành: Quy trình thực hiện như qui trình vận hành lò nung clinhke bình thường, đảm bảo an toàn.

- Hiệu quả xử lý, tiêu huỷ: Đốt cháy hoàn toàn.

IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2012.

- Chất thải nguy hại được lưu giữ tạm thời tại kho riêng biệt đảm bảo an toàn không thất thoát, rò rỉ.

- Thực hiện tự xử lý tiêu huỷ bằng lò nung clinhke đảm bảo đốt cháy hoàn toàn. khối lượng xử lý tiêu huỷ dự kiến 800 kg.

- Thực hiện đo kiểm tra các yếu tố tác động môi trường lần 2 năm 2012, đặc biệt lưu ý các yếu tố tác động khi lò nung clinhke hoạt động có xử lý chất thải nguy hại.

- Duy trì sổ theo dõi, chứng từ cập nhật thời gian, số lượng được xử lý, tiêu huỷ.

V. Thống kê về CTNH xử lý, tiêu hủy 6 tháng đầu năm 2012.

a. Số lượng chất thải nguy hại:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17.02	200	Lỏng	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giẻ lau thấm dầu thải	18.02.01	40	Rắn	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bột nguyên liệu và vật liệu có dầu thải	19.03.01	500	Rắn (bùn)	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Tổng		740			

b. Thông tin về các chủ nguồn thải chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý, tiêu huỷ: Không có

c. Thông tin về các chủ vận chuyển chất thải nguy hại: Không có

Nơi nhận:
- *Như đề gửi*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
Số: 05 /BC- CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 28 tháng 7 năm 2011

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN THẢI

(6 tháng đầu năm 2011)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Hà Nội

I. Phần khai chung:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Ứng Hoà - Hà Nội

Điện thoại: 0433.775132 Fax: 0433775259

Mã số QLCTNH: 01.000207.T-ĐC1.

II. Tình hình chung về phát sinh và quản lý CTNH 6 tháng đầu năm 2011.

- Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã sử dụng 1.360 lít dầu phục vụ sản xuất. Dầu thải phát sinh tồn tại dưới dạng lỏng là 500 kg, dầu thải phát sinh thấm vào giẻ lau và bột nguyên liệu là 900 kg. Công ty thực hiện vệ sinh thu gom hàng ngày tại các máy và chuyển về lưu giữ tại kho riêng chờ xử lý. Dầu thải và bột nguyên liệu có dầu được trộn với bột liệu sau đó đưa vào lò nung clinhke, các giẻ lau, vật liệu có dầu được đưa trực tiếp qua cửa lò để đốt. Nhiệt độ lò nung luôn duy trì ở mức 1400 - 1500^{0}C nên dầu thải, vật liệu có dầu đảm bảo được đốt cháy hoàn toàn.

- Lượng bóng đèn huỳnh quang hỏng được thu gom hàng ngày lưu giữ tại kho riêng biệt, khối lượng thu gom được trong 6 tháng cuối năm 2011 là 3,0 kg.

III. Kế hoạch quản lý chất thải 6 tháng cuối năm 2011.

Tiếp tục duy trì công tác thu gom, quản lý, đảm bảo không thất thoát, rò rỉ.

Dầu thải, giẻ lau và bột nguyên liệu thấm dầu được thu gom hàng ngày từ các máy trong vòng 10 ngày thì vận chuyển về kho để lưu giữ chờ xử lý.

Có sổ sách, chứng từ theo dõi cập nhật thời gian, số lượng thu gom và nhập kho./.

Nơi nhận:
- *Như đề gửi*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Nhậm

PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo số .....BC/CT ngày tháng năm 2011)

THỐNG KÊ VỀ CTNH VÀ CHẤT THẢI KHÁC TRONG 6 TĐN 2011

a. Thống kê chất thải nguy hại:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Trạng thái tồn tại	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17.02	500	Lỏng	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Giẻ lau thấm dầu thải	18.02.01	40	Rắn	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bột nguyên liệu và vật liệu có dầu thải	19.03.01	860	Rắn (bùn)	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Bóng đèn huỳnh quang thải	16.01.06	03	Rắn	Thu gom	Thuê xử lý
Tổng		1.403			

b. Thống kê chất thải khác (Không nguy hại)

Tên chất thải	Số lượng	ĐVT	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ	Ghi chú
Rác thải sản xuất, bụi	130	m^3	Tái sử dụng	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Rác thải sinh hoạt	110	m^3	Chôn lấp	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Tổng	240				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CTY CP XI MĂNG TIÊN SƠN
Số: 08 /BC- CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 16 tháng 4 năm 2010

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI CỦA CHỦ NGUỒN THẢI

(6 tháng cuối năm 2009)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Hà Nội

I. Phần khai chung:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây**

Địa chỉ: Xã Hồng Quang – Ứng Hoà - Hà Nội

Điện thoại: 0433.775132 Fax: 0433775259

Mã số QLCTNH: 01.000207.T

II. Tình hình chung về phát sinh và quản lý CTNH tại Cơ sở trong năm 2009.

- Trong 6 tháng cuối năm 2009, Công ty đã sử dụng 1.650 lít dầu phục vụ sản xuất. Dầu thải phát sinh tồn tại dưới dạng lỏng là 752 kg, dầu thải phát sinh thấm vào giẻ lau và bột nguyên liệu là 1.066 kg. Công ty thực hiện vệ sinh thu gom hàng ngày tại các máy và chuyển về lưu giữ tại kho riêng chờ xử lý. Dầu thải và bột nguyên liệu có dầu được trộn với bột liệu sau đó đưa vào lò nung clinhke, các giẻ lau, vật liệu có dầu được đưa qua cửa lò để đốt. Nhiệt độ lò nung luôn duy trì ở mức 1400 - 1500^{0}C nên dầu thải, vật liệu có dầu đảm bảo được đốt cháy hoàn toàn.

- Cũng trong 6 tháng cuối năm 2009, lượng bụi thu hồi từ hệ thống xử lý bụi khói 2 lò nung clinke là 18.000 kg và được đua vào một xi lô chữa riêng để cấp cho máy nghiền làm phụ gia xi măng. (đây là chất thải thông thường đã có kết quả phân tích không gây hại – có kết quả gửi kèm theo).

- Lượng bóng đèn huỳnh quang hỏng được thu gom hàng ngày lưu giữ tại kho riêng biệt, khối lượng thu gom được trong 6 tháng cuối năm 2009 là 5,0 kg.

III. Kế hoạch quản lý chất thải trong năm 2010.

Điều chỉnh bổ sung chất thải chất thải nguy hại như bóng đèn huỳnh quang thải.

Tiếp tục duy trì công tác thu gom, quản lý, đảm bảo không thất thoát, rò rỉ.

Dầu thải, giẻ lau và bột nguyên liệu thấm dầu được thu gom hàng ngày từ các máy vận chuyển về kho để lưu giữ chờ xử lý.

Có sổ sách, chứng từ theo dõi cập nhật thời gian, số lượng thu gom và nhập kho./.

Nơi nhận:

- *Như đề gửi*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Nhậm

PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo số ...BC/CT ngày 16 tháng 4 năm 2010)

THỐNG KÊ VỀ CTNH VÀ CHẤT THẢI KHÁC TRONG 6 TCN 2009

a. Thống kê chất thải nguy hại:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ	Ghi chú
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17.02	752	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây	01.000207.T
Giẻ lau thấm dầu thải	18.02.01	300	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây	01.000207.T
Bột nguyên liệu và vật liệu có dầu thải	19.03.01	766	Lò nung Clinhke	C.ty CP Xi măng Tiên Sơn Hà Tây	01.000207.T
Bóng đèn huỳnh quang thải	16.01.06	05	Thu gom	Thuê xử lý	Đăng ký bổ sung
Tổng		**1.823**			

b. Thống kê chất thải khác (Không nguy hại)

Tên chất thải	Số lượng	ĐVT	Phương pháp xử lý, tiêu huỷ	Chủ vận chuyển và xử lý, tiêu huỷ	Ghi chú
Rác thải sản xuất, bụi	75	m^3	Chôn lấp	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Rác thải sinh hoạt	75	m^3	Chôn lấp	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Sản phẩm thu hồi từ hệ thống xử lý bụi khói lò nung clinke	18.000	kg	Làm phụ gia nghiền xi măng	C.ty CPXM Tiên Sơn	
Tổng	**18.150**				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
C.TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Số: 06 CV/CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 26 tháng 03 năm 2010

BẢN CAM KẾT

THU GOM VÀ LƯU GIỮ CHẤT THẢI NGUY HẠI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

Kính gửi: CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa chỉ: Hồng Quang - Ứng Hòa - Hà Nội.

Điện thoại: 0433.775.259; - Fax: 0433.775.259

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty có xử dụng hệ thống bóng đèn điện để chiếu sáng phục vụ sản xuất và có một số bóng đèn bị hỏng trong quá trình sử dụng. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ theo pháp luật, hàng ngày Công ty thu gom lượng bóng đèn hỏng nói trên lưu giữ ở kho riêng biệt, nhưng do lượng phát sinh rất nhỏ khoảng 0,5 – 0,8 kg/tháng, hiện tại Công ty rất khó khăn trong việc ký hợp đồng với một đơn vị xử lý, vì lượng chất thải quá ít.

Nay công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây xin cam kết hàng ngày thu gom và lưu giữ chất thải tại kho riêng biệt chờ trong 6 tháng và sẽ hợp đồng với một đơn vị xử lý sau.

Kính mong Quí cơ quan chấp thuận và tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành trách nhiệm của mình, xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- *Như đề gửi*
- *Lưu vp*

C.TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Mạnh Biên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01
Số: 252/2018/HĐCNK

(Vv: Gia hạn hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại)

- Căn cứ hợp đồng số: 249/2018/HĐCNK ký ngày 05/05/2018 giữa Công ty Cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 10 - Urenco 10; Về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại.

- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 10 - Urenco 10, Chúng tôi gồm:

I . CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Địa chỉ giao nhận rác	:	Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội
Điện thoại	:	043 3775 136
Mã số thuế	:	0500237920
Người đại diện	:	***Ông, Tưởng Mạnh Biên*** Chức vụ : ***Giám Đốc***

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI - CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 10 - URENCO 10 (BÊN B)

Địa chỉ văn phòng giao dịch	:	Tầng 2, số 2, ngõ 15 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Địa chỉ nhà máy xử lý rác	:	Xã Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội.
Điện thoại	:	024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827
Tài khoản	:	113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ba Đình - Hà Nội
Mã số thuế	:	0102961796
Người đại diện	:	Ông, **Lê Hồng Phong** Chức vụ: **Giám Đốc**

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết phụ lục hợp đồng như sau:

1. Gia hạn hợp đồng số *249/2018/HĐCNK ký ngày 05/05/2018,* thời gian gia hạn từ khi kết thúc hợp đồng đến ngày 10/07/2019.
2. Điều khoản thanh toán, thủ tục giao nhận chất thải và các điều khoản khác thực hiện theo hợp đồng số: *249/2018/HĐCNK ký ngày 05/05/2018* đã được hai bên ký.

3. Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày ký.
4. Phụ lục hợp đồng được lập thành 06 bản bằng Tiếng Việt, mỗi Bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bản phụ lục hợp đồng này được coi là một phần không tách rời của hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp số: 249/2018/HĐCNK ký ngày 05/05/2018 và được hai bên công nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC	
Tưởng Mạnh Biên	

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN HUYỆN ỨNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC10
Ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ
Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 11 năm 2022.

Tại: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn kiểm tra (Công an huyện Ứng Hòa):

1. Đ/c Thượng úy Lê Đức Ngọc - Cán bộ Đội CS PCCC&CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra đối với Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Đại diện Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây:

Ông Nguyễn Hồng Thái; Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Văn Hùng; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Chiến Thắng; Chức vụ: Quản đốc phân xưởng.

Ông Nguyễn Hồng Sơn; Chức vụ: Cán bộ phòng hành chính.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CƠ SỞ

- Đoàn kiểm tra đã nghe ông Nguyễn Văn Hùng - Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình thực tế thực hiện các quy định của pháp luật về công tác PCCC tại cơ sở phục vụ tốt cho công tác kiểm tra.

- Công ty xi măng Tiên Sơn xây dựng và hoạt động tháng 5/1995; xây dựng trên tổng diện tích 47.000m^2, gồm 02 khu vực chính cách nhau 500m.

+ Khu hành chính: Tổng diện tích đất khoảng 6000m^2, diện tích xây dựng khoảng 200m^2, được xây dựng 02 tầng với khối tích 1200m^3, chủ yếu làm văn phòng và phòng họp nay đã chuyển về chung cùng khu vực sản xuất.

+ Khu sản xuất: Tổng diện tích đất 41.000m^2, được chia làm 09 khu vực:

Khu văn phòng, kho: Được xây dựng 02 tầng với diện tích 100m^2/sàn, khung bê tông cốt thép, chủ yếu làm văn phòng và nơi chứa tài liệu.

Kho vật tư: Được xây dựng 01 tầng, với diện tích khoảng 500m^2, được xây dựng khung thép, mái tôn; dùng để máy móc, thiết bị hỏng. Có 01 cửa ra vào kích thước (4m x 3m).

Nhà bếp ăn: Được xây dựng 01 tầng, khung, mái lợp tôn, diện tích 80m^2.

Trạm biến áp: Được xây dựng tường gạch, mái đổ bê tông, với tổng công suất 7.600kpa; có diện tích 300m^2, bố trí 04 máy biến áp chia thành 04 phòng riêng

biệt mỗi phòng diện tích 60m^2, hành lang đi ở giữa nay đã bàn giao cho điện lực Ứng Hòa quản lý.

Kho để Lanke: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông mái lợp tôn, với diện tích xây dựng khoảng 500m^2, chủ yếu là nơi để Lanke.

Khu vực dây chuyền sản xuất: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông, mái lợp tôn; các dây chuyền nối tiếp nhau được điều khiển bằng điện tử, diện tích 500m^2.

Khu vực điều hành: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông cốt thép, với diện tích 50m^2, chủ yếu điều khiển dây chuyền bằng điện tử.

Kho bao bì: Xây dựng khung thép mái tôn, tường xây gạch, có 06 cửa xuất hàng hàng kích thước (6m x 4m) và 01 cửa nhập hàng kích thước (4m x 4m), diện tích khoảng 200m^2.

Xưởng sản xuất gạch: Được xây dựng 01 tầng với, xây dựng khung thép mái tôn tường gach, chuyên sản xuất gạch không nung, sản lượng khoảng 50.000 viên mỗi ngày.

- Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trên diện tích ngoài trời.
- Tổng số CBCNV: 58 người.
- Tổ bảo vệ chia thành 07 người, chia ca, mỗi ca làm việc: 03 người.
- Lãnh đạo Công ty đã quan tâm đến công tác PCCC; duy trì tuần tra, kiểm soát, bảo vệ cơ quan; duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo cháy và phương tiện chữa cháy; tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC; lối và đường thoát nạn đảm bảo thông thoáng tại cơ sở.
- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án PCCC&CNCH, huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH ngày 05/7/2022.
- Cơ sở không có gì thay đổi kết cấu hạng mục so với BBKT năm 2021.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC

Cơ sở đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC&CNCH. Hồ sơ gồm có:

- Quyết định số 42/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc quy trách nhiệm trong công tác PCCC.
- Quyết định số 43/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng cháy và chữa cháy.
- Quyết định số 44/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc ban hành nội quy về PCCC, kèm theo nội quy PCCC, khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC.
- Quyết định số 44/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm 19 người, đã được tập huấn về PCCC và được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC Ngày 07/10/2020.

- Thống kê phương tiện PCCC, ngày 01/6/2020.

- Bản cam kết đảm bảo an toàn PCCC, ngày 01/6/2020.

- Phương án chữa cháy cơ sở theo Mẫu PC11 ban hành Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014, được Phòng PC07 - CA TP Hà Nội phê duyệt ngày 02/6/2020.

- Phương án CNCH của cơ sở theo mẫu số 04 ban hành Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017.

- Quyết định số 126/QĐ-CSPCCC&CNCH, ngày 05/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội cho 20 học viên.

*** Tồn tại:**

Không lập hồ sơ quản lý phương tiện PCCC&CNCH.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CƠ SỞ

1. Bố trí mặt bằng:

- Đúng theo phần báo cáo của cơ sở.

- Cơ sở không thay kết cấu, hạng mục công trình.

2. Hệ thống điện.

- Cơ sở sử dụng 02 hệ thống điện: 01 nguồn điện lưới, có trạm biến áp, có phòng riêng biệt, đã bàn giao cho điện lực Ứng Hòa quản lý; 01 nguồn điện máy phát dự phòng công suất 45KVA.

- Cơ sở có hệ thống máy móc, thiết bị tiêu thụ điện lớn tại thời điểm kiểm tra hệ thống điện và các thiết bị, máy móc hoạt động bình thường, không có hiện tượng quá tải.

3. Giao thông nguồn nước:

Cơ sở có đường giao thông thông thoáng, giáp Sông Châu Giang đảm bảo thông thoáng, xe chữa cháy đảm bảo tiếp cận được cơ sở.

4. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

a. Nguồn nước bên trong:

- Khu hành chính: Có 03 bể mỗi bể khoảng $10m^3$.

- Khu vực sản xuất: 02 bể mỗi bể khoảng $10m^3$.

b. Nguồn nước bên ngoài:

Kênh nước Sông Châu Giang có trữ lượng nước lớn theo mùa.

5. Lối thoát nạn: Bố trí đồ đạc, hàng hóa đảm bảo, không ảnh hưởng lối thoát nạn.

6. Hệ thống PCCC và các hệ thống được trang bị trong cơ sở:

6.1. Phương tiện chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Phương tiện chữa cháy:

+ 01 máy bơm điện chữa cháy công suất 7,5KW, 15 bình chữa cháy MFZ4, 10 bình chữa cháy MFZ8, 17 bình chữa cháy MT3 và 04 bộ nội quy tiêu lệnh, tại thời điểm kiểm tra hoạt động bình thường, kim chỉ vạch xanh, còn nguyên vẹn kẹp chì.

+ 08 họng nước chữa cháy vách tường tại các lò sản xuất, 12 lăng B và 08 cuộn vòi B.

+ Tại nơi để bình chữa cháy bố trí bàn ghế, làm che lấp, cản trở lấy bình chữa cháy.

+ Tại thời điểm kiểm tra đột xuất 01 đồng chí về cách sử dụng bình chữa cháy, nhưng ko biết sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

+ Khu vực để bình chữa cháy có niêm yết các nội quy, tiêu lệnh: Tại thời điểm kiểm tra nội quy tiêu lệnh mờ, rỉ, không nhìn rõ chữ.

*** Tồn tại:**

- Làm che khuất, cản trở lối tiếp cận phương tiện PCCC.
- Không sử dụng thành thạo phương tiện PCCC được trang bị tại cơ sở.
- Niêm yết nội quy về PCCC, cứu nạn, cứu hộ bị mất tác dụng.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Để đảm bảo an toàn PCCC đối với cơ sở trong quá trình hoạt động, thực hiện nghiêm túc Luật PCCC năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác CNCH của lực lượng PCCC và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về PCCC hiện hành. Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau:

1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PCCC và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật PCCC.

Thời hạn thực hiện: Duy trì thường xuyên.

2. Di chuyển các vật dụng ra nơi quy định không làm che, cản trở lối tiếp cận phương tiện PCCC.

Thời hạn thực hiện: Thực hiện ngay.

3. Lập hồ sơ theo dõi quản lý phương tiện PCCC&CNCH theo quy định tại TCVN 3890:2009.

Thời hạn thực hiện: Thực hiện ngay.

4. Thay thế những phương tiện PCCC đã bị mờ, hỏng theo quy định tại TCVN 3890:2009.

Thời hạn thực hiện: Thực hiện ngay.

- Cam kết có phương án thực hiện khắc phục đối với từng tồn tại, vi phạm trong công tác PCCC&CNCH.

- Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trong thời gian chưa tổ chức được các yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 05 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	**Thượng úy Lê Đức Ngọc**
CHỦ TỊCH HĐQT *Nguyễn Hồng Thái*	

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN HUYỆN ỨNG HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC10
Ban hành kèm theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ
Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Tại: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn kiểm tra (Công an huyện Ứng Hòa):

1. Đ/c Thượng úy Lê Đức Ngọc - Cán bộ Đội CS PCCC&CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra đối với Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Đại diện Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây:

Ông Nguyễn Văn Hùng; Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Chiến Thắng; Chức vụ: Quản đốc phân xưởng.

Ông Nguyễn Hồng Sơn; Chức vụ: Cán bộ phòng hành chính.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CƠ SỞ

- Đoàn kiểm tra đã nghe ông Nguyễn Văn Hùng - Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình thực tế thực hiện các quy định của pháp luật về công tác PCCC tại cơ sở phục vụ tốt cho công tác kiểm tra.

- Công ty xi măng Tiên Sơn xây dựng và hoạt động tháng 5/1995; tổng diện tích đất 47.000m^2, gồm 02 khu vực chính cách nhau 500m.

+ Khu hành chính: Diện tích xây dựng khoảng 200m^2, được xây dựng 02 tầng với khối tích 1200m^3, chủ yếu làm văn phòng và phòng họp nay đã chuyển về chung cùng khu vực sản xuất.

+ Khu sản xuất: Tổng diện tích đất trống 41.000m^2, được chia làm các khu vực sau:

Khu văn phòng, kho: Được xây dựng 02 tầng với diện tích 100m^2/sàn, khung bê tông cốt thép, chủ yếu làm văn phòng và nơi chứa tài liệu.

Kho vật tư: Được xây dựng 01 tầng, với diện tích khoảng 200m^2, được xây dựng khung thép, mái tôn; dùng để máy móc, thiết bị hỏng. Có 01 cửa ra vào kích thước (4m x 3m).

Nhà bếp ăn: Được xây dựng 01 tầng, khung, mái lợp tôn, diện tích 80m^2.

Trạm biến áp: Được xây dựng tường gạch, mái đổ bê tông, với tổng công suất 7.600kpa; có diện tích 300m^2, bố trí 04 máy biến áp chia thành 04 phòng riêng

biệt mỗi phòng diện tích 60m^2, hành lang đi ở giữa, hiện tại điện lực Ứng Hòa quản lý.

Kho để Lanke: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông mái lợp tôn, với diện tích xây dựng khoảng 300m^2, chủ yếu là nơi để Lanke.

Khu vực dây chuyền sản xuất: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông, mái lợp tôn; các dây chuyền nối tiếp nhau được điều khiển bằng điện tử, diện tích 300m^2.

Khu vực điều hành: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông cốt thép, với diện tích 50m^2, chủ yếu điều khiển dây chuyền bằng điện tử.

Kho bao bì: Xây dựng khung thép mái tôn, tường xây gạch, có 06 cửa xuất hàng hàng kích thước (6m x 4m) và 01 cửa nhập hàng kích thước (4m x 4m), diện tích khoảng 200m^2.

Xưởng sản xuất gạch: Được xây dựng 01 tầng với, diện tích 200m^2, xây dựng khung thép mái tôn tường gach, chuyên sản xuất gạch không nung, sản lượng khoảng 50.000 viên mỗi ngày.

- Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trên diện tích ngoài trời.
- Tổng số CBCNV: 58 người.
- Tổ bảo vệ chia thành 07 người, chia ca, mỗi ca làm việc: 03 người.
- Lãnh đạo Công ty đã quan tâm đến công tác PCCC; duy trì tuần tra, kiểm soát, bảo vệ cơ quan; duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo cháy và phương tiện chữa cháy; tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC; lối và đường thoát nạn đảm bảo thông thoáng tại cơ sở.
- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án PCCC&CNCH, huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH ngày 15/6/2023.
- Định kỳ 06 tháng tự kiểm tra an toàn PCCC&CNCH, bảo quản bảo dưỡng phương tiện PCCC&CNCH theo quy định.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC

Cơ sở đã lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC&CNCH. Hồ sơ gồm có:

- Quyết định số 42/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc quy trách nhiệm trong công tác PCCC.
- Quyết định số 43/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng cháy và chữa cháy.
- Quyết định số 44/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc ban hành nội quy về PCCC, kèm theo nội quy PCCC, khuyến cáo các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC.

- Quyết định số 44/QĐ-TISOCO-PCCC ngày 01/6/2020 về việc thành lập Đội PCCC cơ sở, gồm 19 người, đã được tập huấn về PCCC và được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC Ngày 07/10/2020.

- Thống kê phương tiện PCCC, ngày 01/6/2020.

- Bản cam kết đảm bảo an toàn PCCC, ngày 01/6/2020.

- Phương án chữa cháy cơ sở theo Mẫu PC11 ban hành Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014, được Phòng PC07 - CA TP Hà Nội phê duyệt ngày 02/6/2020.

- Phương án CNCH của cơ sở theo mẫu số 04 ban hành Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017.

- Quyết định số 126/QĐ-CSPCCC&CNCH, ngày 05/7/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hà Nội cho 20 học viên.

- Hồ sơ tự kiểm tra an toàn PCCC&CNCH định kỳ năm 2023 theo quy định.

- Hồ sơ tự thực tập phương án PCCC&CNCH theo quy định ngày 15/6/2023.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI CƠ SỞ

1. Bố trí mặt bằng:

- Công ty xi măng Tiên Sơn xây dựng và hoạt động tháng 5/1995; tổng diện tích đất 47.000m^2, gồm 02 khu vực chính cách nhau 500m.

+ Khu hành chính: Diện tích xây dựng khoảng 200m^2, được xây dựng 02 tầng với khối tích 1200m^3, chủ yếu làm văn phòng và phòng họp nay đã chuyển về chung cùng khu vực sản xuất.

+ Khu sản xuất: Tổng diện tích đất trống 41.000m^2, được chia làm các khu vực sau:

Khu văn phòng, kho: Được xây dựng 02 tầng với diện tích 100m^2/sàn, khung bê tông cốt thép, chủ yếu làm văn phòng và nơi chứa tài liệu.

Kho vật tư: Được xây dựng 01 tầng, với diện tích khoảng 200m^2, được xây dựng khung thép, mái tôn; dùng để máy móc, thiết bị hỏng. Có 01 cửa ra vào kích thước (4m x 3m).

Nhà bếp ăn: Được xây dựng 01 tầng, khung, mái lợp tôn, diện tích 80m^2.

Trạm biến áp: Được xây dựng tường gạch, mái đổ bê tông, với tổng công suất 7.600kpa; có diện tích 300m^2, bố trí 04 máy biến áp chia thành 04 phòng riêng biệt mỗi phòng diện tích 60m^2, hành lang đi ở giữa, hiện tại điện lực Ứng Hòa quản lý.

Kho để Lanke: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông mái lợp tôn, với diện tích xây dựng khoảng 300m^2, chủ yếu là nơi để Lanke.

Khu vực dây chuyền sản xuất: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông, mái lợp tôn; các dây chuyền nối tiếp nhau được điều khiển bằng điện tử, diện tích 300m^2.

Khu vực điều hành: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông cốt thép, với diện tích 50m^2, chủ yếu điều khiển dây chuyền bằng điện tử.

Kho bao bì: Xây dựng khung thép mái tôn, tường xây gạch, có 06 cửa xuất hàng hàng kích thước (6m x 4m) và 01 cửa nhập hàng kích thước (4m x 4m), diện tích khoảng 200m^2.

Xưởng sản xuất gạch: Được xây dựng 01 tầng với, diện tích 200m^2, xây dựng khung thép mái tôn tường gach, chuyên sản xuất gạch không nung, sản lượng khoảng 50.000 viên mỗi ngày.

2. Hệ thống điện.

- Cơ sở sử dụng 02 hệ thống điện: 01 nguồn điện lưới, có trạm biến áp, có phòng riêng biệt, đã bàn giao cho điện lực Ứng Hòa quản lý; 01 nguồn điện máy phát dự phòng công suất 45KVA.

- Cơ sở có hệ thống máy móc, thiết bị tiêu thụ điện lớn tại thời điểm kiểm tra hệ thống điện và các thiết bị, máy móc hoạt động bình thường, không có hiện tượng quá tải.

3. Giao thông nguồn nước:

Cơ sở có đường giao thông thông thoáng, giáp Sông Châu Giang đảm bảo thông thoáng, xe chữa cháy đảm bảo tiếp cận được cơ sở.

4. Hệ thống PCCC và các hệ thống được trang bị trong cơ sở:

4.1. Phương tiện chữa cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Phương tiện chữa cháy:

+ 01 máy bơm điện chữa cháy công suất 7,5KW, 15 bình chữa cháy MFZ4, 10 bình chữa cháy MFZ8, 17 bình chữa cháy MT3 và 04 bộ nội quy tiêu lệnh, tại thời điểm kiểm tra hoạt động bình thường, kim chỉ vạch xanh, còn nguyên vẹn kẹp chì.

+ 08 họng nước chữa cháy vách tường tại các lò sản xuất, 12 lăng B và 08 cuộn vòi B.

+ Tại nơi để bình chữa cháy bố trí bàn ghế, làm che lấp, cản trở lấy bình chữa cháy.

+ Tại thời điểm kiểm tra đột xuất 01 đồng chí về cách sử dụng bình chữa cháy, nhưng ko biết sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

+ Khu vực để bình chữa cháy có niêm yết các nội quy, tiêu lệnh: Tại thời điểm kiểm tra nội quy tiêu lệnh mờ, rỉ, không nhìn rõ chữ.

5. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

a. Nguồn nước bên trong:

- Khu hành chính: Có 03 bể mỗi bể khoảng $10m^3$.
- Khu vực sản xuất: 02 bể mỗi bể khoảng $10m^3$.

b. Nguồn nước bên ngoài:

Kênh nước Sông Châu Giang có trữ lượng nước lớn theo mùa.

6. Lối thoát nạn: Bố trí đồ đạc, hàng hóa đảm bảo, không ảnh hưởng lối thoát nạn.

7. Khoảng cách an toàn PCCC&CNCH: Đảm bảo theo quy định.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Để đảm bảo an toàn PCCC đối với cơ sở trong quá trình hoạt động, thực hiện nghiêm túc Luật PCCC năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác CNCH của lực lượng PCCC và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về PCCC hiện hành. Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau:

1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PCCC và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật PCCC.

Thời hạn thực hiện: Duy trì thường xuyên.

2. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 20 Luật PCCC năm 2001; Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

Thời hạn hoàn thành: Thực hiện thường xuyên.

3. Định kỳ báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy.

Tổ chức thực hiện: Duy trì thường xuyên.

- Cam kết có phương án thực hiện khắc phục đối với từng tồn tại, vi phạm trong công tác PCCC&CNCH.

- Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trong thời gian chưa tổ chức được các yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 05 trang, được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P-T.P HÀ NỘI CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI	
Nguyễn Văn Hùng	**Thượng úy Lê Đức Ngọc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ

QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC&CNCH

Tên cơ sở: Công ty cổ phần Tiên Sơn Hà Tây.

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

Chủ quản: Công ty cổ phần Tiên Sơn Hà Tây.

Điện thoại: 0982301102.

Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ
QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC&CNCH

Tên cơ sở: [1] Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội

Chủ quản: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây .

Điện thoại: 0982301102.

Năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ
TÀI LIỆU PCCC CÓ TRONG HỒ SƠ

TT	TÀI LIỆU	NGÀY, THÁNG, NĂM	SỐ	GHI CHÚ
1	Quyết định về việc quy định trách nhiệm trong công tác PCCC			
2	Quyết định về việc ban hành nội quy PCCC			
-	Nội quy PCCC			
-	Nội quy sử dụng điện			
-	Nội quy phòng cháy gara xe			
3	Quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở, danh sách Đội PCCC cơ sở			
4	Danh sách lực lượng PCCC làm công tác CNCH			
5	Bảng thống kê phương tiện PCCC			
6	Phương án chữa cháy của cơ sở			
7	Phương án CNCH của cơ sở			
8	Bản cam kết về việc đáp ứng đầy đu các điều kiện an toàn về PCCC			
9	Biên bản kiểm tra an toàn PCCC&CNCH			

CÔNG TY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /QĐ-PCCC	*Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định trách nhiệm trong công tác phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy (PCCC) ngày 26/9/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC ngày 22/11/2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ tình hình thực tế về công tác PCCC tại cơ sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Việc PCCC là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn thể mọi người làm việc tại cơ sở; chịu trách nhiệm trước Chủ cở và pháp luật về công tác PCCC, đảm bảo an toàn khu vực được giao quản lý và thực hiện tốt nhiệm vụ an toàn PCCC chung.

Điều 2: Trên cơ sở chương trình, kế hoạch và những quy định về công tác PCCC của TỔNG GIÁM ĐỐC, mọi người có trách nhiệm thực hiện tốt, đảm bảo an toàn PCCC cho tài sản và người trong cơ sở.

Điều 3: Thành tích trong hoạt động PCCC là một trong những tiêu chí đề xuất khen thưởng hàng năm. Nếu bộ phận, cá nhân nào để xảy ra cháy nổ, thì tùy thuộc nguyên nhân và mức độ thiệt hại bộ phận đó chịu trách nhiệm trước TỔNG GIÁM ĐỐC và pháp luật.

Điều 4: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi người làm việc tại cơ sở và khách đến khách đến liên hệ công tác căn cứ Quyết định thi hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY XI MĂNG
TIÊN SƠN HÀ TÂY

Số: 02 /QĐ-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành nội quy phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy (PCCC) ngày 26/9/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC ngày 22/11/2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ tình hình thực tế về công tác PCCC tại cơ sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này nội quy PCCC, nội quy sử dụng điện, nội quy PCCC kho vật tư, nội quy PCCC gara xe *(có các nội quy kèm theo)*.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi người làm việc tại cơ sở và khách đến khách đến liên hệ công tác căn cứ Quyết định thi hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY HÒA-T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

Phòng cháy và chữa cháy (PCCC) là nghĩa vụ của mọi người làm việc tại cơ sở, kể cả khách đến liên hệ công tác.

Để đảm bảo an toàn tài sản, tính mạng của mọi người và trật tự an ninh trong cơ sở, nay quy định việc PCCC như sau:

A. ĐỐI VỚI MỌI NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ:

1. Không mang chất cháy, chất nổ vào khu vực làm việc; không được hút thuốc, đun nấu hoặc tiến hành các công việc có sinh tia lửa trần, nhiệt trần ở những nơi cấm lửa, cấm hút thuốc.

2. Không được tự ý câu, mắc, sử dụng điện tuỳ tiện; không được để các ổ điện tiếp xúc lỏng lẻo sinh tia lửa điện; không được dùng điện quá tải gây chập cháy điện; không được dùng dây đồng, giấy bạc thay cầu chì; không dùng dây điện cắm trực tiếp vào ổ cắm điện; không để các chất dễ cháy gần cầu chì, bảng điện, đường dây dẫn điện.

3. Phương tiện dụng cụ chữa cháy phải để nơi dễ thấy, dễ lấy; không ai được lấy sử dụng vào việc khác.

4. Phải có nghĩa vụ học tập các quy định về an toàn PCCC, sử dụng thành thạo các phương tiện chữa cháy.

5. Phải tuyệt đối chấp hành các yêu cầu an toàn PCCC tại khu vực có nguy hiểm về cháy nổ; người làm việc ở những nơi dễ cháy nổ phải là người đã qua đào tạo, có hiểu biết về an toàn PCCC.

B. ĐỐI VỚI KHÁCH ĐẾN GIAO DỊCH:

Khách vào cơ sở phải tuân theo sự hướng dẫn của bảo vệ.

Không được mang chất cháy, chất nổ vào cơ sở.

Phải tuyệt đối chấp hành nội quy về công tác PCCC của cơ sở đã đề ra.

C. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

Mọi người làm việc tại cơ sở, kể cả khách đến làm việc, giao dịch đều phải thực hiện tốt nội quy PCCC này. Ai có thành tích về PCCC sẽ được khen thưởng. Những trường hợp sai phạm, tuỳ thuộc mức độ nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0500237920 CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY SỬ DỤNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

Điều 1: Mọi người làm việc tại cơ sở phải thực hiện tiết kiệm điện ở nơi mình làm việc. Đi ra ngoài hoặc hết giờ làm việc, trước khi ra về phải cắt điện đối với mọi thiết bị tiêu thụ điện.

Điều 2: Không được đấu nối làm thay đổi hệ thống điện, bộ phận nào có nhu cầu sử dụng điện như chiếu sáng, ổ cắm hoặc dùng thêm thiết bị điện có công suất lớn phải báo cáo cho lãnh đạo bộ phận đó để bố trí sử chữa.

Điều 3: Cấm dùng các đồ điện cá nhân để đun nấu, sưởi sấy,...thường xuyên kiểm tra an toàn điện để tránh các sự cố gây cháy, nổ do điện.

Điều 4: Khi hệ thống điện có sự cố chập, mất điện, không được tự ý sửa chữa, phải cắt điện và báo cáo ngày cho người phụ trách bố trí thợ điện đến sửa chữa.

Trên đây là quy định việc sử dụng điện trong toàn cơ quan, mỗi người phải nghiêm túc thực hiện. Ai vi phạm để xảy ra các sự cố về điện thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY PCCC GARA XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

Điều 1: Cấm dùng lửa hút thuốc, thắp hương thờ cúng, đun bếp, kể cả bếp điện trong và xung quanh khu vực kho. Những người không có nhiệm vụ không được vào kho.

Điều 2: Vật tư hàng hoá trong kho phải để gọn gàng, thành từng lô riêng biệt, cách xa đường dây dẫn điện, bảng điện, bóng điện ít nhất 0,5m.

Điều 3: Thủ kho không được tự ý sửa chữa, dấu mắc làm thay đổi hệ thống điện, hệ thống điện hư hỏng phải báo cho người có trách nhiệm sửa chữa thay thế.

Điều 4: Các phương tiện chữa cháy phải để nơi dễ thấy, dễ lấy, thường xuyên được kiểm tra, lau chùi bảo quản. Cấm mang phương tiện chữa cháy đi làm việc khác.

Điều 5: Trước và sau giờ làm việc thủ kho phải kiểm tra hàng hoá vật tư, cắt điện, đóng cửa trước khi ra về. Khi kiểm tra kho phát hiện có vấn đề gì nghi vấn phải báo cáo ngay cho người có trách nhiệm.

Điều 6: Mọi người phải nghiêm túc thực hiện nội quy PCCC kho vật tư. Ai vi phạm tuỳ theo mức độ nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo qui định hiện hành./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY PCCC GARA XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

Điều 1: Cấm mang chất cháy, chất nổ, hút thuốc, đun nấu, thắp hương thờ cúng trong khu vực gara xe.

Điều 2: Không tự ý đấu nối, câu mắc điện trong khu vực để xe.

Điều 3: Xe máy, xe đạp, xe đạp điện xếp đúng nơi quy định, không đè lên dây dẫn điện, gần bảng điện, không khóa cổ, khóa càng, không chiếm lối đi lại, đầu xe quay theo hướng thoát ra ngoài; ô tô không kéo phanh, gửi lại chìa khóa.

Điều 4: Phương tiện chữa cháy phải bảo quản tốt, để nơi dễ thấy, dễ lấy, không được dùng vào việc khác.

Điều 5: Mọi người phải báo động, báo cháy ngay nếu xảy ra cháy, chủ động dập tắt đám cháy, di chuyển xe ra ngoài và thực hiện việc trông coi xe.

Trên đây là nội quy PCCC gara xe, mọi người phải nghiêm túc thực hiện. Ai vi phạm để xảy ra cháy, nổ tùy theo mức nặng nhẹ mà bị xử lý trước pháp luật./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0500 [illegible] 20 - C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03** /QĐ-PCCC	*Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy (PCCC) ngày 26/9/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC ngày 22/11/2013; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ tình hình thực tế về công tác PCCC tại cơ sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay thành lập đội PCCC cơ sở tại Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây gồm có: 25 người *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2: Lực lượng PCCC cơ sở có nhiệm vụ sau:

1. Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về PCCC.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Pháp luật và kiến thức về PCCC.

3. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho đội viên đội PCCC cơ sở.

4. Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành các nội quy, quy định về an toàn PCCC.

5. Xây dựng phương án chữa cháy, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy xảy ra. Dự trù kinh phí cho các hoạt động về PCCC hàng năm.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Nguyễn Văn Hùng

DANH SÁCH LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

TT	Họ và tên	Sinh năm	Số GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC, ngày cấp	Ghi chú
1	Nguyễn Chiến Thắng	1976		
2	Nguyễn Văn Đoàn	1972		
3	Phạm Chí Thanh	1973		
4	Trịnh Tiến Hưng	1980		
5	Nguyễn Hồng Sơn	1979		
6	Tạ Minh Đức	1974		
7	Đinh Quyết Tâm	1994		
8	Đào Thị Báu	1984		
9	Hoàng Văn Khải	1977		
10	Nguyễn Công Thảo	1973		
11	Lê Xuân Quang	1982		
12	Nguyễn Công Khiêm	1971		
13	Nguyễn Đình Thảo	1970		
14	Đỗ Văn Dũng	1981		
15	Nguyễn Mạnh Huyên	1972		
16	Đỗ Văn Quang	1971		
17	Ngô Văn Đức	1973		
18	Quách Hữu Huynh	1978		
19	Ngô Văn Hảo	1984		
20	Phạm Văn Quý	1971		

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LỰC LƯỢNG PCCC LÀM CÔNG TÁC CNCH

TT	Họ và tên	Sinh năm	Số GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC, ngày cấp	Ghi chú
1	Nguyễn Chiến Thắng	1976		
2	Nguyễn Văn Đoàn	1972		
3	Phạm Chí Thanh	1973		
4	Trịnh Tiến Hưng	1980		
5	Nguyễn Hồng Sơn	1979		
6	Tạ Minh Đức	1974		
7	Đinh Quyết Tâm	1994		
8	Đào Thị Báu	1984		
9	Hoàng Văn Khải	1977		
10	Nguyễn Công Thảo	1973		
11	Lê Xuân Quang	1982		
12	Nguyễn Công Khiêm	1971		
13	Nguyễn Đình Thảo	1970		
14	Đỗ Văn Dũng	1981		
15	Nguyễn Mạnh Huyên	1972		
16	Đỗ Văn Quang	1971		
17	Ngô Văn Đức	1973		
18	Quách Hữu Huynh	1978		
19	Ngô Văn Hảo	1984		
20	Phạm Văn Quý	1971		

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	Tên, loại phương tiện PCCC&CNCH	Số lượng	Tình trạng hoạt động				Nơi bố trí, lắp đặt
			Tốt	Trung bình	Kém	Hư hỏng	
1	Bình bột chữa cháy MFZ4	05	X				Trong cơ sở
2	Bình khí chữa cháy CO2-MT3	05	X				Trong cơ sở
3	Đèn chiếu sáng sự cố	05	X				Trong cơ sở
4	Máy bơm chữa cháy	01	X				Trong cơ sở
5	Hệ thống chữa cháy vách tường	04	X				Trong cơ sở
6	Nội quy, tiêu lệnh chữa cháy	03	X				Trong cơ sở
7	Đèn chiếu sáng cầm tay	02	X				Trong Cơ sở
8	Loa pin cầm tay	01	X				Trong Cơ sở
9	Rìu phá đa năng	01	X				Trong Cơ sở
10	Xà beng	02	X				Trong Cơ sở
11	Búa to	02	X				Trong Cơ sở
12	Búa nhỏ	01	X				Trong Cơ sở
13	Cưa tay	01	X				Trong Cơ sở
14	Kìm công lực	01	X				Trong Cơ sở
15	Khẩu trang y tế	50	X				Trong Cơ sở

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
Đảm báo an toàn về phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi:

- Công an huyện Ứng Hòa;
- UBND xã Hồng Quang.

Tôi là: Nguyễn Văn Hùng; Chức vụ: Tổng Giám Đốc.
Đại diện cho: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.
Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.
Điện thoại:

Để bảo vệ an toàn tài sản, tính mạng cho mọi người và đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy (PCCC) chung, chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và yêu cầu về PCCC sau đây:

1- Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về phòng cháy chữa cháy, các điều kiện về an toàn về PCCC đối với cơ sở cụ thể là:

a) Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

b) Có quy định phân công chức trách, nhiệm vụ công tác PCCC trong cơ sở và tổ chức thực hiện.

c) Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải đảm bảo an toàn về PCCC.

d) Có quy trình kỹ thuật an toàn về PCCC phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

e) Có lực lượng PCCC cơ sở được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; có phương án chữa cháy, thoát nạn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện PCCC khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở; đảm bảo về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Bộ Công an và các tiêu chuẩn về PCCC; có hệ thông giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

h) Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC theo quy định.

2- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC cho mọi người làm việc, học tập, ăn ở, sinh hoạt, công tác tại cơ sở. Thành lập lực lượng PCCC cơ sở, trang bị đủ phương tiện chữa cháy theo quy định và duy trì hoạt động của lực lượng này có hiệu quả.

3- Kiểm tra, khắc phục những thiếu về PCCC, xử lý nghiêm những bộ phận, cá nhân vi phạm quy định an toàn về PCCC, thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn những kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC.

4- Không để xảy ra cháy hoặc khi có cháy thì dập tắt kịp thời.

5- Phối hợp với các cơ quan cơ sở lân cận, hộ gia đình và chính quyền địa phương sở tại trong việc tổ chức các hoạt động PCCC.

6- Thực hiện lệnh huy động tham gia các hoạt động PCCC của cấp có thẩm quyền.

7- Tổ chức cho Mọi người làm việc, học tập, ăn ở, sinh hoạt, công tác tại cơ sở ký cam kết thực hiện an toàn PCCC./.

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0500237920 C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

THEO DÕI VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ PCCC

TT	Nội dung tuyên truyền, huấn luyện PCCC	Ngày, tháng, năm	Cán bộ tuyên truyền huấn luyện PCCC	Tổng số người tham gia	Số người được cấp GCN huấn luyện PCCC

THEO DÕI VỀ TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, CHỈNH LÝ, HỌC TẬP, THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY.

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung xây dựng chỉnh lý học tập, thực tập phương án chữa cháy	Nhận xét đánh giá kết quả	Chữ ký của người có trách nhiệm tổ chức thực hiện

THEO DÕI CÔNG TÁC KIỂM TRA VỀ AN TOÀN PCCC

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung kiểm tra an toàn PCCC	Nhận xét đánh giá và kiến nghị	Chữ ký của cán bộ KT PCCC	Chữ ký của bộ phận được kiểm tra về PCCC

DANH SÁCH LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-PCCC, ngày 27/12/2023 của Công Ty Xi Măng Tiên Sơn Hà Tây)

TT	Họ và tên	Sinh năm	Số GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC, ngày cấp	Ghi chú

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LỰC LƯỢNG PCCC LÀM CÔNG TÁC CNCH

TT	Họ và tên	Sinh năm	Số GCN huấn luyện nghiệp vụ PCCC, ngày cấp	Ghi chú

Hồng Quang, ngày 27 tháng 12 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY XI MĂNG **TIÊN SƠN HÀ TÂY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/CV-PCCC&CNCH	*Ứng Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2023*
V/v: Thực tập phương án chữa cháy	

Kính gửi: Công an huyện Ứng Hòa.

Thực hiện Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây tổ chức thực tập phương án chữa cháy nội bộ với sự tham gia của đội PCCC cơ sở. Cơ sở kính đề nghị Công an huyện Ứng Hòa cử cán bộ hướng dẫn, giám sát, đánh giá kết quả, quá trình tự thực tập phương án chữa cháy tại Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa điểm: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây (địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội).

Thời gian dự kiến bắt đầu từ ngày: 10 tháng 12 năm 2023

Xin trân trọng cám ơn!

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu cơ sở

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ

M.S.D.N: 0500237920 - C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG TY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

Số: 01/KH-PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ứng Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2023

KẾ HOẠCH
Diễn tập phương án chữa cháy năm 2023

Thực hiện Luật PCCC ngày 29/6/2001; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an. Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

- Trang bị cho các đội viên Đội PCCC cơ sở và nhân viên những kiến thức cơ bản về PCCC, chủ động phòng ngừa nắm bắt thành thạo, sử dụng các phương tiện dụng cụ PCCC tại chỗ và quy trình tổ chức cứu chữa một vụ cháy, xử lý tổ chức cứu chữa nhanh, an toàn các sự cố về cháy, nổ hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy gây ra.

- Các lực lượng tham gia thực tập phương án chữa cháy phải tuân thủ tuyệt đối yêu cầu của người chỉ huy buổi diễn tập, đảm bảo tuyệt đối an toàn của người và phương tiện tham gia diễn tập.

II. NỘI DUNG DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN.

1. Giả định tình huống cháy:

- Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2023 xảy ra cháy tại khu vực xưởng sản xuất.

- Nguyên nhân: do sơ xuất trong quá trình sử dụng nguồn nhiệt gây cháy.

- Vào thời điểm xảy ra cháy tại cơ sở có khoảng 30 người.

2. Nhiệm vụ của lực lượng cơ sở:

- Phát lệnh báo động cháy (hô hoán).

- Cắt điện khu vực xảy ra cháy.

- Gọi điện thoại báo cháy theo số máy 02433.883.114 (Cháy thật gọi 114)

- Hướng dẫn những người bị nạn thoát ra khỏi đám cháy, cứu người bị nạn trong đám cháy.

- Lực lượng PCCC của cơ sở triển khai họng nước chữa cháy vách tường và sử dụng các bình chữa cháy xách tay để chữa cháy.

- Giả định đón và hướng dẫn xe chữa cháy vào khu vực xảy ra cháy.

- Bảo vệ khu vực xảy ra cháy không để người không có liên quan vào khu vực xảy ra cháy; bảo vệ tài sản đã cứu được.

- Chuẩn bị dụng cụ thuốc men, y tế, cứu thương cho người bị nạn và lực lượng tham gia chữa cháy.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây

- Xây dựng chương trình thực tập phương án chữa cháy, triệu tập lực lượng PCCC cơ sở tham gia thực tập phương án chữa cháy.

- Phân công, bố trí lực lượng PCCC cơ sở và nhân viên tham gia thực tập phương án theo chương trình.

2. Đề nghị Công an huyện Ứng Hòa:

- Cử cán bộ hướng dẫn cho lực lượng PCCC cơ sở diễn tập phương án chữa cháy.

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy tại. Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây. Đề nghị Công an huyện Ứng Hòa cử cán bộ hướng dẫn thực hiện để đơn vị hoàn thành kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:
- Công an huyện Ứng Hòa;
- Lưu LT.

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P. CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA-T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Hùng

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG AN HUYỆN ỨNG HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Rút kinh nghiệm về việc tự diễn tập phương án chữa cháy

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2023

Tại: Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

Công an huyện Ứng Hòa.

Thượng úy Lê Đức Ngọc Chức vụ: Cán bộ Đội CS PCCC&CNCH.

Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Ông Nguyễn Văn Hùng Chức vụ: Tổng giám đốc

Đã tiến hành họp rút kinh nghiệm việc tự thực tập phương án chữa cháy với các nội dung sau:

1. Thời gian tập: từ 09 giờ 00 phút đến 09 giờ 50 phút, ngày 10/12/2023

2. Tình huống: Thực hiện diễn tập theo tình huống giả định cháy 1(Cháy xảy ra tại khu vực xưởng sản xuất).

3. Lực lượng phương tiện chữa cháy cơ sở:

Đội viên đội phòng cháy chữa cháy cơ sở: 20 người.

Phương tiện chữa cháy cơ sở: Họng nước chữa cháy vách tường, bình chữa cháy xách tay.

4. Nội dung thực tập phương án chữa cháy:

Lực lượng chữa cháy cơ sở:

- Phát lệnh báo động cháy (hô hoán)

- Cắt điện khu vực xảy ra cháy.

- Gọi điện thoại báo cháy theo số máy 114.

- Hướng dẫn những người bị nạn thoát ra khỏi đám cháy, cứu người bị nạn trong đám cháy.

- Lực lượng PCCC của cơ sở sử dụng các bình chữa cháy xách tay phun vào đám cháy dập tắt đám cháy.

- Giả định đón và hướng dẫn xe chữa cháy vào khu vực xảy ra cháy.

- Bảo vệ khu vực xảy ra cháy không để người không có liên quan vào khu vực xảy ra cháy; bảo vệ tài sản đã cứu được.

- Chuẩn bị dụng cụ thuốc men, y tế, cứu thương cho người bị nạn và lực lượng tham gia chữa cháy.

5. Nhận xét ưu điểm, tồn tại và các kiến nghị:

- Đối với cơ sở:

+ Lực lượng cơ sở thực hiện nghiêm túc theo đúng kế hoạch, nhiệm vụ được phân công. Việc báo động, hướng dẫn, sơ tán người bị nạn thoát ra khỏi đám cháy thực hiện nhanh chóng, đảm bảo yêu cầu của kế hoạch đề ra.

+ Đội PCCC sử dụng thành thạo các phương tiện đã trang bị tại đơn vị.

+ Một số phương tiện chữa cháy tại chỗ bố trí vị trí không thuận tiện cho sử dụng.

Kiến nghị: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy nhằm đảm bảo luôn hoạt động tốt. Quản lý chặt chẽ nguồn lửa, nguồn nhiệt, thường xuyên nhắc nhở nhân viên và khách nghiêm túc các quy định về PCCC, nâng cao ý thức trong công tác PCCC. Định kỳ hàng năm tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và diễn tập phương án chữa cháy theo quy định của Luật PCCC.

- Đánh giá kết quả buổi thực tập: Buổi thực tập phương án chữa cháy đạt yêu cầu với kế hoạch đề ra.

Buổi họp rút kinh nghiệm kết thúc hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe và thống nhất các ý kiến đã nêu ở trên.

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ	**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY	
Nguyễn Văn Hùng	**Thượng úy Lê Đức Ngọc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04
Ban hành kèm theo Nghị định
số 83/2017/NĐ-CP
ngày 18/7/2017

PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ SỞ
(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: [1] **Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.**

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0982301102.

Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp:

Điện thoại: .....

Cơ quan Công an được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC&CNCH:
Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa.
Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.
Điện thoại: 02433 883 114.

Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp:

Điện thoại: .....

Cơ quan Công an được phân công thực hiện nhiệm vụ CC&CNCH:
Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa

Điện thoại: 02433 883 114

Năm 2023

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04
Ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017

PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ SỞ

(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: (1) Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây.

Địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0982301102.

Cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp:

Điện thoại: .....

Cơ quan Công an được phân công thực hiện nhiệm vụ CC&CNCH: Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa.

Điện thoại: 02433 883 114.

Năm 2023

A. ĐẶC ĐIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CNCH

I. Vị trí địa lý: [3]

Công ty xi măng Tiên Sơn Hà Tây; địa chỉ: Thôn Phú Dư, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

Cơ sở có các hướng tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp: Đường Liên thôn.

Phía Tây giáp: Đất trống.

Phía Nam giáp: Đất trống.

Phía Bắc giáp: Đất trống.

II. Giao thông bên trong và bên ngoài: [4]

1. Giao thông bên trong:

Các đồ dùng, vật dụng tại cơ sở được sắp xếp gọn gàng, ngăn lắp không làm ảnh hưởng đến công tác chữa cháy và CNCH.

2. Giao thông bên ngoài:

Cơ sở nằm tiếp giáp đường tỉnh lộ 428. Xe chữa cháy tiếp cận được cơ sở.

Cơ sở nằm tiếp giáp đường Liên thôn. Xe chữa cháy tiếp cận được cơ sở.

Cơ sở cách Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa khoảng 19km, qua các tuyến đường: Đội Cảnh sát PCCC&CNCH rẽ trái => Quốc lộ 21B => Thị trấn Vân Đình => xã Hồng Quang => Thôn Phú Dư => Cơ sở (bên Trái).

III. Tính chất, đặc điểm có liên quan đến công tác CNCH: [5]

1. Đặc điểm kiến trúc và tính chất hoạt động của cơ sở:

- Công ty xi măng Tiên Sơn xây dựng và hoạt động tháng 5/1995; tổng diện tích đất 47.000m^2, gồm 02 khu vực chính cách nhau 500m.

+ Khu hành chính: Diện tích xây dựng khoảng 200m^2, được xây dựng 02 tầng với khối tích 1200m^3, chủ yếu làm văn phòng và phòng họp nay đã chuyển về chung cùng khu vực sản xuất.

+ Khu sản xuất: Tổng diện tích đất 41.000m^2, được chia làm các khu vực sau:

Khu văn phòng, kho: Được xây dựng 02 tầng với diện tích 100m^2/sàn, khung bê tông cốt thép, chủ yếu làm văn phòng và nơi chứa tài liệu.

Kho vật tư: Được xây dựng 01 tầng, với diện tích khoảng 500m^2, được xây dựng khung thép, mái tôn; dùng để máy móc, thiết bị hỏng. Có 01 cửa ra vào kích thước (4m x 3m).

Nhà bếp ăn: Được xây dựng 01 tầng, khung, mái lợp tôn, diện tích 80m^2.

Trạm biến áp: Được xây dựng tường gạch, mái đổ bê tông, với tổng công suất 7.600kpa; có diện tích 300m^2, bố trí 04 máy biến áp chia thành 04 phòng riêng biệt mỗi phòng diện tích 60m^2, hành lang đi ở giữa, hiện tại điện lực Ứng Hòa quản lý.

Kho để Lanke: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông mái lợp tôn, với diện tích xây dựng khoảng 300m^2, chủ yếu là nơi để Lanke.

Khu vực dây chuyền sản xuất: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông, mái lợp tôn; các dây chuyền nối tiếp nhau được điều khiển bằng điện tử, diện tích 300m^2.

Khu vực điều hành: Được xây dựng 01 tầng, khung bê tông cốt thép, với diện tích 50m^2, chủ yếu điều khiển dây chuyền bằng điện tử.

Kho bao bì: Xây dựng khung thép mái tôn, tường xây gạch, có 06 cửa xuất hàng hàng kích thước (6m x 4m) và 01 cửa nhập hàng kích thước (4m x 4m), diện tích khoảng 200m^2.

Xưởng sản xuất gạch: Được xây dựng 01 tầng với, diện tích 200m^2, xây dựng khung thép mái tôn tường gạch, chuyên sản xuất gạch không nung, sản lượng khoảng 50.000 viên mỗi ngày.

2. Đặc điểm tâm lý người bị nạn:

Bên trong cơ sở thường xuyên có nhiều người. Tại đây, ngoài lực lượng PCCC cơ sở đã được huấn luyện về nghiệp vụ PCCC&CNCH.

Trạng thái tâm lý của những người mắc kẹt bên trong khi xảy ra sự cố thường là hoảng sợ, lo lắng, không còn đủ tỉnh táo để nhận định, phán đoán tình

hình để có các biện pháp đối phó có thể dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng về người do tác động của ngọn lửa, khói, khí độc hay giẫm đạp lên nhau...

Trường hợp nạn nhân bị vùi lấp dưới đống đổ nát hay bị cấu kiện xây dựng đè lên trong thời gian dài sẽ gây đau đớn; dẫn đến nạn nhân bị hoảng loạn tinh thần, họ có thể la hét, gọi to sau đó đuối sức, bị bất tỉnh.

Khi có nhiều người mắc nạn, do đường thoát nạn bị chặn hay cấu kiện xây dựng bị sập đổ thì mọi người thường hoảng loạn về tinh thần, mất bình tĩnh, do họ bất lực, không có lối thoát. Khi lực lượng CNCH đến triển khai công tác cứu người cũng thường xảy ra tình trạng chen lấn, xô đẩy nhau để tìm cách ra nơi an toàn trước.

IV. Tổ chức lực lượng CNCH tại chỗ: (6)

1. Tổ chức lực lượng:

Lực lượng PCCC làm công tác CNCH có 25 người.

2. Lực lượng thường trực CNCH:

Trong giờ làm việc, tại cơ sở luôn có 25 người. Ngoài giờ làm việc, tại cơ sở luôn có ít nhất 01 người, khi cần có thể huy động được các hộ gia đình ở xung quanh.

V. Phương tiện CNCH của cơ sở: (7)

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đèn chiếu sáng cầm tay	2	Hoạt động bình thường
2	Loa pin cầm tay	1	Hoạt động bình thường
3	Rìu phá đa năng	1	Hoạt động bình thường
4	Xà beng	2	Hoạt động bình thường
5	Búa to	2	Hoạt động bình thường
6	Búa nhỏ	1	Hoạt động bình thường
7	Cưa tay	1	Hoạt động bình thường
8	Kìm công lực	1	Hoạt động bình thường
10	Khẩu trang	50	Hoạt động bình thường

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SỰ CỐ, TAI NẠN

I. Phương án xử lý tình huống CNCH phức tạp nhất:

1. Giả định tình huống sự cố, tai nạn: [8]

Thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn: Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày …./ …./…..

Địa điểm xảy ra sự cố tai nạn: Khu vực xưởng sản xuất.

Nguyên nhân sự cố, tai nạn: Do thời tiết mưa lâu ngày, dẫn tới tình trạng sạt sập đổ cấu kiện xây dựng, gây cháy, nổ.

Diễn biến sự cố tai nạn: Trong quá trình sập đổ công trình đã làm chập hệ thống dây dẫn điện của cơ sở, gây cháy, khói, khí độc tỏa ra nhiều, các đường, lối thoát nạn bị ảnh hưởng. Tại thời điểm xảy ra sự cố có 05 công nhân đang làm việc; đa số đã được hướng dẫn thoát ra khu vực an toàn; một số do hoảng loạn, không thể tự di chuyển ra bên ngoài cần được trợ giúp; 03 người bên trong bị mắc kẹt, tinh thần hoảng loạn, la hét, kêu cứu.

Dự kiến khả năng phát triển của sự cố, tai nạn:

Nếu dám cháy không được dập tắt kịp thời sẽ phát triển ra toàn bộ căn nhà, có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình, khói khí độc tỏa ra nhiều, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng con người đang bị mắc kẹt trong tòa nhà và làm ảnh hưởng, gây khó khăn cho công tác CNCH.

Nếu công tác CNCH, hướng dẫn thoát nạn, cứu người bị nạn không được triển khai kịp thời sẽ dẫn đến tình trạng hoảng loạn của các nạn nhân, các nạn nhân bị thương do đau đớn, có thể bị ngất, dẫn đến tử vong.

2. Tổ chức triển khai CNCH: [9]

Bắt đầu từ khi xảy ra sự cố cho đến khi lực lượng PCCC chuyên nghiệp đến nơi:

Khi lực lượng PCCC chuyên nghiệp chưa có mặt tại hiện trường thì chủ cơ sở là người chỉ huy công tác CNCH và nhanh chóng phân công nhiệm vụ đồng thời tiến hành các hoạt động sau:

Công tác thông tin liên lạc:

Báo động cho mọi người xung quanh biết sự việc để cùng tham gia ứng cứu.

Phân công người gọi điện báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp theo số điện thoại **114** hoặc báo cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa số điện thoại **02433 883 114** và Công an xã Hồng Quang để báo cháy, CNCH và thông báo đầy đủ các thông tin như: Tên cơ sở, vị trí xảy ra sự cố, tai nạn, số người bị mắc kẹt...

Gọi cấp cứu số 115 hoặc gọi điện báo cho Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa...

Gọi điện báo cho các lực lượng khác nếu cần thiết...

Công tác bảo vệ:

Tổ chức các chốt bảo vệ xung quanh cơ sở, ngăn không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực xảy ra tai nạn.

Cử người dón xe chữa cháy, xe cứu hộ của lực lượng PCCC chuyên nghiệp, xe cứu thương và xe của các lực lượng khác đến làm nhiệm vụ.

Chuẩn bị sơ dồ mặt bằng, sơ dồ bố trí đường, lối thoát nạn, sơ dồ hệ thống điện, nước, sổ theo dõi khách đến nghỉ, số lượng khách nghỉ, số lượng người làm việc tại cơ sở... để cung cấp cho các lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các lực lượng tham gia CNCH khi có yêu cầu.

Cử người bảo vệ tài sản cứu được ra bên ngoài.

Tham gia việc hướng dẫn thoát nạn, bố trí địa điểm tập kết những người đã thoát được ra bên ngoài, tổ chức điểm danh và báo cáo lại cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Nắm tình hình diễn biến sự cố, tai nạn cung cấp cho cơ quan điều tra để xác định nguyên nhân.

Bảo vệ hiện trường và tham gia khắc phục hậu quả sau khi kết thúc quá trình CNCH.

Công tác CNCH:

Tổ chức cứu người bị nạn, hướng dẫn thoát nạn:

Dùng hệ thống loa phát thanh (bằng loa pin hoặc trực tiếp hô hoán) và trực tiếp hướng dẫn trấn tĩnh tâm lý cho các cháu giữ bình tĩnh, không chen lấn, xô đẩy, dẫm đạp lên nhau nhanh chóng thoát ra khỏi khu vực tai nạn đồng thời tập trung tại khu vực an toàn ở các hộ gia đình ở xung quanh để kiểm tra số cháu tại cơ sở.

Tổ chức công tác cứu người bị nạn, sơ cấp cứu cho những người bị thương trong khu vực xảy ra sự cố, tai nạn, di chuyển ra khu vực an toàn.

Nếu phát hiện cháy thì sử dụng các trang thiết bị PCCC tại chỗ dập tắt đám cháy. Nếu phát hiện có khói, khí độc thì báo cho mọi người biết và có biện pháp phòng chống.

Huy động mọi phương tiện y tế hiện có như thuốc men, băng bông, cáng cứu thương phục vụ công tác cứu người bị thương và di chuyển ra khu vực an toàn hoặc ra xe cứu thương để kịp thời đưa đến cơ sở y tế gần nhất cứu chữa.

Tổ chức CNCH:

Cắt điện toàn bộ hệ thống điện của cơ sở.

Kiểm tra sự vận hành của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố.

Huy động toàn bộ phương tiện CNCH như đèn pin, búa, rìu, xà beng, kìm cộng lực... để phá dỡ những cấu kiện bị sập đổ mở lối thoát nạn và cứu những người bị mắc kẹt bên trong.

Xác định các vị trí bị sập đổ và vị trí có người bị nạn.

Tiến hành sơ cấp cứu những người bị ngất hoặc bị thương và rìu đưa họ ra nơi an toàn.

3. Nhiệm vụ của người chỉ huy CNCH tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đến hiện trường để CNCH: [11]

Trong mọi trường hợp có sự cố, tai nạn xảy ra, khi lực lượng Cảnh sát PCCC chưa đến thì Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn bộ việc chỉ đạo, chỉ huy CNCH.

Khi lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đến, chỉ huy CNCH của cơ sở báo cáo ngay với chỉ huy chữa cháy lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH về tình hình diễn biến của sự cố, tai nạn, đường giao thông, đường, lối thoát nạn và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ do chỉ huy chữa cháy lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH yêu cầu.

II. Phương án xử lý các tình huống cứu nạn, cứu hộ đặc trưng: [12]

1. Tình huống 1:

Giả định tình huống: Cấp cứu nạn nhân bị điện giật

Thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn: Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày …./ …./…..

Địa điểm xảy ra sự cố tai nạn: Khu vực phòng trưng bày.

Nguyên nhân sự cố, tai nạn: Do hệ thống điện gặp sự cố, nhân viên điện đang tiến hành sửa chữa; lúc đó có khách đến xem và mua hàng; nhân viên điện vô ý chưa kịp thông báo cho khách biết chạm trực tiếp vào dây dẫn hở cách điện gây điện giật.

Diễn biến sự cố, tai nạn: Khi bị điện giật, nạn nhân mất kiểm soát thần kinh, không tự thoát ra được, nếu không kịp thời cắt nguồn điện nạn nhân sẽ tử vong.

Dự kiến khả năng phát triển của sự cố, tai nạn:

Tác hại khi bị điện giật:

Nhiệt: cơ thể bị dốt cháy, dây thần kinh, mạch máu, tim, não,… bị phá hủy.

Điện phân: máu trong cơ thể bị phân hủy khiến các thành phần trong máu và mô bị phá vỡ.

Sinh học: các cơ bắp đặc biệt là tim, phổi bị co giật khiến cơ quan hô hấp và tuần hoàn ngừng hoạt động. Khi dòng điện truyền qua não, hệ thần kinh trung ương bị phá hủy.

Chết đột ngột do Shock điện gây co cứng cơ tim như trong tự nhiên gây ngừng tim ngay tức khắc hoặc do rối loạn nhịp chết người do tổn thương cơ tim.

Thần kinh trung ương, não. Tuỷ sống bị trực tiếp của dòng điện, hoặc thứ phát sau hệ hô hấp và tuần hoàn, thiếu máu và thiếu ôxy não, co giật kéo dài, sặc ngừng hô hấp, ngừng tim, tắc mạch.

Tổ chức CNCH:

Hô hoán, thông báo để có người đến ứng cứu, phụ giúp.

Gọi điện báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp theo số điện thoại **114** hoặc báo cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa số điện thoại **02433 883 114.**

Gọi cấp cứu số 115 hoặc gọi điện báo cho Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa…

Người cứu nạn phải luôn nhớ chân đi giày, dép khô và đứng nơi khô ráo.

Không bao giờ được đụng vào nạn nhân bằng tay trần.

Nhanh chóng cắt nguồn điện (ngắt cầu dao, aptomat, cầu chì...).

Nếu không thể cắt nhanh nguồn điện thì dùng các vật có khả năng cách điện như sào, gậy tre, gỗ khô... để gạt dây điện ra khỏi nạn nhân hoặc quấn dây vào tay, chân để kéo nạn nhân ra khỏi nguồn điện. Nếu không còn cách nào khác thì có thể cầm vào vùng quần áo còn khô của nạn nhân và giật mạnh ra.

Nếu nạn nhân nắm chặt vào dây điện, cần phải đứng trên các vật cách điện khô (bệ gỗ, bàn, ghế, chồng báo...) để kéo nạn nhân ra hoặc đi ủng và găng tay cách điện để gỡ nạn nhân ra.

Có thể dùng dao, rìu với cán gỗ khô, kìm cách điện để chặt hoặc cắt đứt dây điện.

Hồi sức cấp cứu: *Chỉ được thực hiện sau khi đã cắt được nguồn điện.*

Nếu nạn nhân không bị thương tích gì, nạn nhân vẫn có thể đi lại được:

Khuyên nạn nhân nghỉ ngơi;

Theo dõi sát tình trạng nạn nhân, nếu thấy nghi ngờ thì gọi bác sĩ ngay.

Nếu nạn nhân bất tỉnh:

Kiểm tra nhịp thở, mạch đập;

Nếu cần thiết thì làm hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực;

Làm mát vết thương nếu nạn nhân bị bỏng;

Đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức.

*** Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện CNCH:**

2. Tình huống 2:

Giả định tình huống: Cấp cứu nạn nhân bị nhạt khói.

Thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn: Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày …./ …./…..

Địa điểm xảy ra sự cố tai nạn: Tại khu vực nhà kho của nhà 6 tầng.

Nguyên nhân sự cố, tai nạn: Do sự cố chập điện gây cháy.

Chất cháy chủ yếu: Da giày, giấy, li lông, các thiết bị điện, bàn ghế, các đồ dùng vật dụng khác...

Dự kiến khả năng phát triển của sự cố, tai nạn: Da giày, giấy, li lông, các thiết bị điện, bàn ghế, các đồ dùng vật dụng khác… làm bằng những vật liệu rễ cháy nên ngọn lửa phát triển rất nhanh và mạnh khói tỏa ra nhiều. Tại tầng 1 có 03 thợ đang làm việc do tinh thần hoảng loạn nên đã hít phải một lượng khói lớn.

Dự kiến khả năng phát triển của sự cố, tai nạn:

Tác hại khi hít phải khói:

Khói: Khói do cháy sinh ra. Khi hít phải, khói sẽ kích thích khí đạo gây co thắt, gây sưng dẫn đến thở nhanh và yếu đồng thời có ho và khò khè. Nạn nhân có thể bất tỉnh, bị bỏng ở trong mũi, miệng.

Khí CO: Khí CO phát sinh từ đám cháy, hít phải khí CO làm nạn nhân đau đầu, lẫn lộn, buồn nôn, nôn mửa, không kiềm chế được. Khí độc có thể gây thở nhanh, yếu, da xanh tái, trí nhớ suy giảm, trường hợp nặng có thể bị bất tỉnh, chết.

Tổ chức CNCH:

Hô hoán, thông báo để có người đến ứng cứu, phụ giúp.

Gọi điện báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp theo số điện thoại **114** hoặc báo cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an huyện Ứng Hòa số điện thoại **02433 883 114.**

Gọi cấp cứu số 115 hoặc gọi điện báo cho Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa…

Đưa nạn nhân ra khỏi nơi nguy hiểm, đến nơi có không khí trong lành, thoáng.

Nếu nạn nhân bất tỉnh: kiểm tra nhịp thở, mạch đập của nạn nhân.

Đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức.

Sơ cứu các vết bỏng hay các vết thương tích khác.

*** Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện CNCH:**

C. BỔ SUNG, CHỈNH SỬA PHƯƠNG ÁN CNCH: [13]

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh sửa	Người xây dựng phương án ký	Người phê duyệt phương án ký
1	*2*	*3*	*4*	*5*

D. THEO DÕI HỌC VÀ THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CNCH: (14)

Ngày, tháng, năm	Nội dung, hình thức học, thực tập	Tình huống sự cố, tai nạn	Lực lượng, phương tiện tham gia	Nhận xét, đánh giá kết quả
1	*2*	*3*	*4*	*5*

Hồng Quang, ngày ..... /.... /2023
NGƯỜI PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
(15) TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng

Hồng Quang, ngày..../.... /2023
NGƯỜI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
(16)

Phụ lục II:
Phiếu kết quả quan trắc định kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1914-2023-KQPT/KX.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Không khí Mã mẫu : K1/2/3/4-TS.230725
Ngày lấy mẫu : 25/07/2023 Số mẫu : 04
Thời gian phân tích : 26/07/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 04/08/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
				K1	K2	K3	K4	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4	30,7	31,4	31,0	**18 - 32(1)**
2	Độ ẩm	%		61,1	55,9	59,4	63,3	**40 - 80(1)**
3	Tốc độ gió	m/s		<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	**0,2 – 1,5(1)**
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	61,9	65,2	59,3	73,7	**85(2)**
5	TSP	mg/m^3	TCVN 5067: 1995	0,534	0,613	0,629	0,462	**8(3)**
6	CO	mg/m^3	GREEN/SOP-QTHT-KX02	4,528	4,227	4,704	4,210	**40**
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137: 2009	0,126	0,137	0,108	0,133	**10**
8	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971: 1995	0,244	0,231	0,207	0,215	**10**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Mẫu không khí tại khu vực nạp nguyên liệu X= 2280333; Y= 584728
+ K2: Mẫu không khí tại khu vực nghiền X= 2280368; Y= 584746
+ K3: Mẫu không khí tại khu vực dây chuyền đóng bao X= 2280415; Y= 584722
+ K4: Mẫu không khí tại khu vực kho X= 2280280; Y= 584789

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
+ (1) **QCVN 26:2016/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
+ (2)**QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,
- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (-): Không có quy định.
- (KPH): Không phát hiện.
- (#): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1917-2023-KQPT/NT.01-04

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VACI
VALAS 058

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải sản xuất Mã mẫu : NTSX-TS.230725
Ngày lấy mẫu : 25/07/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 25/07/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 04/08/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B)
				NTSX	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,4	**5,5 - 9**
2	BOD_5	mg/l	TCVN 6001-1:2008	11,65	**50**
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	33,28	**150**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	79	**100**
5	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	3,06	**40**
6	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:1996	0,05	**6**
7	NH_4^+_N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH	**10**
8	Sắt	mg/l	TCVN 6177:1996	0,16	**5**
9	Sunfua_H_2S	mg/l	TCVN 6637:2000	0,22	**0,5**
10	Crom VI	mg/l	TCVN 6658:2000	0,05	**0,1**
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,6	**10**
12	Coliform*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4.600	**5.000**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTSX: Nước thải sản xuất ở bể thu gom. X= 2280377; Y= 584719

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

267 VIMCERTS

Đỗ Thị Ngọc Ánh

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Võ Chí Linh

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,*
- *PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;*
- *(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
- *Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.*
- *Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *(-): Không có quy định.*
- *(KPH): Không phát hiện.*
- *(#): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1916-2023-KQPT/NT.01-03

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VACI
VALAS 058

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : NT-TS.230725
Ngày lấy mẫu : 25/07/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 26/07/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 04/08/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	**5 - 9**
2	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	51,2	-
3	BOD_5	mg/l	TCVN 6001-1:2008	17,92	**50**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	77	**100**
5	Tổng photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	KPH	-
6	NH_4^+_N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	KPH	**10**
7	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	1,68	-
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637: 2000	0,09	**4**
9	Sắt	mg/l	TCVN 6177:1996	0,18	-
10	Crom VI	mg/l	TCVN 6658:2000	0,04	-
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,8	-
12	Coliform*	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4.700	**5.000**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại hố ga trước khi thải ra môi trường. X= 2280371; Y= 584704

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước ven bờ).

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH **GIÁM ĐỐC**

267 VIMCERTS

Đỗ Thị Ngọc Ánh **Võ Chí Linh**

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,*
- *PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;*
- *(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
- *Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *(-): Không có quy định.*
- *(KPH): Không phát hiện.*
- *(#): Thông số chưa được công nhận trong vimcert 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.*

- *Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường
Số: 1545/BC-SYT (Tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động đã được công bố)
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1653-2024-KQPT/KM.271

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây
Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Mã mẫu : 271.KM1.240822; 271.KM2.240822; 271.KM3.240822; 271.KM4.240822

Ngày lấy mẫu : 22/08/2024
Số mẫu : 04

Thời gian phân tích : 22/08/2024
Ngày hoàn thành phân tích : 06/09/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 03:2019/BYT
				271.KM1.240822	271.KM2.240822	271.KM3.240822	271.KM4.240822	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,1	30,2	31,3	30,9	18 - 32(1)
2	Độ ẩm	%		52,7	51,3	51,9	52,5	40 - 80(1)
3	Tốc độ gió	m/s		0,22	0,25	0,27	0,23	0,2 – 1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	61,5	81,2	80,9	70,0	85(2)

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích*
- *(MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giá trị dưới của dải đo*
- *Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm*
- *(##): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *(KPH): Không phát hiện; - (-): Không có quy định*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1654-2024-KQPT/NT.271

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 271.NT1.240822

Ngày lấy mẫu : 22/08/2024 Số mẫu : 01

Thời gian phân tích : 22/08/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 06/09/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
				271.NT1.240822	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	**5 – 9**
2	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	240	-
3	BOD_5	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	53	**50**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	106	**100**
5	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	9,62	-
6	Amoni ($NH4^+$_N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	10,7	**10**
7	Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	25,1	-
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	1,14	**4**
9	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,96	-
10	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	SMEWW 3500-Cr:B 2023	KPH (MDL= 0,003)	-
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,4)	-
12	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	4.900	**5.000**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 271.NT1.240822: Mẫu nước thải tại hố ga trước khi thải ra môi trường X= 2280371, Y= 584704

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 1655-2024-KQPT/NT.271

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây

Địa chỉ : Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Tên mẫu : Nước thải Mã mẫu : 271.NT2.240822

Ngày lấy mẫu : 22/08/2024 Số mẫu : 01

Thời gian phân tích : 22/08/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 06/09/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột B)
				271.NT2.240822	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	**5,5 – 9**
2	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2023	44,6	**150**
3	BOD_5	mg/l	TCVN 6001 - 1:2021	17,5	**50**
4	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	106	**100**
5	Tổng Phospho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,69	**6**
6	Amoni (NH_4^+_N)	mg/l	TCVN 6179 - 1:1996	3,37	**10**
7	Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	8,7	**40**
8	Sunfua	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL=0,02)	**0,5**
9	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,39	**5**
10	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	SMEWW 3500-Cr:B 2023	KPH (MDL=0,003)	**0,1**
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,4)	**10**
12	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	1.200	**5.000**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 271.NT2.240822: Mẫu nước thải sản xuất ở bể thu gom X= 2280377, Y= 584719

+ Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vimcerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P.Yên Nghĩa, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Tel: 02463.263.610 *Email: Phantichgreen@gmail.com*

Số: 1656-2024-KQPT/NU.271

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VACI
VALAS 058

I.THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	: Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây		
Địa điểm lấy mẫu	: Công ty cổ phần xi măng Tiên Sơn Hà Tây		
Địa chỉ	: Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		
Tên mẫu	: Nước ăn uống	Mã mẫu	: 271.NU.240822
Ngày lấy mẫu	: 22/08/2024	Số mẫu	: 01
Thời gian phân tích	: 22/08/2024	Ngày hoàn thành phân tích	: 06/09/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 6-1:2010/BYT
				271.NU.240822	
1	Asen (As)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0008)	0,01
2	Cadimi (Cd)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL =0,0003)	0,003
3	Clo dư	mg/l	TCVN 6225:2012	KPH (MDL=0,061)	-
4	Đồng (Cu)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL =0,001)	2
5	Crom (Cr)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL =0,0004)	0,05
6	Xyanua (CN^-)*	mg/l	TCVN 6181:1996	KPH (MDL =0,002)	0,07
7	Florua (F^-)*	mg/l	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	KPH (MDL =0,03)	1,5
8	Chì (Pb)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL =0,0004)	0,01
9	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3500 Mn-B:2017	KPH (MDL=0,003)	0,4
10	Thủy ngân (Hg)*	mg/l	TCVN 7877:2008	KPH (MDL =0,0004)	0,006
11	Nitrat (NO_3^-_N)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,13	50
12	Nitrit (NO_2^-_N)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,13	3
13	E.coli*	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	KPH
14	Coliform*	CFU/ 250mL	TCVN 6187-1:2019	<LOQ (LOQ=1)	KPH

Ghi chú:
- **LOQ:** Giới hạn định lượng
- ***Vị trí lấy mẫu:***

+ 271.NU.240822: Mẫu nước ăn uống bình lọc nước của công ty X= 2281156, Y= 584541
+ *Thông tin, vị trí lấy mẫu do cơ sở chỉ định, yêu cầu*

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng*
- *(MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp; - (LRL): Giới hạn dưới của dải đo*
- *(-): Không có quy định; - (KPH): Không phát hiện*
- *Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm*
- *(##): Thông số không được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng*
- *Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green*

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: I.04236/2024/PKQ/24.2241

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty cổ phần tư vấn môi trường xây dựng và thương mại Green
Địa chỉ	DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Loại mẫu	Nước ăn uống
Ngày nhận mẫu	22/08/2024
Thời gian thử nghiệm	22/08/2024 - 06/09/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				240822.NU.003
1	Asen (As)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0008)
2	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0003)
3	Đồng (Cu)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)
4	Tổng Crom (Cr)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0004)
5	Xyanua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)
6	Florua (F^-)(+)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	KPH (LOD=0,03)
7	Chì (Pb)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0004)
8	Thủy ngân (Hg)(+)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0004)
9	*Coliform*(+)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)
10	*E.Coli*(+)	CFU/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- 240822.NU.003: 271.NU.240822;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Chu Thảo Khanh

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Phụ lục III: Hóa đơn điện

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24TBL**

Số *(No):* **761949**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*22010005268888 Tại

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 07/11/2024	kWh	338.500	-	538.776.100
	(kèm theo bảng kê số 1365462512 ngày 07 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**538.776.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**43.102.088**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**581.878.188**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm trăm tám mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm tám mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 07/ 11/ 2024 08:11:40

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24TBL**

Số *(No):* **762003**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 11 năm 2024 từ ngày 18/11/2024 đến ngày 30/11/2024	kWh	607.400	-	978.047.300
	(kèm theo bảng kê số 1365989945 ngày 01 tháng 12 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**978.047.300**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**78.243.784**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**1.056.291.084**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn không trăm tám mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 01/ 12/ 2024 18:02:26

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24TBL**

Số *(No):* **761985**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2024 từ ngày 08/11/2024 đến ngày 17/11/2024	kWh	438.400	-	708.426.700
	(kèm theo bảng kê số 1365467128 ngày 17 tháng 11 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**708.426.700**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**56.674.136**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**765.100.836**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy trăm sáu mươi lăm triệu một trăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 17/ 11/ 2024 09:03:47

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24TBL**

Số *(No):* **838387**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 07/12/2024	kWh	328.400	-	515.796.900
	(kèm theo bảng kê số 1369334705 ngày 07 tháng 12 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**515.796.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**41.263.752**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**557.060.652**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm trăm năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 07/ 12/ 2024 18:14:50

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24TBL**

Số *(No):* **838417**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2024 từ ngày 08/12/2024 đến ngày 17/12/2024	kWh	466.100	-	737.784.600
	(kèm theo bảng kê số 1371751949 ngày 17 tháng 12 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**737.784.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**59.022.768**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**796.807.368**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy trăm chín mươi sáu triệu tám trăm linh bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 17/ 12/ 2024 14:07:55

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **76604**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2024 từ ngày 18/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	452.500	-	724.448.100
	(kèm theo bảng kê số 1375179849 ngày 02 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**724.448.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**57.955.848**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**782.403.948**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy trăm tám mươi hai triệu bốn trăm linh ba nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 02/ 01/ 2025 12:20:29

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **76616**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 07/01/2025	kWh	472.200	-	741.950.800
	(kèm theo bảng kê số 1376308157 ngày 07 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**741.950.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**59.356.064**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**801.306.864**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám trăm linh một triệu ba trăm linh sáu nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 07/ 01/ 2025 13:56:04

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **76654**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 08/01/2025 đến ngày 17/01/2025	kWh	347.600	-	537.937.500
	(kèm theo bảng kê số 1376312082 ngày 17 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**537.937.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**43.035.000**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**580.972.500**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 17/ 01/ 2025 16:29:35

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **231212**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 18/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	290.300	-	433.540.500
	(kèm theo bảng kê số 1382571001 ngày 01 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**433.540.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**34.683.240**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**468.223.740**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 01/ 03/ 2025 18:48:33

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **154154**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 08/02/2025 đến ngày 17/02/2025	kWh	231.200	-	333.901.900
	(kèm theo bảng kê số 1379541210 ngày 17 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**333.901.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**26.712.152**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**360.614.052**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn không trăm năm mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 17/ 02/ 2025 11:12:21

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **154109**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 07/02/2025	kWh	157.700	-	246.286.800
	(kèm theo bảng kê số 1379540101 ngày 07 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**246.286.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**19.702.944**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**265.989.744**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 07/ 02/ 2025 14:56:19

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **231212**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 18/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	290.300	-	433.540.500
	(kèm theo bảng kê số 1382571001 ngày 01 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**433.540.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**34.683.240**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**468.223.740**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 01/ 03/ 2025 18:48:33

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **231277**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 07/03/2025	kWh	223.300	-	336.981.800
	(kèm theo bảng kê số 1382926158 ngày 07 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**336.981.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**26.958.544**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**363.940.344**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 07/ 03/ 2025 20:00:45

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **231310**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 08/03/2025 đến ngày 17/03/2025	kWh	314.100	-	472.343.900
	(kèm theo bảng kê số 1382929658 ngày 17 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**472.343.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**37.787.512**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**510.131.412**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm trăm mười triệu một trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm mười hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 17/ 03/ 2025 10:43:10

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **308270**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 18/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	530.200	-	821.867.800
	(kèm theo bảng kê số 1385876685 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**821.867.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**65.749.424**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**887.617.224**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 11:04:29

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **385432**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 18/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	443.500	-	687.758.300
	(kèm theo bảng kê số 1389407580 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**687.758.300**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**55.020.664**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**742.778.964**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA
Ngày ký: 02/ 05/ 2025 08:34:40

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **308322**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 08/04/2025 đến ngày 17/04/2025	kWh	328.900	-	507.624.900
	(kèm theo bảng kê số 1386544559 ngày 17 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**507.624.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**40.609.992**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**548.234.892**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Năm trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 17/ 04/ 2025 11:23:11

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA

Mã số thuế *(Tax Code):* **0100101114-027**

Địa chỉ *(Address):* Số 105 Trần Đăng Ninh, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001288

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HÒA - Số TK: 2207201000208 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TBL**

Số *(No):* **308282**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty cổ phần xi măng tiên sơn Hà Tây

Mã số thuế *(Tax code):* 0500237920

Địa chỉ *(Address):* Thôn Phú Dư, Xã Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PD29007382047

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 07/04/2025	kWh	251.100	-	389.119.900
	(kèm theo bảng kê số 1386538668 ngày 07 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**389.119.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**31.129.592**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**420.249.492**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ỨNG HOÀ
Ngày ký: 07/ 04/ 2025 11:46:32

Phụ lục IV:
Các sơ đồ, bản vẽ

1. Mặt bằng tổng thể của cơ sở;
2. Mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải;
3. Hệ thống xử lý nước thải;
4. Hệ thống công nghệ sản xuất và hệ thống xử lý khí thải (lọc bụi).

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Đông
Bắc
Tây
Nam

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

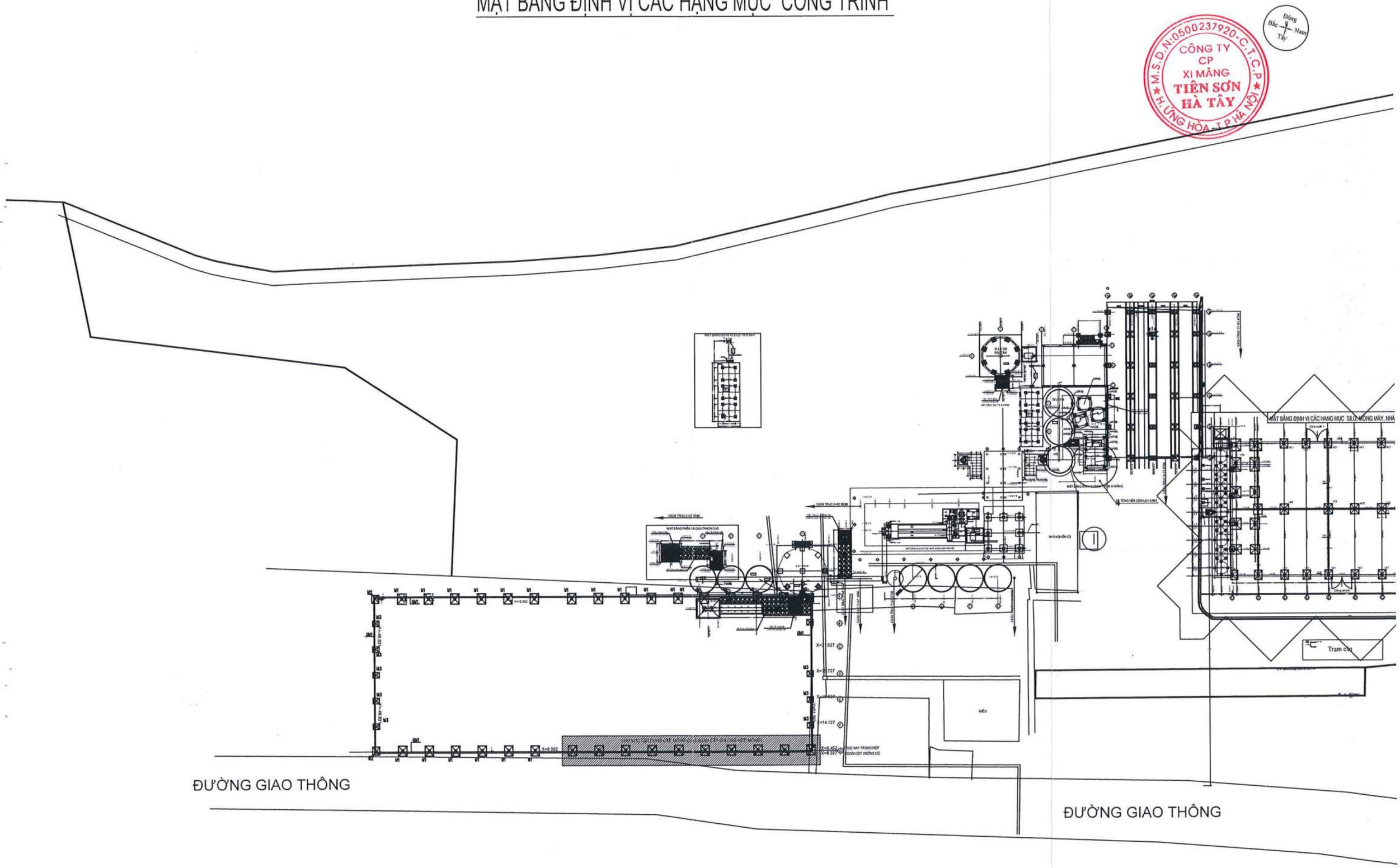
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

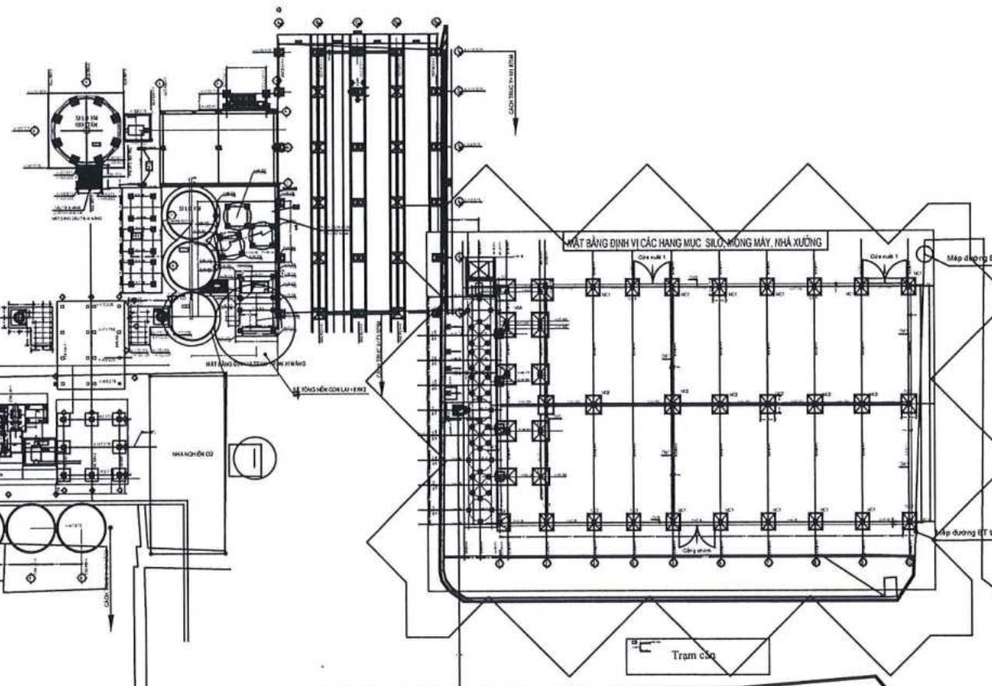
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

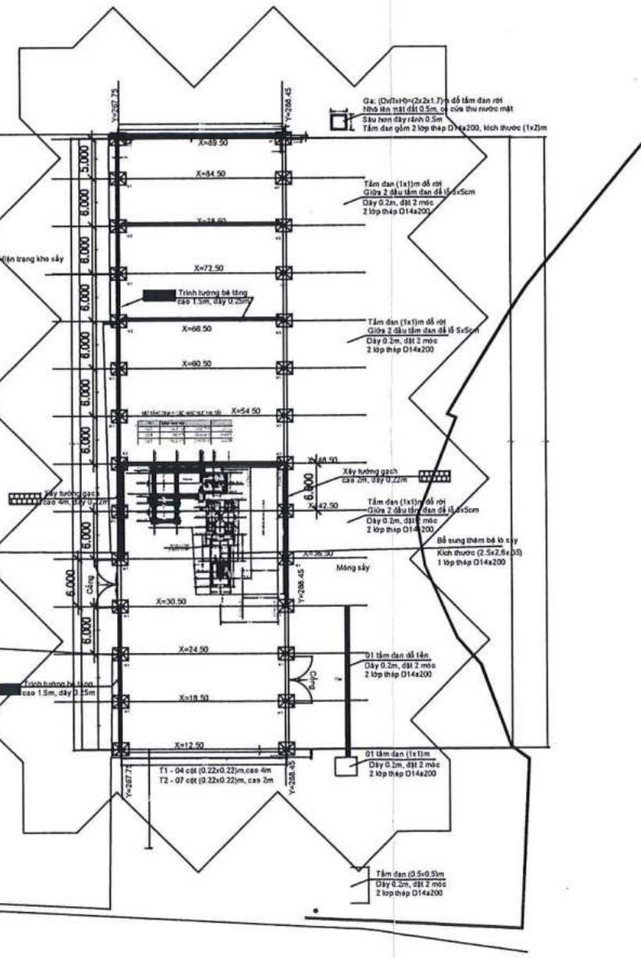


MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

Đông
Bắc
Nam
Tây

M.S.D.N:0500237920 C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI





ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN

M.S.D.N:0500237920-C.T.C.P
CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

TƯỜNG RÀO HIỆN CÓ
RÃNH HỞ
RÃNH RỘNG 1500, SÂU 1000, TƯỜNG XÂY 220
TƯỜNG XÂY 220, TẤM ĐAN DÀY 300
RÃNH RỘNG 500, SÂU 500
TƯỜNG XÂY 220, TẤM ĐAN DÀY 200
TẤM ĐAN DÀY 0.2M
MÁY NGHIỀN ĐÁ
SÂN ĐANG TẬP KẾT GẠCH SAU KHI SẢN XUẤT
NHÀ XUẤT X
NHÀ ĐÓNG BAO
KHO THẠCH CAO
KHO NGUYÊN LIỆU
KHO CANHKE
KHO CANHKE
NHÀ XƯỞNG TRỘN
KHU CÂY XANH
XƯỞNG SẢN XUẤT GẠCH
NHÀ XƯỞNG SẤY
TRẠM ĐIỆN
KHU TẠM LINH
KHO
VPLV+KHO
GARA XE
VPLV
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Vị trí thoát nước mưa số 01

Vị trí thoát nước thải

Vị trí thoát nước mưa số 02

Vị trí thoát nước mưa số 03

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

DỰ ÁN : ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM : THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

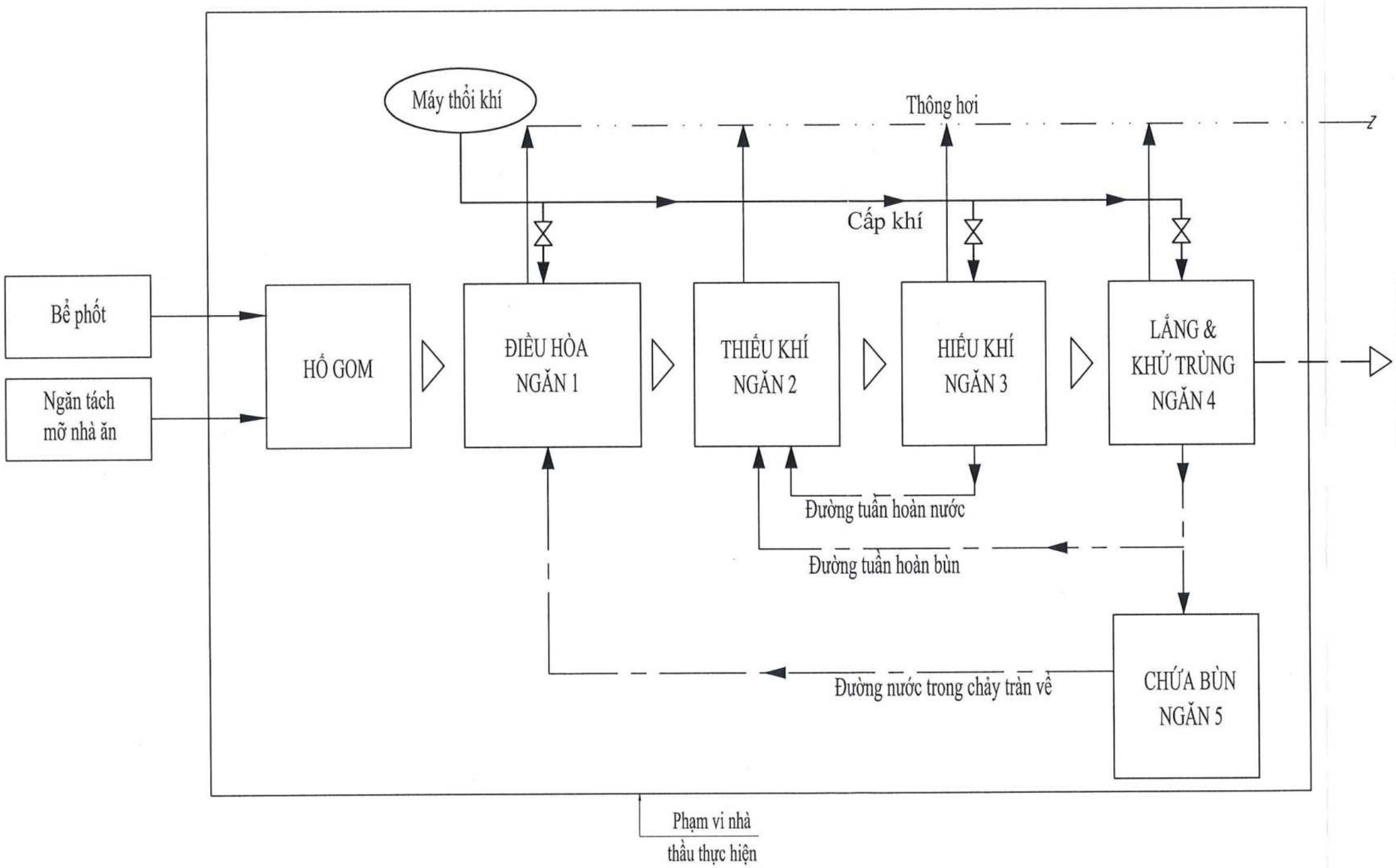
ĐƠN VỊ TK - TC : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L5.18 KHU NHÀ Ở LIỀN KỀ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ,, TP. HÀ NỘI.

NĂM 2025

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 12M3/NGÀY.Đ



HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N:0500257... C.T.C.P ★ CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ★ H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: LÔ 18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

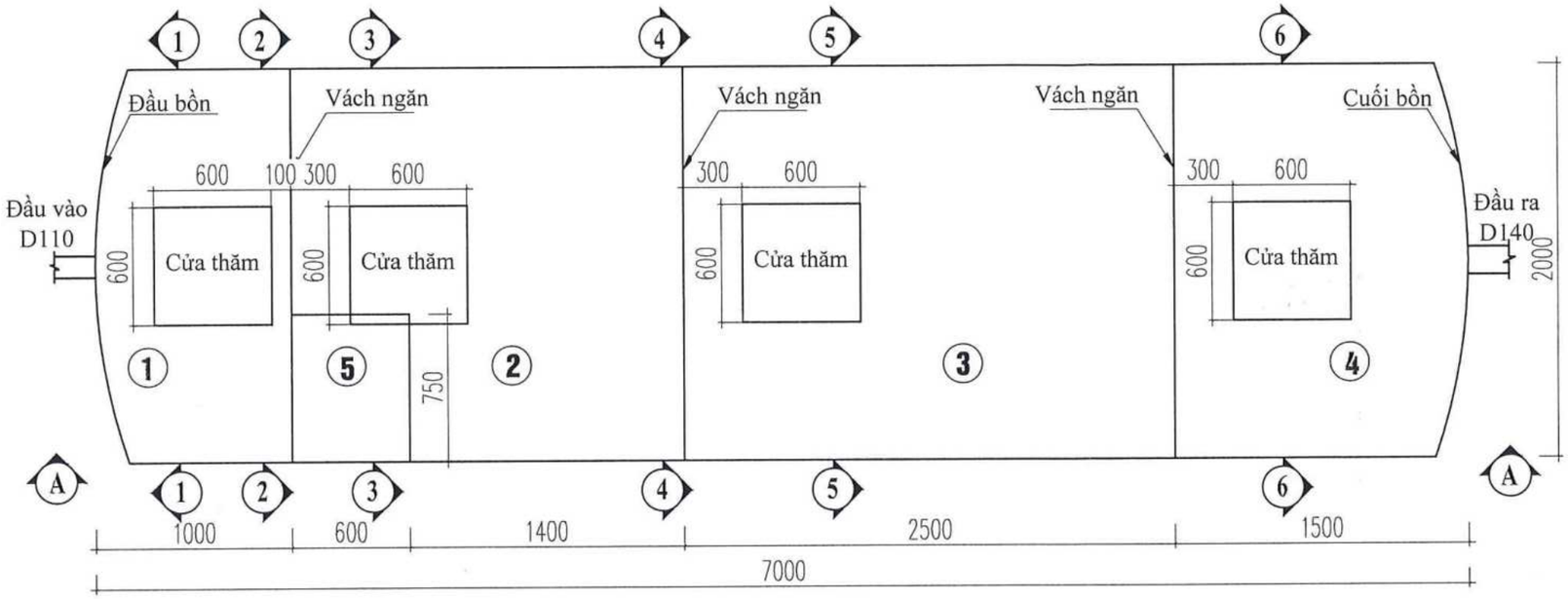
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ BỂ XLNT

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

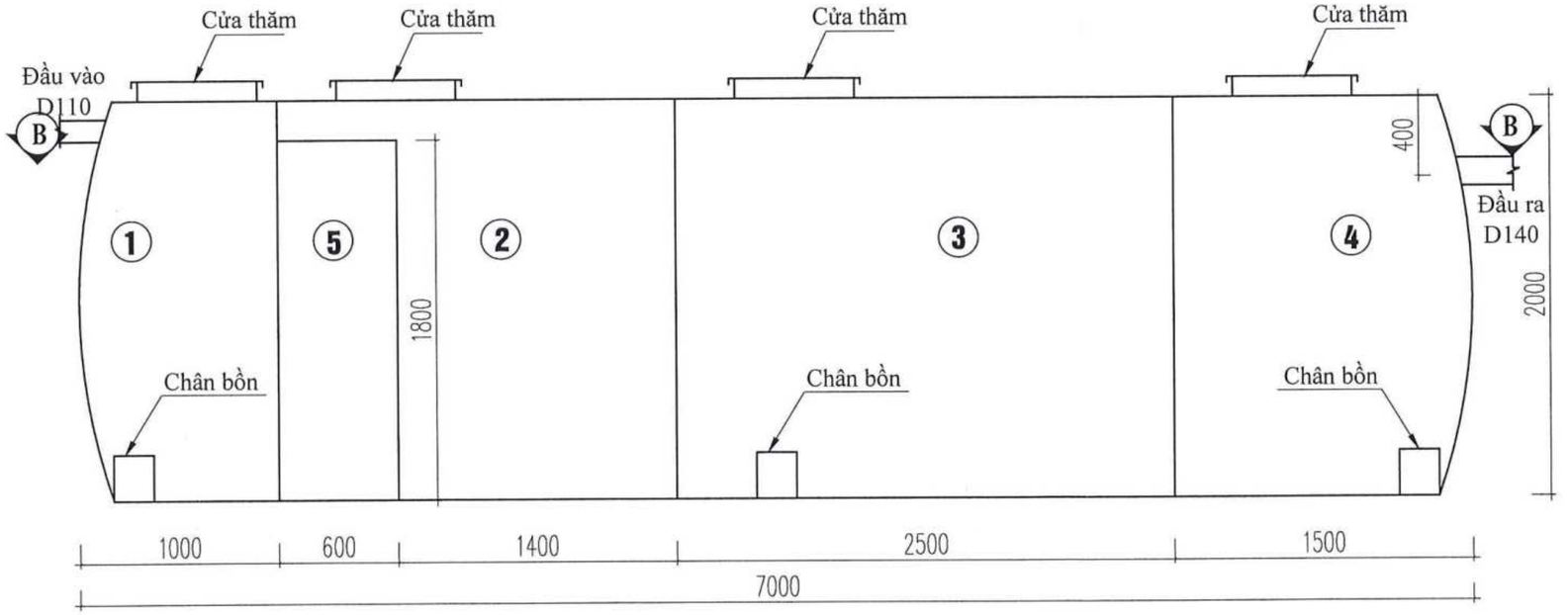
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 01



MẶT BẰNG VỎ BỂ XLNT



MẶT CẮT A-A

1. VỎ BỒN BẰNG VẬT LIỆU COMPOSITE, DÀY 8,0MM, SAI SỐ ± 1,0MM
2. VÁCH NGĂN BẰNG COMPOSITE, DÀY 9,0MM, SAI SỐ ± 1,0MM
3. ĐẦU CHỜ ỐNG VÀO VÀ ỐNG RA CÓ TRÁM COMPOSITE (CPS) CHỐNG THẤM

GHI CHÚ:

(1) NGĂN ĐIỀU HÒA

(2) NGĂN THIẾU KHÍ

(3) NGĂN HIẾU KHÍ

(4) NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG

(5) NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N:0500233... C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L3.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

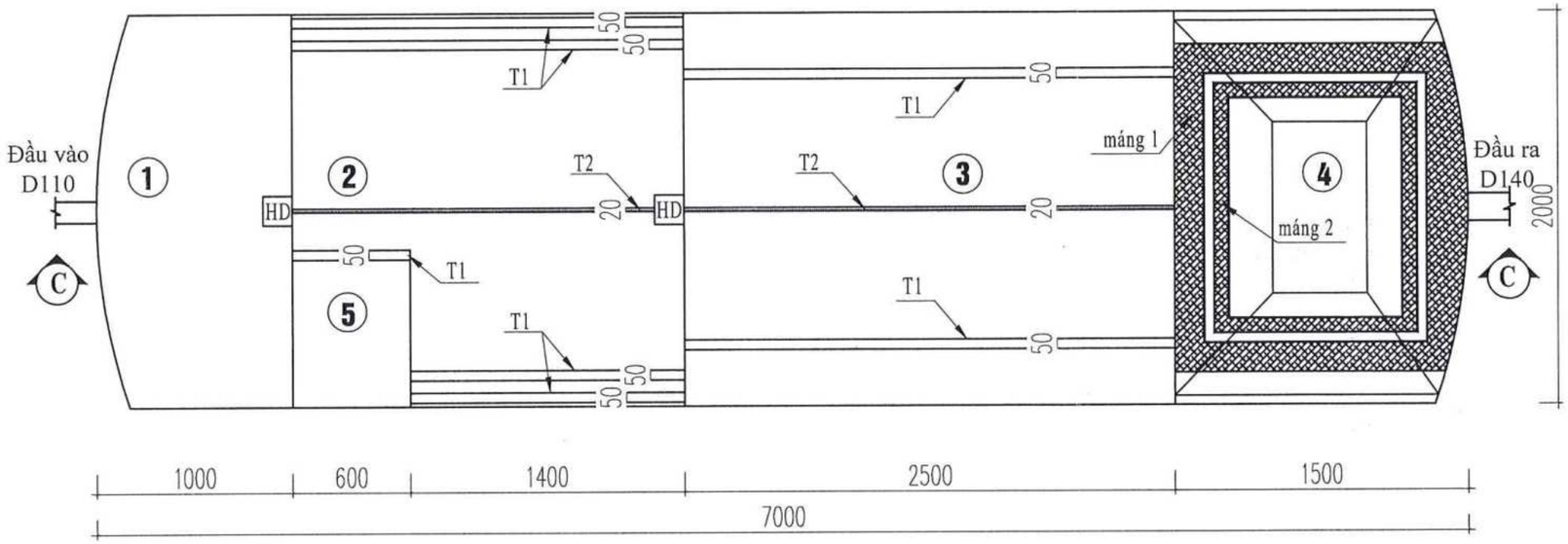
CHI TIẾT VỎ BỂ XLNT - BV1/3

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

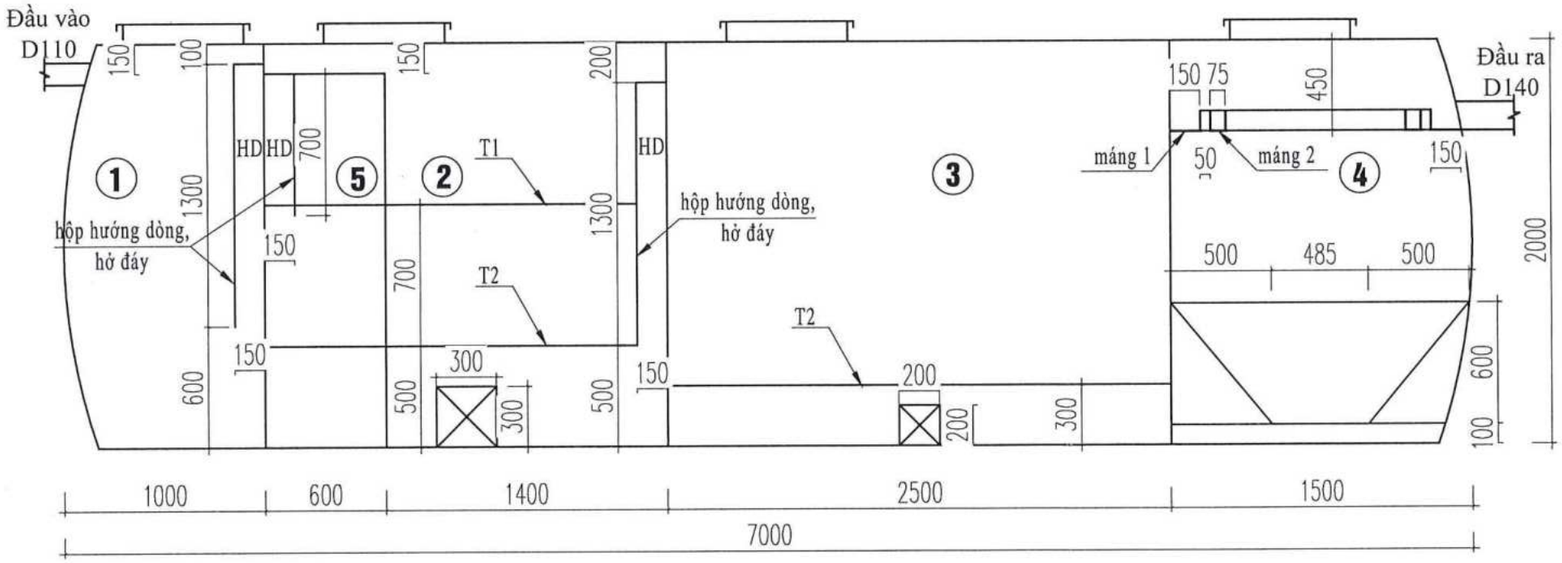
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 02



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

1. VỎ BỒN BẰNG VẬT LIỆU COMPOSITE, DÀY 10,0MM, SAI SỐ ± 1,0MM
2. VÁCH NGĂN BẰNG COMPOSITE, DÀY 9,0MM, SAI SỐ ± 1,0MM
3. ĐẦU CHỜ ỐNG VÀO VÀ ỐNG RA CÓ TRÁM COMPOSITE (CPS) CHỐNG THẤM

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500237920 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY C.T.C.P H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L5.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

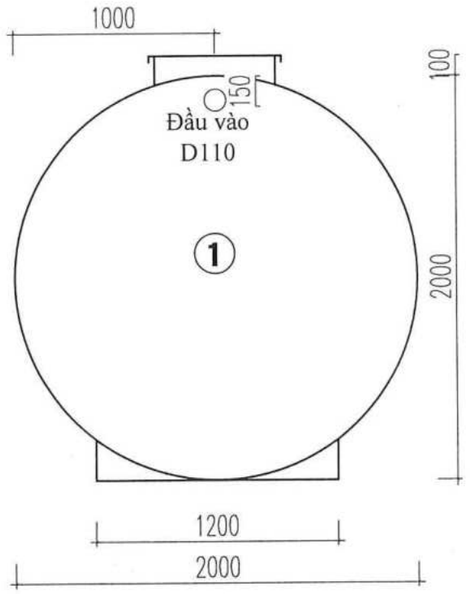
CHI TIẾT VỎ BỂ XLNT - BV 2/3

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

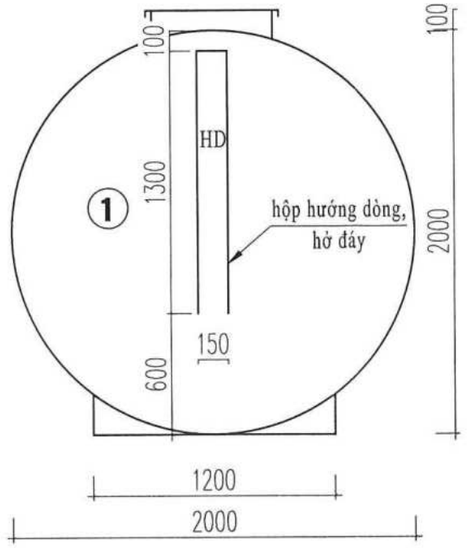
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

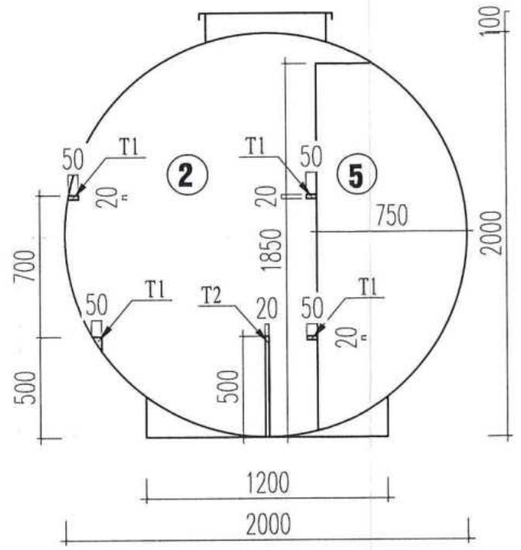
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 03



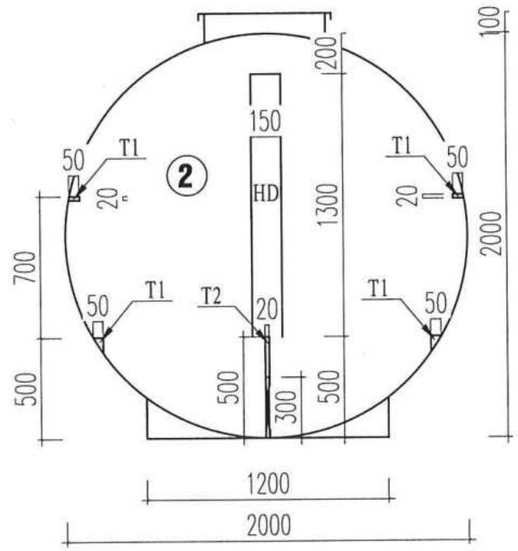
MẶT CẮT 1-1



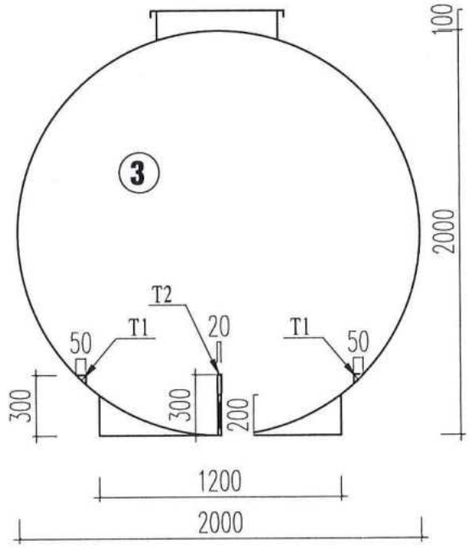
MẶT CẮT 2-2



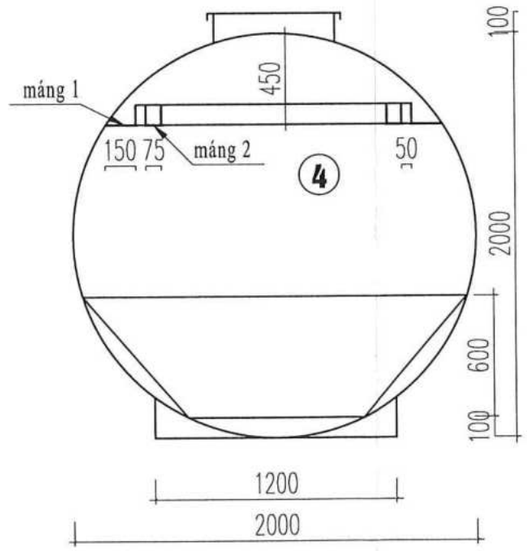
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5



MẶT CẮT 6-6

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500237920 C.T.C.P ★ CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ★ H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:
GREEN EDEN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN
ĐỊA CHỈ: LÔ 18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:
NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

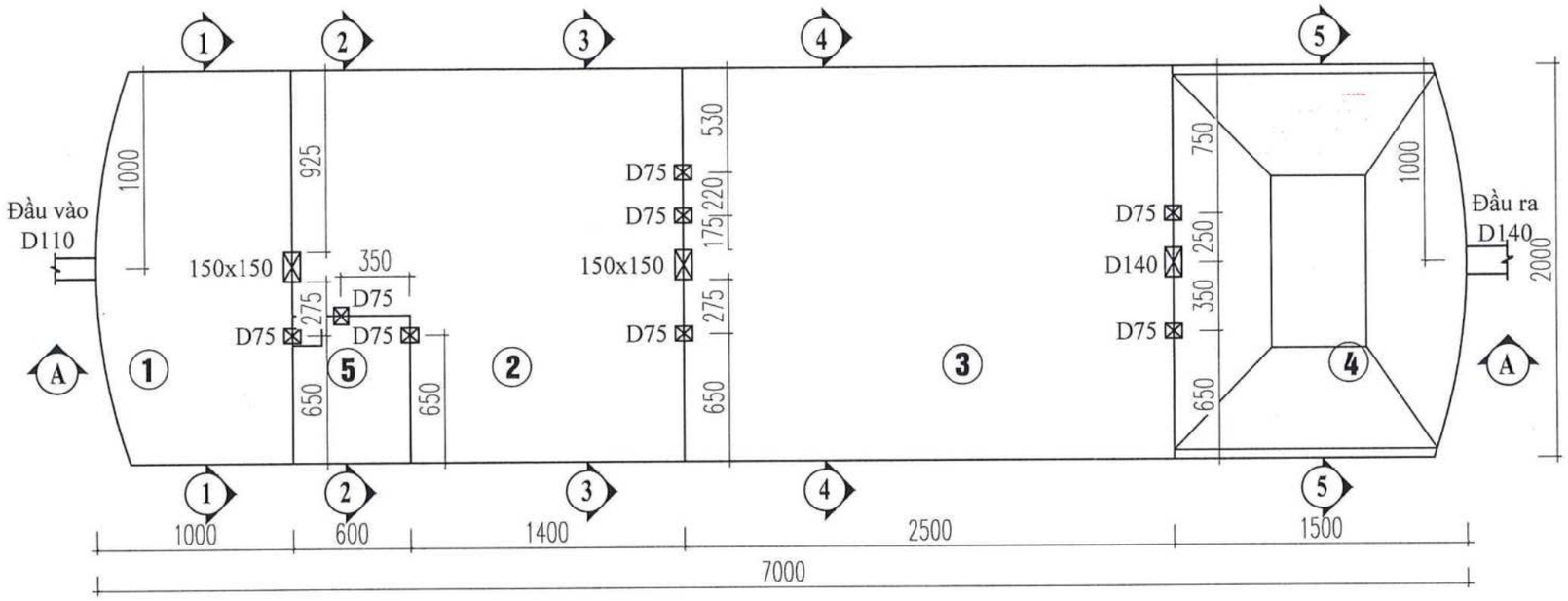
DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

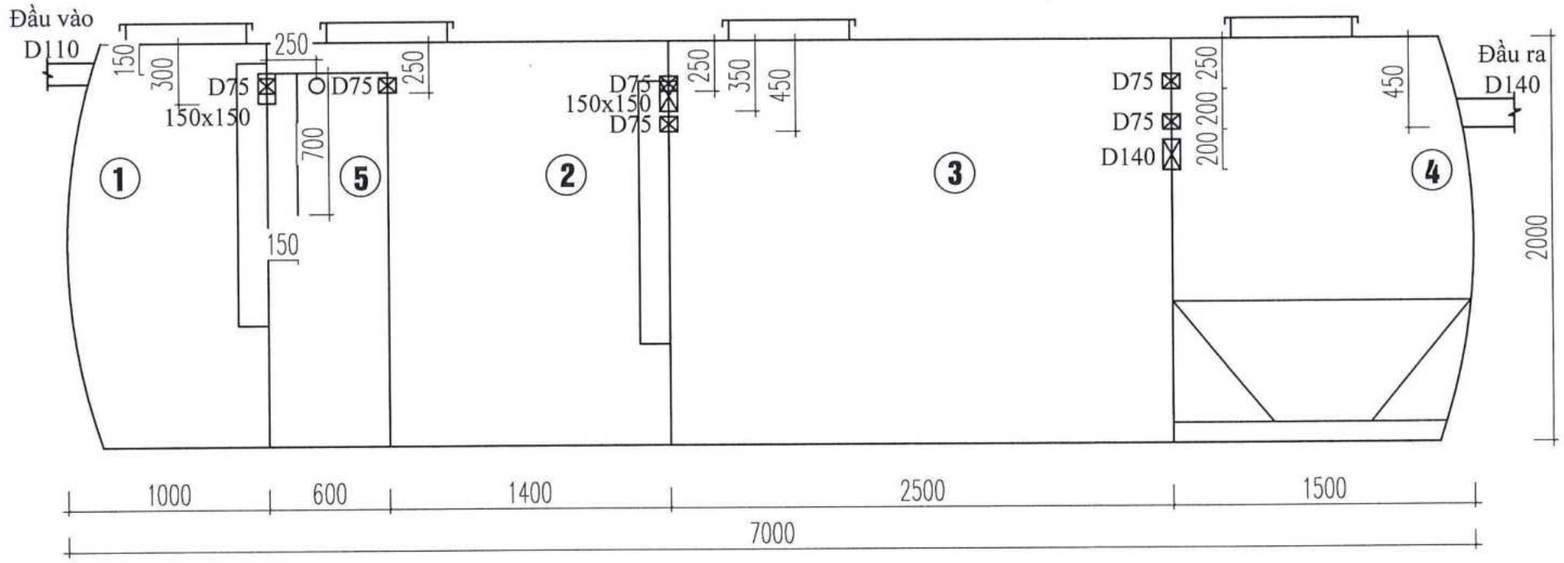
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT VỎ BỂ XLNT - BV 3/3

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....
BẢN VẼ THIẾT KẾ
HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 04



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ BỂ XLNT



MẶT CẮT A-A

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500233... CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L1.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.97

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

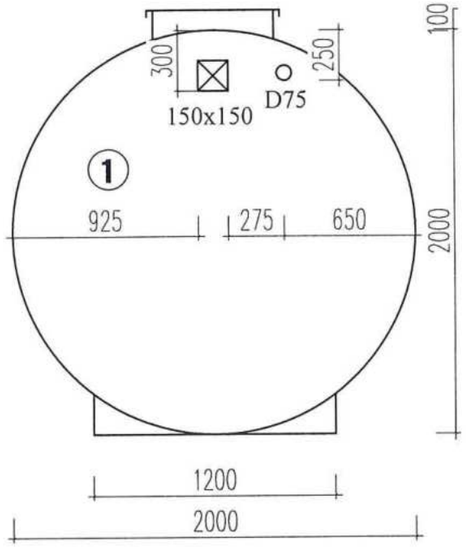
CHI TIẾT ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ BỂ XLNT - BV 1/2

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

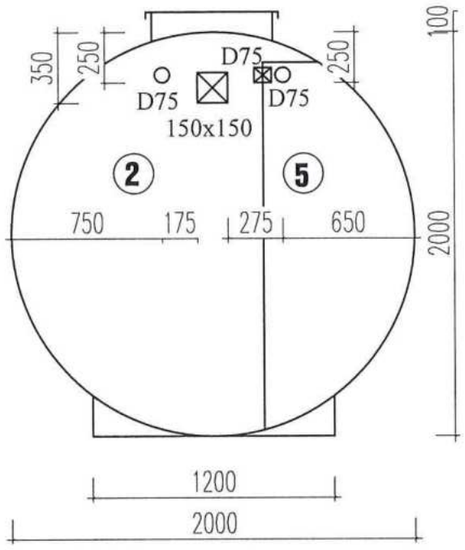
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

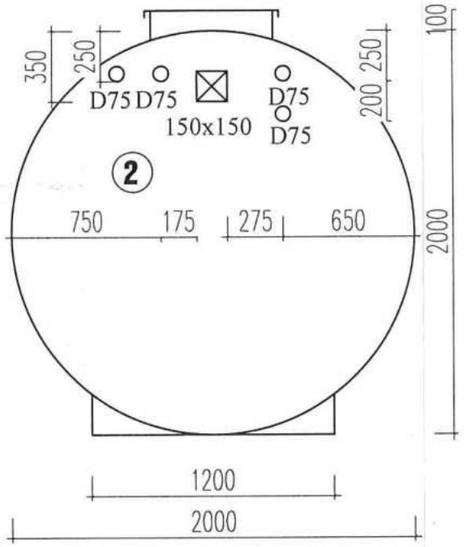
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 05



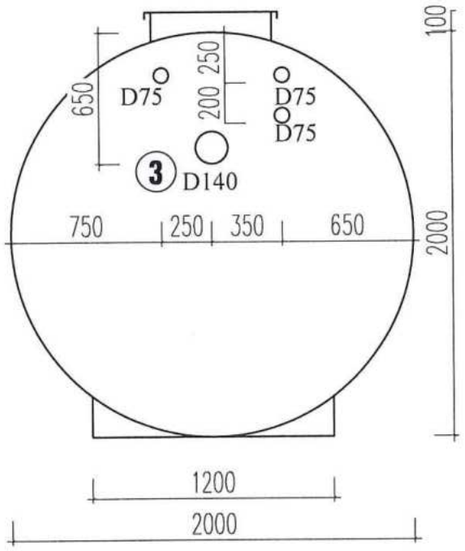
MẶT CẮT 1-1



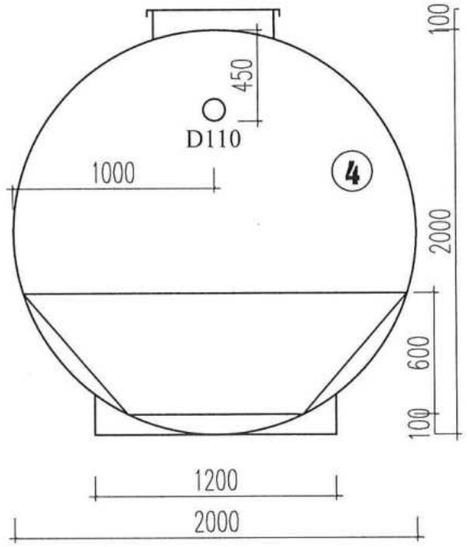
MẶT CẮT 2-2



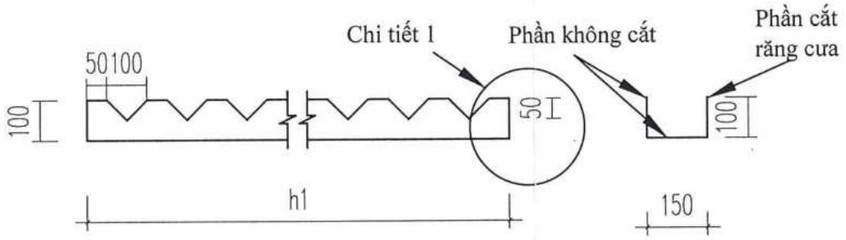
MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4

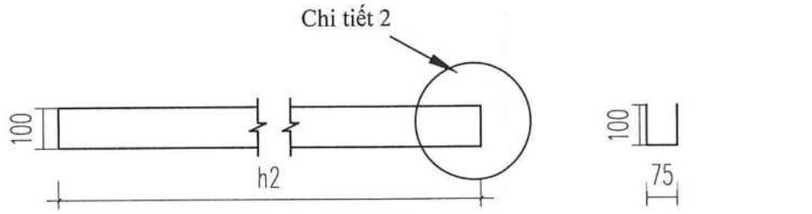


MẶT CẮT 5-5



CHI TIẾT MÁNG 1

CHI TIẾT 1



CHI TIẾT MÁNG 2

CHI TIẾT 2

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500237924 - C.T.C.P - CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY - H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L3.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:
NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

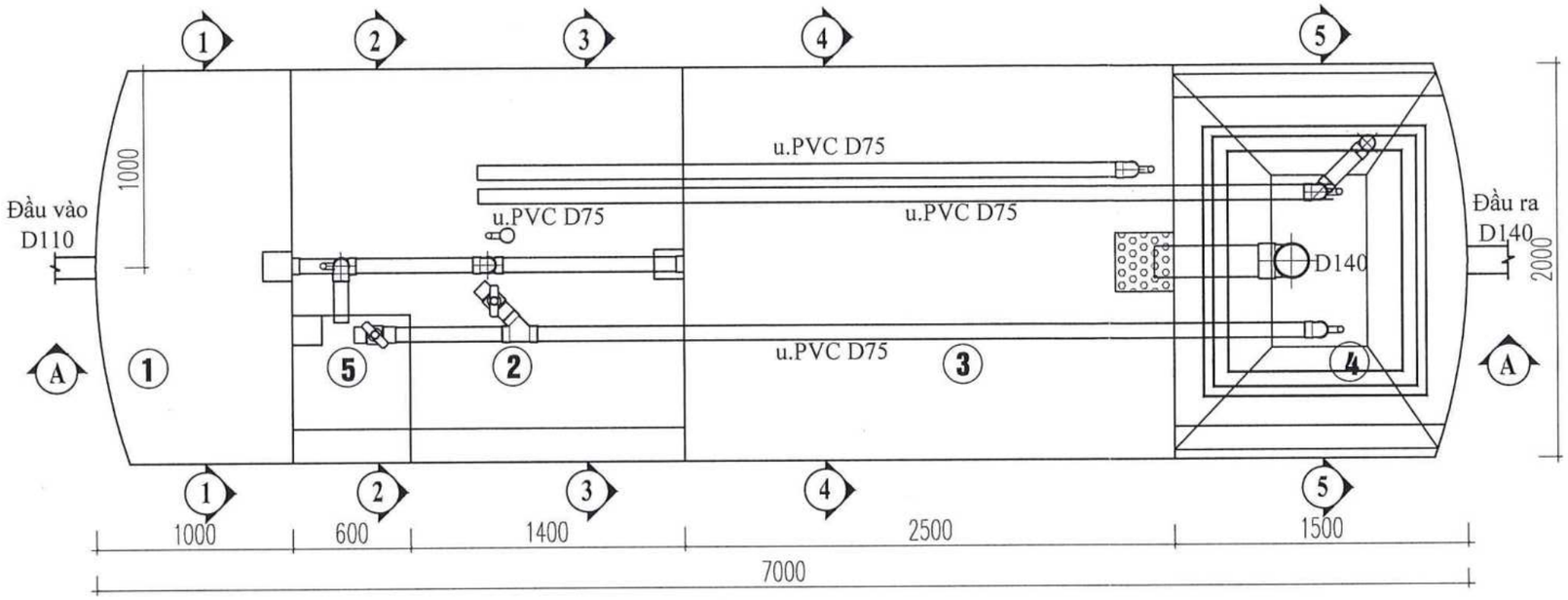
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT ĐỊNH VỊ LỖ CHỜ BỂ XLNT - BV 1/2

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

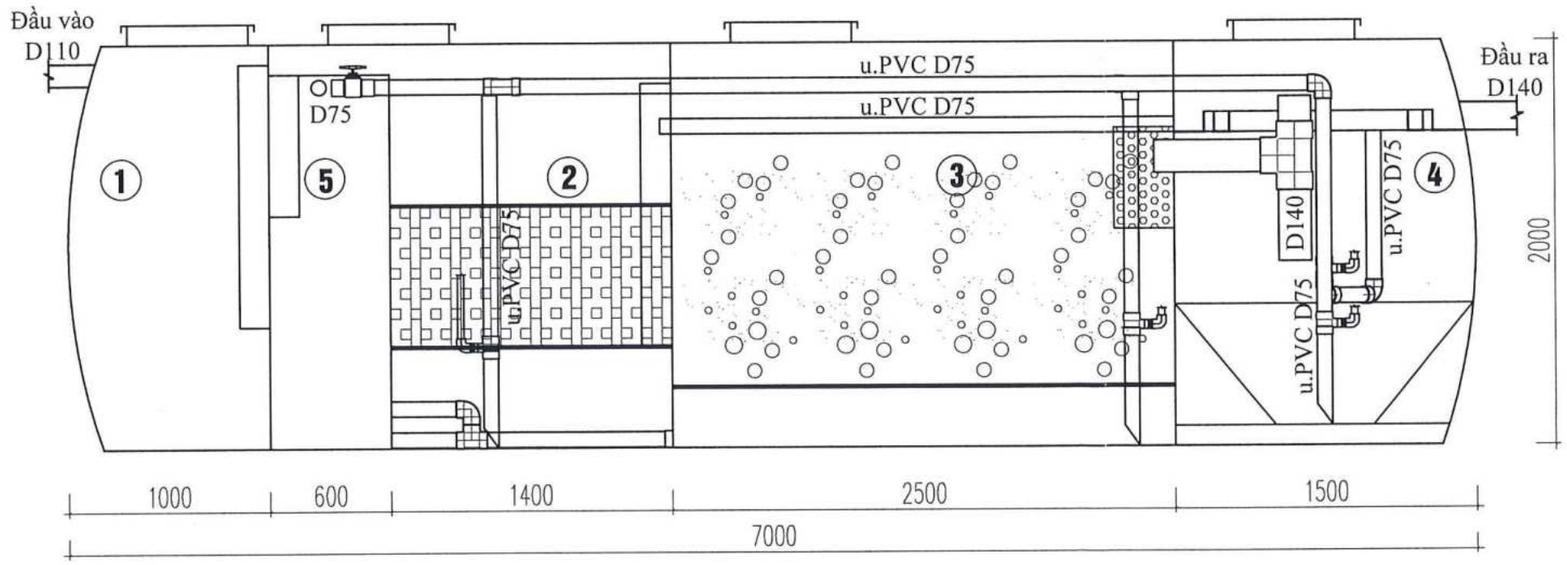
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 06



MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ BỂ XLNT



MẶT CẮT A-A

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500237... CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ★ H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI ★

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: LÔ 18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGẠN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024 629 373 97

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

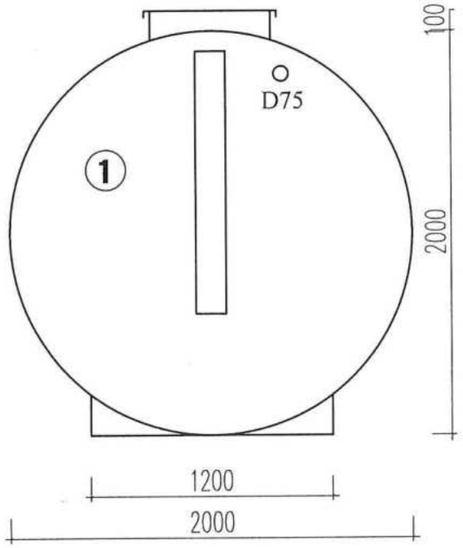
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CÔNG NGHỆ BỂ XLNT - BV 1/4

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

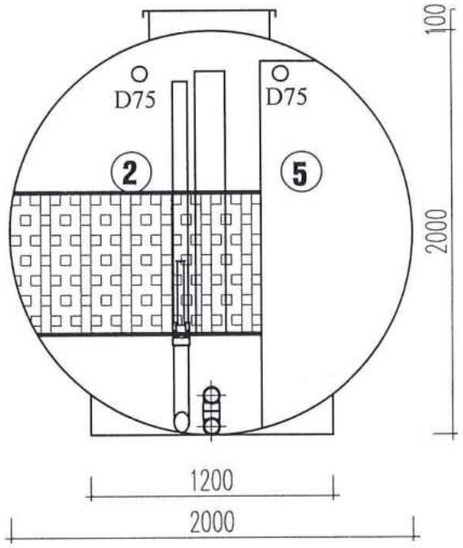
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

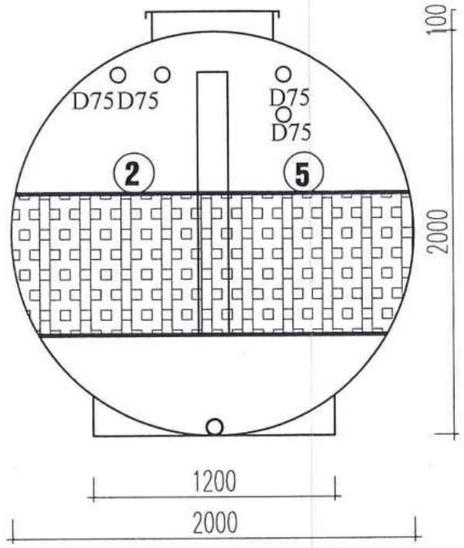
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 07



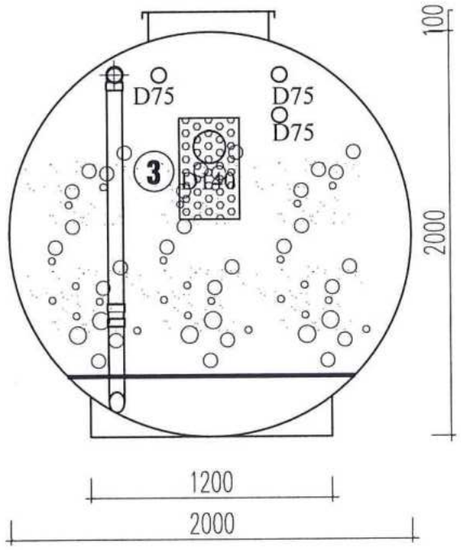
MẶT CẮT 1-1



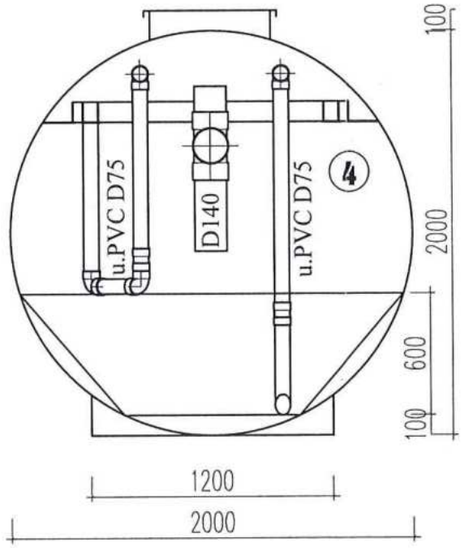
MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500... C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L5.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.97

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

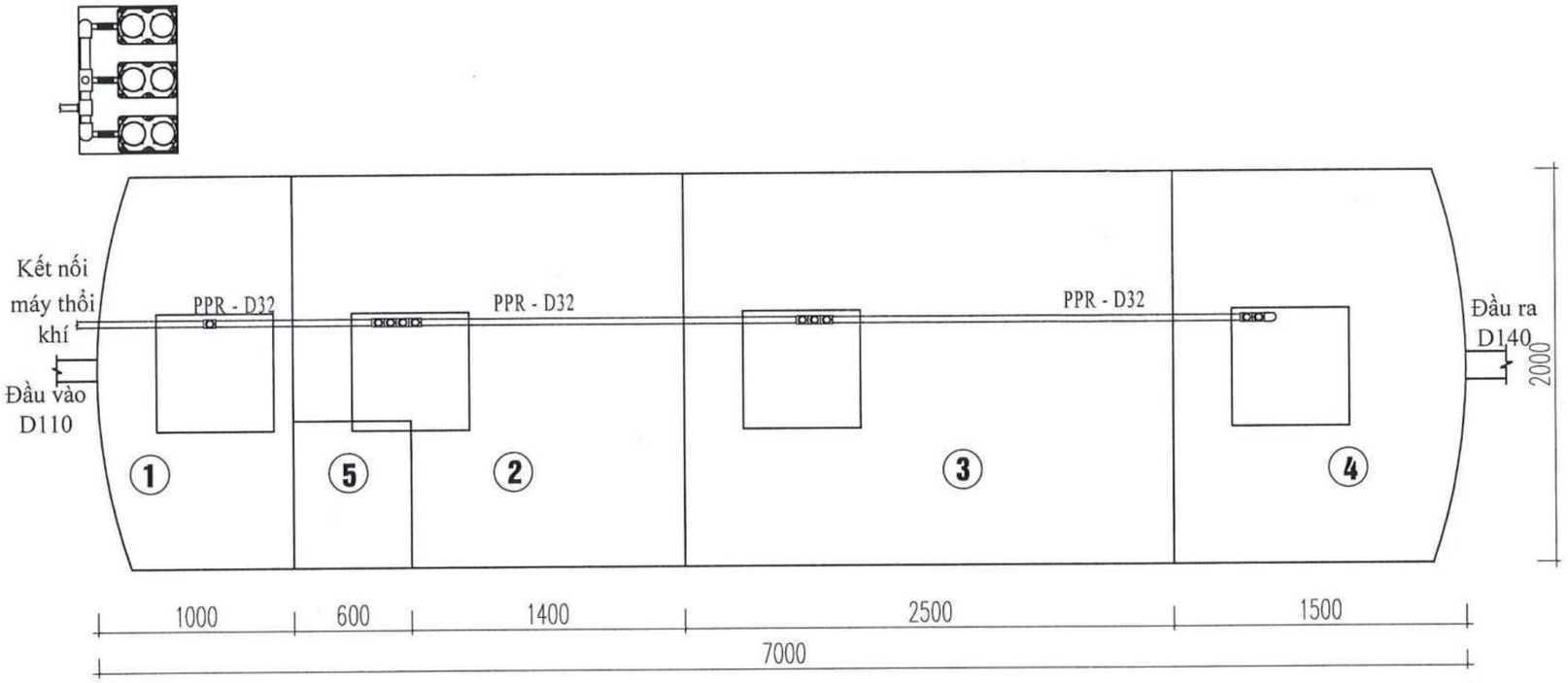
CHI TIẾT CÔNG NGHỆ BỂ XLNT - BV 2/4

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

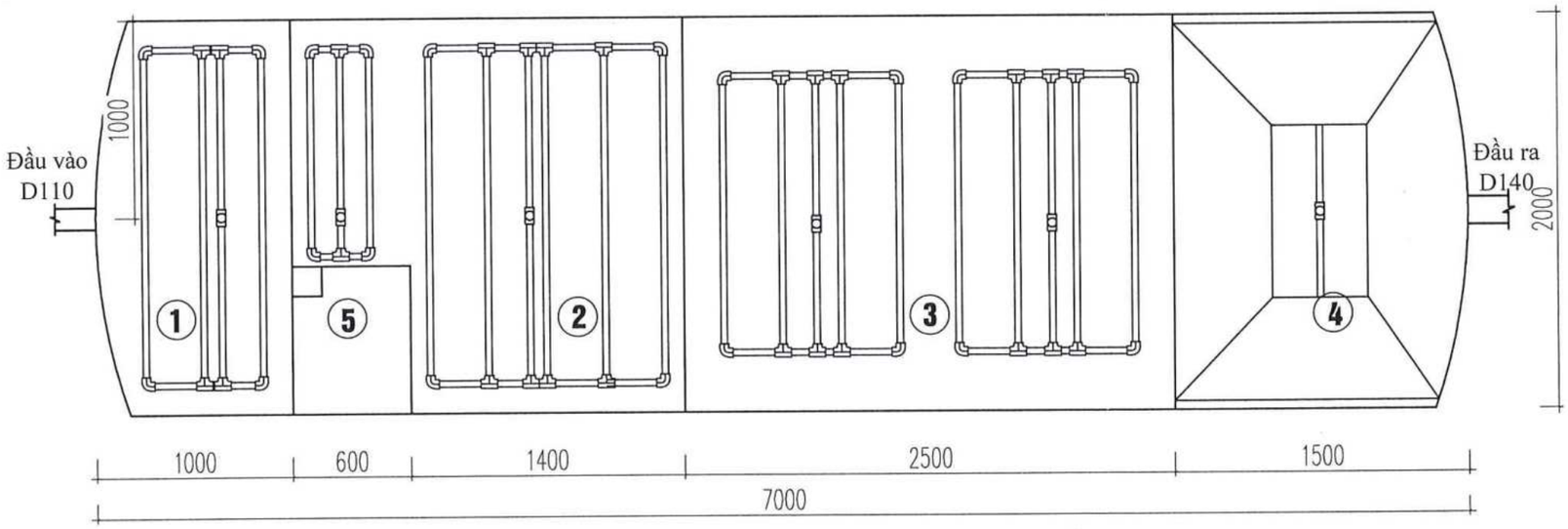
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 08



MẶT BẰNG KHÍ CHÍNH BỂ XLNT



MẶT BẰNG SÀN KHÍ BỂ XLNT

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N: 0500237928 C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY H. ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TK- TC:
GREEN EDEN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN
ĐỊA CHỈ: L3. 18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:
NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

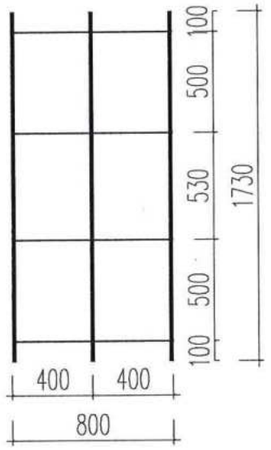
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CÔNG NGHỆ BỂ XLNT - BV 3/4

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

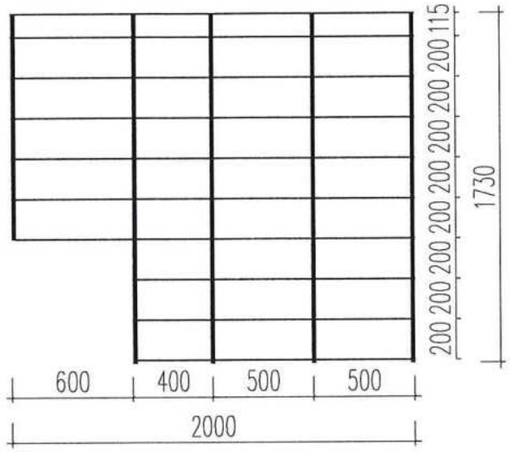
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

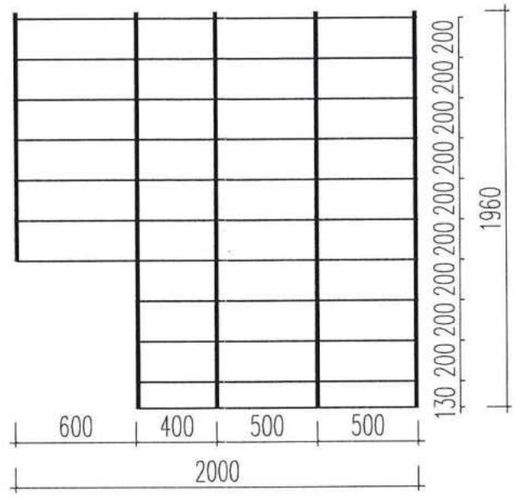
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 09



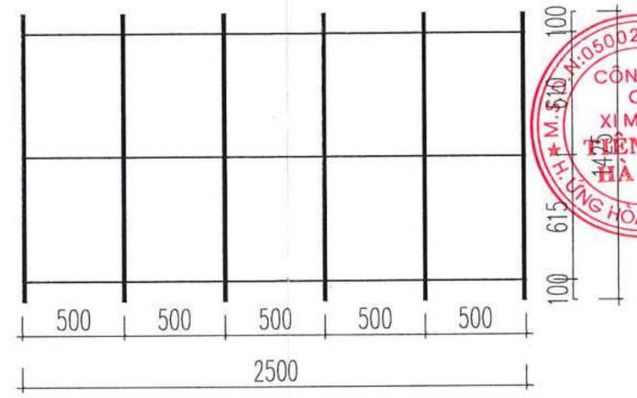
CHI TIẾT SÀN INOX NGĂN 1



CHI TIẾT SÀN INOX DƯỚI NGĂN 2



CHI TIẾT SÀN INOX TRÊN NGĂN 2

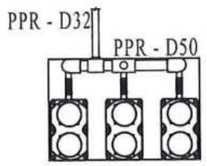


CHI TIẾT SÀN INOX NGĂN 3

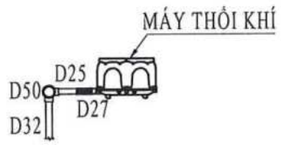
KÍ HIỆU:

: Hộp inox304 cỡ 20*40

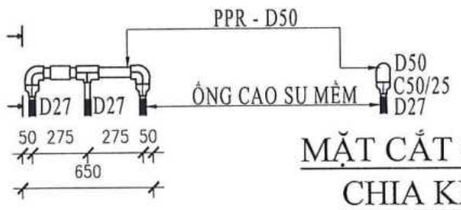
: Hộp inox304 cỡ 20*20



MẶT BẰNG LẮP MÁY THỔI KHÍ

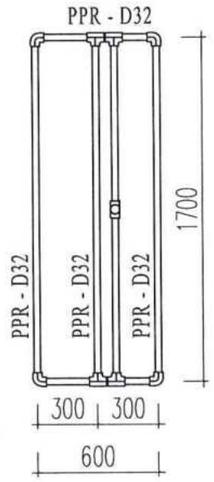


MẶT CẮT

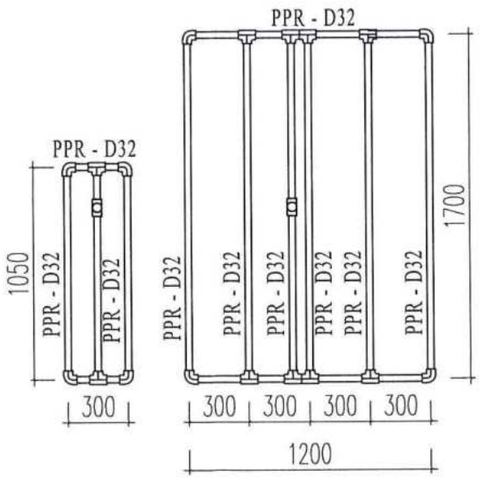


MẶT CẮT ỐNG CHIA KHÍ

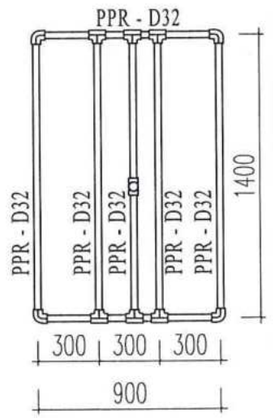
CHI TIẾT ỐNG KẾT NỐI MÁY



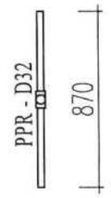
CHI TIẾT PHÊN KHÍ NGĂN 1



CHI TIẾT PHÊN KHÍ NGĂN 2



CHI TIẾT PHÊN KHÍ NGĂN 3



CHI TIẾT PHÊN KHÍ NGĂN 4

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: L4.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.87

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ

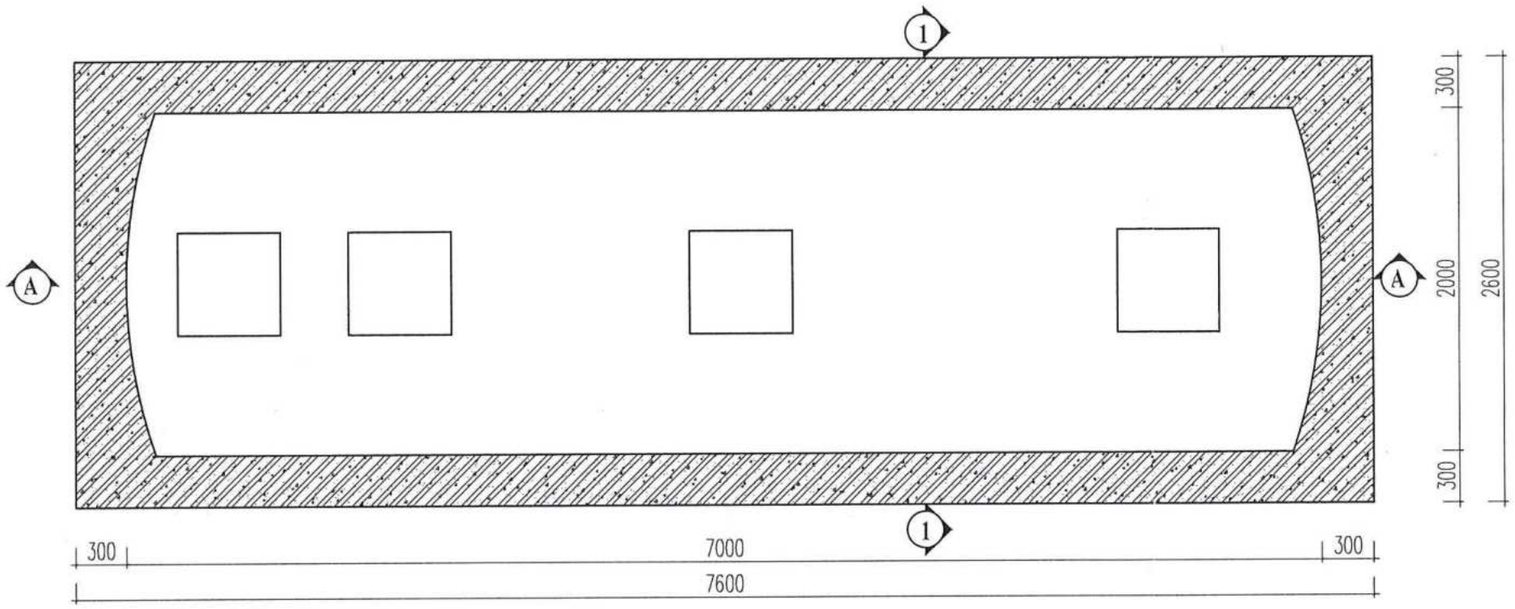
CHI TIẾT CÔNG NGHỆ BỂ XLNT - BV 4/4

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

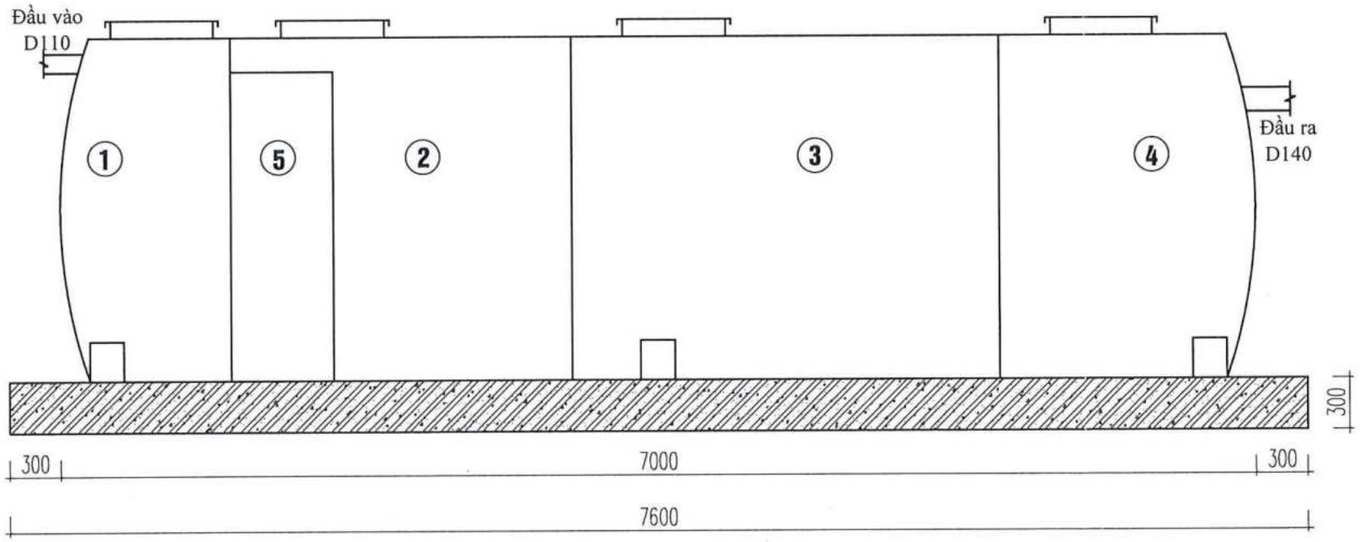
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 10



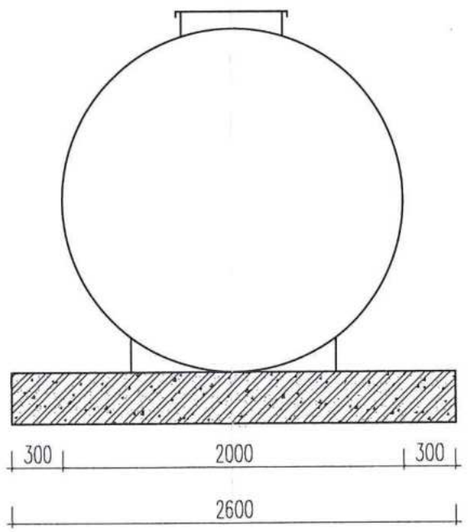
MẶT BẰNG BỆ ĐỠ BỂ XLNT

GHI CHÚ:

1. NGĂN ĐIỀU HÒA
2. NGĂN THIẾU KHÍ
3. NGĂN HIẾU KHÍ
4. NGĂN LẮNG & KHỬ TRÙNG
5. NGĂN CHỨA BÙN



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT 1-1

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

M.S.D.N: 0500237... CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

ĐƠN VỊ TK- TC:
GREEN EDEN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN
ĐỊA CHỈ: L5.18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.371.97

TỔNG GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:
NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

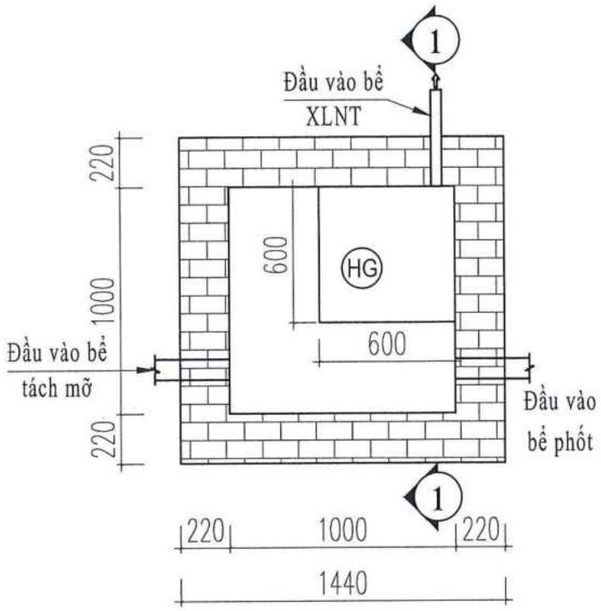
TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT BỆ ĐỠ BỂ XLNT

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

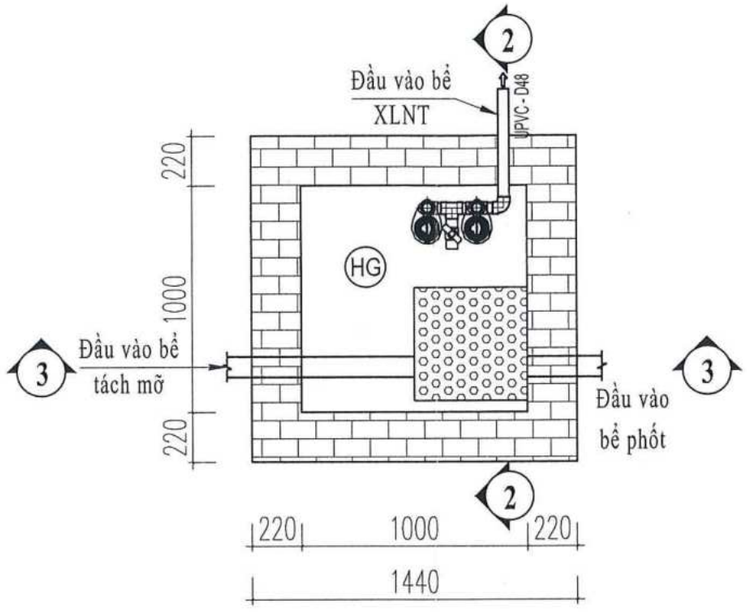
BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 11



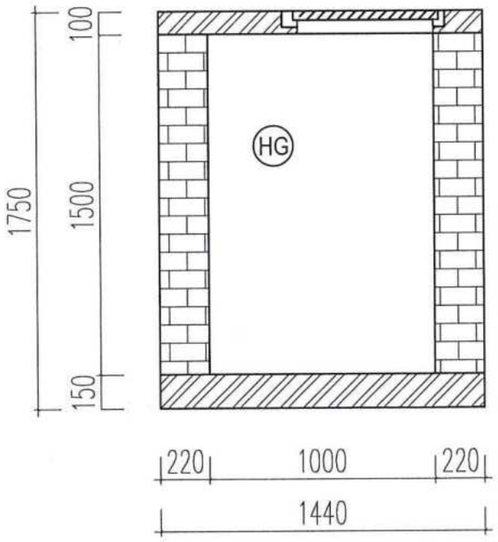
MẶT BẰNG VỎ HỐ GOM



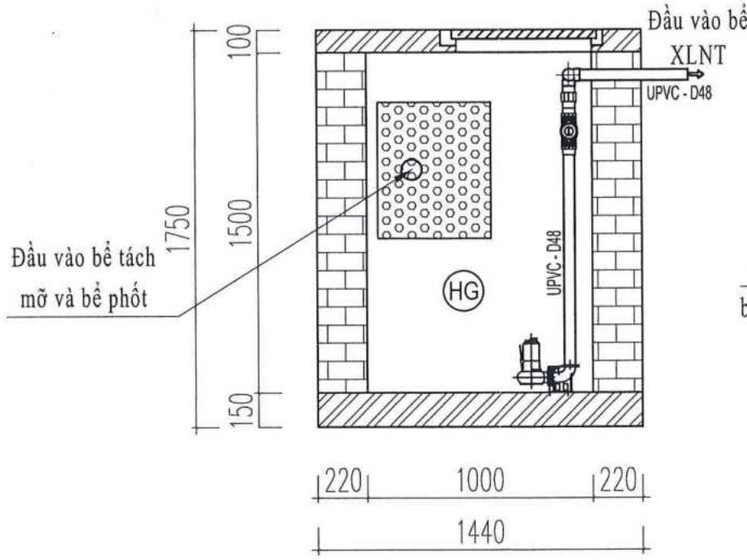
MẶT BẰNG CHI TIẾT HỐ GOM

Ghi chú: CĐT thực hiện

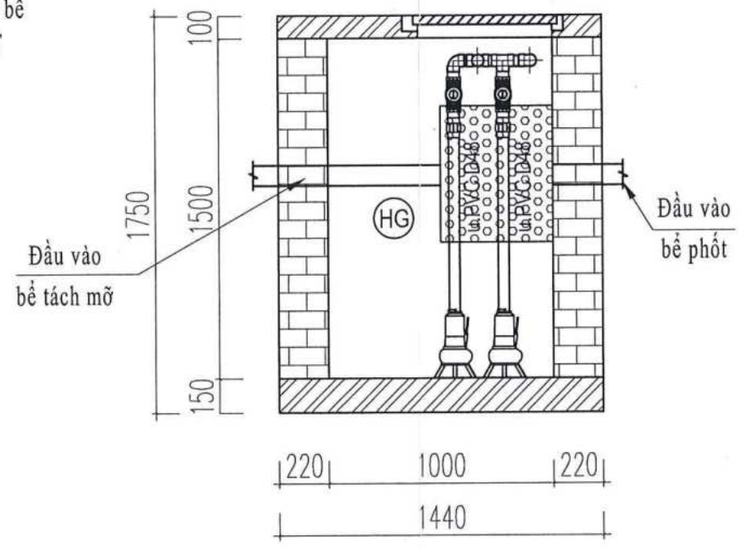
- Xây dựng vỏ hố gom
- Kết nối nước thải bể phốt, nhà ăn đến bể gom
- Bệ đỡ bể XLNT



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

HIỆU CHỈNH			
LẦN SỬA	NGÀY SỬA	NỘI DUNG SỬA	NGƯỜI SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

M.S.D.N:0500237823 C.T.C.P CÔNG TY CP XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY ★H.ỨNG HÒA - T.P HÀ NỘI★

ĐƠN VỊ TK- TC:

GREEN EDEN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ GREEN EDEN

ĐỊA CHỈ: LÔ 18 KHU NHÀ Ở LIÊN KẾ HẢI NGÂN, THÔN NỘI, X. THANH LIỆT, H. THANH TRÌ, TP. HÀ NỘI
Tel: 024.629.373.07

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VIỆT HƯNG

CHỦ TRÌ TK & KIỂM:

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THIẾT KẾ:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG

DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐC: THÔN HỮU VĨNH, XÃ HỒNG QUANG, HUYỆN ỨNG HÒA, TP HÀ NỘI

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỐ GOM BỂ XLNT

MÃ SỐ DỰ ÁN: .....

BẢN VẼ THIẾT KẾ

HOÀN THÀNH: /2025

TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
	XLNT - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

SỐ 235 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - PHƯỜNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP.HÀ NỘI

Tel.(024) 22207100 - Website: ccbms.vn - Email:ccbms.vn@gmail.com

Hà nội - 8.2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà nội, ngày.20 tháng .8. năm 2020...

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

Nguyễn Văn Trai

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD

ĐÃ THẨM TRA

Kèm theo báo cáo thẩm tra

Ngày 29 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CP TƯ VẤN BTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày ..... tháng ..... năm 20 .....

Quản lý kỹ thuật: Nguyễn Anh Thư

Chủ trì thiết kế: Nguyễn Thị Kim Anh

Kiểm: Nguyễn Đình Văn

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 6 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

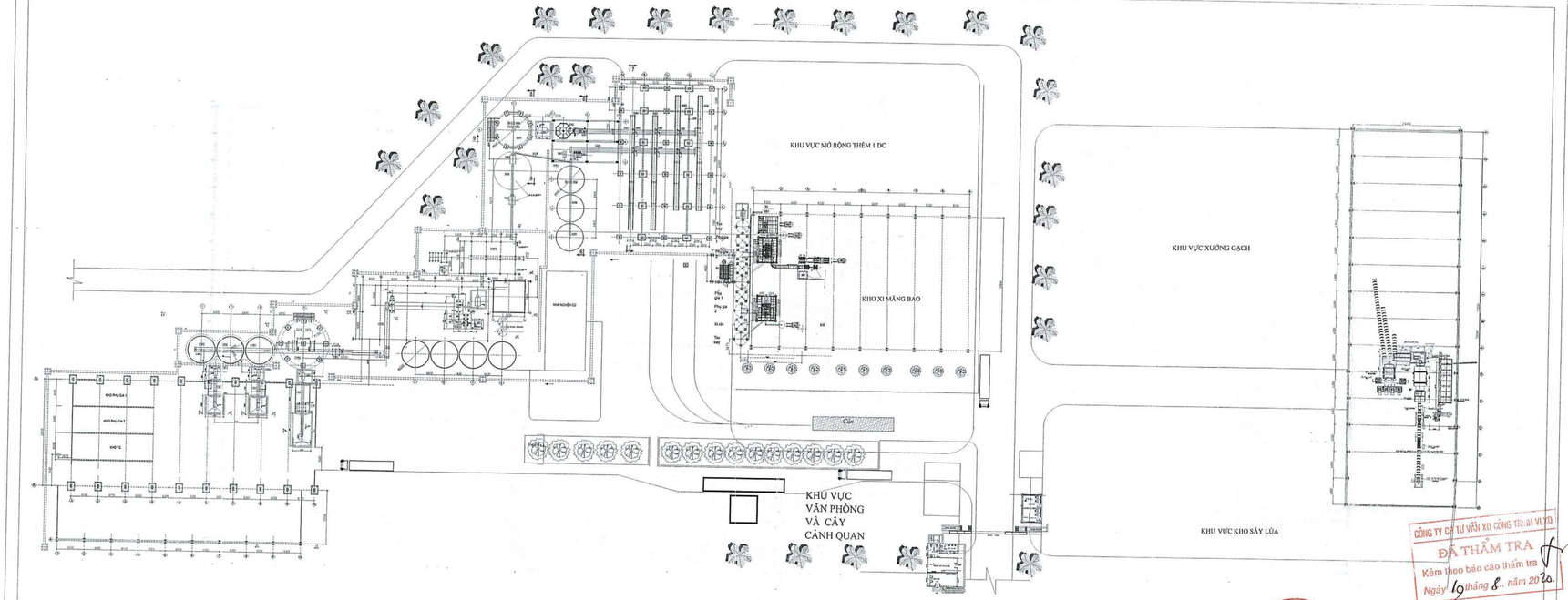
XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LIỆT KÊ BẢN VẼ

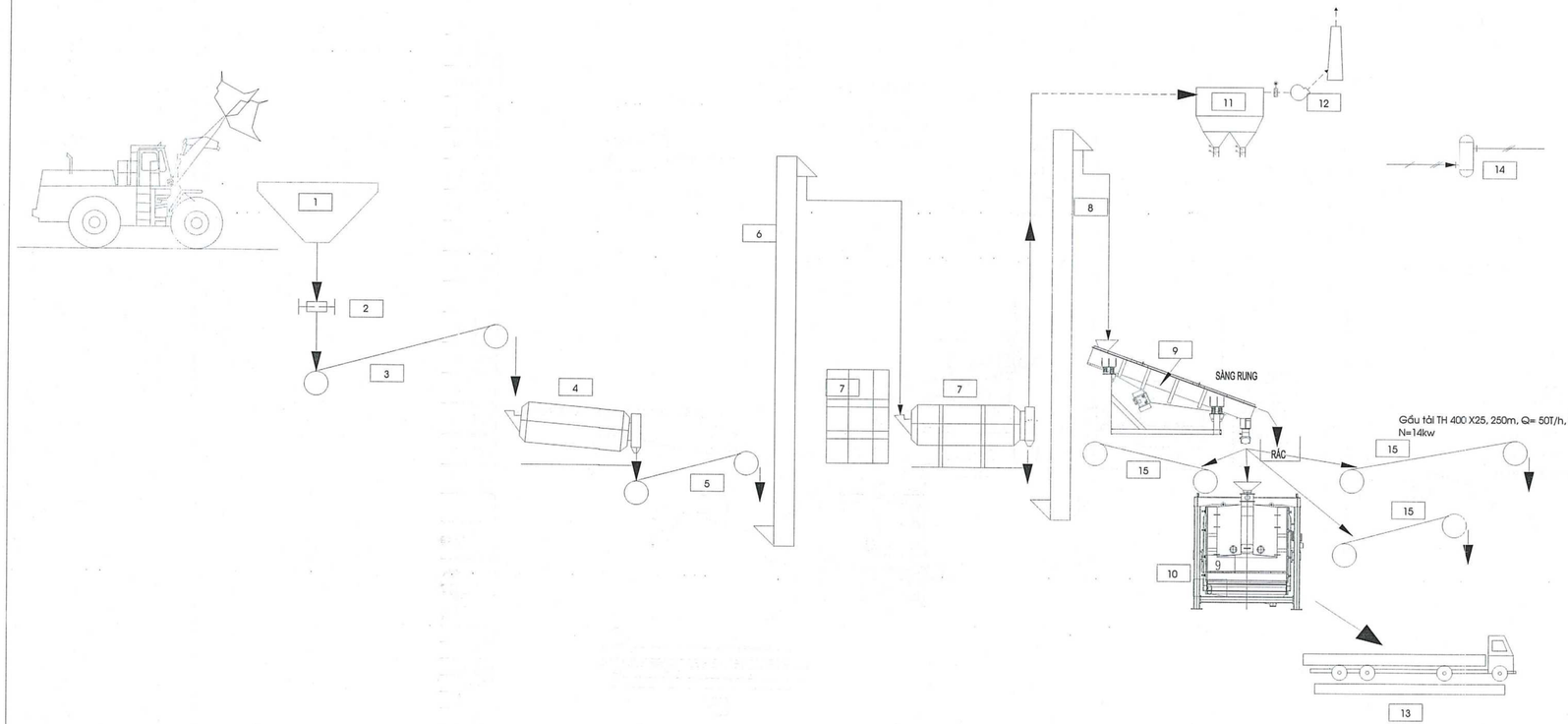
STT	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ PHẦN CÔNG NGHỆ		
01	68-16-TMB-01/01	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
02	68-16-CN- 01/05	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000
03	68-16-CN-02/05	MẶT CẮT A - A
04	68-16-CN-03/05	MẶT CẮT B - B
05	68-16-CN-04/05	MẶT CẮT C - C
06	68-16-CN-05/05	MẶT CẮT D - D

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 6. tháng 8. năm 2026



CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

		TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
				CÔNG ĐOẠN NGHIỀN XI MĂNG VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU	
QUẢN LÝ	NGUYỄN ANH THƯ			MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000	
QUẢN LÝ	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CHỦ ĐẦU TƯ	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH		Q.Đ: TKBVTC	8 - 2020	68-16-TMB-01/01
KIỂM TRA	NGUYỄN ĐÌNH LÂN		TỶ LỆ:	KTBV / AB	



15	15	Băng phân loại sản phẩm	03			
14	14	Máy nén khí +bình tích a	01			
13	13	Cân ô tô	01			
12	12	Quạt lọc bụi Q=.....m3/h, P=..... Pa, n=55kw_	04			
11	11	Lọc bui túi PPCS 98-8	01			
10	10	Sàng xoay vuông Q=.....T/h N= ...kw	01			
09	9	Sàng rung Q= .....T/h , N= ....kw	09			
08	8	Gầu tải TGD 400 X12.6, 12.6m, Q= 50T/h, ĐếN 80 T/h N=14kw	09			
07	7	Máy sấy quay KT 2520x2224x 3037mm, N=5,5 Kw	01			
06	6	Gầu tải TGD 400 X7.6, 7.6m, Q= 50T/h, ĐếN 80 T/h N=7.5kw	09			
05	5	Băng tải cao su vận chuyển liệu B650x5.15 m Q=80T/h, N= 4,5 Kw	01			
04	4	Sàng quay	01			
03	3	Băng tải cao su vận chuyển liệu B650x.... m Q=60T/h, N= 4,5 Kw	01			
02	2	van tay	01			
01	1	Phễu chưa liệu	01			

Chuẩn bị liệu

STT	Ký hiệu	Liệt kê thiết bị và đặc tính kỹ thuật	Số lg	Đvị	Tổng khối lượng (kg)	Ghi chú

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

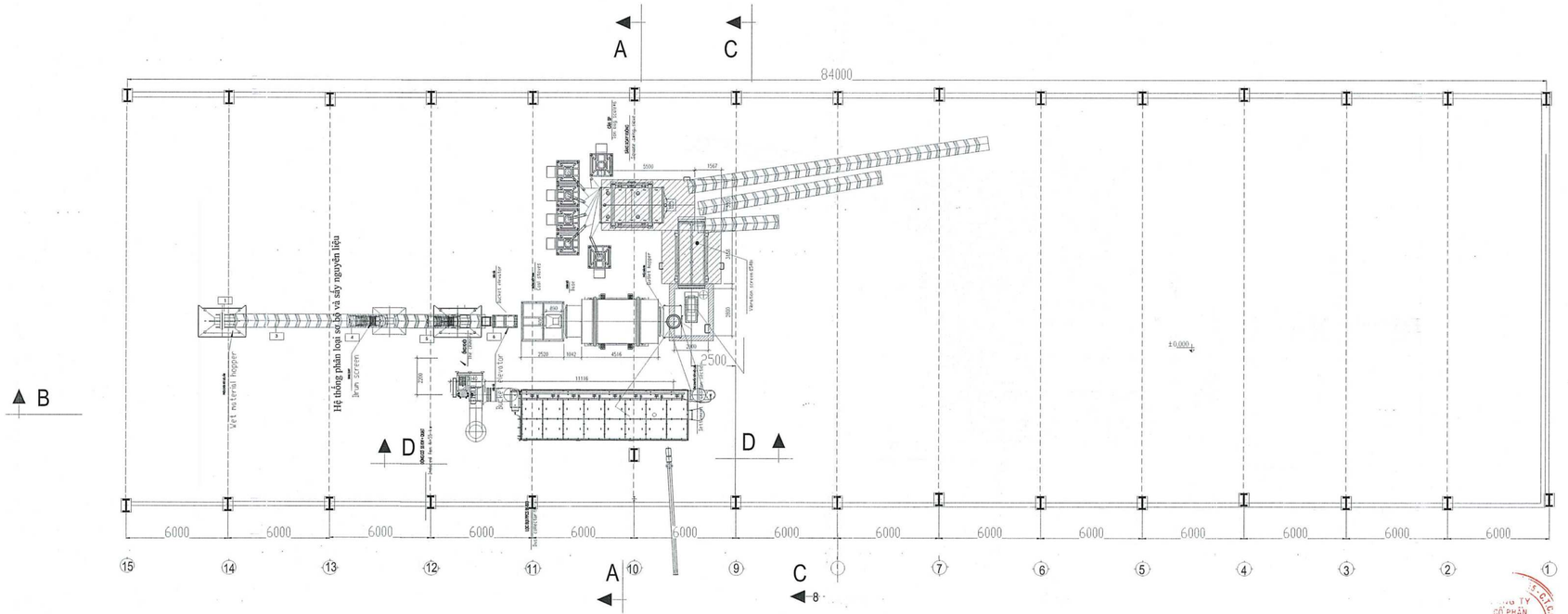
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

G.Đ : TKCS | 8 - 2020 | TL : | KTBV : A3

68-16-SĐCN-01 /01

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG THIỆT VI XD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 10 tháng 8 năm 2020

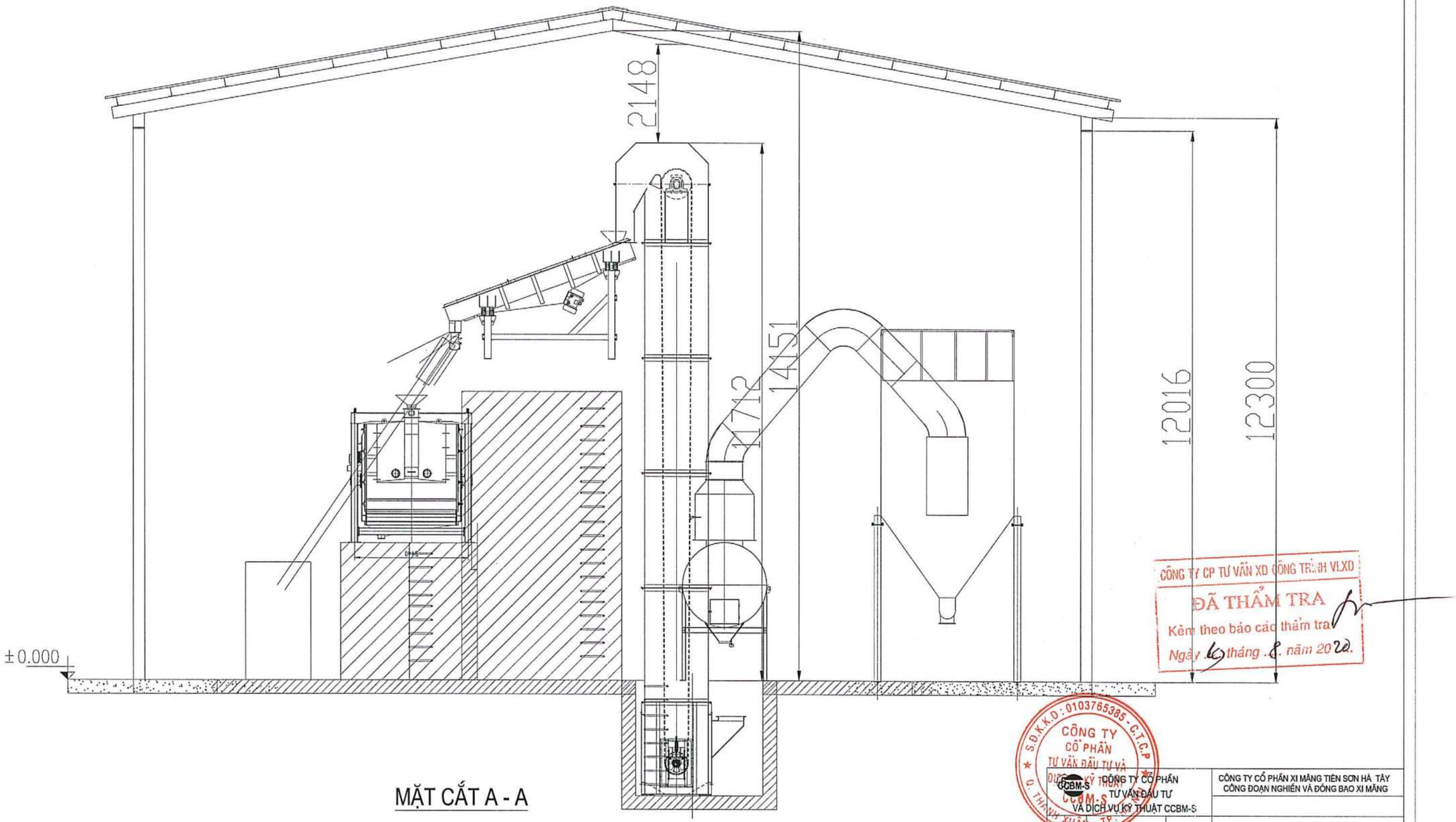


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU	
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000	
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CHỦ NHIỆM	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ: TKCS 5 - 2020	68-16-CN-01/05
KIỂM TRA	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL: KTBV: A3	

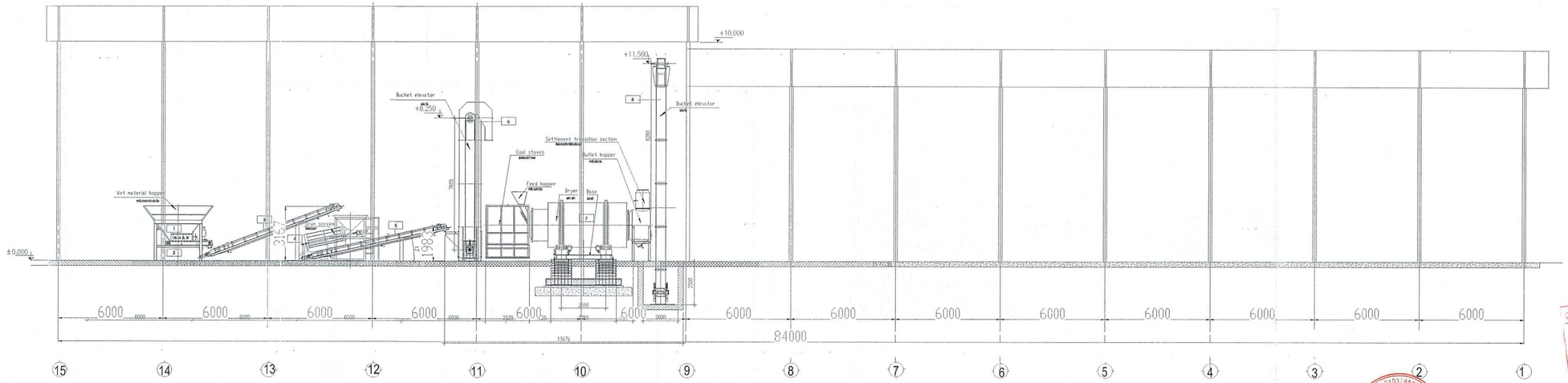


MẶT CẮT A - A

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 6 tháng 8 năm 2020.

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN - TP.

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	MẶT CẮT , A - A	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ : TKCS 8 - 2020	68-16-CN-02/05
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	TL : KTBV : A3	

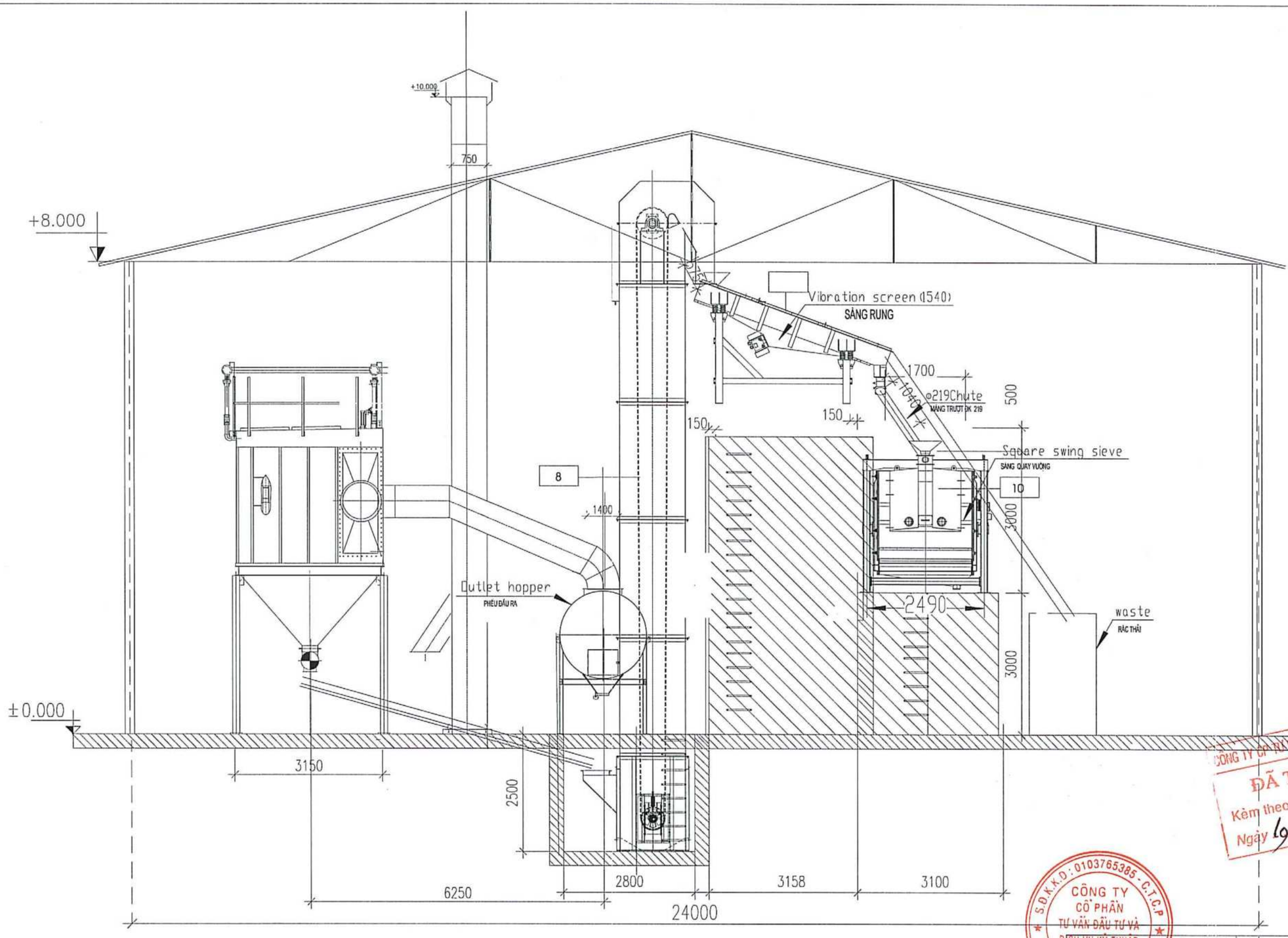


MẶT CẮT B - B

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			PHÂN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU	
QUẢN	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT B - B	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CHỦA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : THG5 9 - 2020	68-16-CN-03/05
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL: KTBV : A3	



A2

MẶT CẮT C - C

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

Thiết kế	Nguyễn Anh Thư
Chủ trì	Hoàng Hoàng Linh
Kiểm tra	Nguyễn Tuấn Anh
Duyệt	Nguyễn Tuấn Anh
Vẽ	Nguyễn Đình Văn

MẶT CẮT C - C

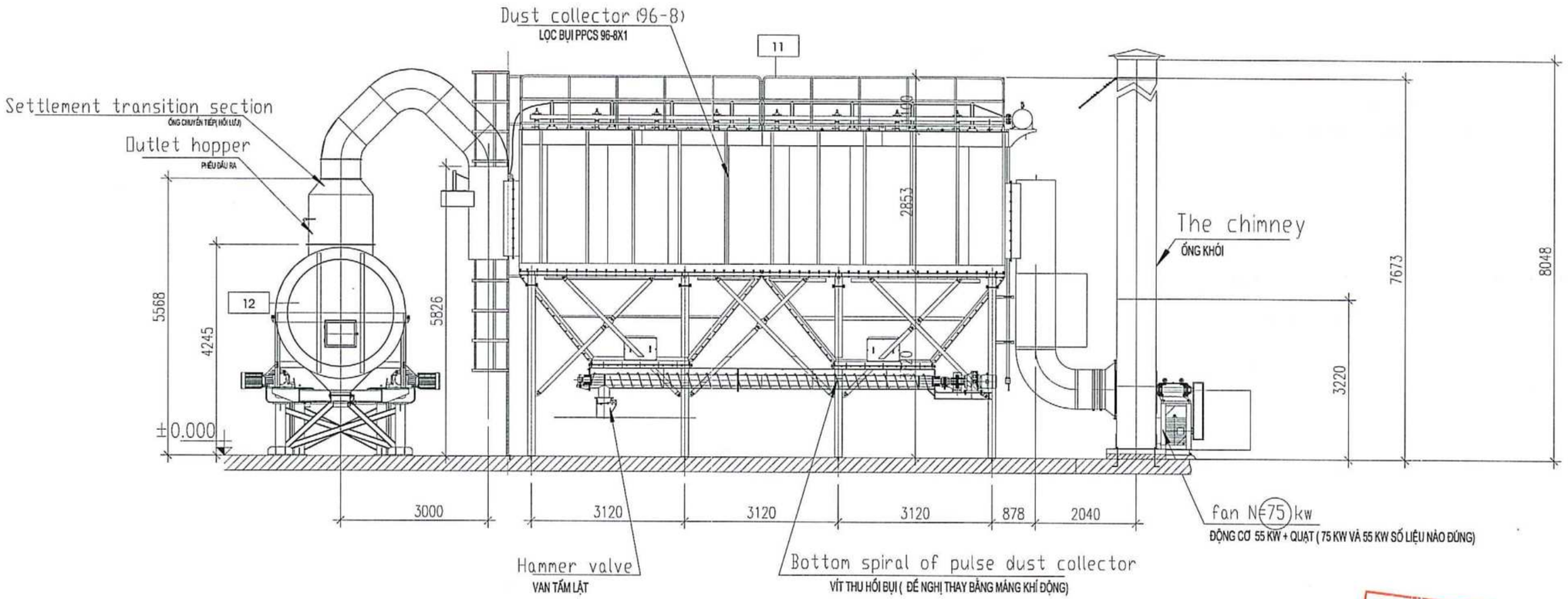
G.Đ : TKCS | 8 - 2020
TL : | KTBV : A3

68-16-CN-04/05

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 20

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
GIÁM ĐỐC
PHÒNG KIỂM SOÁT



MẶT CẮT D - D

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 9 tháng 9 năm 2020

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN - T.P. HÀ NỘI

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			PHẦN LOẠI SƠ BỘ VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU	
GĐTT	DƯƠNG HOÀNG LINH		MẶT CẮT D - D	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKCS	8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL :	KTBV : A3
			68-16-CN-05/05	

20/08/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

HẠNG MỤC

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

SỐ 235 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - PHƯỜNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP.HÀ NỘI

Tel.(024) 22207100 - Website: ccbms.vn - Email:ccbms.vn@gmail.com

Hà nội - 8.2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

HẠNG MỤC

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà nội, ngày 18 tháng 8 năm 2020

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Trai

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

HẠNG MỤC

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quản lý kỹ thuật: Nguyễn Anh Thư

Chủ trì thiết kế: Nguyễn Thị Kim Anh

Kiểm: Nguyễn Đình Văn

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

HẠNG MỤC

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

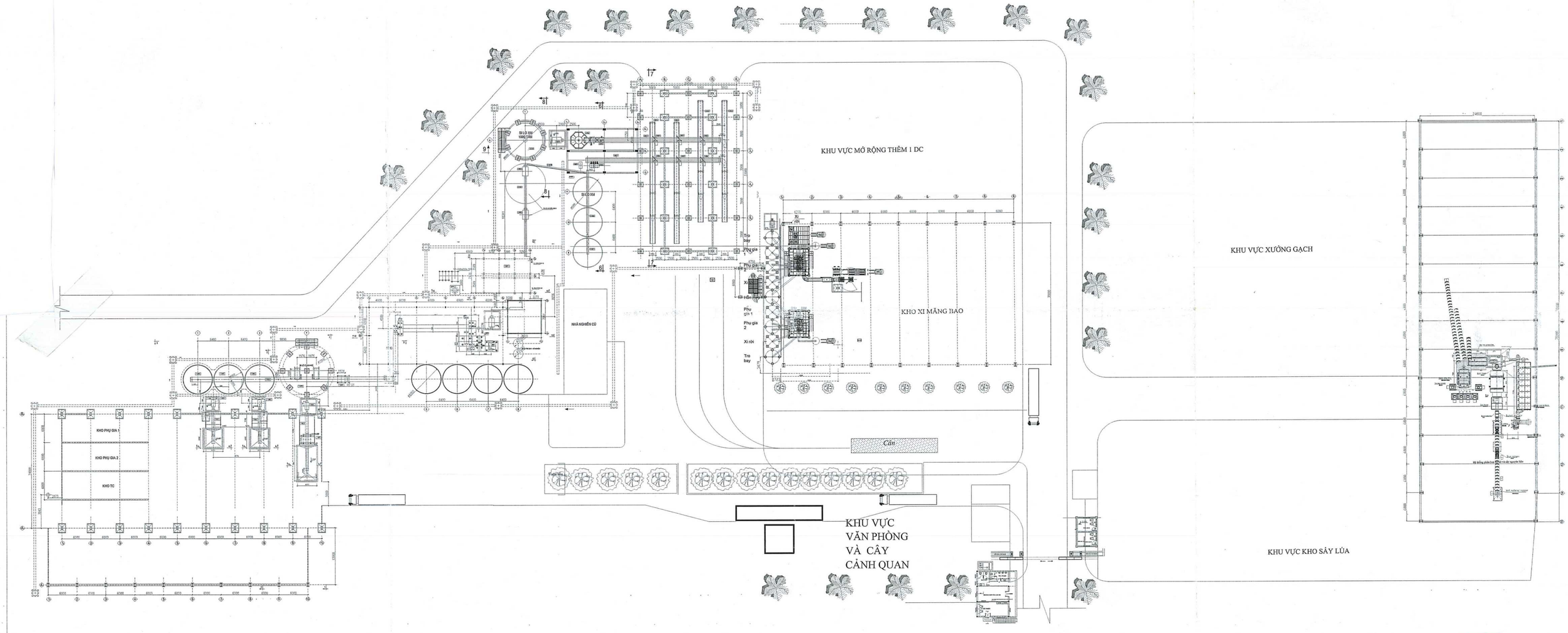
DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

LIỆT KÊ BẢN VẼ

STT	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ PHẦN CÔNG NGHỆ		
01	68-16-TMB-01/01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000
02	68-16-MBBT-01/01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
03	68-16-CN-01/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ , KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU
04	68-16-CN-02/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT± 16.300, MẶT CẮT 1-1
05	68-16-CN-03/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ ĐẶT LỌC BỤI CỐT± 16.300, MẶT CẮT 2-2
06	68-16-CN-04/18	MẶT CẮT 3-3
07	68-16-CN-05/18	MẶT CẮT 4_A - 4_A , MẶT CẮT 4_B - 4_B
08	68-16-CN-06/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000 VÀ MẶT BẰNG SÀN CỐT +11.500
09	68-16-CN-07/18	MẶT BẰNG BU LÔNG MÓNG MÁY NGHIỀN VÀ QUẠT LỌC BỤI PPCS96-2X8
10	68-16-CN-08/18	MẶT CẮT 10-10, MẶT CẮT 11-11
11	68-16-CN-09/18	MẶT BẰNG SÀN 11.500, MẶT BẰNG SÀN +4.500, MẶT CẮT 15-15
12	68-16-CN-10/18	MẶT CẮT 4_C - 4_C
13	68-16-CN-11/18	MẶT CẮT 12-12
14	68-16-CN-12/18	MẶT CẮT 13-13
15	68-16-CN-13/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT± 0.000
16	68-16-CN-14/18	MẶT CẮT 5 - 5, MẶT CẮT 14 -14
17	68-16-CN-15/18	MẶT CẮT 6-6, MẶT CẮT 7-7, MẶT CẮT 8-8
18	68-16-CN-16/18	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000 VÀ CỐT +4.300, MẶT CẮT 9-9
19	68-16-CN-17/18	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG SÀN CÁC CỐT
20	68-16-CN-18/18	MẶT BẰNG KHOÉT SÀN CÁC CỐT



CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 10 tháng 8 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

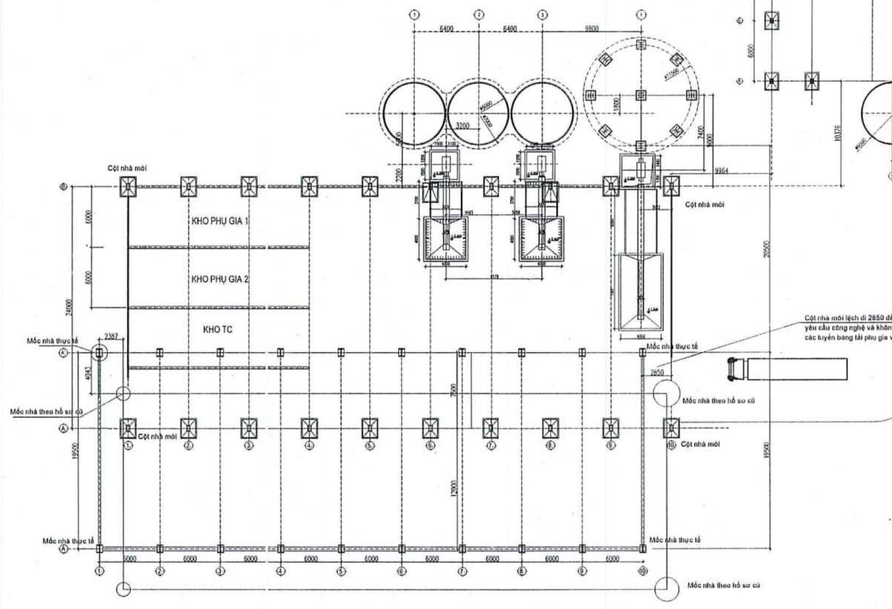
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN XI MĂNG VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU

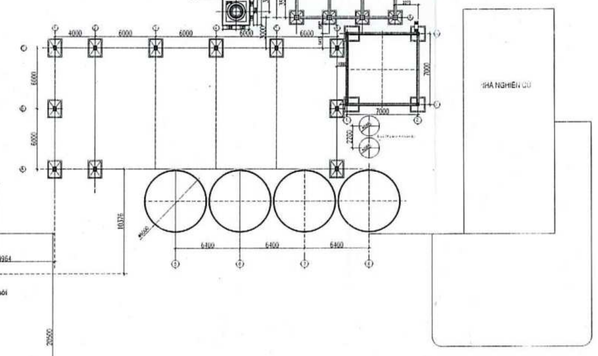
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐTT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	

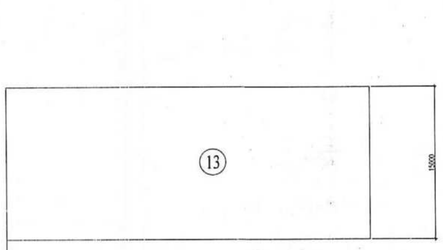
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000

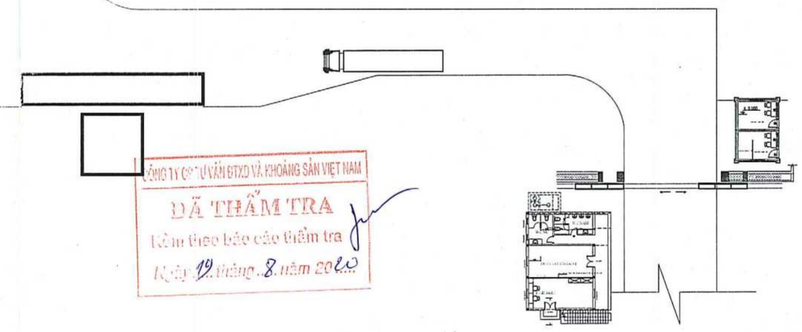
G.Đ : TKBVTC | 8 - 2020
TL : | KTBV : A2

68-16-TMB-01/01









CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN BTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo bảo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

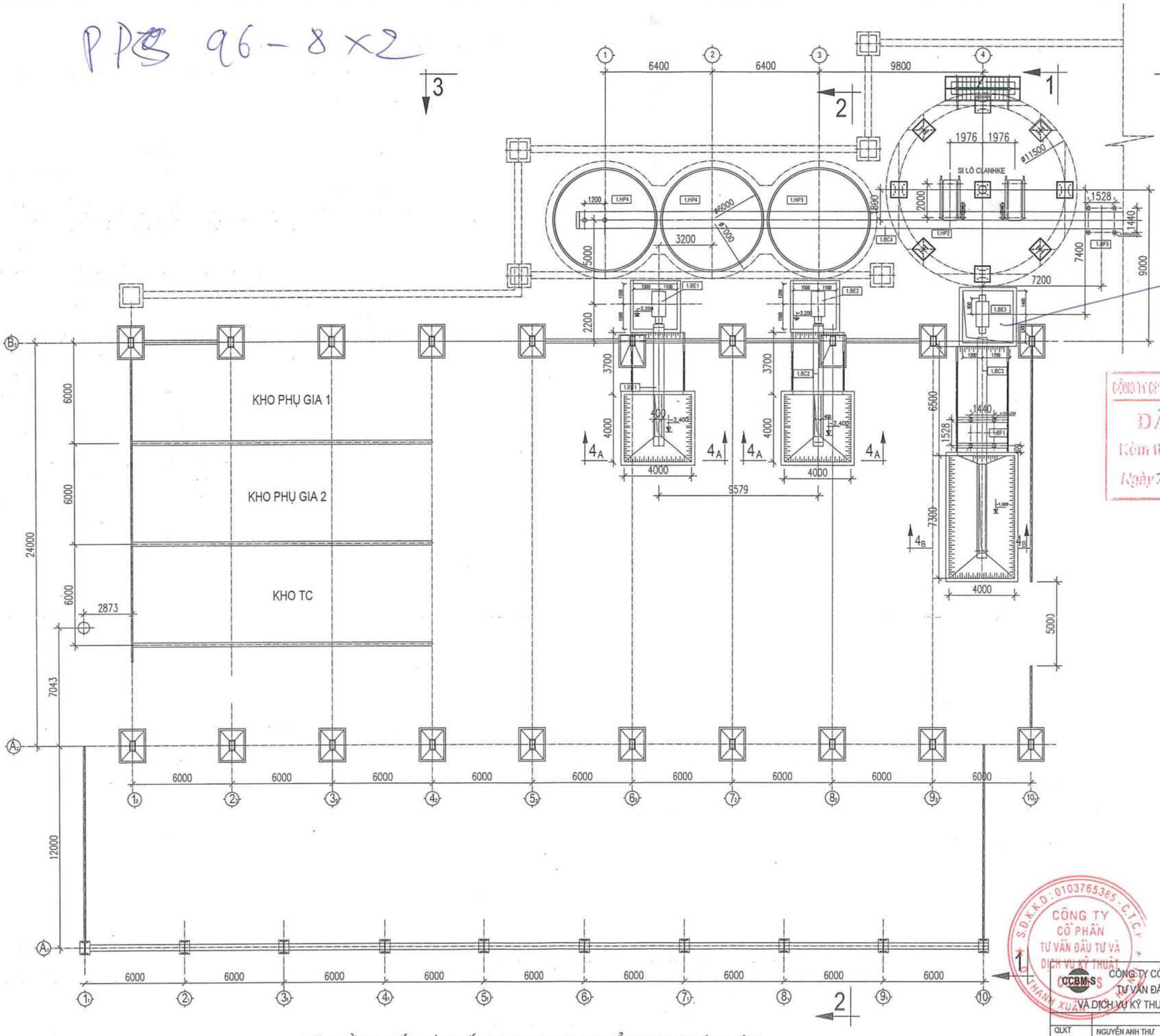
15-8-2020

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			CÔNG ĐOẠN NGHIỀN XI MĂNG		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH		
GĐTT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-MBBT-01/01 .
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A2	

PPS 96 - 8×2

Giữ (Bỏ đi 1 BE2 NE50)

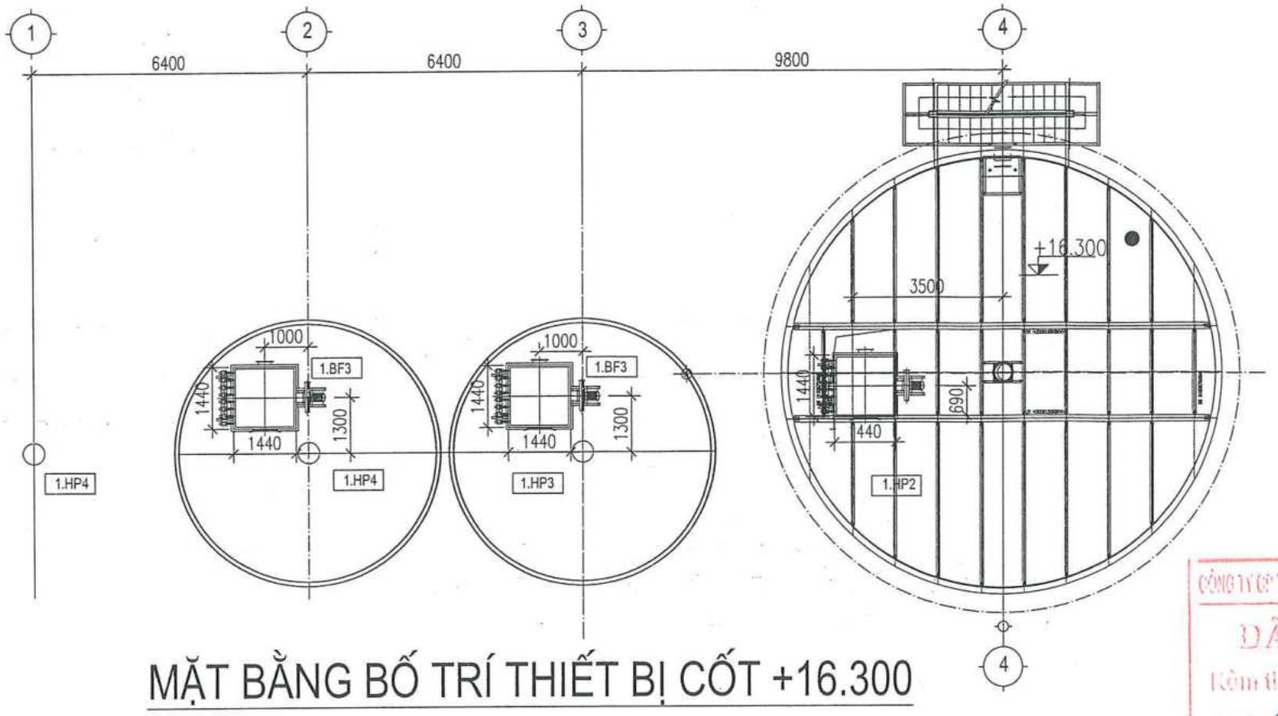
Đào thêm 4m giữ như NE100



ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

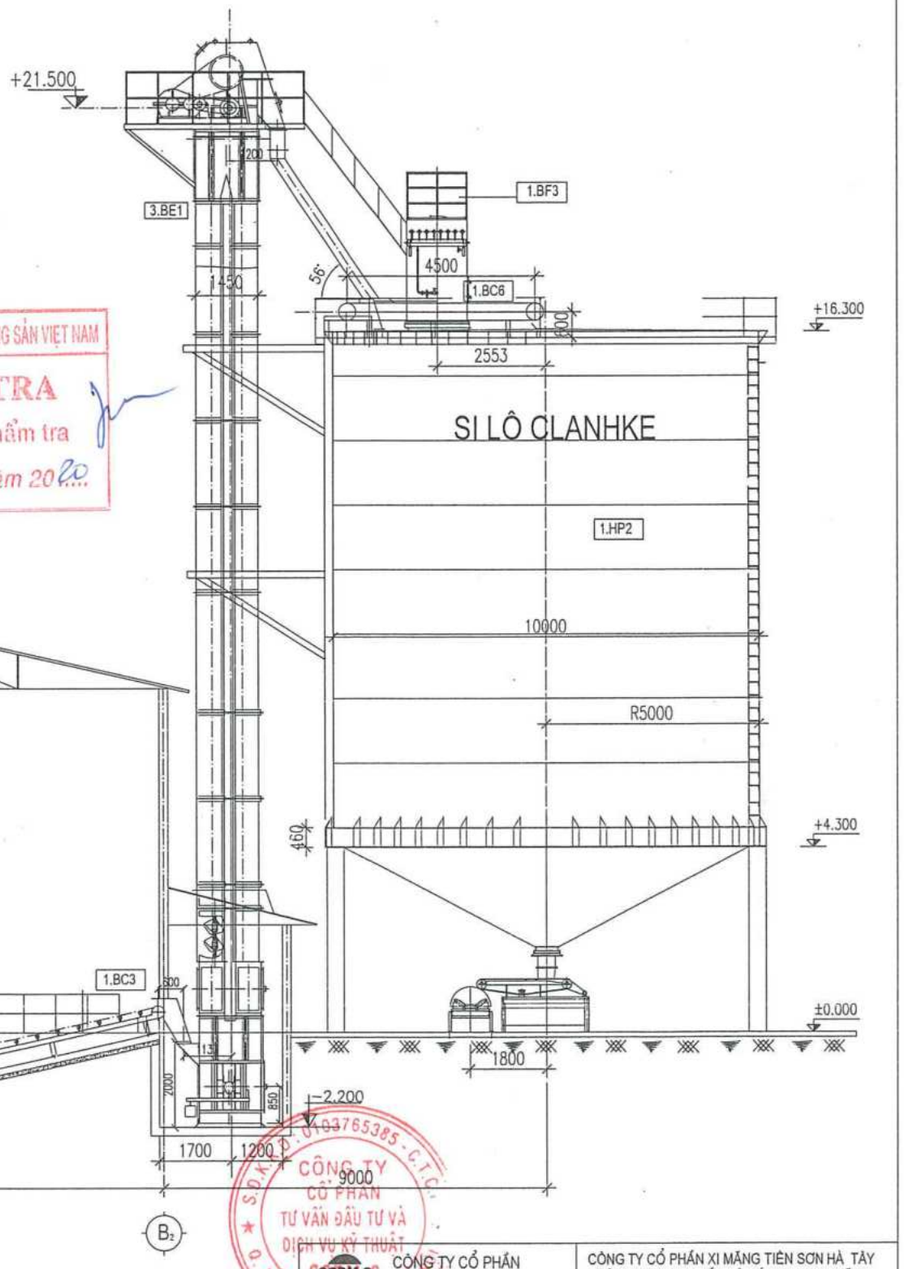
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU

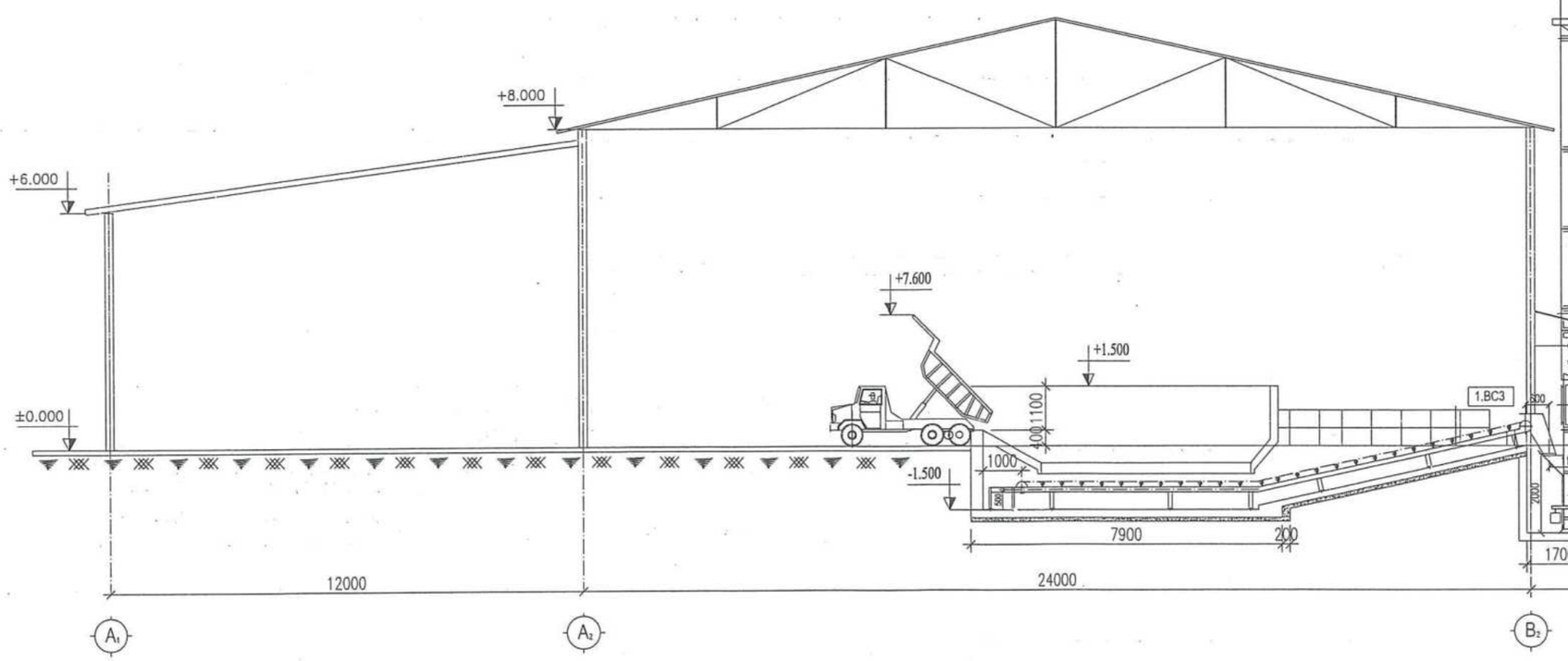
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S			CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3
			68-16-CN- 01/18	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT +16.300

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 13 tháng 8 năm 2020





MẶT CẮT 1 - 1

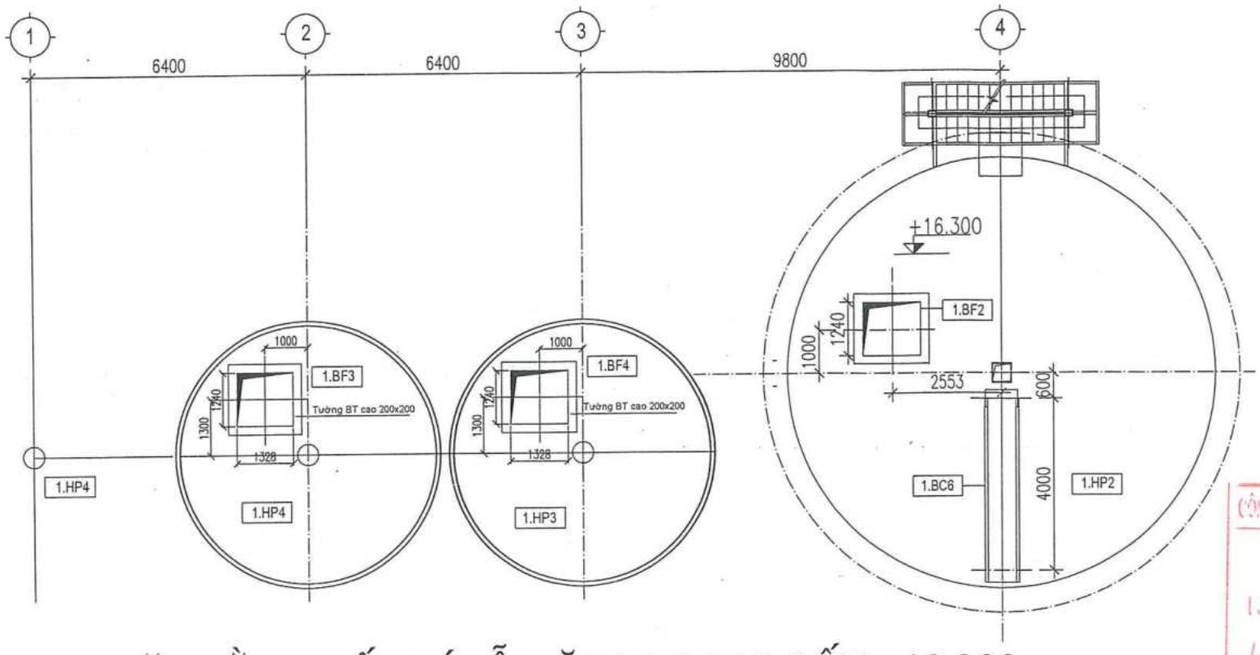
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

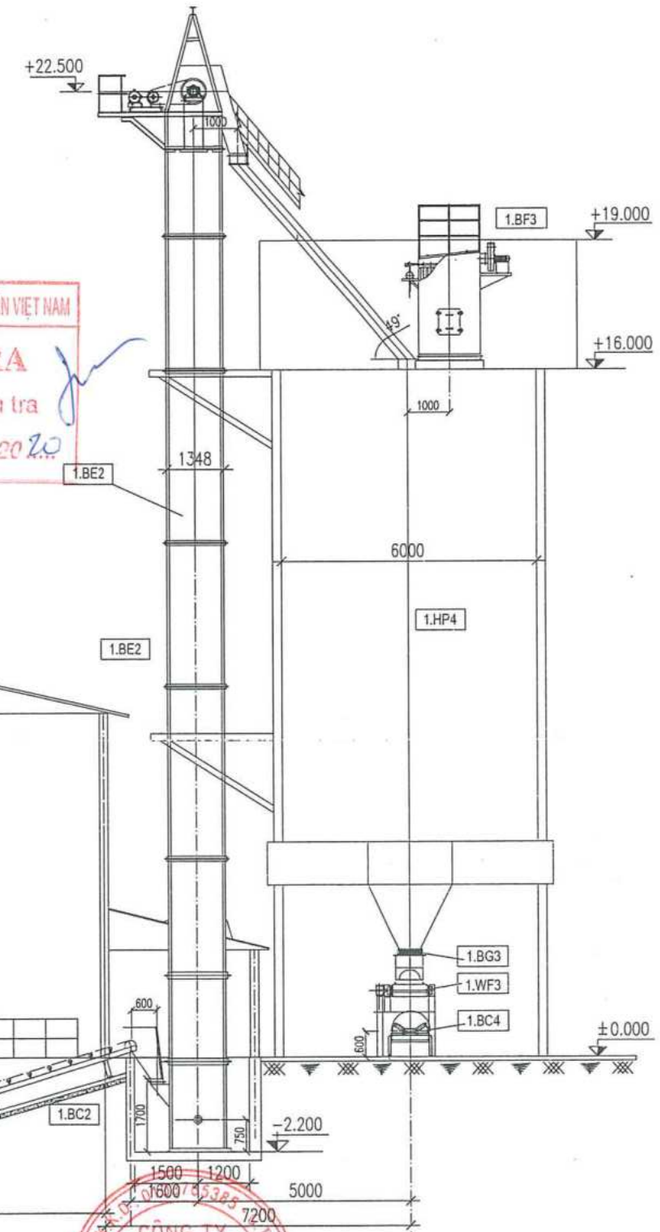
KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU

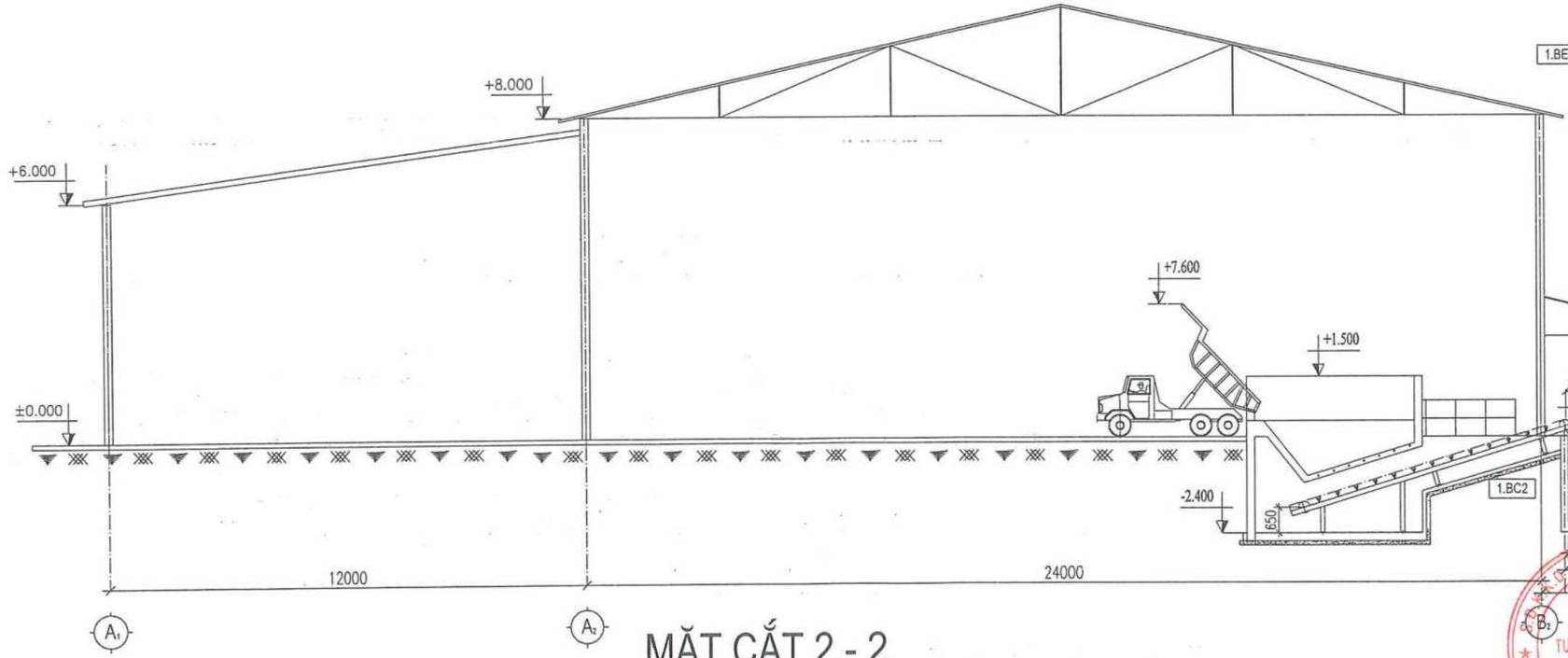
MẶT CẮT 1-1
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT± 16.300

G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN- 02/18	.
TL :	KTBV : A3		



MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ ĐẶT LỌC BỤI CỐT +16.300





MẶT CẮT 2 - 2

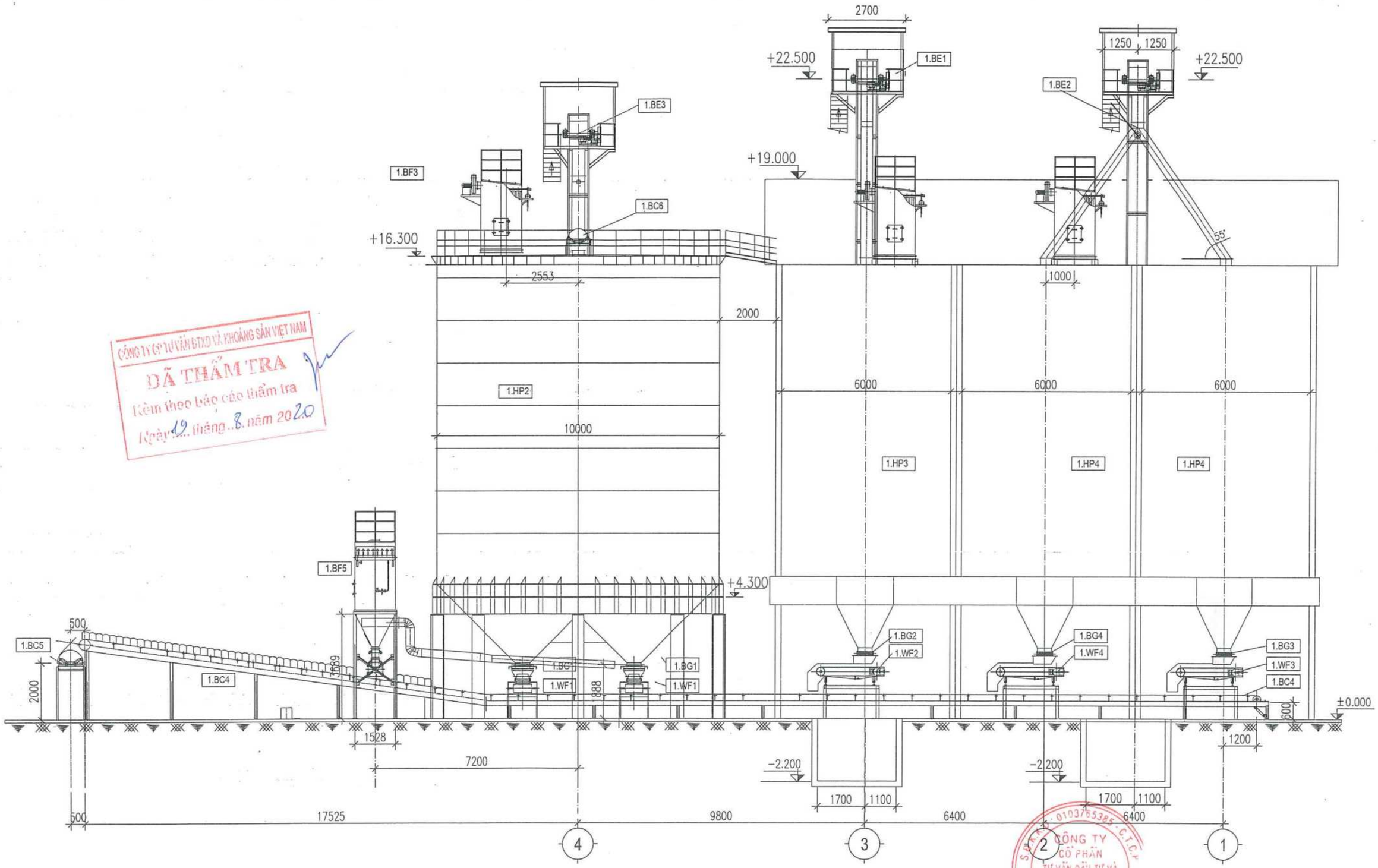
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		
GĐ.KT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU
MẶT CẮT 2-2
MẶT BẰNG BỐ TRÍ LỖ ĐẶT LỌC BỤI CỐT± 16.300

G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN- 03/18	.
TL :	KTBV : A3		



MẶT CẮT 3 -3

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	

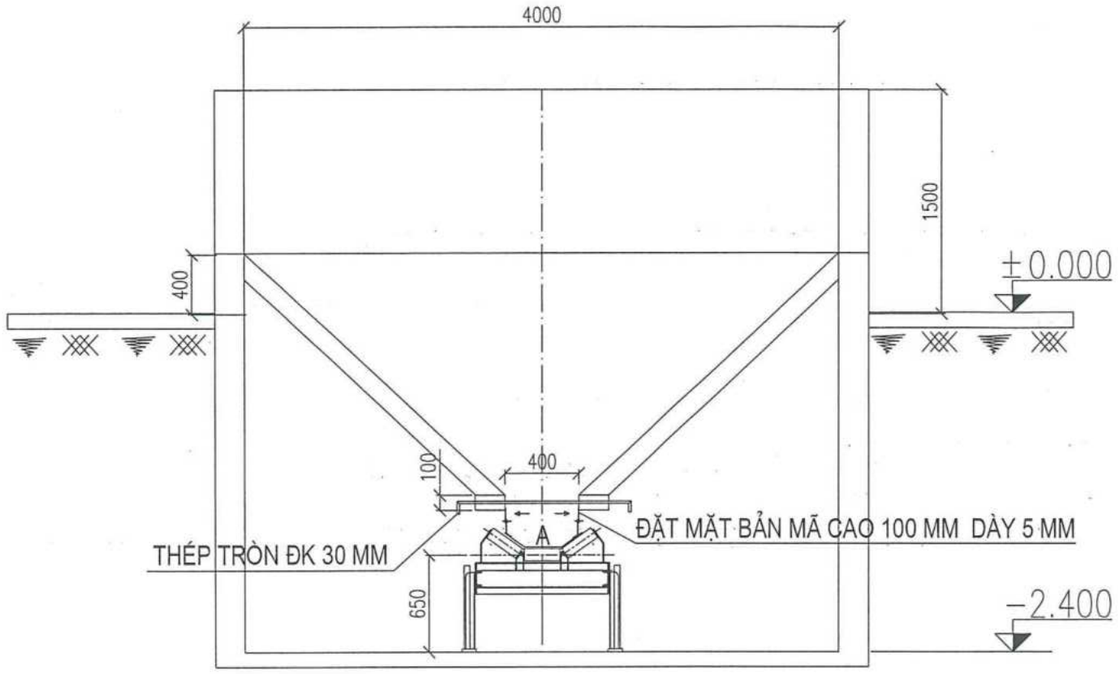
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU

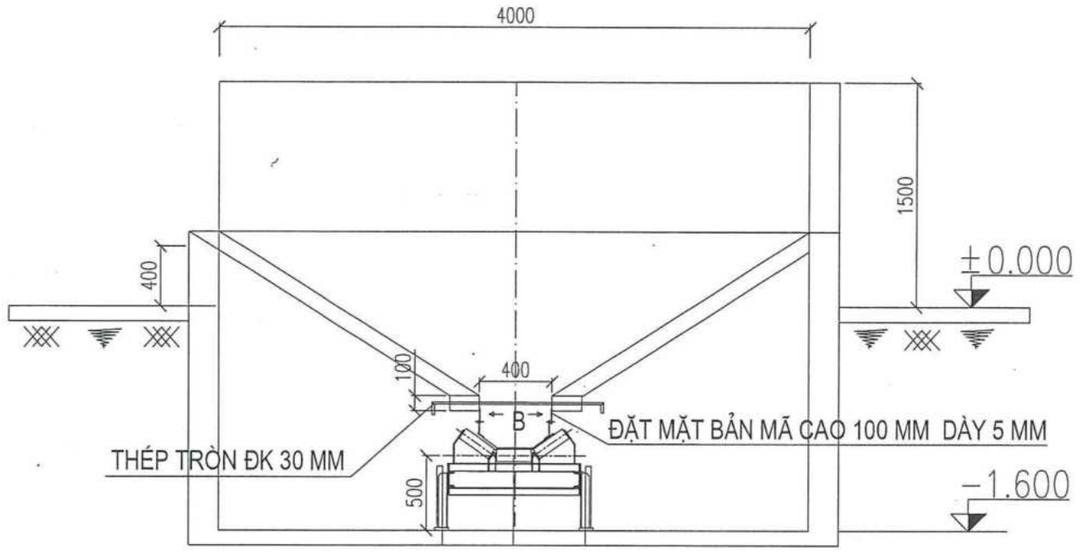
MẶT CẮT 3-3

G.Đ : TKBVTC | 8 - 2020
TL : | KTBV : A3

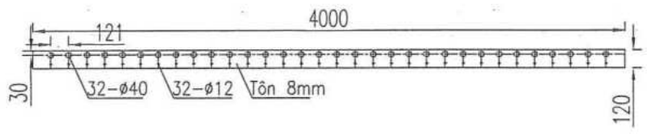
68-16-CN- 04/18



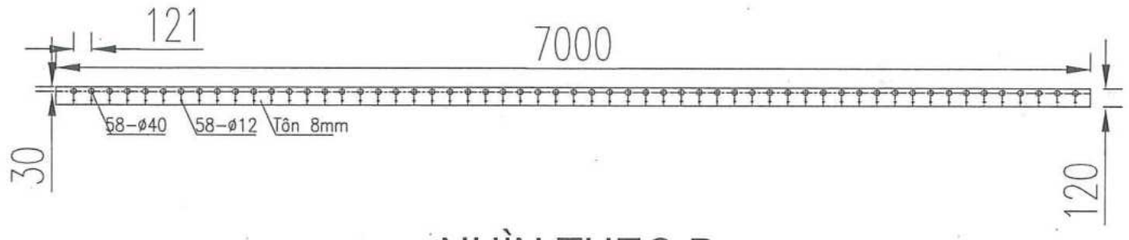
MẶT CẮT 4_A - 4_A



MẶT CẮT 4_B - 4_B



NHÌN THEO A
SL: 04

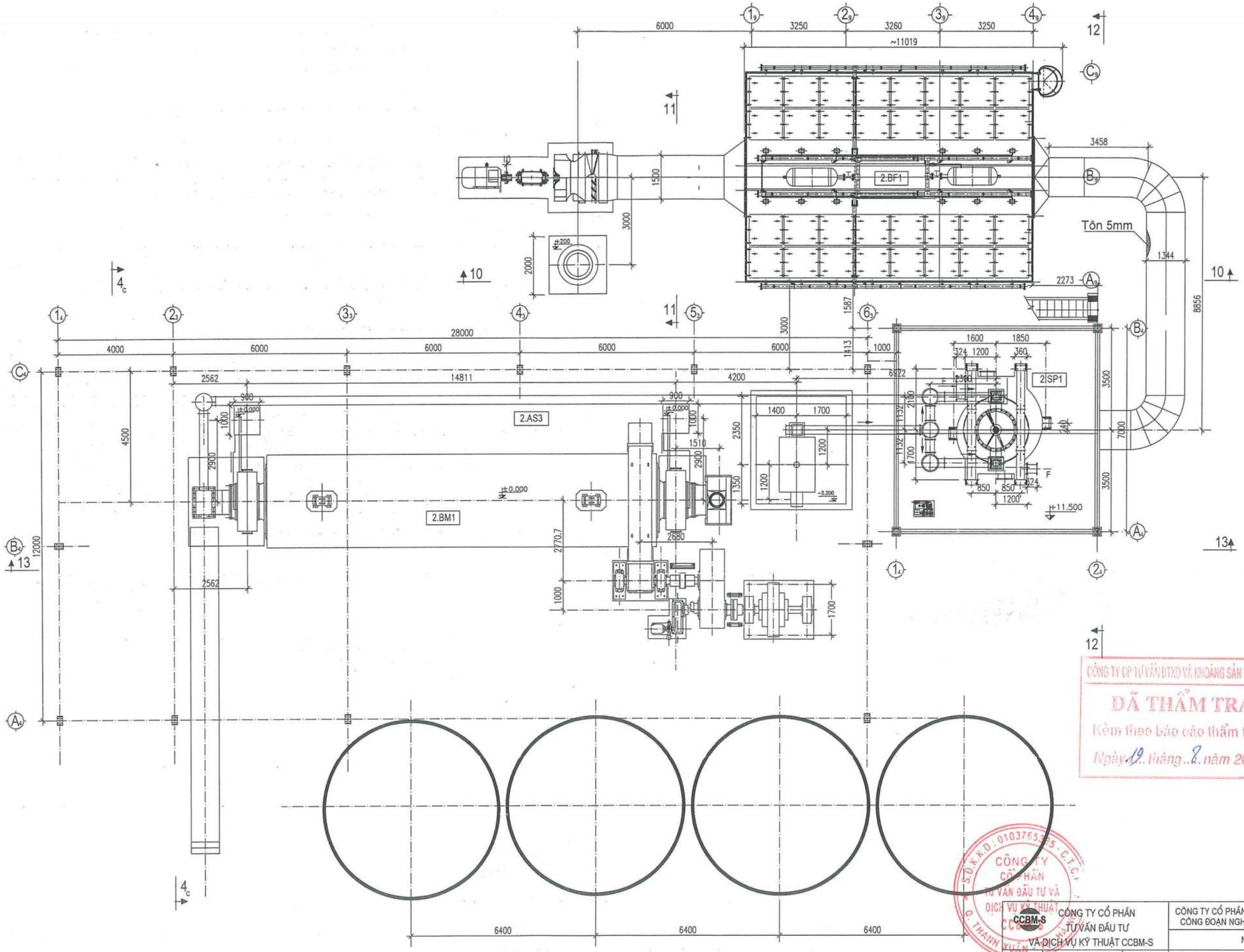


NHÌN THEO B
SL: 02

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			KHU VỰC CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 4_A - 4_A , MẶT CẮT 4_B - 4_B		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN-05/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3	

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
(Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

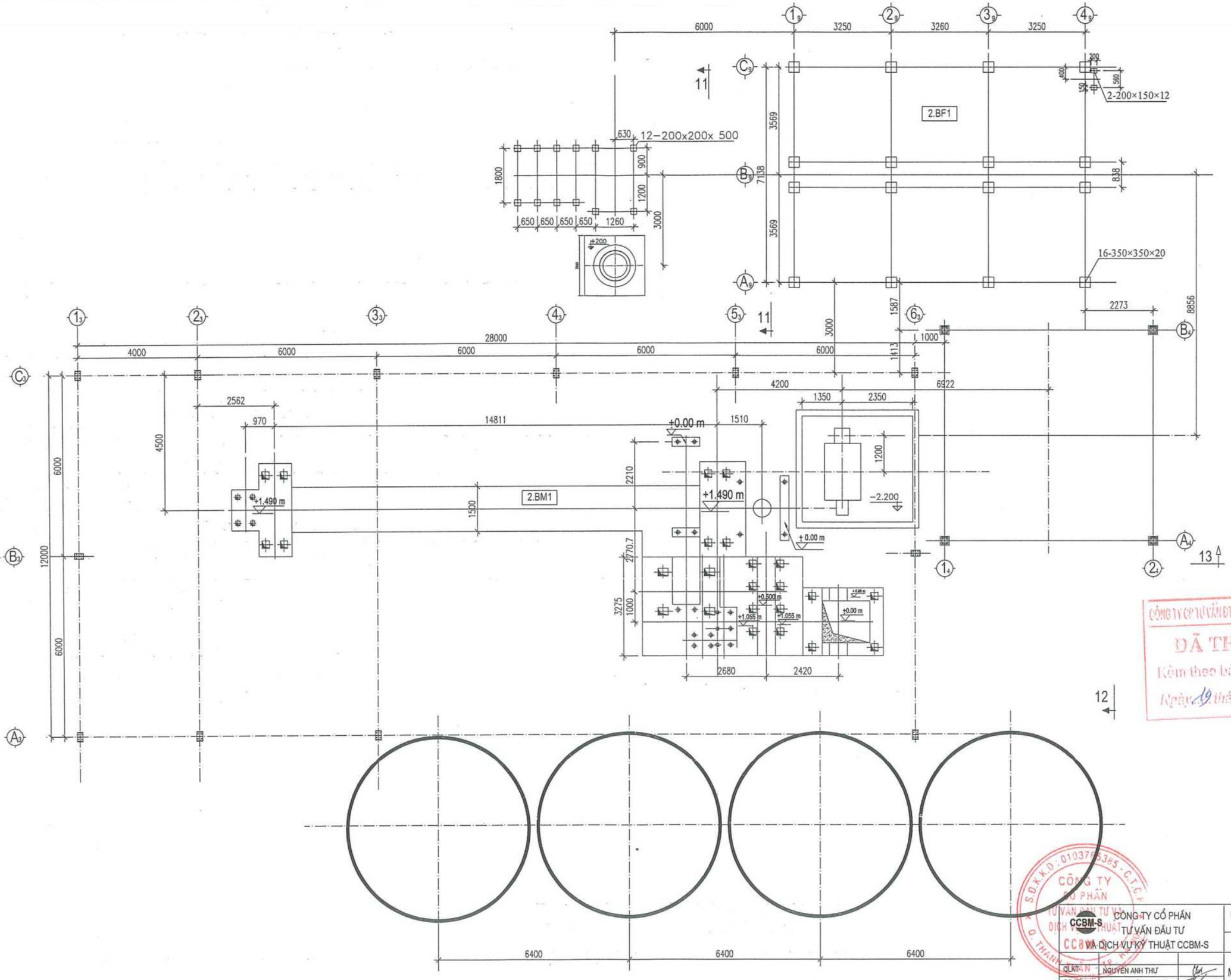


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
		NHÀ NGHIỀN	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000 VÀ MẶT BẰNG SÀN CỐT +11.500	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNĐA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ : TKBVTC	8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	TL :	KTBV : A3
		68-16-CN-06/18	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.00 VÀ MẶT BẰNG SÀN CỐT + 11.500

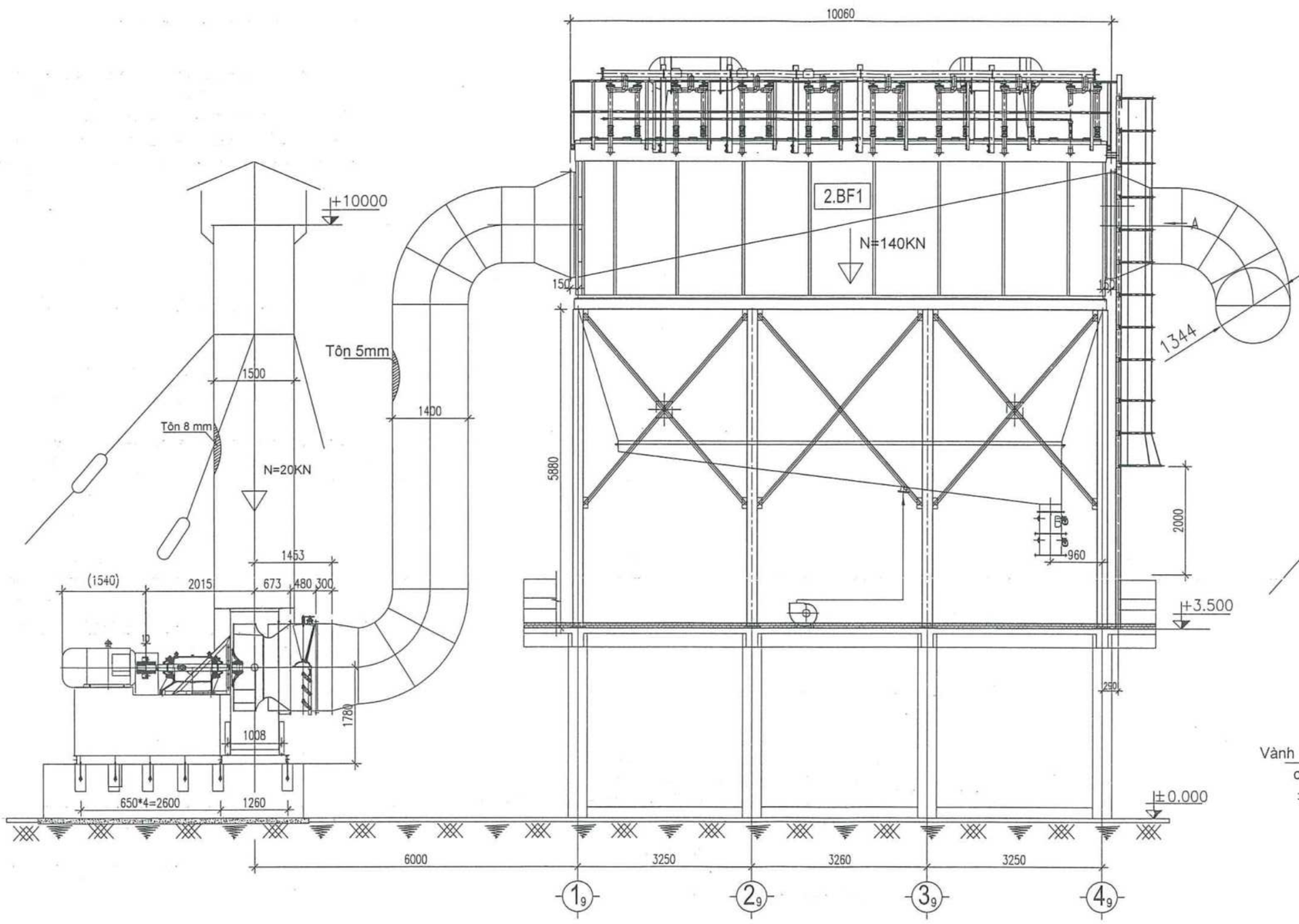


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

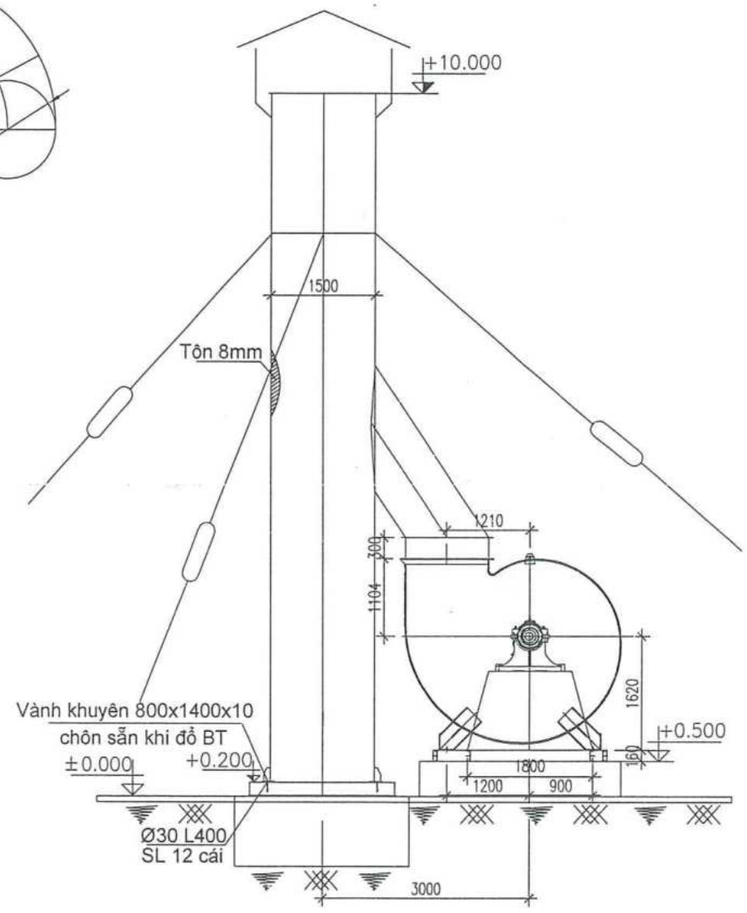
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
			NHÀ NGHIỀN
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG BU LÔNG MÓNG MÁY NGHIỀN VÀ QUẠT LỌC BỤI PPCS96-2X8
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC 8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL : KTBV : A3 68-16-CN-07/18

MẶT BẰNG BULONG MÓNG MÁY NGHIỀN VÀ QUẠT LỌC BỤI PPCS96-2X8

CÔNG TY CỔ TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020



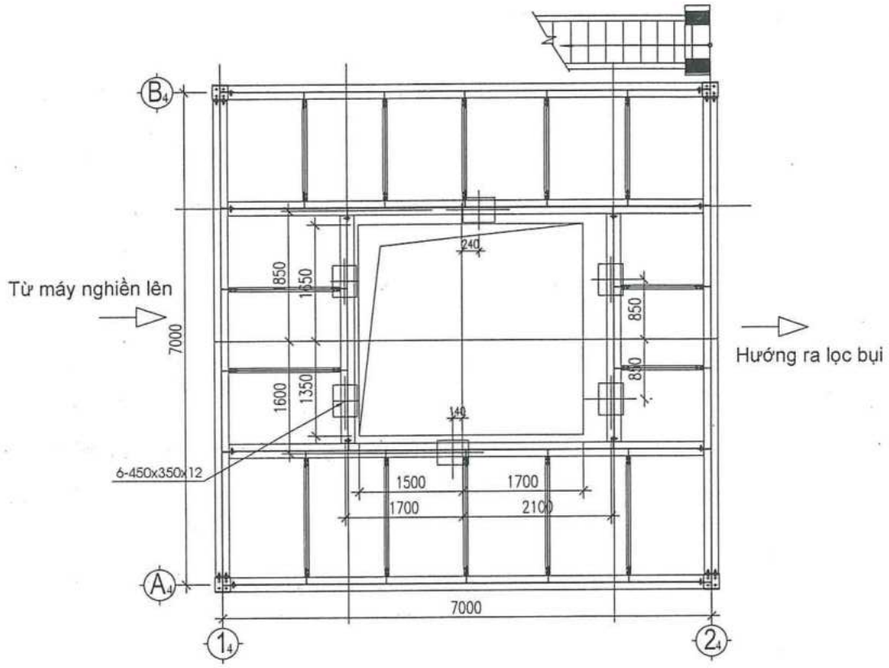
MẶT CẮT 10-10



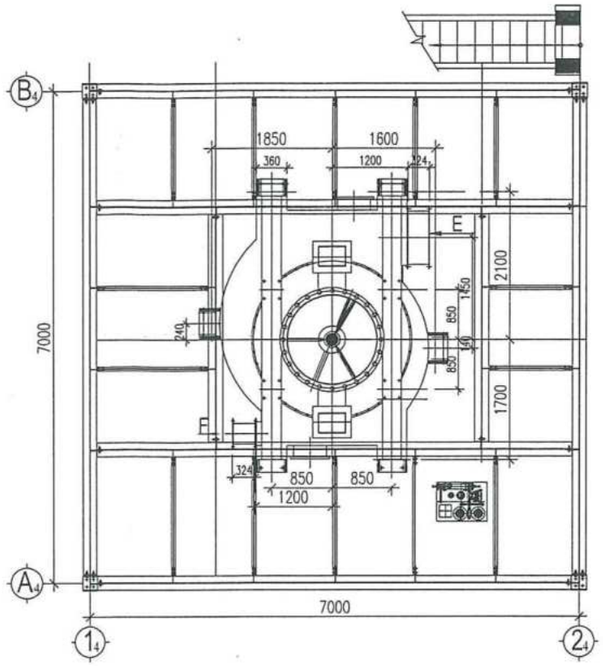
MẶT CẮT 11-11

S.Đ.K.K.D: 0103765378 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN

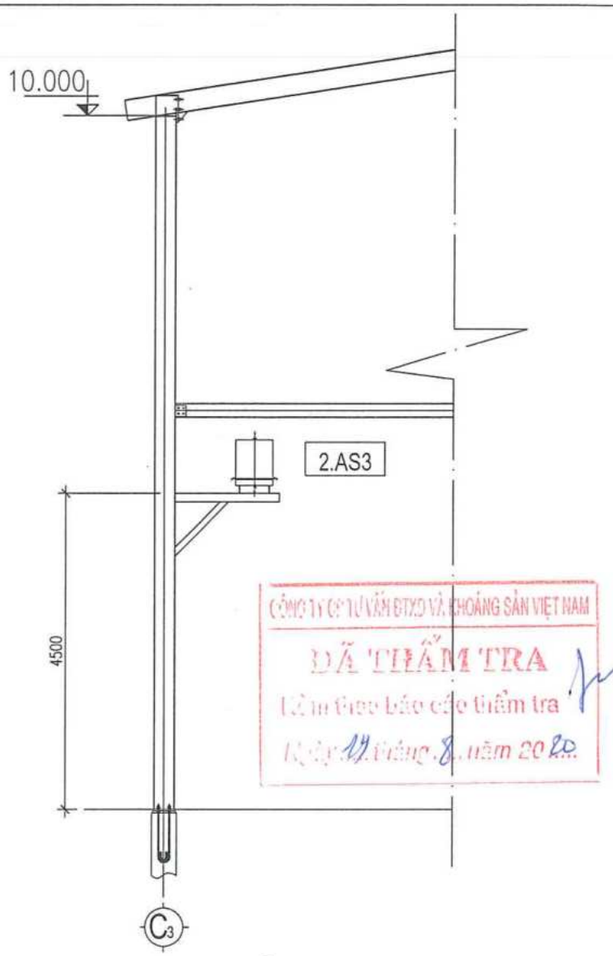
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG NHÀ NGHIỀN
GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 10-10, MẶT CẮT 11-11
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ : TKBVTC / 8 - 2020	68-16-CN-08/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	TL : / KTBV : A3	



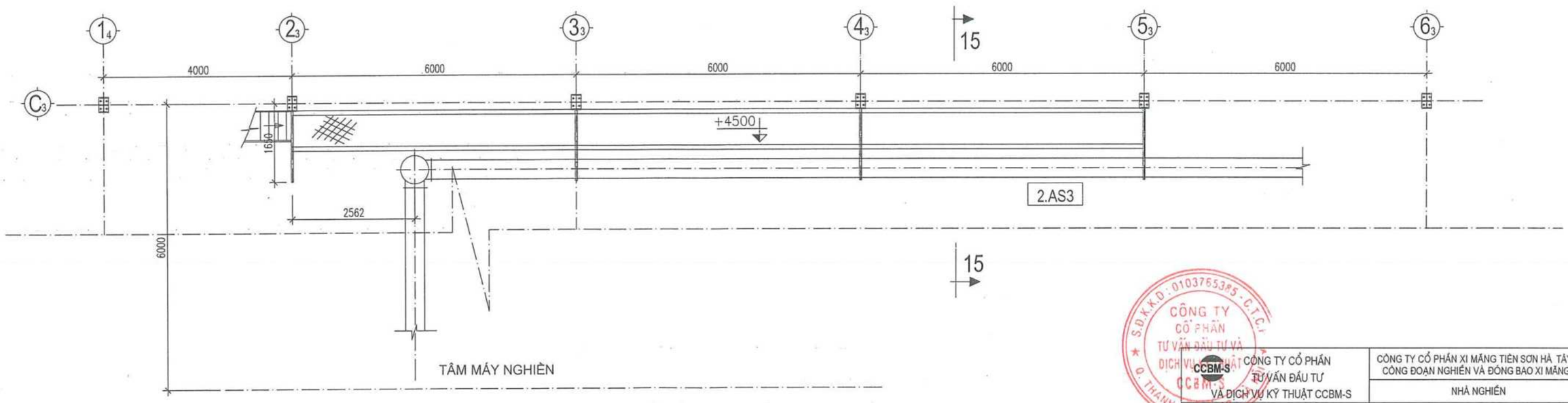
MẶT BẰNG SÀN +11.500
(Không có phân ly)



MẶT BẰNG SÀN +11.500 (Có phân ly)



MẶT CẮT 15-15

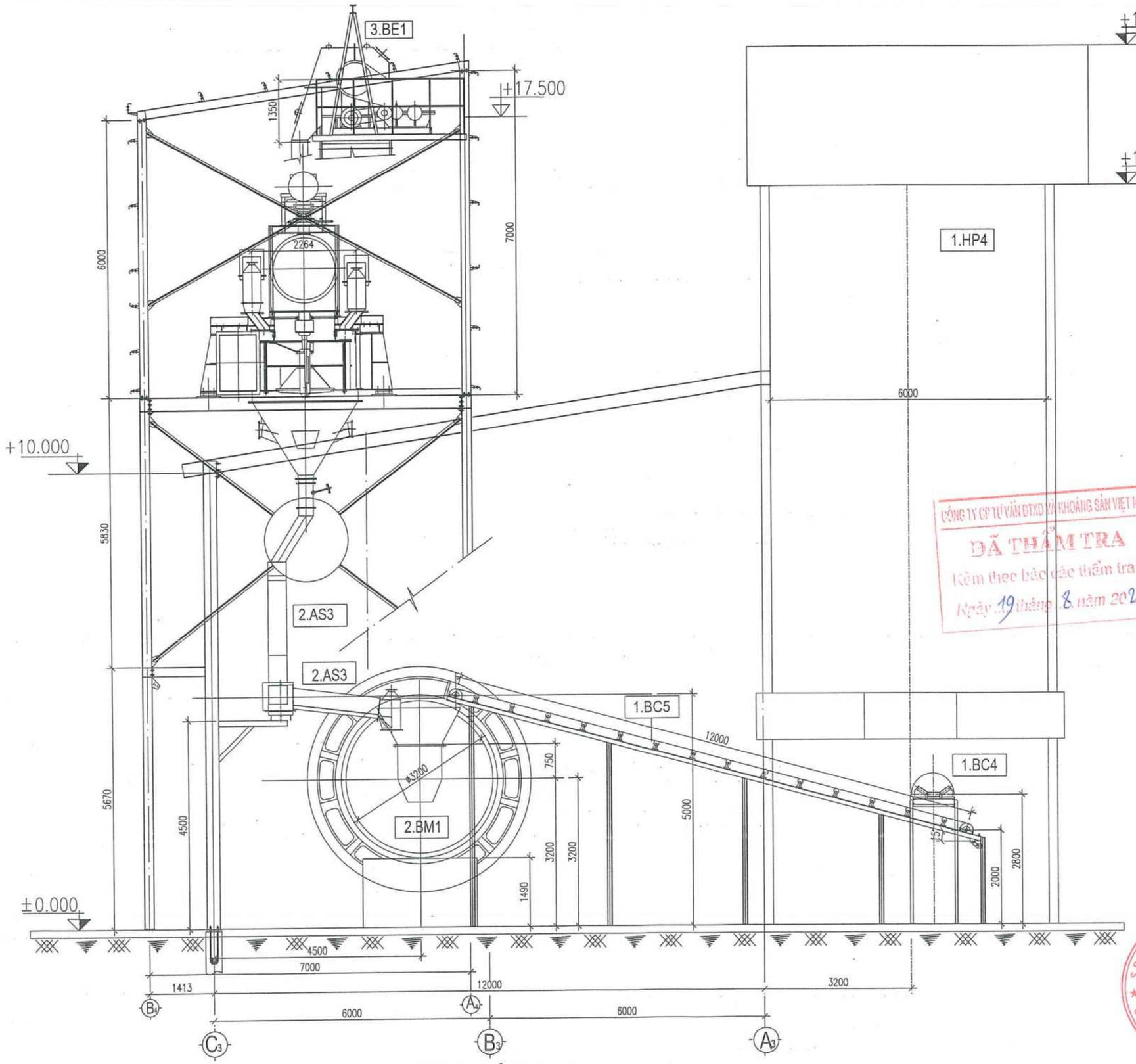


MẶT BẰNG CỐT +4.500 (Đỡ MKĐ trong nhà nghiền)

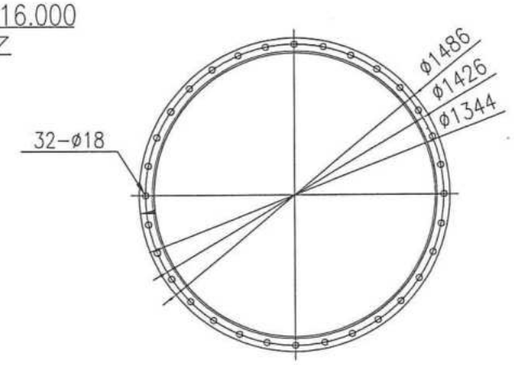
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 17 tháng 8 năm 2020

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN - T.P

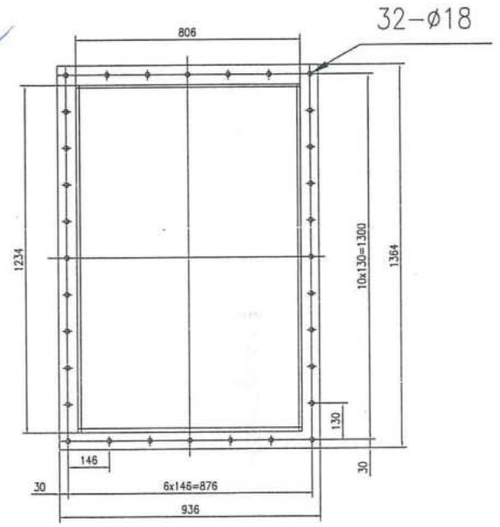
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
			NHÀ NGHIỀN
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG SÀN 11.500 MẶT BẰNG SÀN +4.500, MẶT CẮT 15-15
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ : TKBVTC / 8 - 2020	68-16-CN-09/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	TL : / KTBV : A3	



MẶT CẮT 4_c - 4_c



Miệng ra máy phân ly OSEPA N1500
nối với lọc bụi PPCS96-2x8

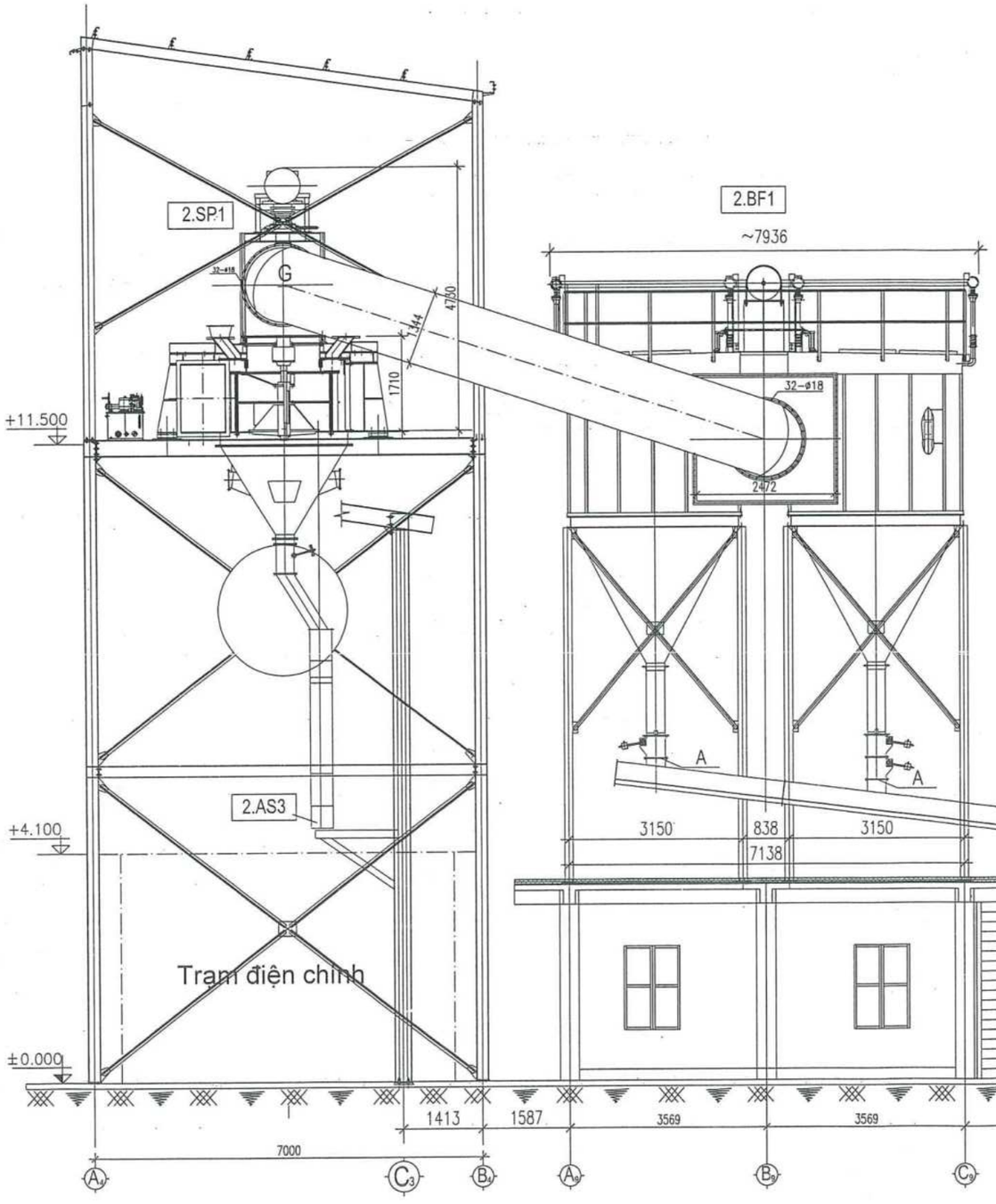


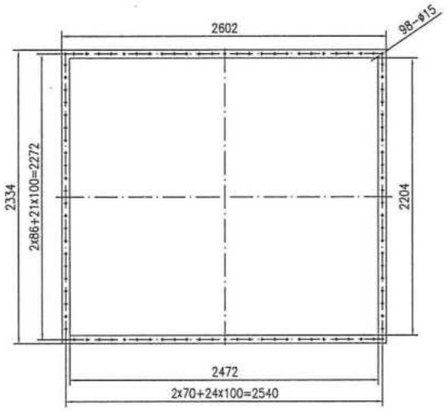
Miệng vào phân ly nối vào
ống gió đầu ra máy nghiền

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN

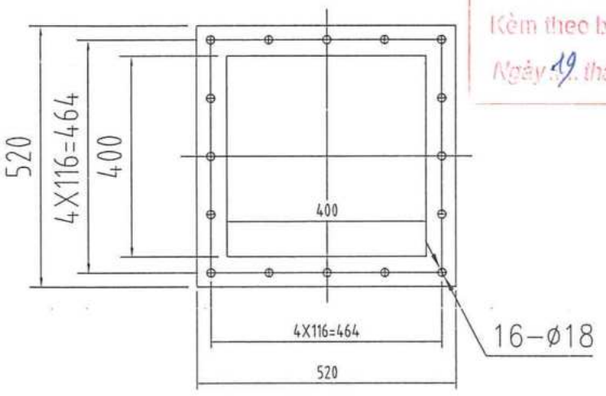
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S			CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
			NHÀ NGHIỀN
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 4_c - 4_c
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC 8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL : KTBV : A3 68-16-CN-10/18



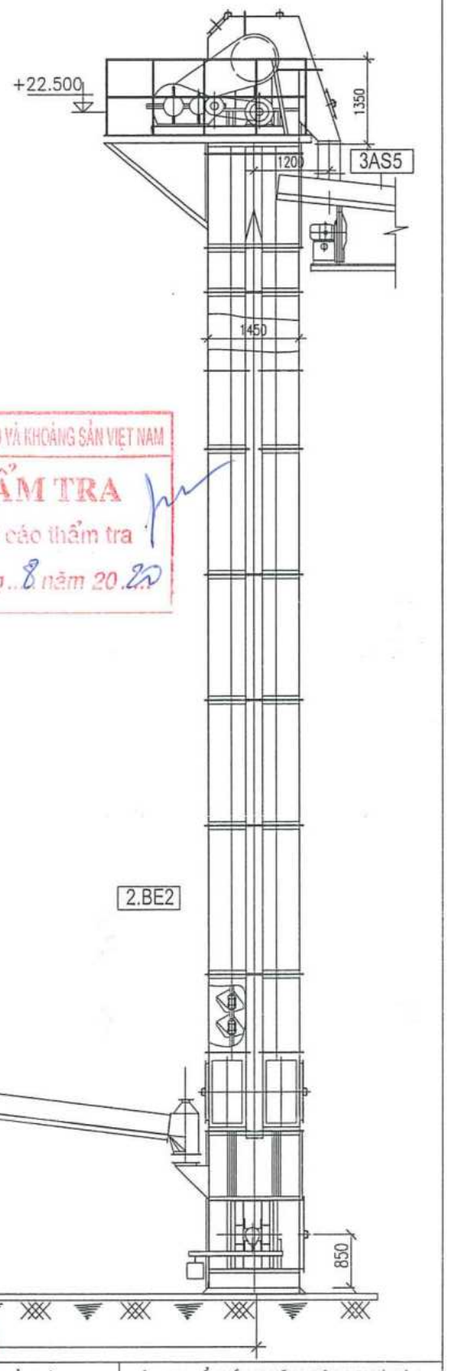


Miệng vào và miệng ra
lọc bụi PPCS96-2x8

CHI TIẾT A



Miệng ra MKĐ
của lọc bụi PPCS96-2x8



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

MẶT CẮT 12-12

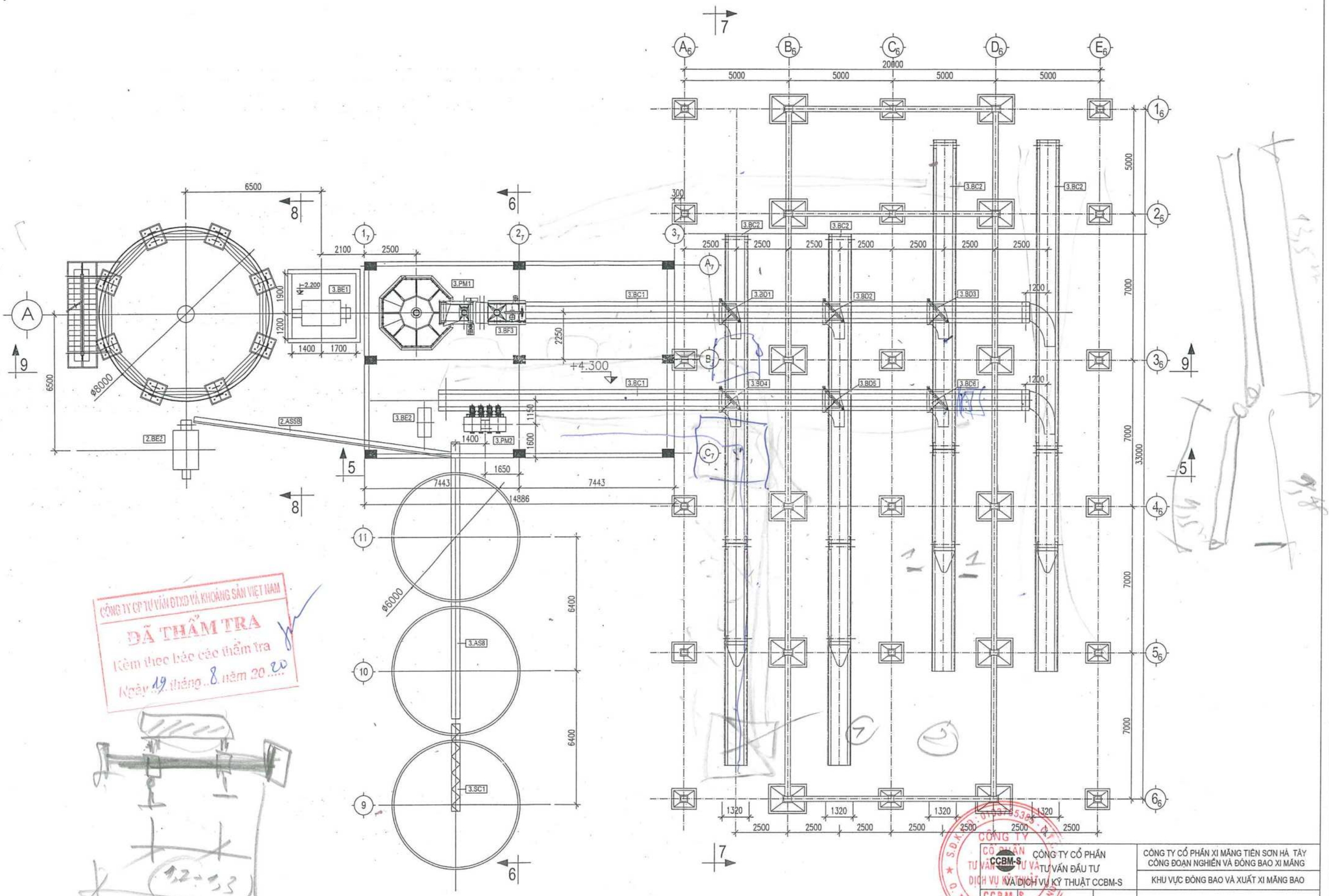
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			NHÀ NGHIỀN		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 12-12		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN-11/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3	

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo biên bản thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

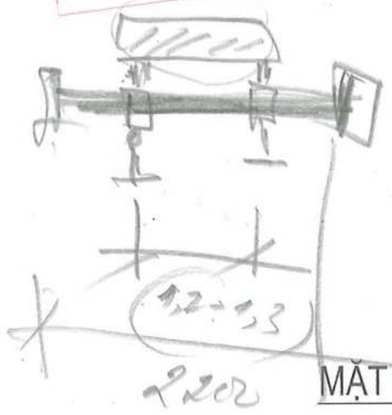
2.BE1
+17500
1500
2.SP1
4300
Ø1744
2.AS2
2500
10.000
8°
2.AS3
14811
(980) (678)
H 3.0KN
2.5X1450KN
1038
1510
2.5X1400KN
14KN
600
1200
+4.500
750
1630
80
3200
1250
2.5X175KN
1165
630
±0.000
2562
970
270448.5
2100
2200
560
1350
2355
6000
4000
6000
6000
6000
1000
7000
+4.100
±0.000
Trạm điện chính
1₃ 2₃ 3₃ 4₃ 5₃ 6₃ 1₄ 2₄

MẶT CẮT 13-13

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			NHÀ NGHIỀN		
GL'KT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 13-13		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN-12/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL :	KTBV : A3	

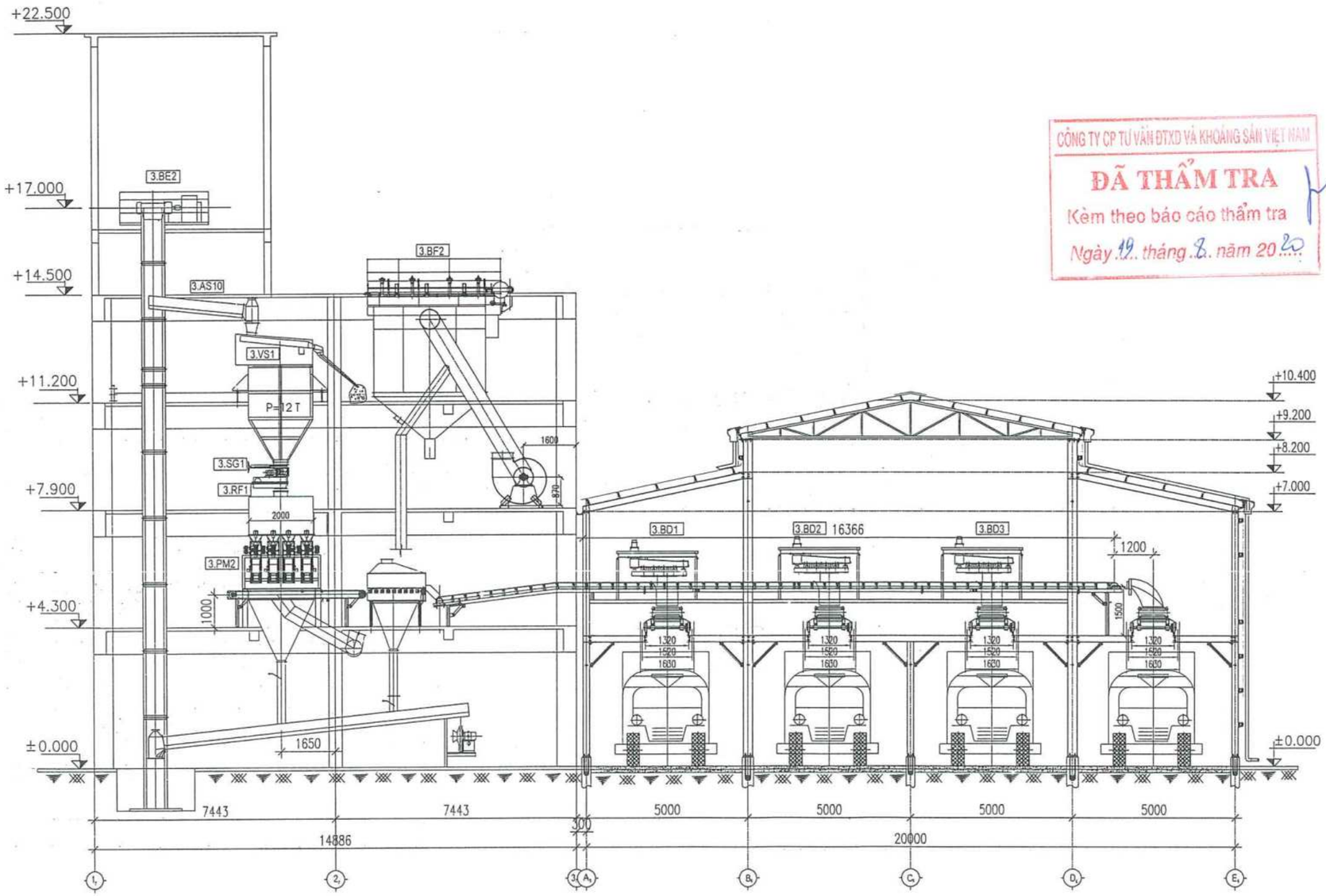


CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo bác các thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

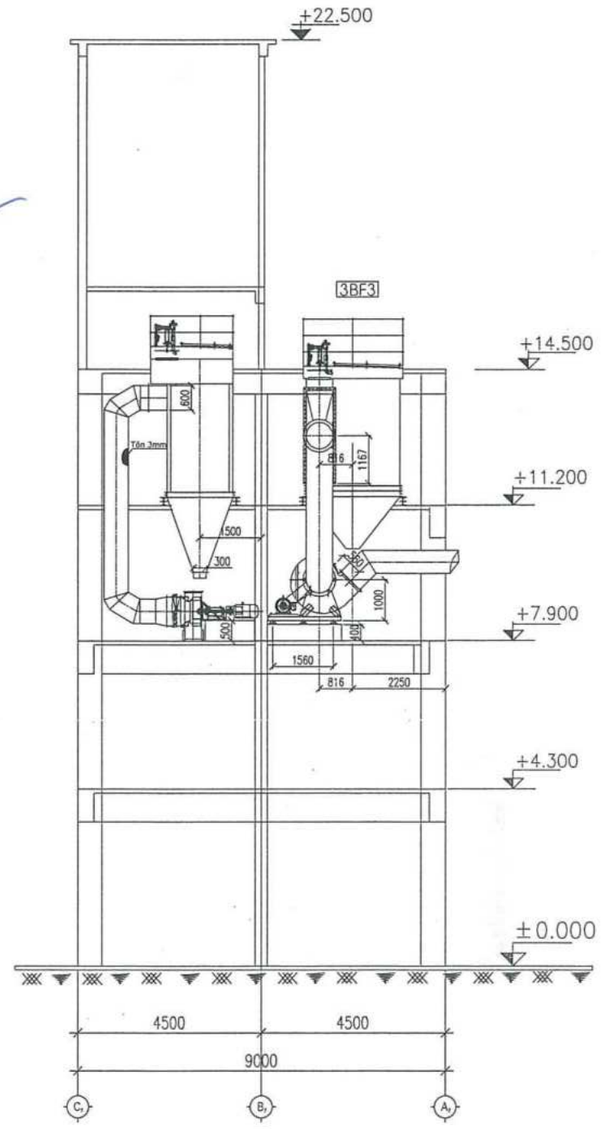


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000 KHU VỰC ĐÓNG BAO

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO	
CCBM-S			MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT± 0.000	
CLKT	NGUYỄN ANH THƯ			
GĐ TT	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CNĐA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL :	KTBV : A3
			68-16-CN-13/18	



MẶT CẮT 5 - 5



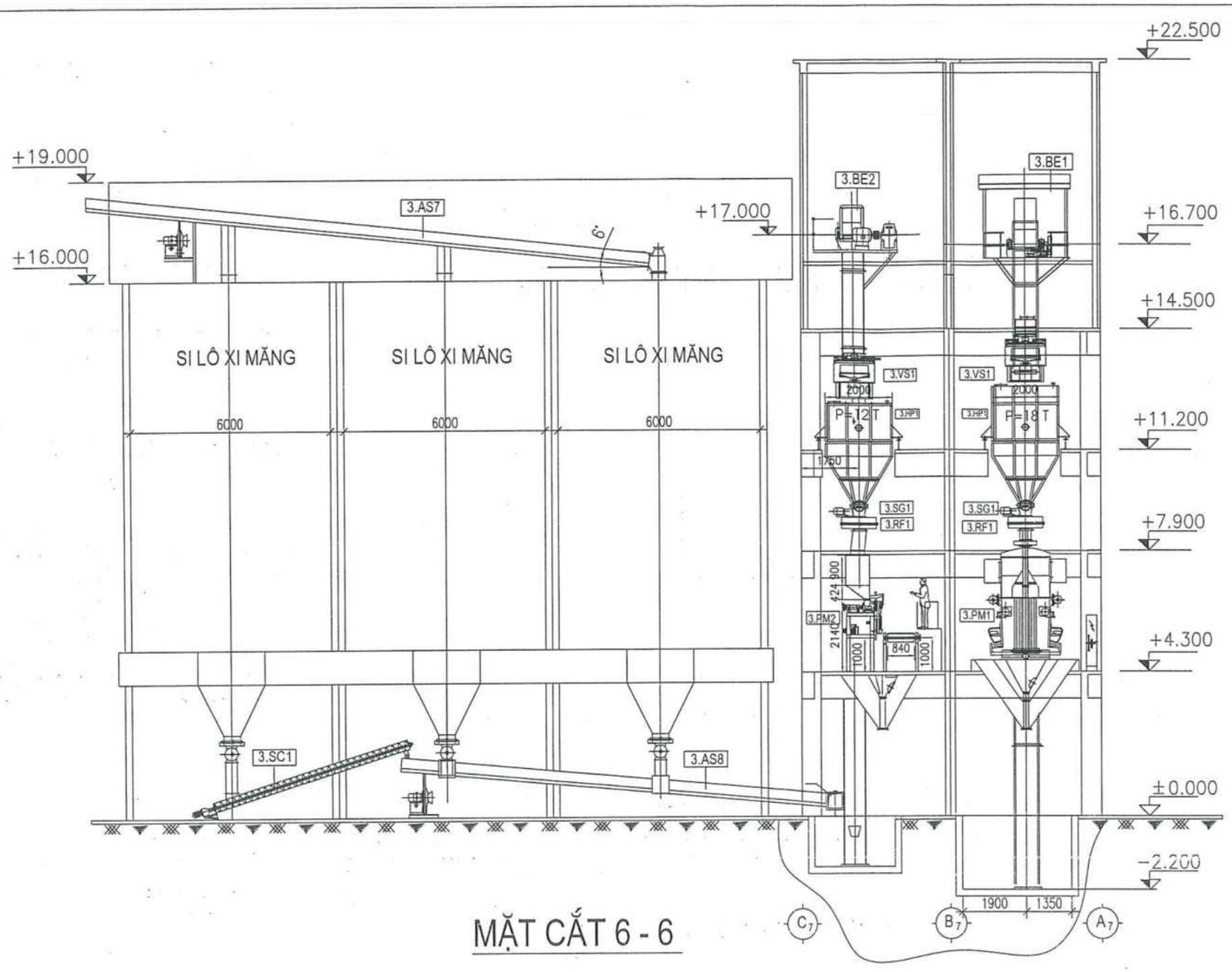
MẶT CẮT 14 - 14

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

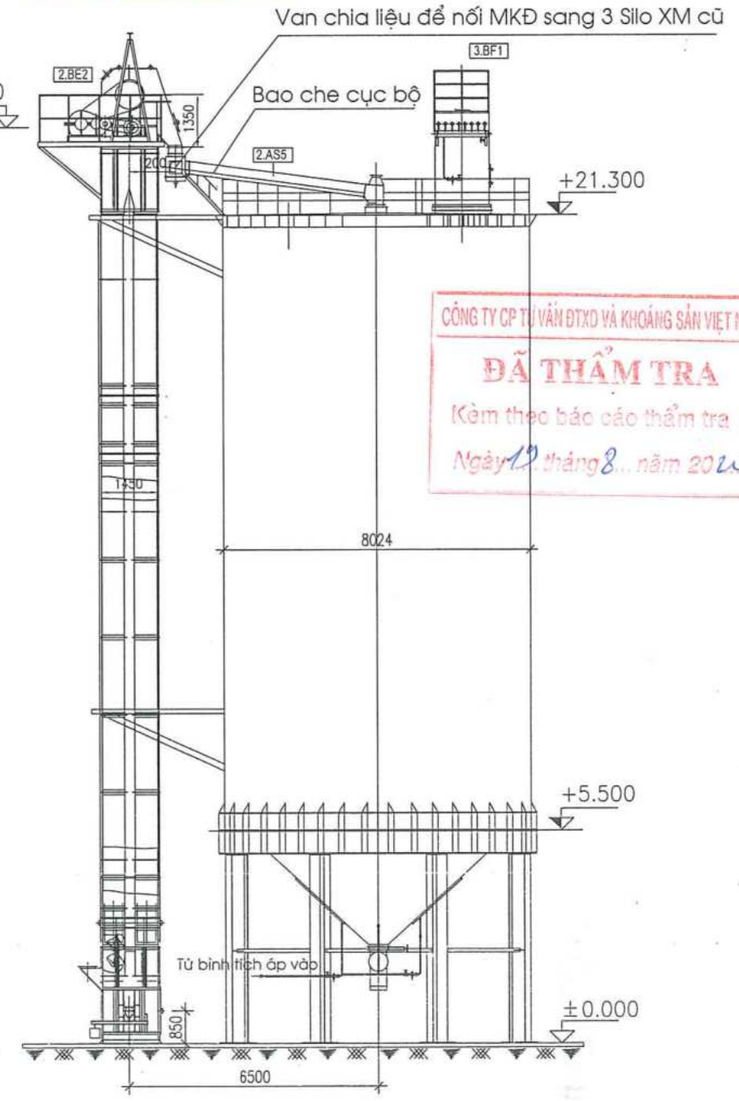
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 5 - 5, MẶT CẮT 14 -14	
GĐ TT	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CNĐA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL :	KTBV : A3

68-16-CN-14/18

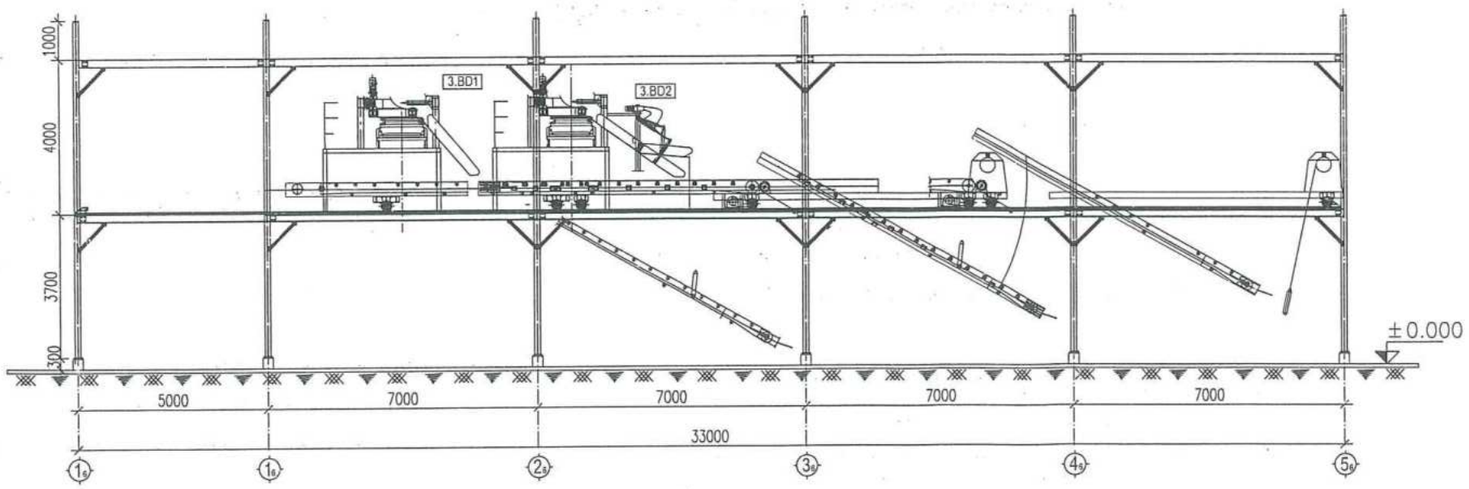
2BE2 NE 60



MẶT CẮT 6 - 6



MẶT CẮT 8 - 8



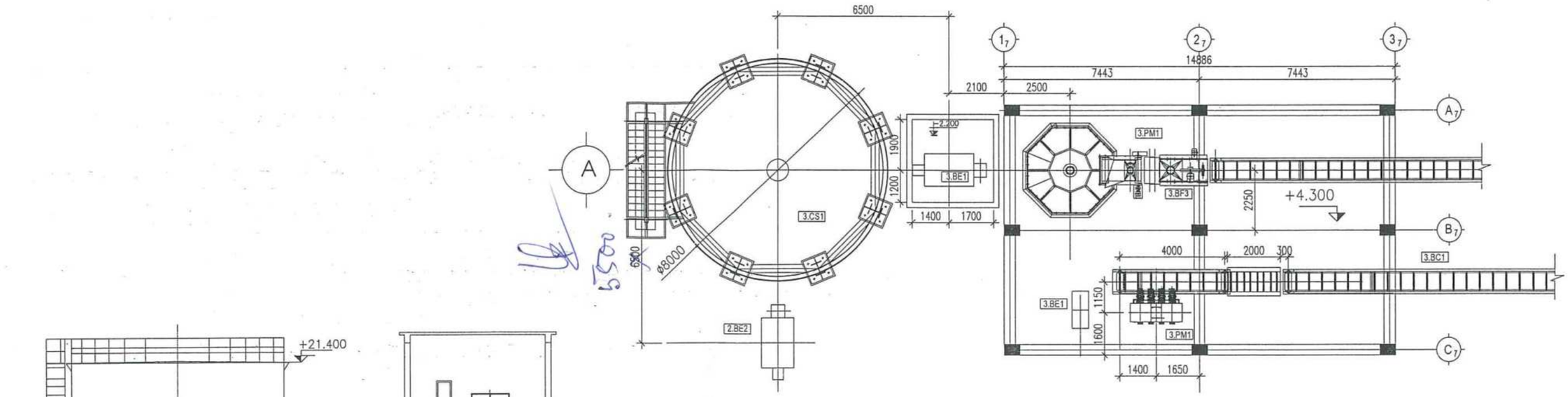
MẶT CẮT 7 - 7

Ghi chú:

- Khi thiết kế Silo chưa có Catalog lọc bụi nên khi lắp lọc bụi khung đỡ lọc bụi xử lý tại chỗ
- Do lọc bụi bỏ chân nên khung đỡ được đo và gia công tại chỗ

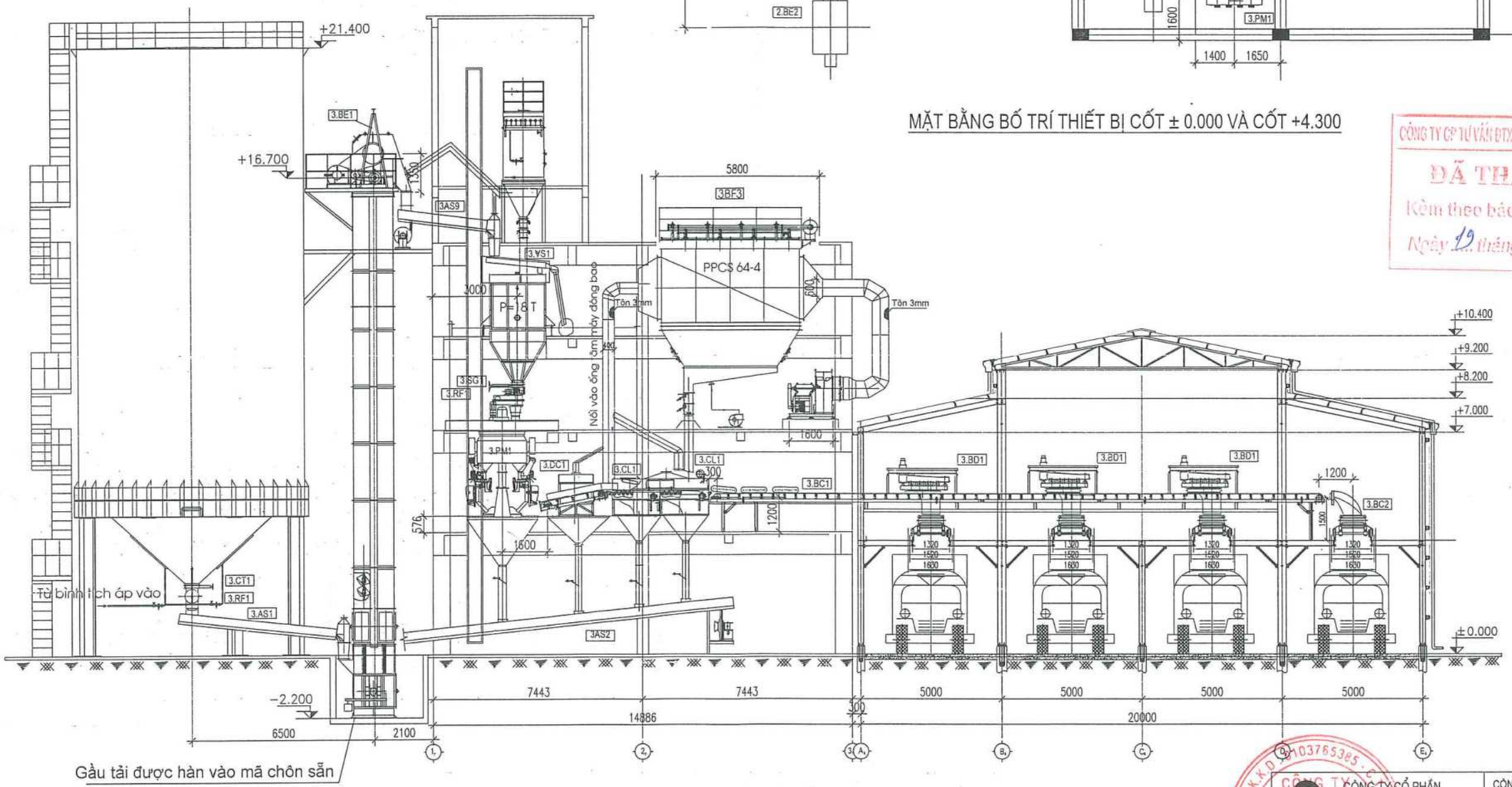
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 6-6, MẶT CẮT 7-7, MẶT CẮT 8-8		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN- 15/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3	



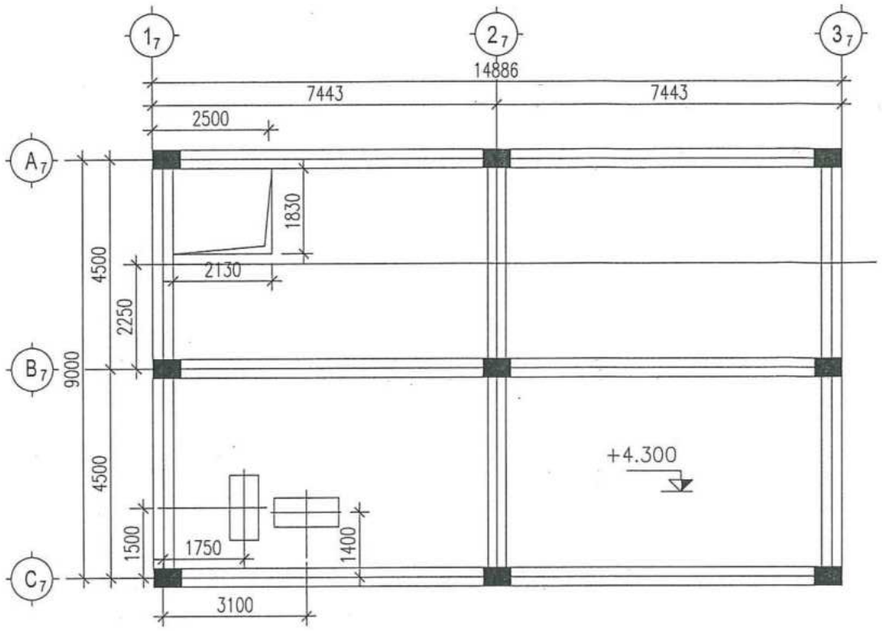
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000 VÀ CỐT +4.300

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 12 tháng 8 năm 2020

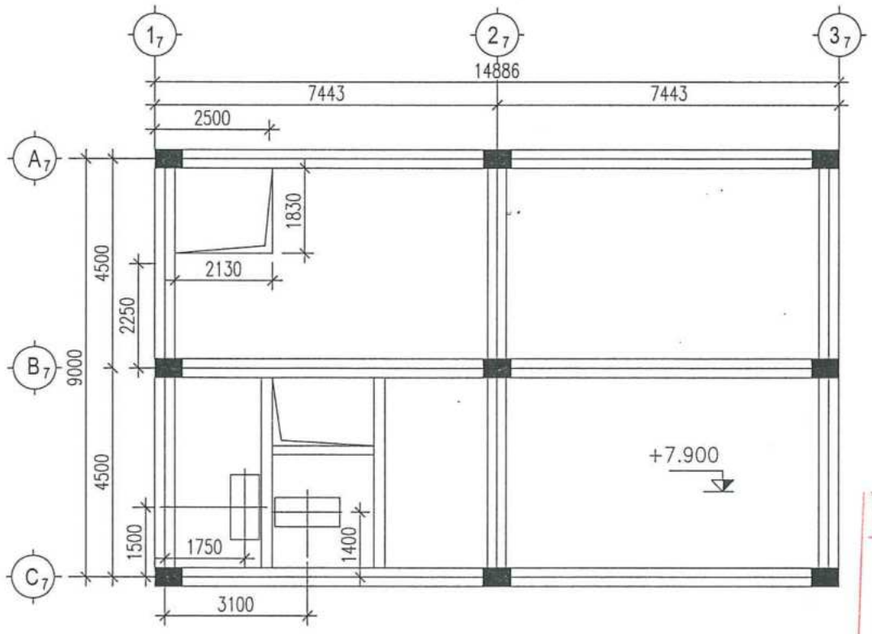


MẶT CẮT 9 - 9

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT 9-9 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000 VÀ CỐT +4.300		
GĐ.Tr	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN-16/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3	

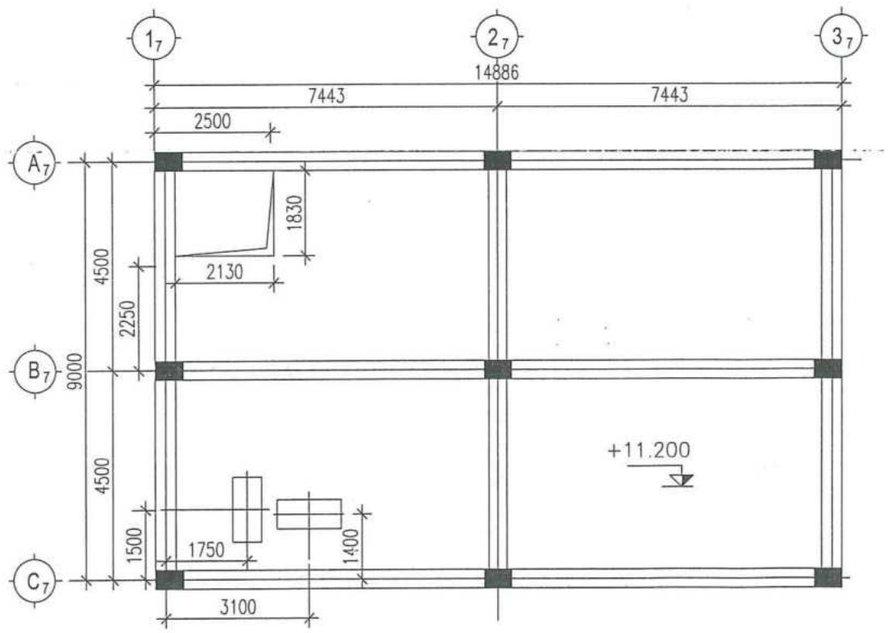


MẶT BẰNG SÀN CỐT +4.300

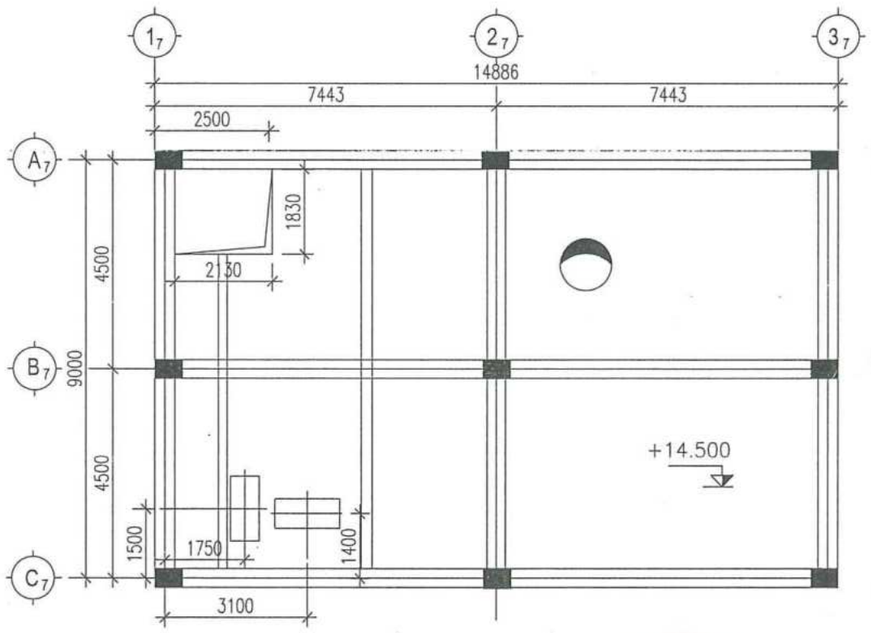


MẶT BẰNG SÀN CỐT +7.900

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020



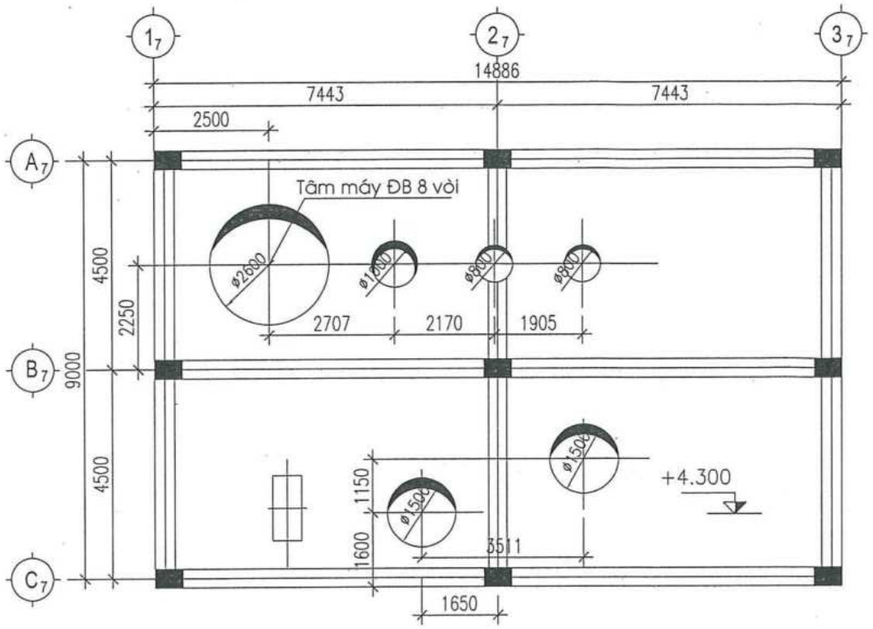
MẶT BẰNG SÀN CỐT +11.200



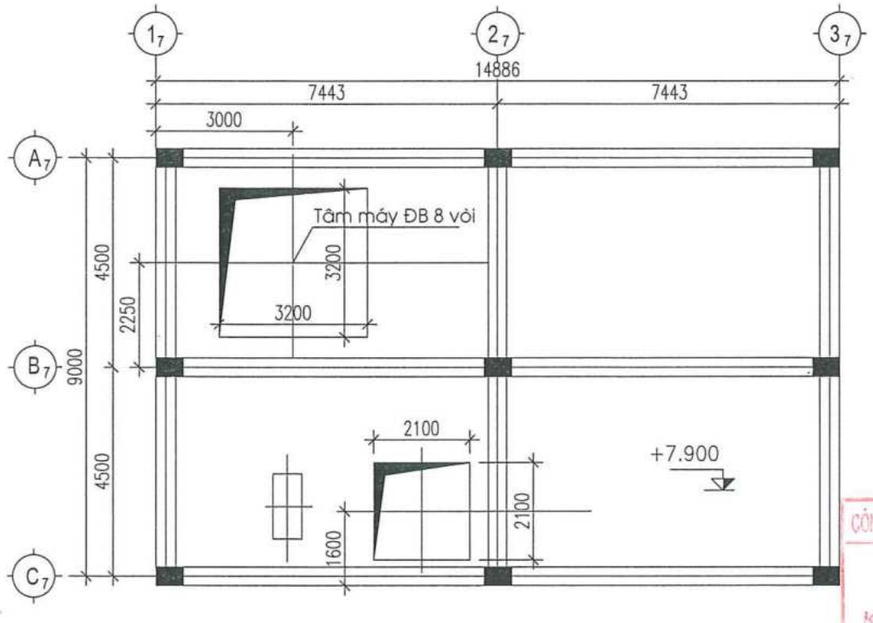
MẶT BẰNG SÀN CỐT +14.500

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG SÀN CÁC CỐT

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG SÀN CÁC CỐT		
QĐDT	DƯƠNG HOÀNG LÂNH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN-17/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VẬN		TL :	KTBV : A3	

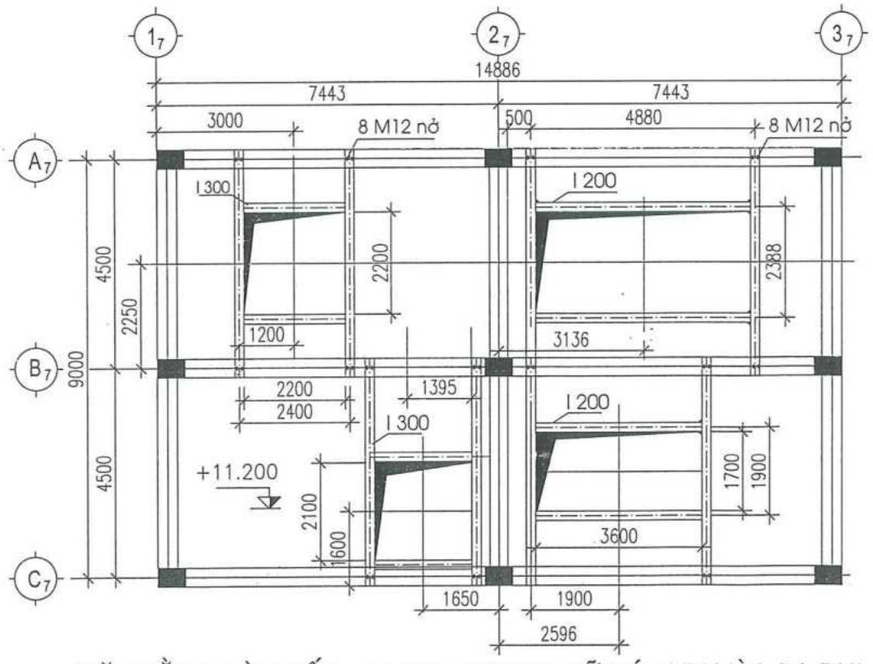


MẶT BẰNG KHOÉT LỖ SÀN CỐT +4.300

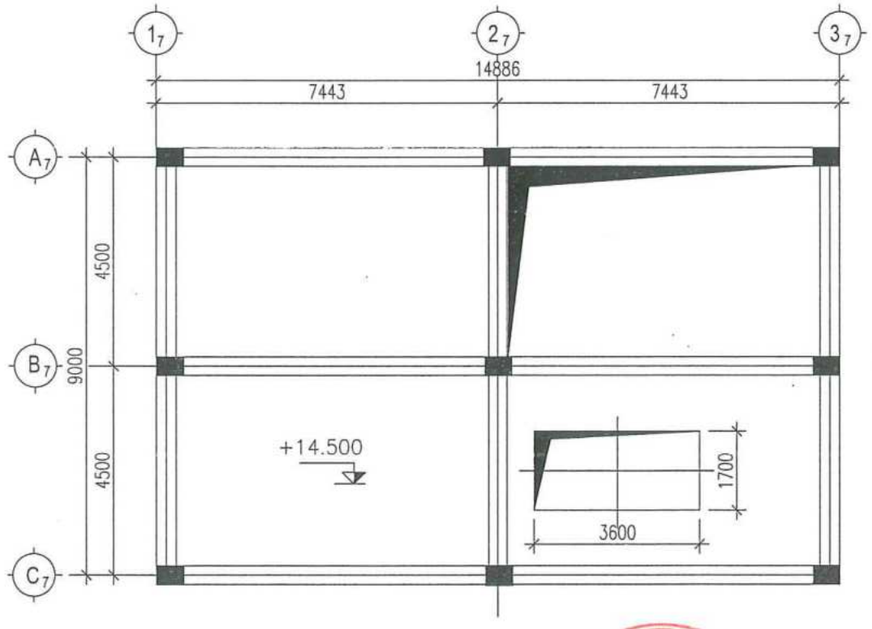


MẶT BẰNG KHOÉT LỖ SÀN CỐT +7.900

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐTXD VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 14 tháng 8 năm 2020



MẶT BẰNG SÀN CỐT +11.200, KHUNG ĐỠ KÉT XM VÀ LỌC BỤI



MẶT BẰNG SÀN CỐT +14.500

MẶT BẰNG KHOÉT SÀN CÁC CỐT

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
			KHU VỰC ĐÓNG BAO VÀ XUẤT XI MĂNG BAO		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG KHOÉT SÀN CÁC CỐT		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKBVTC	8 - 2020	68-16-CN- 18/18
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VĂN		TL :	KTBV : A3	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

SỐ 235 ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI - PHƯỜNG THANH XUÂN TRUNG - QUẬN THANH XUÂN - TP.HÀ NỘI

Tel.(024) 22207100 - Website: ccbms.vn - Email:ccbms.vn@gmail.com

Hà nội - 8.2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI
PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020.

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Trai

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI

PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG

HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quản lý kỹ thuật: Nguyễn Anh Thư

Chủ trì thiết kế: Nguyễn Thị Kim Anh

Kiểm: Nguyễn Đình Văn

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ, THAY THẾ MÁY MÓC THIẾT BỊ, GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI
PHẦN CÔNG NGHỆ

GIAI ĐOẠN

THIẾT KẾ SƠ BỘ

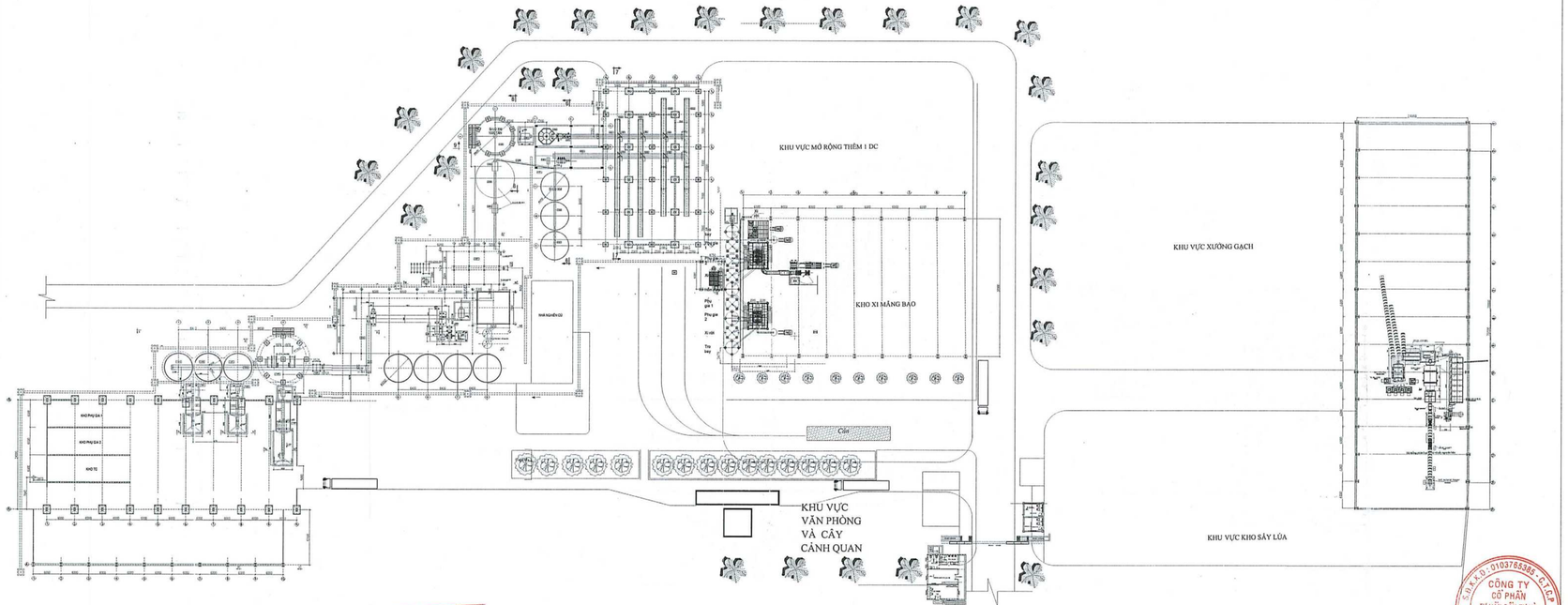
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

XÃ HỒNG QUANG
HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LIỆT KÊ BẢN VẼ

STT	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ PHẦN CÔNG NGHỆ		
01	68-16-TMB-01/01	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ
02	68-16-CN- 01/06	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000
03	68-16-CN-02/06	MẶT CẮT A - A
04	68-16-CN-03/06	MẶT CẮT B - B
05	68-16-CN-04/06	MẶT CẮT C - C
06	68-16-CN-05/06	MẶT CẮT D - D
07	68-16-CN-06/06	MẶT CẮT E - E

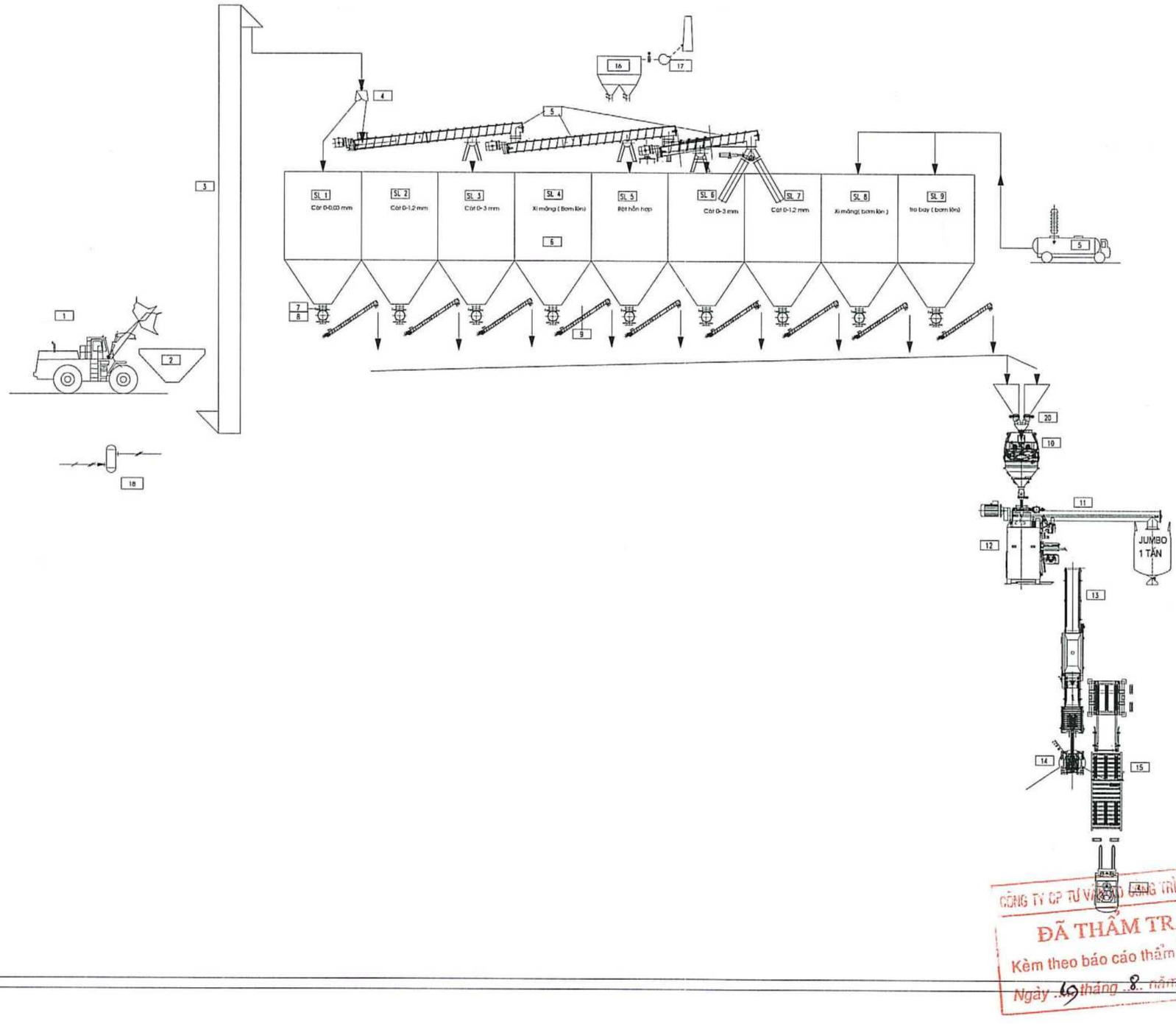
CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 4 tháng 8 năm 2020.



CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 4 tháng 8 năm 2020

S.H.K.D: 0103785383 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S
THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN SÔNG CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
		CÔNG ĐOẠN NGHIỀN XI MĂNG VÀ SẤY NGUYÊN LIỆU	
GLKT	NGUYỄN ANH THƯ		
GIÁM ĐỐC	DƯƠNG HOÀNG LINH	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ±0.000	
CHỦ ĐẦU TƯ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ.: TKBVTC / 8 - 2020	68-16-TMB-01/01
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	TL: / KTBV: A2	



20	20	Cân định lượng	01				
19	19	Phòng điều khiển	01				
18	18	Máy nén khí + bình tích áp	01				
17	17	Quạt lọc bụi N=0,75 kw	02				
16	16	loci bụi tũi	02				
15	15	Palet	100				
14	14	Rô bốt xếp bao lên Palet	01				
13	13	Băng tải cao su vận chuyển bao B650x3,5 m Q=50T/h, N= 4,5 Kw	02				
12	12	Máy đóng bao 4 vòi Q=.....T/h, độ chính xác 1 bao ±0,5%	02				
11	11	Vít tải xuất xi măng rời Q=.....T/h, N=...kw	02				
10	10	Máy trộn 2 trục Dung tích 4 m3 N= 22kw	02				
09	9	Vít tải nghiêng ĐK 273-700 mm dài 7 m Q= .....T/h , N= 15 kw	09				
08	8	Van khí nén ĐK 500 mm	09				
07	7	Cửa tháo kiểu vít	09				
06	6	Si lô chứa nguyên liệu ĐK 2,9x 9 sức chưa 80 tấn	09				
05	5	Vít tải nghiêng ĐK 315 dài 6 m	03				
04	4	Van 2 ngả, Q= 100T/h	01				
03	3	Gầu tải NE50 X25, 250m, Q= 50T/h N=11kw	01				
02	2	Phễu chứa tấu	01				
01	1	Xe xúc lật	01				

Chuẩn bị liệu

STT	Ký hiệu	Liệt kê thiết bị và đặc tính kỹ thuật	Số lg	Đvị khối lượng (kg)	Tổng khối lượng (kg)	Ghi chú

CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI

QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

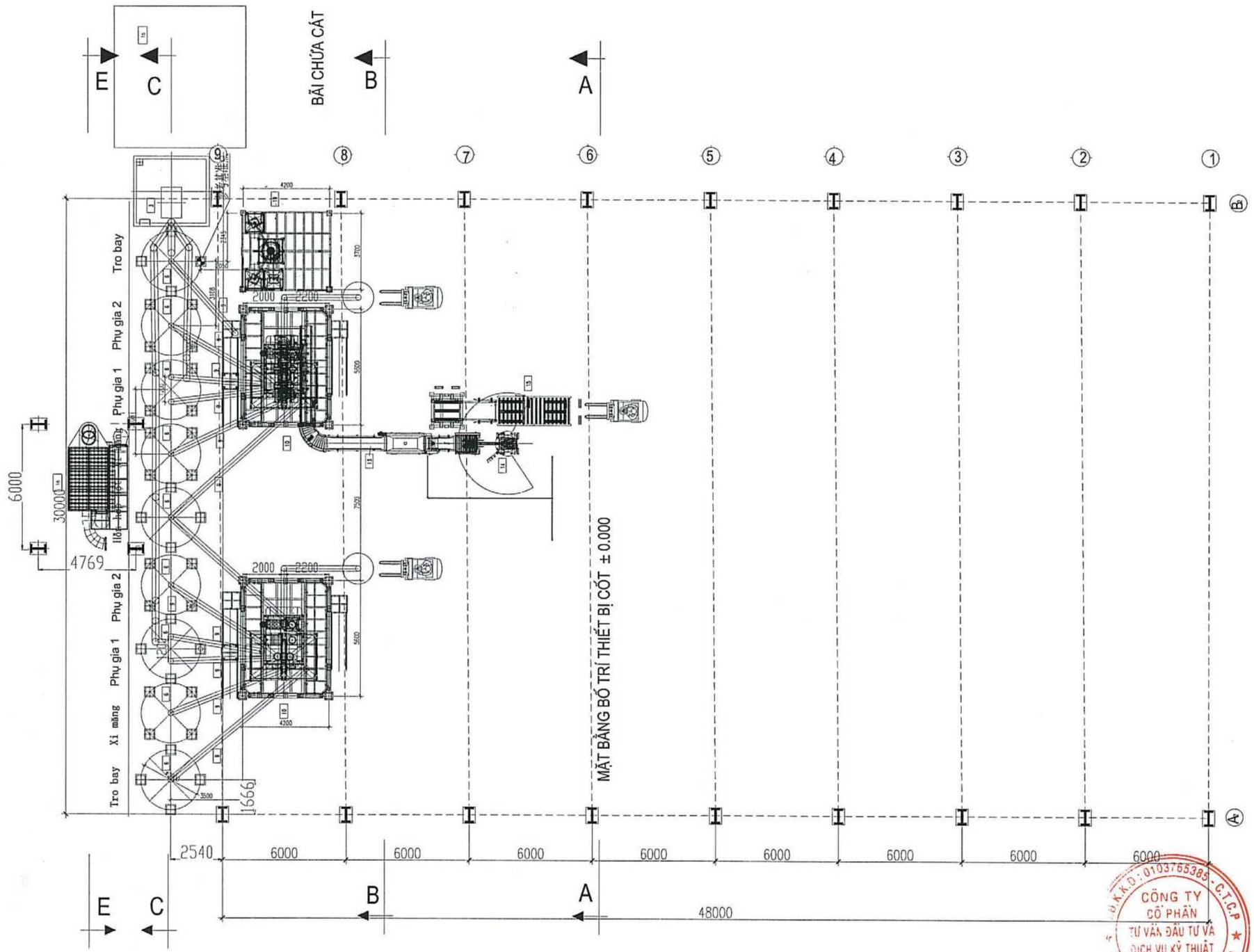
G.Đ : TKCS | B - 2020
TL : | KTBV : A3

68-16-SĐCN-01 /01

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VLXD

ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

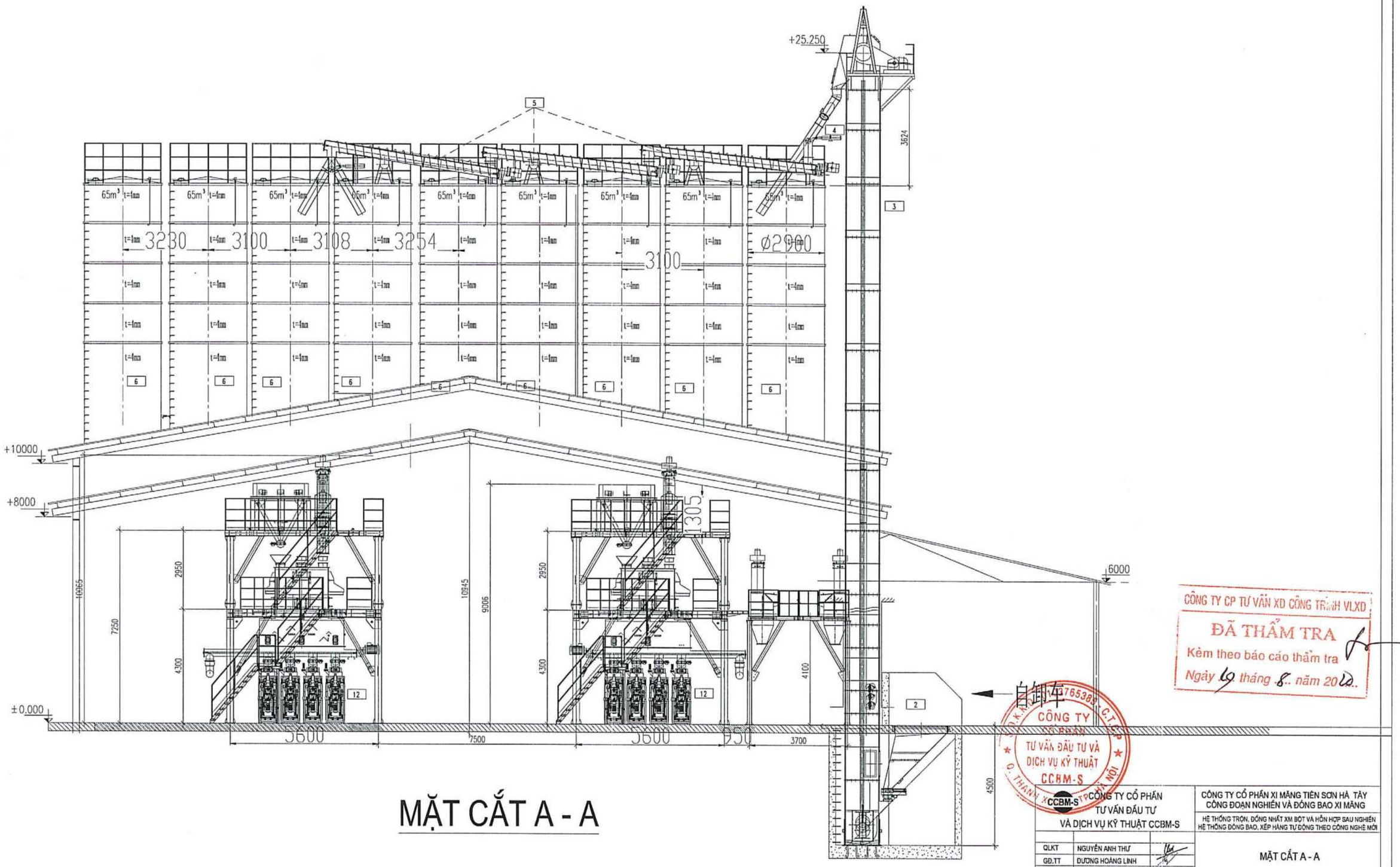


MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

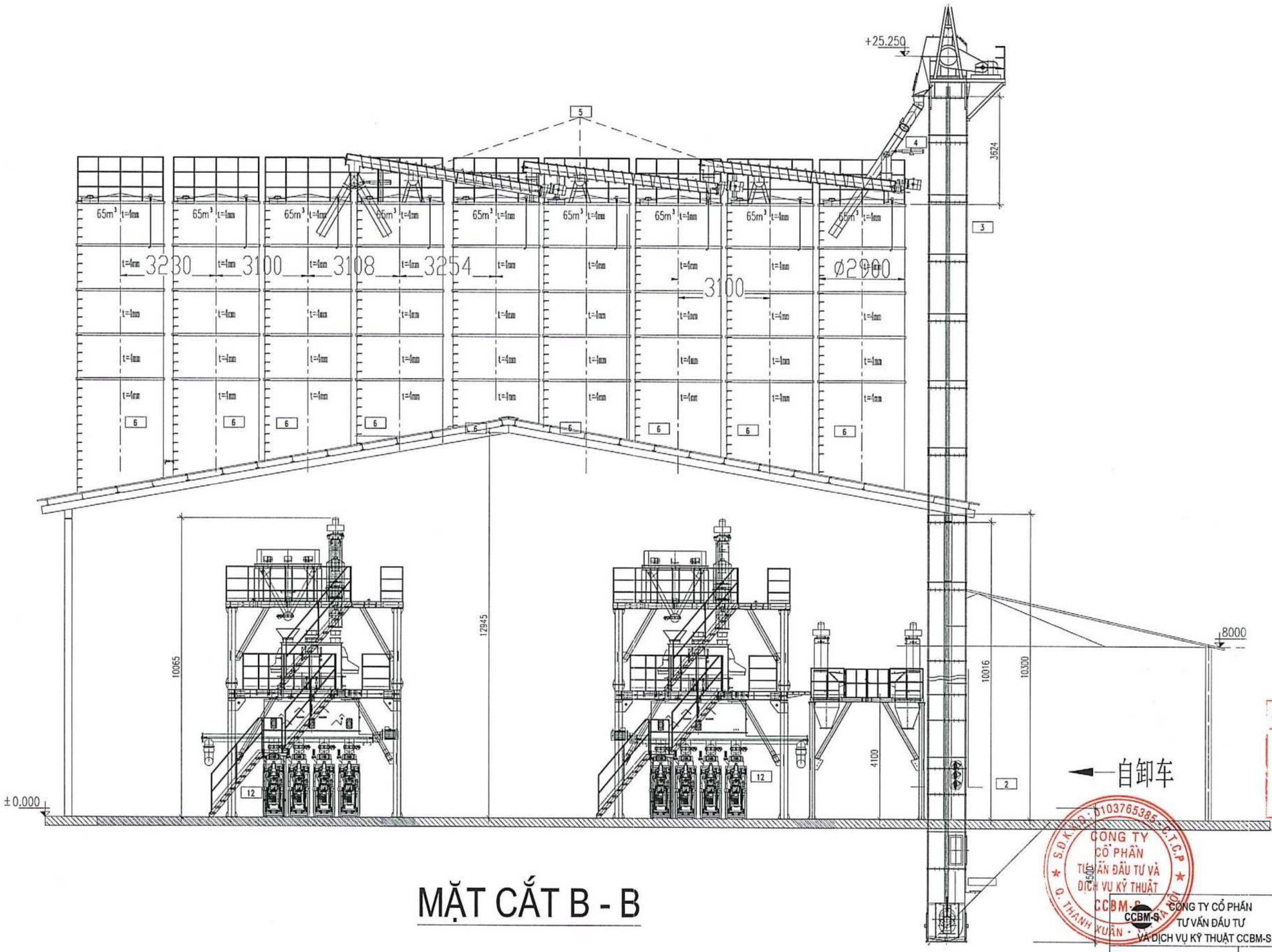
CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
			HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI		
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ CỐT ± 0.000		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH				
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH				
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKCS	8- 2020	68-16-CN- 01/06
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3	



CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 19 tháng 8.. năm 2020..

MẶT CẮT A - A

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S			CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI	
QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		MẶT CẮT A - A	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH			
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH			
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKCS	8- 2020
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		TL :	KTBV : A3
				68-16-CN- 02 /06

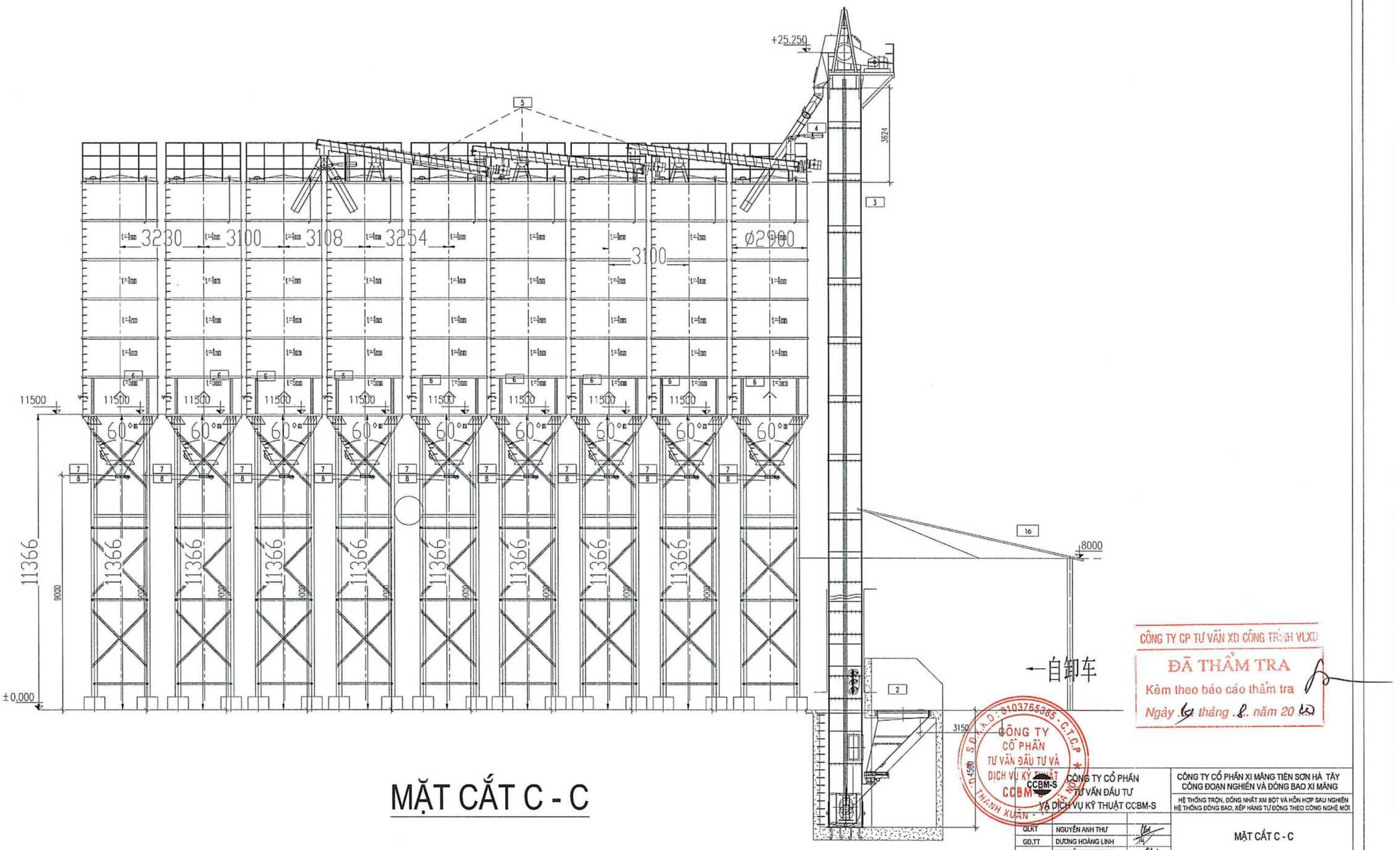


MẶT CẮT B - B

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 6 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG	
		HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI	
QLCT	NGUYỄN ANH THƯ	MẶT CẮT B - B	
GĐTT	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THKT	NGUYỄN THỊ KIM ANH	G.Đ : TKCS 8-2020	68-16-CN-03/06
NDV	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	TL : KTBV : A3	

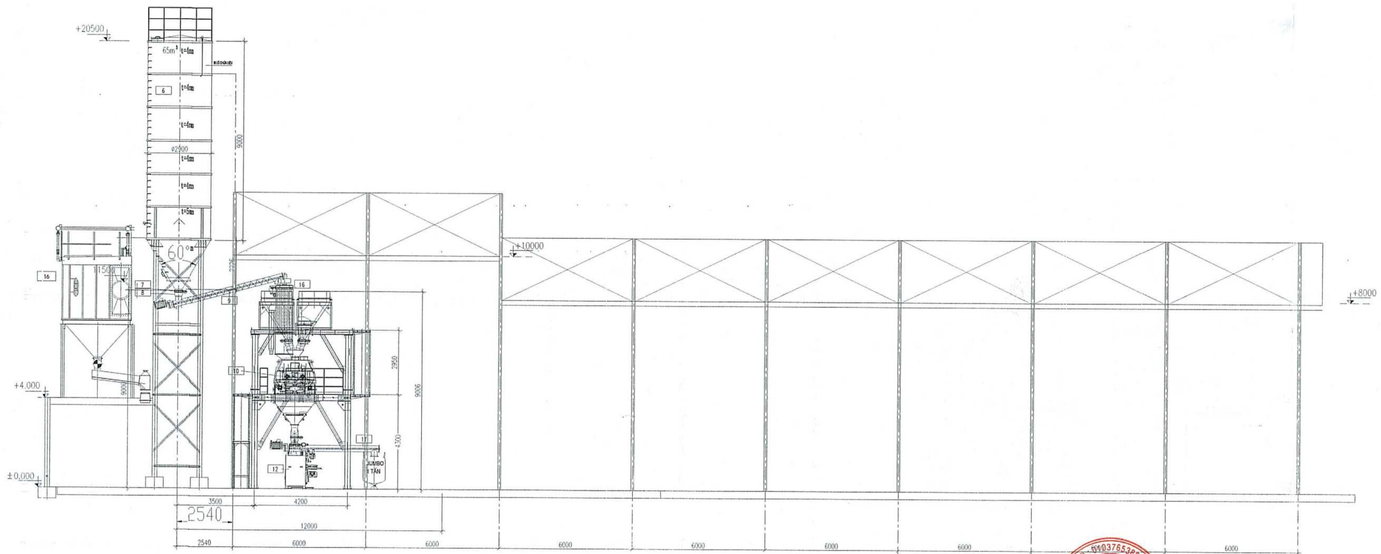


MẶT CẮT C - C

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD
ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 6 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

QLKT	NGUYỄN ANH THƯ		CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG		
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH		HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI		
CNĐA	NGUYỄN THỊ KIM ANH		MẶT CẮT C - C		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		G.Đ : TKCS	8 - 2020	68-16-CN- 04 /06
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VẬN		TL :	KTBV : A3	



1₂ 2₂ 3₂ 4₂ 5₂ 6₂ 7₂ 8₂ 9₂

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH ... XLXD

ĐÃ THẨM TRA
Kèm theo báo cáo thẩm tra
Ngày 10 tháng 10 năm 2021

MẶT CẮT D - D

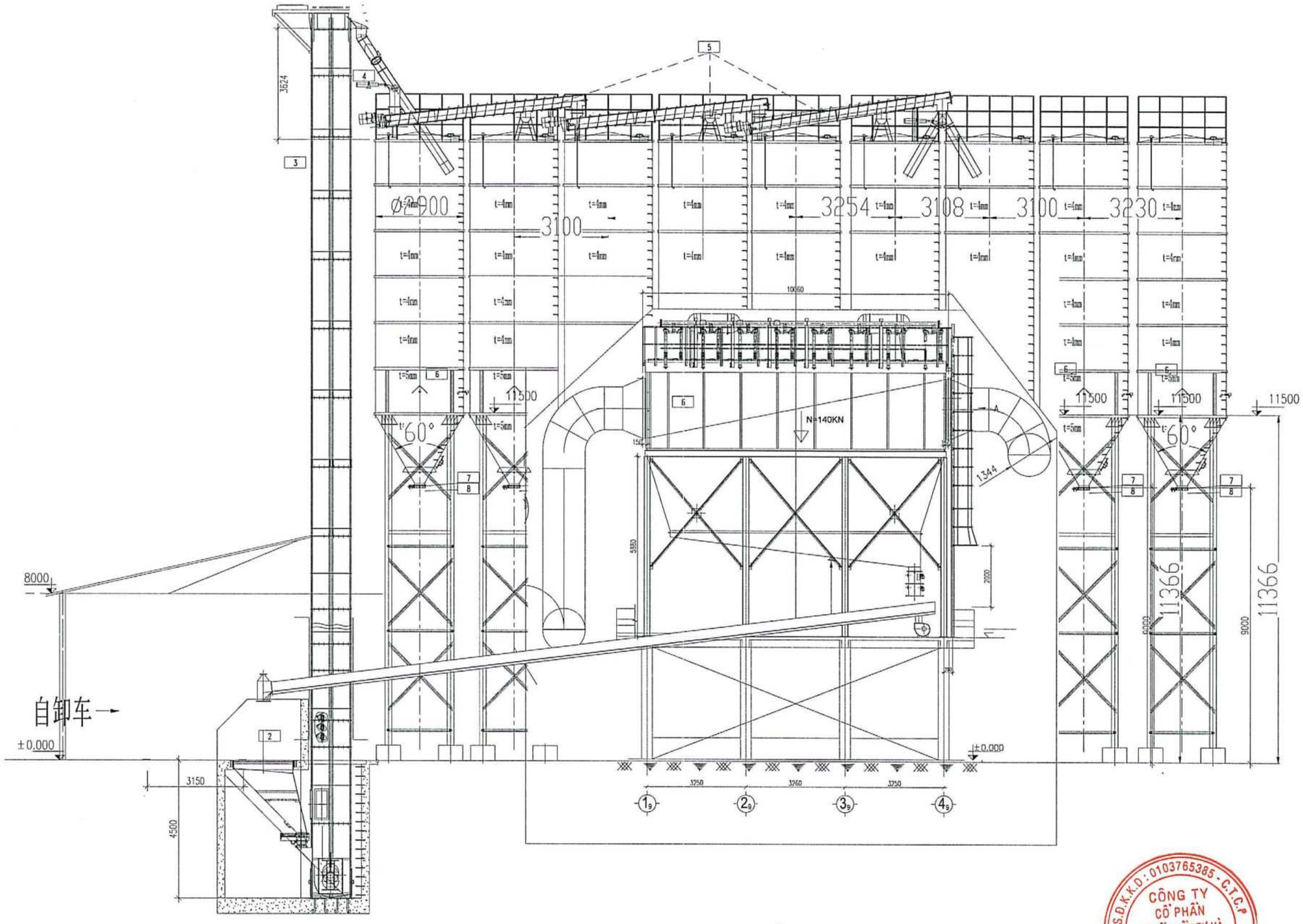
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN ANH THƯ		
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	DƯƠNG HOÀNG LINH		
CHỦ NHIỆM	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH		
KIỂM TRA	NGUYỄN ĐÌNH VÂN		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG
HỆ THỐNG TRỘN, ỔNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI

MẶT CẮT D - D

GIAI ĐOẠN: TKCS | KÝ HIỆU: 68-16-CN-05/06
TỶ LỆ: | KHỔ: A3



MẶT CẮT E - E

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH VLXD

ĐÃ THẨM TRA

Kèm theo báo cáo thẩm tra

Ngày 19 tháng 8 năm 2020

S.Đ.K.K.D: 0103765385 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S - Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

CCBM-S CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT CCBM-S

QLKT	NGUYỄN ANH THƯ	
GĐ.TT	DƯƠNG HOÀNG LINH	
CNDA	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN THỊ KIM ANH	
KIỂM	NGUYỄN ĐÌNH VÂN	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TIÊN SƠN HÀ TÂY
CÔNG ĐOẠN NGHIỀN VÀ ĐÓNG BAO XI MĂNG

HỆ THỐNG TRỘN, ĐỒNG NHẤT XM BỘT VÀ HỖN HỢP SAU NGHIỀN
HỆ THỐNG ĐÓNG BAO, XẾP HÀNG TỰ ĐỘNG THEO CÔNG NGHỆ MỚI

MẶT CẮT E - E

G.Đ : TKCS	8-2020	68-16-CN- 06 /06	
TL :	KTBV : A3		